

MẠC NGÔN - VƯƠNG MÔNG - LÃO KHAI...

CAO LƯƠNG ĐỎ

và
những truyện khác

Tuyển tập truyện vừa, truyện ngắn Trung Quốc

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

CAO LƯƠNG ĐỎ
VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC

NHIỀU TÁC GIẢ

CAO LƯƠNG ĐỎ VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC

(Tuyển tập truyện vừa, truyện ngắn Trung Quốc)
LÊ HUY TIÊU *dịch và giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI DỊCH GIẢ

Từ thời kỳ đổi mới đến nay, văn đàn Trung Quốc được mùa về tiểu thuyết (truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài). Nhiều cuốn truyện đã được dịch ra các thứ tiếng trên thế giới và được đón chào nồng nhiệt.

Trong tuyển tập này chúng tôi chọn dịch một số truyện tiêu biểu của các nhà văn như Vương Mông, Mạc Ngôn, Phùng Ký Tài, Cao Hiểu Thanh v.v...

Như chúng ta đã biết truyện vừa *Cao lương đỏ* của Mạc Ngôn lấy đề tài từ lịch sử hiện đại Trung Quốc. Nó đã được giải thưởng Mao Thuần và đã được đạo diễn điện ảnh tài danh Trương Nghệ Mưu đưa lên màn ảnh và đoạt giải thưởng "Con gấu vàng" ở liên hoan phim Tây Béclin và "Quả pha lê vàng" tại liên hoan phim Căclôvi Vari. Cái mới của *Cao lương đỏ* là xây dựng nhân vật Từ Chiếm Ngao, một thủ lĩnh thổ phỉ, lại có lòng yêu nước quyết chí đánh quân xâm lược Nhật Bản, điều này văn học Trung Quốc trước kia chưa hề có. Truyện của Mạc Ngôn vẫn có cốt truyện theo kiểu truyền thống, nhưng cái hấp dẫn người đọc là ở cảm giác mới lạ. Cảm giác mới lạ này mang đậm sắc thái chủ quan của tác giả. Cái chết thường mang lại cảm giác đau thương sợ hãi, nhưng cái chết của người bà dưới ngòi bút của

Mạc Ngôn lại mang cho người đọc một cảm giác tự do giải thoát và khoái lạc! Nhân vật trong *Cao lương đỏ* ngang tàng, khí phách, phóng túng, tự do, dám phá bỏ mọi ràng buộc của lễ giáo phong tục để đến với sự giải phóng cá tính. Từ Chiếm Ngao, Phương Liên là những nhân vật vừa đáng yêu vừa đáng trách, vừa thánh thiện vừa phạm tục. Cuộc kháng chiến chống Nhật đã giúp họ lột xác trở thành anh hùng đáng khâm phục. Cuộc sống của nhân dân vùng Đông Bắc cao lương đỏ được nối tiếp sống lại ở tiểu thuyết *Mông to vú nở* (Bản dịch tiếng Việt đổi thành *Bầu vọt của đời*). Ở *Đàn hương hình* sau này, Tác giả Mạc Ngôn có khả năng viết với nhiều bút pháp khác nhau, khi thì tả thực, khi thì huyền ảo, khi thì biến hình, khi thì lãng mạn trữ tình... Để hiểu thêm Mạc Ngôn chúng tôi giới thiệu thêm một truyện ngắn mới nhất được giải thưởng của "Tiểu thuyết Nguyệt Báo" 2001 - truyện *Thẩm viên* - của ông.

Vương Mông được mệnh danh là nhà văn đi "tiên phong" trong việc đổi mới tiểu thuyết đương đại. Qua *Mắt đêm*, *Dải cánh diều* ta thấy được loại tiểu thuyết "dòng ý thức" có kết cấu đặc biệt khác với tiểu thuyết truyền thống. Tiểu thuyết của Phùng Ký Tài mang một giọng điệu "phản tư" triết lý về "cách mạng văn hóa", nhân vật của ông, khiến chúng ta dở khóc dở cười. Những chuyện khác như *Chiếc ghế tre của bà lão*, *Thị trấn Náo Nhiệt ở xứ tuyết* của các tác giả trẻ cũng rất cảm động, gây ấn tượng khó quên.

Vài dòng giới thiệu sơ lược, kính mong bạn đọc cùng suy ngẫm.

Hà Nội - 2003
LÊ HUY TIÊU

LỜI GIỚI THIỆU

CAO LƯƠNG ĐỎ - GIẢI THƯỞNG

"CON GẤU VÀNG"

Phim "Cao lương đỏ", một tác phẩm đầu tay của đạo diễn Trương Nghệ Mưu cải biên từ truyện vừa *Cao lương đỏ* của Mạc Ngôn đã được giải thưởng Con gấu vàng, giải cao nhất của liên hoan phim quốc tế tại Tây Béclin lần thứ 28. Các báo chí hết lời ca ngợi đạo diễn: "Bộ phim *Cao lương đỏ* của đạo diễn Trương Nghệ Mưu là một bộ phim có trình độ cao. Không những đề tài mà cả về mặt biểu hiện nghệ thuật cũng mới mẻ, ngôn ngữ hình ảnh vừa đẹp vừa có tính hành động, làm cho người xem rất mê. Về mặt làm phim, Trung Quốc đã đạt trình độ thế giới (Nhật báo "Xtôcatơ" của Cộng hòa liên bang Đức). "Từ *Giếng cũ* đến *Cao lương đỏ*, điện ảnh Trung Quốc liên tiếp giành được giải thưởng lớn quốc tế, tuyệt nhiên không phải ngẫu nhiên. Từ nay về sau họ sẽ còn tiếp tục giành được giải thưởng điện ảnh quốc tế" (Thời báo Tokyo).

Những lời khen của quốc tế là niềm vinh dự của điện ảnh Trung Quốc, và cũng là một bước quan trọng của điện ảnh Trung Quốc hướng ra thế giới bên ngoài. Truyện phim cải biên từ truyện cùng tên của Mạc Ngôn. Đó là câu chuyện của nhân vật "tôi" kể về "ông nội", "bà nội" của mình sống ở thập kỷ 30 thế kỷ 20.

Ở một miền quê vô cùng nghèo khổ lạc hậu thuộc vùng phương Bắc Trung Quốc, cô gái xinh đẹp mười chín tuổi tên là Cửu Nhi, bị ông bố tham tiền gả cho Lý Đại Đầu, một ông chủ lò nấu rượu. Khi nàng lên kiệu về nhà chồng đã gợi lên sự thương tiếc của mọi người, vì chồng nàng là một lão già hủi năm mươi tuổi.

Theo tập tục bấy giờ, phu kiệu lắt kiệu để trêu cô dâu, dù rất khó chịu nhưng Cửu Nhi vẫn cắn răng chịu đựng. Trước nỗi khổ của cô dâu, Từ Chiếm Ngao, một người trong đám phu khiêng kiệu, tỏ lòng ái ngại và khuyên bạn hữu đừng lắt kiệu nữa.

Kiệu đi đến một vùng cao lương rậm rạp, vắng lặng, thường hay có cướp. Bỗng từ trong bụi rậm, xuất hiện kẻ đeo mặt nạ bắt kiệu dừng lại, đòi tiền mai lộ và định cướp cả cô dâu! Trong phút ngàn cân treo sợi tóc, Từ Chiếm Ngao đã xông ra diệt được tên cướp, Cửu Nhi lại trở về kiệu, Từ Chiếm Ngao nhẹ nhàng cầm lấy bàn chân nhỏ nhắn của Cửu Nhi đẩy vào trong kiệu như nâng đỡ một con chim non vậy.

Hai người nhìn nhau không nói gì, nhưng hai trái tim của họ đã hòa cùng một nhịp.

Sau lễ cưới ba ngày, Cửu Nhi được bố đẻ đưa về thăm quê. Thật là tình cờ, khi con la đưa cô dâu tới cánh đồng cao lương bữa trước, thì lại gặp kẻ đeo mặt nạ xông ra, cướp Cửu Nhi chạy mất, khi Cửu Nhi phát hiện ra kẻ cướp chính là ân nhân của mình bữa trước, cô vừa kinh hãi vừa sung sướng. Từ Chiếm Ngao phát cao lương, dọn cho người tình một ổ nằm êm ấm, và hai người nằm với nhau dưới bầu trời ngát hương.

Khi Cửu Nhi trở về quê chồng thì được biết tên hủi Lý Đại Đầu đã bị ai đó giết. Khi đám thợ nấu rượu định rã đám thì Cửu Nhi đứng ra quản việc nhà và tiếp tục thuê thợ nấu rượu cao lương, chẳng bao lâu sau, bọn thổ phỉ đến nhà bắt cóc Cửu Nhi và bắt chuộc tiền. Ông La Hán cùng thợ nấu rượu góp đủ ba ngàn đồng, chuộc được Cửu Nhi về.

Rồi một hôm, Từ Chiếm Ngao lang thang đi tới ló rượu, anh nhìn thấy Cửu Nhi cùng cánh thợ đang vui vẻ nếm rượu mà lòng quặn đau. Trong cơn tức giận anh đã đá vào cống rượu đang ủ. Thật là lạ, chính thứ rượu đó trở thành một thứ rượu thơm ngon ai cũng mê. Cửu Nhi đặt tên cho nó là "Thập Lý Hồng".

Chín năm sau, Cửu Nhi và Từ Chiếm Ngao có lưn con chín tuổi. Mọi người đang sống yên lành, thì bọn giặc Nhật kéo đến. Bọn chúng giết người vô tội,

bức chủ hàng bán thịt chó dùng dao lột da cừu La Hán, đe dọa mọi người, Từ Chiếm Ngao lãnh đạo thợ nấu rượu chống lại quân xâm lược, phá hủy đoàn xe giặc, và tiêu diệt hết bọn chúng, nhưng các chiến sĩ - thợ nấu rượu cũng bị hy sinh gần hết. Cửu Nhi ngã xuống trong vũng máu. Từ Chiếm Ngao và đứa con trai đứng ngây người nhìn thi thể Cửu Nhi, vừa xót thương vừa căm giận...

Cốt truyện của phim rất bình thường, nhưng nội tâm tư tưởng rất phong phú và sâu sắc. Bộ phim này dùng ý thức hiện đại để chiếu rọi vào các nhân vật mang tính truyền kỳ, nó biểu hiện tính cách, văn hóa, tinh thần của nông dân ở một góc độ mới mẻ, nó hát lên bài ca không chịu khuất phục, đấu tranh cho sinh tồn, cho tự do của một dân tộc. Tính truyền kỳ và tính tả chân kết hợp chặt chẽ với nhau, nói lên toàn bộ cuộc đời của "ông tôi", "bà tôi" từ khi yêu nhau cho đến lúc sinh ly tử biệt. Cảnh "lắc kiệu" nhiều người cho là đoạn tả của "ngôi bút thần". Chỉ có hơn 10 phút thôi mà thể hiện được tất cả tính cách của phu kiệu và Cửu Nhi, nó thể hiện được phong tục, tập quán độc đáo của nông dân Trung Quốc, và khắc họa rõ ràng đặc trưng tính cách của đôi tình nhân tương lai. Trong cảnh Từ Chiếm Ngao cấp Cửu Nhi vào trong ruộng cao lương rậm rạp, cây cao lương ở đây được nhân cách hóa, có tác dụng làm nổi lên khao khát tự do và yêu đương của đôi tình nhân. Cái bát uống rượu ở trong phim to quá cỡ bình

thường, rượu cao lương nguyên là không màu sắc, nhưng ở trong phim rượu cao lương màu hồng, và chuyện công rượu bị Từ Chiếm Ngao pha một chút nước tiểu của ông ta, sau trở nên ngon thơm, phim không đưa ra một căn cứ khoa học nào, tất cả chỉ là để tô đậm tính chất truyền kỳ mà thôi...

Trong "Cao lương đỏ" người đóng vai Cửu Nhi là Cung Lợi, sinh viên năm thứ hai Học viện kịch Bắc Kinh. Tuy mới đóng phim lần đầu, nhưng Cung Lợi lột tả được đầy đủ tính cách của nhân vật. Còn nhân vật Từ Chiếm Ngao, liều lĩnh, sống phóng khoáng, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng do Khương Văn, hai mươi tư tuổi, diễn viên Viện Nghệ thuật Thanh niên Trung Quốc đóng. Trước khi đóng phim này anh đã đóng nhiều vai trong các phim, trong đó có vai Phổ Nghi trong phim "Hoàng hậu cuối cùng" của đạo diễn Trần Gia Lâm. Còn về đạo diễn Trương Nghệ Mưu, trong "Cách mạng văn hoá" (1966-1976) ông là đội viên một đội sản xuất ở Thiện Tân. Sau đó làm công nhân xưởng bông sợi Thiện Tân. Ông thích hội họa, say mê chụp ảnh, quay phim. Tháng 4/1978, được biết khoa quay phim Học viện Điện ảnh Bắc Kinh chiêu sinh. Học sinh dự thi theo quy định không quá hai mươi hai tuổi, mà Trương Nghệ Mưu đã hai mươi bảy tuổi rồi! Đành chịu! Sau anh gửi tập ảnh chụp, kèm một lá thư cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa Trung Quốc. Ông Bộ trưởng thấy anh là người có tài nên chỉ thị cho trường điện ảnh phá lệ, nhận "học sinh già".

Sau khi tốt nghiệp, ông đã quay nhiều bộ phim có giá trị, ông còn là diễn viên xuất sắc trong phim "Giếng cũ". Năm 1987, tại liên hoan phim Nhật Bản lần thứ hai, ông đoạt giải diễn viên nam hay nhất. Phim "Cao lương đỏ" là cuốn phim đầu tay do ông đạo diễn. Có lẽ tài năng đa dạng (quay phim, diễn viên, đạo diễn và họa sĩ) đã góp phần tạo nên sự thành công của cuốn phim này.

CAO LƯƠNG ĐỎ^(*)

Truyện vừa

MAC NGÔN

1

Mồng chín tháng 8, năm 1939, bố tôi, nòi giống của một tên thổ phỉ, hơn mười bốn tuổi. Ông theo đội du kích của Tư lệnh Từ Chiếm Ngáo - người sau này trở thành anh hùng lừng danh thiên hạ - đi tới đường Giao Bình để phục kích đoàn xe quân Nhật. Bà tôi khoác áo kép tiễn họ ra đầu thôn. Tư lệnh Từ nói: "Đứng lại!". Bà tôi đứng lại. Bà tôi bảo bố tôi: "Đậu Quan, hãy nghe lời bố nuôi con nhé!". Bố không nói không rằng, nhìn tám thân cao to của bà tôi, người thấy mùi thơm nóng hôi hổi bốc ra từ chiếc áo kép bỗng ông cảm thấy lạnh ghê người, ông rùng mình, bụng cồn cào khó chịu. Tư lệnh vỗ vào đầu bố tôi nói:

- Đi, con nuôi ơi!

^(*) Dịch từ nguyên bản tiếng Trung "Hong Cao lương" - "Tân Hoa văn trích" 7 - 1986.

Đất trời mù mịt, cảnh vật lấp loáng, bước chân rầm rập của đội quân vang rất xa. Mây mù trắng xanh che mất tầm nhìn của bố, chỉ nghe thấy tiếng chân bước mà không thấy hình bóng đội quân đâu cả.

Bố níu chặt áo Tư lệnh Từ, hai chân chạy lập chap. Bà tôi như bến bờ ngày một xa dần, mây mù như nước biển càng gần càng thấy bát ngát, bố nắm chặt lấy tư lệnh Từ như nắm lấy mạn thuyền.

Thế rồi bố trở thành tấm bia đá xanh không khắc ghi tên tuổi đứng sừng sững ở cánh đồng cao lương rực đỏ của quê hương. Cỏ khô trên mồ ông đã vàng úa, từng có chú bé cưỡi truông dắt một con sơn dương trắng muốt đến đây, sơn dương thông thả gặm cỏ trên năm mộ, chú bé đứng trên tấm bia đá, giận dữ dãi một bãi, rồi cất cao giọng hát:

Cao lương đỏ,

Quân Nhật đến.

Đồng bào chuẩn bị xong,

Súng lớn, súng nhỏ đều bắn.

Có người nói chú bé chăn sơn dương chính là tôi, tôi không biết có phải là mình không. Tôi từng yêu quê hương Đông Bắc Cao Mật đến cực điểm, đã từng căm thù quê hương Đông Bắc Cao Mật đến cực điểm. Sau này lớn lên cố gắng học tập chủ nghĩa Mác, tôi mới hiểu được rằng: quê hương Đông Bắc Cao Mật, không còn nghi ngờ gì nữa, là nơi đẹp đẽ nhất, xấu xa nhất; siêu thoát nhất, thế tục nhất; trong trắng nhất, nhơ bẩn nhất; anh hùng hảo hán nhất; đều giả mặt

day nhất; giỏi uống rượu nhất; biết yêu đương nhiều nhất, ở trên trái đất này. Những người đồng hương của bố tôi sống trên mảnh đất này rất thích ăn cao lương⁽¹⁾, hàng năm đều trồng rất nhiều. Tháng tám mùa thu, cao lương bạt ngàn đỏ như biển máu mênh mông. Cao lương huy hoàng, cao lương thê thảm, cao lương yêu thương. Gió thu hiu hắt, ánh dương chói chang, từng đóa mây trắng trôi bồng bềnh trên bầu trời xanh biếc, bóng đỏ tía của những đám mây trắng rung rinh trên cao lương. Từng đoàn người mặc áo đỏ sẫm chạy đi chạy lại trong đám cây cao lương. Máy chực nằm như một ngày. Họ giết người cướp của, nhưng lại tận trung báo quốc. Họ diễn từng màn vũ kịch anh hùng bi tráng khiến lũ con cháu còn sống chúng tôi cảm thấy không sao theo kịp. Đồng thời với việc tiến bộ, tôi thực sự cảm thấy có sự thoái hóa về nòi giống.

Sau khi ra khỏi làng, đoàn quân đi trên đường đất nhỏ hẹp, trong tiếng chân người đi chen lẫn tiếng lao xao của cỏ cây bên đường. Mây mù dày đặc, thay đổi linh hoạt. Trên mặt bố tôi, những hạt nước lấm lấm đọng lại thành từng giọt to. Một búp tóc của bố dính bết vào da đầu. Mùi bạc hà hăng hắc bay ra từ ruộng cao lương ven đường và mùi giòn ngọt chan chất bay ra từ vạt cao lương đã chín, bố tôi nghĩ đã

1. Một loại giống như kê, trồng ở vùng Đông Bắc Trung Quốc. Có thể nấu ăn, có thể nấu rượu. (ND)

quen, không lạ gì. Lần này hành quân trong sương mù, bố nghĩ thấy một mùi tanh mới lạ. Mùi vị thoang thoang bốc ra từ đám bạc hà và cao lương gọi lên trong tận đáy lòng ông một hồi ức xa xăm.

Bảy hôm sau, ngày rằm tháng Tám tết Trung thu. Một vầng trăng sáng mọc lên, cao lương khắp nơi đứng lặng lẽ, bông cao lương chìm ngập trong ánh trăng, như được tắm nước bạc óng ánh. Dưới ánh trăng bị xé rách bố tôi nghĩ thấy mùi tanh ghê gớm hơn cả bây giờ, tư lệnh Từ dắt tay bố tôi đi trong cánh đồng cao lương, hơn ba trăm xác đồng bào nằm ngổn ngang, người mất tay kẻ cụt chân, máu chảy thấm cả một dải cao lương rộng lớn, biển đất đen dưới gốc cao lương thành một lớp bùn nhầy nhụa, khiến họ phải rút chân không dám bước nữa. Mùi tanh đến lợm giọng, một đàn chó đến sục sạo ăn thịt người, chúng ngồi trong ruộng cao lương, mắt trừng trừng nhìn bố và tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ rút súng lục ra, vẩy một cái, hai mắt chó biến mất, vẩy một phát nữa diệt luôn con nữa. Đàn chó rống lên, chạy tán loạn, chúng ngồi xa xa, găm giữ thêm thuông nhìn đông xác chết. Mùi tanh mỗi lúc một dữ dội, tư lệnh Từ hét lên một tiếng: "Đồ chó Nhật. Đồ chó chết Nhật Bản!".

Ông chìa súng vào đàn chó bắn hết cả đạn, đàn chó chạy biệt tăm. Tư lệnh Từ bảo bố tôi:

- Đi thôi, con ơi!

Một già một trẻ, ngược phía ánh trăng, đi sâu mãi vào trong cánh đồng cao lương. Mùi tanh ấy ở khắp cả cánh đồng đã thấm sâu vào tâm hồn bố tôi và những năm tháng khóc liệt hơn, tàn nhẫn hơn, mùi tanh ấy vẫn cứ theo ông mãi không thôi.

Cành lá cao lương kêu xào xạc trong sương mù. Trong sương mù dòng sông Mặc Thủy từ từ chảy qua cánh đồng trũng kêu róc rách, khi mạnh khi yếu, khi xa khi gần. Đuổi kịp đội quân, tiếng chân rầm rập và tiếng thổ phỉ vang lên ở phía trước và phía sau bố. Nòng súng của ai đó va phải súng của người khác. Không biết chân của ai đã giẫm đạp lên xác người chết. Phía trước bố, có ai ho sù sụ, tiếng ho nghe rất quen. Bố nghe tiếng anh ta ho bèn nhớ ra đôi tai rớm máu của anh ta. Đôi tai to mỏng dính đầy mạch máu của Vương Văn Nghĩa khiến mọi người phải chú ý. Anh ta người nhỏ thó, một chiếc đầu to thụt xuống giữa đôi vai nhô lên. Bố căng mắt nhìn xuyên qua sương mù dày đặc, thấy chiếc đầu của Vương Văn Nghĩa hể ho một tiếng là lắc một cái. Bố nhớ lại trong buổi tập, Vương Văn Nghĩa bị đánh, chiếc đầu anh ta lắc đi lắc lại đến thảm hại. Bây giờ anh ta mới gia nhập đội quân của tư lệnh Từ. Trên bãi tập, viên chỉ huy phó hô:

- Bên trái quay!

Wương Văn Nghĩa cuống quýt giậm chân, không biết quay về đâu. Viên chỉ huy phó quát một roi vào cánh tay anh. Anh ta trể môi hét lên:

- Mẹ kiếp!

Mặt anh ta - đỏ khóc đỏ cười. Bọn trẻ con đứng ở ngoài tường xem cười ré lên.

Tư lệnh Từ tung chân đá một cái vào đít Vương Văn Nghĩa:

- Ho cái gì?

- Thừa tư lệnh... - Vương Văn Nghĩa cố nhịn ho nói - Cổ họng ngứa quá...

- Ngứa cũng không được ho! Lộ mục tiêu, tao sẽ lấy đầu mày!

- Thừa tư lệnh, vâng.

Wương Văn Nghĩa trả lời, lại một trận ho bật ra.

Bố thấy tư lệnh Từ xoạc cẳng bước tới, một tay nắm lấy gáy Vương Văn Nghĩa. Vương Văn Nghĩa gừ gừ trong miệng, không ho nữa.

Khi tư lệnh Từ buông tay ra, bố thấy cổ Vương Văn Nghĩa có hai vết tím bầm như hai quả nho chín. Trong con mắt lo lắng, sợ hãi, quầng đen của Vương Văn nghĩa, toát lên điều gì vừa cảm kích vừa uất ức.

Rất nhanh, đội quân đã luồn vào ruộng cao lương. Theo bản năng, bố tôi cảm thấy đoàn quân đi về phía đông nam. Đoạn đường vừa đi qua là con đường độc nhất từ làng đi ra thẳng bờ sông Mặc Thủy. Con đường chật hẹp này ban ngày trắng xanh, nó vốn đắp bằng đất đen, nhưng lâu ngày đi mãi, màu đen lẫn xuống dưới. Trên đường vết chân như cánh hoa của bò dê, vết chân bán nguyệt của la, lừa, ngựa chồng chất lên nhau; phân la, lừa, ngựa to bằng

quả táo khô khốc, phân bò như bánh xốp có nhiều lỗ
giò đục, phân dê nhão nhoét như đậu đen nghiền
nát. Bố thường đi qua con đường này, sau này, trong
thời gian sống cực khổ ở lò đốt than của Nhật Bản,
con đường này vẫn hiện lên trước mắt bố. Bố tôi
không biết trên con đường này bà tôi đã gây ra biết
bao bi hài kịch phong tình, tôi biết. Bố tôi cũng
không biết trên mảnh đất đen che phủ bởi bóng râm
cao lương này, có tấm thân mỡ màng, trắng trong
như ngọc của bà tôi đã nằm lên đó, tôi cũng biết.

Sau khi đi vào ruộng cao lương, sương mù càng
dày đặc, thêm người và đồ vật mang theo va phải
thân cây cao lương gây lên tiếng sột soạt ai oán, từng
giọt, từng giọt nước rơi xuống lộp bộp. Giọt nước lạnh
mát, trong lành, mùi vị tươi thơm khi bố ngửa mặt
lên, giọt nước rơi đúng vào miệng ông. Bố nhìn thấy
những bông cao lương nặng trĩu lắc lư trong sương
mù mát mẻ. Lá cao lương mềm mại đọng đầy sương
của vào áo, vào cổ, vào mặt bố. Những cơn gió nhẹ do
cao lương lay động tạo nên thổi vào đỉnh đầu bố,
nước sông Mạc Thủy chảy róc rách nghe mỗi lúc
một rõ.

Bố đã từng bơi đùa ở sông Mạc Thủy. Tính thích
bơi lội như là trời phú cho ông, bà nói bố thấy nước
vui hơn cả mẹ về. Lúc lên năm, bố ngủ như chú vịt
con lặn xuống nước, lỗ đít đỏ hồng chống lên trời, hai
chân giơ cao. Bố biết bùn dưới đáy sông Mạc Thủy
đen bóng và mềm mịn như mỡ. Trên bãi ẩm ướt ven

sông mọc đầy lau xám và cỏ mào gà, cỏ tiếp cốt lá dựng đứng. Trên bãi bùn còn in rõ vết cưa bò. Nổi gió thu, trời lạnh, từng đàn chim nhận bay về nam, khi thì bay thành chữ "thập", khi thì thành hình chữ "nhân"... Cao lương chín đỏ vào ban đêm, từng đàn cưa to bằng móng chân ngựa bò lên bãi vào tìm mồi trong cỏ rậm. Chúng thích ăn phân bò tươi và xác các động vật đã thối rữa. Bố nghe tiếng nước sông, nhớ lại cảnh những đêm thu trước đây, bố theo ông già làm công nhà chúng tôi - ông Lưu La Hán - đi bắt cưa ở ven sông, sắc trời ban đêm tím như nho chín, gió thu xuyên qua đường sông, bầu trời xanh sâu thẳm vô biên, sao trời sáng xanh lấp lánh. Sao Thước tử trong chùm sao Bắc đẩu quản việc tử, sao Pha cơ trong chùm sao Nam đẩu quản việc sinh, giếng Thủy tinh tám góc khuyết một viên gạch, Ngưu Lang vàng võ sắp thất cổ, Chức Nữ ưu sầu sắp nhảy xuống sông... đều treo lơ lửng ở trên đầu. Ông Lưu La Hán đã ở nhà tôi mấy chục năm, trông nom tất cả công việc nấu rượu của nhà tôi, bố tôi theo sát chân ông La Hán như theo ông nội mình vậy.

Lòng bố đang rồi bởi, bỗng sáng lên một ngọn đèn dầu kính vuông, khói dầu hỏa bốc lên từ lỗ nhỏ bằng sắt trên nắp đèn. Ánh sáng đèn yếu ớt chỉ chiếu sáng được một khoảng đen độ năm sáu mét vuông. Nước sông chảy đến, ánh đèn bỗng biến thành màu vàng mơ chín rất đẹp, nhưng chỉ đẹp một lúc, rồi chảy qua đi và trở lại màu đen phải chiếu ánh sao

trời. Bố và ông La Hán khoác áo tơ ngồi cạnh đèn, lắng nghe, tiếng chảy róc rách của nước sông - tiếng kêu rất nhẹ. Trong ruộng cao lương chạy dài vô tận theo bờ sông, không ngừng vang lên tiếng kêu hưng phấn tìm bạn của bầy sói. Đàn cua thấy ánh sáng bò đến quanh bóng đèn. Bố và ông La Hán ngồi lặng im lắng nghe tiếng nói bí mật, rì rầm của trời đất, mùi tanh của bùn sông phả lên từng đợt. Bầy cua kết thành từng đàn từng đàn vây đến, thành một vòng tròn xáo động không yên. Bố nóng vội định chồm đến, bị ông La Hán ghìm vai lại. "Chớ vội!" - Ông già nói. "Nóng vội là hỏng việc đấy!". Bố đành nén xúc động, ngồi im. Đàn cua bò đến ánh đèn thì ngừng lại, con nọ cạp càng con kia, kín cả mặt đất. Vỏ của ánh lên màu xanh, đôi mắt như hai đầu tăm từ trong hõm mắt giương lên. Chiếc miệng nằm khuất bên mé mai nhả ra từng đồng bọt ngũ sắc. Cua nhả bọt như càng kích thích người ta, chiếc áo tơ của bố động đậy. Ông La Hán nói: "Bắt". Bố bật dậy theo, cùng ông La Hán lao ra, mỗi người nắm lấy hai góc chiếc lưới dày mắt đã giăng sẵn dưới đất kéo lên, nhấc đám cua ra khỏi mặt đất. Bố và ông La Hán buộc chặt hai đầu lưới lại rồi nhanh nhẹn, thành thạo vác lên vai. Mẻ lưới nặng quá, phải có tới hàng nghìn con cua!

Sau khi theo đoàn quân đi vào trong ruộng cao lương, do mãi nghĩ về con cua bò ngang, bố bước không chọn chỗ trống, giẫm bừa làm cao lương đổ ràn rạt.

Tay bố luôn luôn bám chặt lấy vạt áo tu lệnh Từ, một phần ông tự đi, một phần tu lệnh Từ lôi đi, ông thấy hơi buồn ngủ, cổ cứng đờ, hai mắt cứ díp lại. Bố nghĩ, cứ đi theo ông La Hán ra sông Mặc Thủy là không bao giờ chịu về tay không. Bố ăn chán cua, bà cũng chán. Ăn thì không được mà vứt đi thì tiếc. Ông La Hán bèn lấy dao băm nhỏ cua ra, cho vào cối xay đậu nghiền nát, trộn muối, tra vào vại, làm mắm cua, ăn hàng tháng hàng năm, ăn không hết thối ra, thối ra thì bón cây thuốc phiện. Tôi nghe nói bà tôi cũng biết hút thuốc phiện nhưng không nghiện, nên mặt bà lúc nào cũng hồng hào như hoa đào, đáng vẻ lạnh lợi, hoạt bát. Hoa cây thuốc phiện ba màu hồng trắng xanh được bón bã mắm cua trông mỡ màng, to mập, thơm diếc cả mũi. Đất đen quê hương vốn là rất màu mỡ, nên sản vật phong phú, người cũng to cao. Lòng dân cao cả hào phóng, vốn là trạng thái tâm lý của quê tôi. Những con lươn trắng sống ở sông Mặc Thủy béo tròn như khúc giò, đầu đuôi đều nhọn hoắt. Chúng nó ngoe ngoếch, thấy mồi là dớp liền. Ông La Hán mà bố tôi vừa nhớ tới đã chết năm ngoài, chết ở trên đường cái Giao Bình, thân thể ông bị băm nát tôi bồi, quăng mỗi nơi một mảnh. Nửa người phía trên, da bị lột hết thớ thịt cứ nhảy nhảy như đùi ếch bị lột da. Hề nhớ lại thi thể của ông, sống lưng bố lạnh toát. Bố lại nhớ đến cái đêm ước chừng khoảng bảy tám năm về trước, bà tôi uống rượu say, bà tựa vào đồng lá cao lương ở ngoài sông nơi nấu rượu, bà

ôm lấy vai ông La Hán, nói líu ríu: "Chú ơi... chú đừng đi nhé, không nể mặt sư, mặt phật, không nể mặt cả, mặt nước, không nể mặt tôi thì cũng vì cháu Đậu Quan mà ở lại. Chú muốn tôi... tôi cũng cho... Chú như bố tôi vậy...". Bố tôi nhớ rằng, ông La Hán đẩy bà tôi sang một bên, lảo đảo đi vào chuồng la, lấy cỏ cho la ăn. Nhà tôi nuôi hai con la to đen, mở lò nấu rượu cao lương, giàu nhất làng. Ông La Hán không đi, ở mãi nhà tôi quản phần kỹ thuật cho mãi đến khi hai con la nhà tôi bị người Nhật lôi đi công trường sửa đường mới thôi.

Lúc này từ trong làng xóm mà đoàn quân của bố tôi đã bỏ sau lưng, vang lên tiếng lữ kê. Bố chợt tỉnh, mở to đôi mắt, nhưng chỉ thấy sương mù vừa đặc quánh vừa trong suốt. Thân cây cao lương vươn cao, xếp dày thành hàng như bờ giậu, đội quân xuyên qua hết hàng này đến hàng nọ, dài vô tận. Đi vào ruộng cao lương bao lâu rồi bố đã quên mất - tâm tư ông dừng lâu mãi ở dòng sông phì nhiêu đang chảy róc rách ở nơi xa, dừng lâu mãi ở hồi ức xa xưa. Không biết vội vàng, chen chúc đi sâu vào trong cánh đồng cao lương mệnh mang như biển cả là để làm gì. Bố lạc mất phương hướng. Năm kia ông từng bị lạc ở trong cánh đồng cao lương, nhưng cuối cùng cũng tìm được lối ra là nhờ có kinh nghiệm: nghe tiếng nước sông chỉ lối. Bây giờ, bố lại lắng nghe nước sông chảy chỉ đường, và hiểu rất nhanh là đoàn quân đang đi về phía đông nam, tiến về phía dòng sông. Nhận ra

phương hướng, bố mới rõ là đi phục kích, đánh bọn Nhật, sẽ giết người như giết chó vậy. Ông biết đoàn quân đi mãi về phía đông nam, sẽ mau chóng đi đến con đường cái Giao Bình chạy suốt nam bắc, chia cánh đồng trũng to lớn thành hai phần, và nối hai huyện lỵ Giao và huyện lỵ Bình Độ lại với nhau. Con đường này, dân chúng đắp nên dưới làn roi và lưỡi lê của bọn Nhật và tay sai.

Mọi người mệt mỏi, va chạm và các cây cao lương làm cành lá rung động, làm rơi giọt sương đọng, thấm ướt đầu và cổ mọi người. Vương Văn Nghĩa ho mãi không dứt, tuy bị Tư lệnh quát mắng mà vẫn không kìm được. Bố cảm thấy sắp tới con đường ấy, bóng con đường chập chờn thấp thoáng trước mắt ông. Không ngờ, giữa biển sương mù dày đặc lại có một số lỗ trống, từng cành cây cao lương ướt đẫm sương đêm từ trong lỗ trống sương mù ái ngại nhìn bố tôi, bố tôi cũng chân thành ngó lại chúng. Bố bỗng hiểu ra rằng, chúng nó là những vật linh thiêng sống động. Rễ chúng cắm xuống đất đen, tiếp thụ tinh hoa của mặt trời mặt trăng, được mưa móc thấm nhuần, trên thông thiên văn, dưới thông địa lý. Nhìn qua màu sắc của cao lương, bố đoán được mặt trời đã biến đường chân trời phủ đầy cao lương thành một màu đỏ sẫm đáng thương.

Bỗng xảy ra biến cố. Lúc đầu bố nghe thấy một tiếng kêu đình tai, tiếp theo là tiếng một vật gì bị vỡ ở phía trước.

Tư lệnh Từ quát lớn:

- Ai bắn đây? Chú em, ai bắn đây?

Bố nghe tiếng đạn xuyên vào sương mù, đâm vào cành lá cao lương, một bông cao lương bị gãy rớt xuống đất. Mọi người đều nín thở một lát. Viên đạn kia kêu vi vu vi vu, không biết rơi xuống nơi nào? Mùi thuốc súng tỏa vào trong sương. Vương Văn Nghĩa kêu thét lên:

- Tư lệnh ơi, tôi mất đầu rồi! Tư lệnh ơi, tôi mất đầu rồi!

Tư lệnh ngó ra, đá Vương Văn Nghĩa một cú, nói:

- Đồ chó đẻ! Mất đầu mà còn nói được!

Tư lệnh Từ buông tay bố tôi, đi lên phía trước. Vương Văn Nghĩa vẫn đang khóc gào. Bố tôi lao lên, thấy rõ bộ mặt nhăn nhó của Vương Văn Nghĩa. Trên má anh ta có một đường xanh sẫm đang rung động. Bố thò tay sờ vào, chạm phải thứ nước nóng nóng, dính dính. Bố ngửi thấy mùi như mùi bùn ở sông Mặc Thủy, nhưng không tanh bằng.

Nó lấn át mùi thơm hắc của bạc hà, lấn át vị ngọt đắng của cao lương, nó gọi lại một ký ức ngày càng gần gũi đối với bố. Nó như sợi dây sâu chuỗi nối liền nước bùn sông Mặc Thủy với đất đen dưới gốc cao lương, nối liền quá khứ không bao giờ mất đi với hiện tại. Có lúc vạn vật đều có thể phả ra mùi tanh của máu người.

- Chú ơi - bố tôi nói - chú ơi, chú bị thương.

- Đâu Quan, cháu là Đâu Quan phải không, rồi cháu xem liệu đầu chú có còn ở trên cổ không?

- Còn, chú ơi, vẫn còn nguyên, chỉ có tai chảy máu thôi.

Vương Văn Nghĩa lấy tay sờ tai, tay đầy máu, tru tréo lên:

- Tu lệnh, tôi bị thương rồi. Tôi bị thương, tôi bị thương rồi!

Tu lệnh Từ từ phía trước quay lại cúi khom người sờ nắn cổ Vương Văn Nghĩa, dần giọng nói:

- Đừng kêu, kêu nữa tao sẽ bắn mày!

Vương Văn Nghĩa không dám kêu nữa.

- Bị thương ở chỗ nào? - Tu lệnh Từ hỏi.

- Ở tai... - Vương Văn Nghĩa vừa khóc vừa nói Tu lệnh Từ đang lấy từ trong lưng ra một mảnh vải trắng, xé toạc làm hai mảnh, đưa cho Vương Văn Nghĩa, nói: "Hãy băng tạm, đừng có kêu, cứ đi đi, ra ngoài đường sẽ băng lại".

Tu lệnh Từ lại gọi: "Đâu Quan!". Bố thừa, Tu lệnh Từ liền dắt tay bố đi. Vương Văn Nghĩa rên rỉ chạy theo sau.

Phát súng vừa rồi là do một người cầm to lớn vác chiếc bừa đi trước mở đường vấp ngã súng trên lưng bị cướp cò. Ông cầm là người bạn cũ của tu lệnh Từ, là một anh hùng của cánh đồng cao lương, một chân ông bị thọt ngay từ khi lọt lòng mẹ, đi lại lắc la lắc lư, nhưng rất nhanh. Bố hơi sợ ông ta...

Trước lúc rạng đông, khi đoàn quân của tư lệnh Từ đặt chân lên đường cái Giao Bình thì mù sương cũng đã tan. Quê hương tháng tám là mùa lắm sương mù, có lẽ do địa thế trũng gây nên chăng. Sau khi ra đường cái, bố bỗng cảm thấy người nhẹ nhõm lạnh lện hần lên, bàn chân đi thoăn thoắt, bố buông tay thôi không nắm lấy góc áo tư lệnh Từ nữa. Vương Văn Nghĩa, vãi trắng băng tai, mặt buồn rười rượi. Tư lệnh Từ vụng về băng lại cho anh ta, băng che kín cả nửa mặt. Vương Văn Nghĩa đau quá, mồm méo xệch.

Tư lệnh Từ nói:

- Anh may lắm đấy!

Wương Văn Nghĩa nói:

- Máu tôi chảy hết rồi, tôi không thể đi được nữa!

Tư lệnh Từ nói:

- Đồ quý, đau bằng con muỗi cắn là cùng chứ gì, quên ba đứa con của anh rồi hả?

Wương Văn Nghĩa cúi đầu, lẩm bẩm nói:

- Không quên, không quên.

Anh ta vác khẩu súng nòng đen, bóng đỏ như máu, chiếc hộp sắt dẹt đựng thuốc súng đeo bên hông.

Sương mù còn lại đã lùi về vùng ruộng cao lương. Trên đường cái rải một lớp đá nhỏ, không vết chân trâu, ngựa, càng không có dấu chân người. Hai bên đường là từng hàng cao lương rậm rạp. Đường làng vắng khiến người ta cảm thấy lạnh lẽo, dễ sợ.

Bố biết đoàn quân của tư lệnh Từ, kể cả người điếc, người câm, người què chỉ có bốn mươi người, nhưng họ đóng lại ở trong làng làm náo động gà bay chó nhẩy, tựa hồ cả làng đều là lính. Đội quân rải ra bên đường, hơn ba mươi người chụm lại thành một khối, trông như một con rắn chết cứng. Súng thì đủ loại cái ngắn cái dài súng cối, súng bắn chim đủ cả. Lão Hán Dương và anh em Phương Lạc, Phương Thất vác một khẩu súng cối bắn được cả viên đạn to bằng quả cân. Ông câm vác chiếc bừa hình chữ nhật, có hai sáu răng bằng sắt dùng để san bằng ruộng đất, ngoài ra có ba đội viên nữa vác mỗi người một chiếc bừa. Bố bấy giờ còn chưa biết đánh du kích là như thế nào, và càng không hiểu đánh phục kích mà lại mang bốn chiếc bừa răng sắt đi để làm gì.

2

Để dựng bia viết gia phả dòng họ của tôi, tôi đã từng về tận quê hương Đông Bắc Cao Mật để điều tra, trọng điểm của việc điều tra là trận chiến đấu nổi tiếng giết được viên thiếu tướng của Nhật ở bên sông Mặc Thủy mà bố tôi đã từng tham gia. Một cụ bà chín hai tuổi trong làng nói với tôi: "Quê hương Đông Bắc, có hàng vạn người ra bấy thế trận bên bờ sông Mặc Thủy. Tư lệnh Từ đứng trước trận, giờ tay

một cái pháo nổ liên, bọn quỷ Nhật rụng rời tay chân, rơi xuống dòng sông nhan nhản. Đứng đầu phụ nữ là Đái Phượng Liên, mặt hoa da phấn, điều đến loại bữa sát bày liên hoàn, ngăn được bọn quỷ tấn công...". Bà cụ đầu trọc lóc như gạo dừa, mặt nhăn nheo, bàn tay nổi đầy gân trông như dây khoai lang.. Cụ là người may mắn nhất trong trận đại thảm sát hồi tháng tám Trung thu năm 1939. Bấy giờ, vì chân đang có nhọt không chạy được, bị chồng nhét giấu vào trong hầm khoai lang, may mắn thế nào sống sót. Đái Phượng Liên mà trong bài về bà cụ vừa kể chính là biệt hiệu của bà tôi. Nghe đến đây, tôi sung sướng vô cùng. Điều đó nói lên rằng mưu mẹo dùng những cái bữa chặn đường rút lui của xe giặc là do bà tôi nghĩ ra. Bà tôi cũng xứng đáng là anh hùng dân tộc đi đầu trong cuộc kháng Nhật!

Nhắc đến bà tôi, bà cụ trở nên nhiều lời. Bà nói lộn xộn, không có đầu có đuôi, như lá cây cuốn theo chiều gió vậy. Cụ nói tới chân của bà tôi, bàn chân bé nhất làng. Nhà tôi nấu rượu phát tài to. Nói đến con đường Giao Bình, thì câu chuyện trở nên có đầu có đuôi: "Khi con đường làm đến làng này... Cao lương đã cao tới lưng... Bọn giặc dồn tất cả những người làm giỏi đi làm công cho người nước ngoài, họ đều lăn công chơi hoài... Hai con la to đen của nhà các anh đều bị lôi đi... Bọn giặc dựng chiếc cầu đá trên sông Mặc¹⁰ Thủy... Lão La Hán làm công cho nhà anh. Lão

ta với bà anh có quan hệ bất chính, mọi người đều nói thế... Ôi dà, bà anh hồi trẻ chuyện giăng gió nhiều lắm... Bố anh hay lam hay làm, mười lăm tuổi đã giết người, tạp hôn⁽¹⁾ sinh hảo hán, mười người thì chín người đều bất hảo... La Hán đi phang vào con la... bị bắt và bị lột da... Bọn giặc bức hại dân, chúng ỉa vào nồi, đái vào chậu của dân. Năm ấy, đi mức nước, mức phải một cái gì, một cái đầu lâu, có bím tóc to..."

Ông Lưu La Hán là nhân vật quan trọng trong lịch sử gia đình chúng tôi. Giữa ông và bà tôi có chuyện lòng thông hay không, bây giờ không có cách nào thẩm tra rõ ràng, thành thật mà nói, lòng tôi không muốn thừa nhận sự thực này.

Hiếu thì hiếu, nhưng lời kể của bà cụ đầu trọc như gáo dừa vẫn làm cho tôi khó chịu. Tôi nghĩ, ông La Hán đã coi bố tôi như cháu ruột mình thì ông như là cụ của tôi. Giả dụ ông có chuyện giăng gió gì với bà nội tôi thì đó chẳng phải là loạn luân ư? Thực ra đó chỉ là chuyện nghĩ tầm bậy, bởi vì bà tôi không phải là con dâu của ông La Hán mà là bà chủ của ông kia. Ông La Hán và gia tộc chúng tôi chỉ có quan hệ về mặt kinh tế chứ không có quan hệ về huyết thống. Ông như là một người trung thực điểm xuyết cho lịch sử gia đình chúng tôi và quả là không nghi ngờ gì ông làm về vang cho lịch sử của gia đình chúng tôi.

1. Ý nói kết hôn không giá thú. (ND)

Bà tôi có yêu ông hay không, ông có lên ngủ trên giường của bà tôi hay không, đều chẳng có liên quan gì đến luân lý - Nếu yêu thì sao? Tôi tin tưởng sâu sắc rằng việc gì bà tôi cũng đều có gan làm cả, nếu như bà tôi muốn. Bà không những là anh hùng kháng Nhật, mà cũng là người đi đầu trong việc giải phóng cá tính, là điển hình của người phụ nữ sống tự lập.

Tôi tra sách "Huyện Trĩ"⁽¹⁾, "Huyện Trĩ" ghi rằng: "Dân quốc năm 27"⁽²⁾ quân Nhật đã bắt phu ở Cao Mật, Bình Độ, huyện Giao tổng cộng bốn mươi vạn lượt người, đắp một con đường lớn Giao Bình. Phá hoại vô số hoa màu, lừa, ngựa ở thôn xóm hai bên đường đều bị cướp sạch. Nông dân Lưu La Hán, đang đêm lên vào dùng xẻng đánh gãy chân một số lừa, ngựa và bị bắt. Hôm sau, quân Nhật giải Lưu La Hán ra trời vào cột buộc ngựa, lột da thịt chúng đe dọa nhân dân. Mật ông Lưu không hề sợ sệt, chửi luôn mồm, đến chết mới thôi.

3

Đúng là như vậy, khi con đường Giao Bình làm đến chỗ chúng tôi, cao lương khắp cánh đồng chỉ mới

1. Sách ghi chép những chuyện xảy ra ở một huyện. (ND)

2. Túc năm 1938. (ND)

cao đến thất lưng người. Cánh đồng trũng dài bảy mươi dặm, rộng sáu mươi dặm. Ngoài mấy chục thôn trong, hai con sông nằm vắt ngang, mấy chục con đường đất làng khúc khuỷu ra, còn toàn là cao lương mênh mông như sóng xanh. Ngọn núi Bạch Mã, hòn đá lớn như con ngựa màu trắng, phía bắc đồng bằng, đứng ở đầu làng chúng tôi nhìn rõ mồn một. Nông dân làm cỏ cao lương, ngẩng đầu thấy núi Bạch Mã, cúi đầu thấy đất đen, mồ hôi rỏ ròng ròng xuống đất, trong lòng biết bao đau khổ! Nghe đồn người Nhật Bản sắp làm đường trên cánh đồng, mọi người trong làng đều lo lắng không yên, sốt ruột sốt gan chờ đợi tai họa giáng xuống.

Người Nhật nói đến là đến.

Khi giặc Nhật dẫn quân nguy đến thôn chúng tôi bắt phu, bắt lừa ngựa thì bố tôi còn đang ngủ, tiếng ồn ào ở bên lò nấu rượu làm bố tôi tỉnh giấc. Bà tôi dắt tay bố tôi, nhón đôi bàn chân nhỏ như chiếc măng nhọn, chạy đến sân nhà nấu rượu. Bấy giờ, trong sân lò nấu rượu nhà tôi, có đến mười mấy chum lớn, đựng rượu trắng hảo hạng, mùi rượu bay khắp thôn. Có hai tên Nhật mặc áo vàng tay lăm lăm cầm súng lấp sẵn lưỡi lê đứng giữa sân. Hai người Trung Quốc mặc áo đen cũng có súng, đang định cỏi chạc hai con la đen buộc ở gốc cây thu. Ông La Hán nhiều lần lao đến tên lính nguy nhỏ bé đang cỏi chạc la, nhưng lần nào cũng bị tên lính nguy to lớn dùng nòng súng cản lại. Đầu hè, ông La Hán chỉ mặc một

chiếc áo mỏng, ngực trần đầy vết hằn nòng súng tím bầm.

Ông La Hán nói:

- Người anh em ơi, tôi nói câu này, nói câu này.

Tên lính ngự to lớn nói:

- Đồ súc sinh, cút đi!

Ông La Hán nói:

- Đây là của chủ nhà, không lấy được đâu!

Lính ngự nói:

- Còn la hét tao sẽ giết cái mạng mày!

Tên lính Nhật cầm súng, đứng như tượng đất.

Bà và bố tôi đi vào sân, ông La Hán liền nói:

- Chúng nó định dắt la nhà ta.

Bà nói:

- Thưa ngài, chúng tôi là dân lành.

Tên lính Nhật nhìn bà cười híp mắt.

Tên lính ngự bé nhỏ cởi chạc la ra sức kéo, la cưỡng lại, ngắc đầu không chịu đi. Tên lính ngự cao to dùng súng thúc vào đít la, con la tức giận tung vó móng sắt sáng loáng đá, đất bùn bắn vào mặt tên lính ngự.

Tên lính ngự cao to kéo dây súng, chĩa nòng súng vào ông La Hán quát:

- Lão già khốn kiếp, mày phải tự dắt ra công trường.

Ông La Hán ngồi xổm dưới đất, không thêm trả lời.

Một tên lính Nhật khua súng trước mặt ông La Hán. nó nói:

- Mìng-li-Oa La-ia-la-li-mìng.

Ông La Hán thấy lưỡi lê loang loáng ở trước mặt, ông liền ngồi bệt xuống đất. Tên giặc đưa súng về phía trước, chiếc lưỡi lê sắc nhọn khoét một miếng trắng hếu trên chiếc đầu nhẫn bóng của ông La Hán.

Bà tôi co rúm người lại, nói:

- Chú ơi, chú dắt cho chúng nó đi!

Một tên lính Nhật từ từ sấn lại gần bà. Bố thấy tên lính này là một thằng đẹp trai, đôi mắt đen to, sáng long lanh, khi cười, môi nhếch ra, lộ một chiếc răng vàng. Bà lão đảo lúi dẩn về phía ông La Hán. Vết thương trên đầu ông La Hán, máu chảy ròng ròng, loang ra cả đầu. Hai tên lính Nhật cười sát đến gần. Bà giơ hai bàn tay chụp lên đầu đầy máu của ông La Hán, rồi bôi ngay lên hai má, đoạn xoa tóc, há mồm, nhảy lên điên loạn. Trông bà ba phần giống người, bảy phần giống quỷ. Bọn lính Nhật kinh ngạc dừng lại. Tên lính ngự bộ bé nhỏ nói:

- Bẩm quan, người đàn bà này điên thật rồi.

Bọn lính Nhật càu nhàu, bắn một phát súng qua đầu bà. Bà ngồi dưới đất, khóc nức lên.

Tên lính ngự bộ cao to dùng súng bức ông La Hán phải đứng lên. Ông La Hán đón lấy chiếc chạc từ tay tên lính ngự bộ bé nhỏ. Con la ngẩng đầu, chân run run, theo ông La Hán đi ra khỏi sân. Ngoài đường la liệt là la, ngựa, trâu, dê.

Bà không điên. Bọn giặc Nhật và lính ngự bộ vừa ra khỏi sân, bà liền mở nắp chum bằng gỗ ra, soi vào

trong chum rượu phẳng bóng như một chiếc gương, thấy mặt đầy máu đến ghê người. Bố thấy nước mắt bà chảy ròng ròng trên gò má, cũng biến thành màu đỏ. Bà lấy rượu rửa mặt, làm cho chum rượu đều loang đỏ cả.

Ông La Hán và con la đều bị dẫn đến công trường. Ruộng cao lương, đã bắt đầu có dòng dòng. Con đường bên sông Mạc Thủy đã làm gần xong, xe lớn, xe nhỏ chen nhau đi trên đường, chở toàn đá và cát vàng đến bờ sông phía nam. Trên sông có một cây cầu gỗ nhỏ, người Nhật Bản định dựng một cái cầu đá lớn. Hai vạt cao lương hai bên đường đều bị xéo nát, trên mặt đất như trải một tấm thảm xanh. Trong ruộng cao lương phía bắc sông, ở hai bên đường vừa đắp vun lên bằng đất đen, có mấy chục con la, ngựa kéo trục đá lăn tạo nên khoảng đất bằng phẳng trong biển cao lương rộng bát ngát. La, ngựa đều có người dắt, đi đi lại lại trên ruộng cao lương. Dưới móng sắt, cao lương bị gãy nát, nằm rạp, lại bị trục đá lăn đi lăn lại đè dẫm xuống. Các con lăn đều biến thành mầu xanh, nhựa cây cao lương thấm ướt con lăn. Mùi thơm ngát của cao lương xanh... tỏa khắp công trường.

Ông La Hán bị dồn đến chuyển đá từ bờ nam sang bờ bắc. Ông thực tình không muốn trao chạc la cho cụ già mắt toét. Chiếc cầu gỗ con lắc la lắc lư, tựa hồ có thể đổ bất cứ lúc nào. Ông La Hán đi qua cầu. Một người Trung Quốc, đang đứng ở bên bờ nam,

chừng là đốc công, dùng chiếc roi mây màu đỏ sẫm chọc nhẹ vào đầu ông La Hán nói:

- Đi chuyển đá sang bờ bắc.

Ông La Hán dụi mắt, máu trên đầu chảy xuống làm ướt cả lông mày. Ông La Hán vác một hòn đá vừa vừa, từ bờ nam đi sang bờ bắc. Cụ già dất la vẫn còn chưa đi, ông La Hán nói với cụ:

- Ông chần dất cẩn thận nhé. Hai con la này là của chủ nhà tôi đấy.

Cụ già cúi đầu không nói không rằng, dất la nhập vào đội la ngựa đi mở đường. Mông dít con la đen bóng loáng, phản chiếu từng giọt nắng vàng. Trên đầu máu vẫn chảy, ông La Hán ngồi thụp xuống, bốt nắm đất đen, dẹt vào vết thương. Cơn đau nặng nề ở trên đầu nhức xuống tận mười đầu ngón chân, ông thấy đầu mình như bữa làm đôi.

Những tên lính Nhật và lính ngụy cầm súng đứng thưa thớt cạnh công trường. Tên đốc công cầm roi mây như hồn ma lượn đi lượn lại trên công trường. Đám dân phu thấy ông La Hán đi trên công trường đầu chảy máu dập dính họ kinh ngạc đến nỗi con người mất họ cứ đảo lên đảo xuống. Ông La Hán vừa vác đá đi được mấy bước, bỗng thấy sau lưng có ngọn gió vút qua rồi thấy ran rát ở lưng. Ông ném hòn đá xuống, nhìn tên đốc công đang cười mình. Ông La Hán nói:

- Bẩm quan lớn, có chuyện gì thì cứ nói, sao lại giờ tay đánh người?

Tên đốc công mỉm cười không đáp, lại giơ roi mây, quất vào lưng ông. Ông La Hán cảm thấy chiếc roi mây như cắt mình thành hai đoạn, nước mắt nóng cay từ trong hốc mắt trào ra. Máu bốc lên đỉnh đầu, miếng đất đắp trên đầu như rung lên tựa hồ như muốn vỡ toác ra.

Ông La Hán quát:

- Bầm quan!

Tên đốc công lại quất một roi nữa. Ông La Hán nói:

- Bầm quan, quan đánh tôi vì tội gì?

Tên đốc công rung chiếc roi mây trong tay, cười sằng sặc:

- Cho mày mở mắt ra, đồ chó chết.

Ông La Hán ức đến tận cổ, nước mắt nhòa đi. Từ đống đá ông vác lên một hòn đá to, lão đảo đi về phía chiếc cầu con. Đầu ông như nổ tung trước mắt thấy toàn hoa trắng. Cạnh đá sắc nhọn đâm vào bụng vào gân cốt ông, ông cũng không biết đau nữa.

Tên đốc công cầm roi đứng nguyên chỗ cũ, ông La Hán khuôn đá, sợ sệt đi qua trước mặt hắn. Đốc công quất một roi vào cổ ông La Hán. Ông cúi về phía trước, ôm lấy hòn đá, ngã khụy xuống đất. Hòn đá đập nát tay ông, cắm vào đá máu lại tóe ra. Ông bị đánh đau quá cuống lên, khóc òa lên như một đứa trẻ. Lúc này, trong đầu óc trống không của ông bỗng sáng lên một ý nghĩ. Ông cố gắng lắm mới rút tay ra khỏi hòn đá, đứng lên, khom lưng xuống, trông như một con mèo già gầy gò đang ra oai.

Một anh trung niên trạc chừng bốn mươi tuổi, tươi cười đi đến trước mặt tên đốc công, đoạn rút ra một bao thuốc lá, chìa ra một điếu mời kẻ mồm hần. Hần há miệng bậm lấy điếu thuốc, đợi người kia châm lửa cho hần.

Anh trung niên nói:

- Xin ngài đừng bực bội với cái khúc gỗ mục này.

Đốc công nhả khói ra bằng lỗ mũi, không nói năng gì. Ông La Hán nhìn thấy những ngón tay vàng khô của hần đang cầm roi mây luôn động dấy. Anh trung niên nhét bao thuốc vào túi tên đốc công. Hần làm như không hay biết, hừ một tiếng, lấy tay ấn nhẹ vào túi, quay người bỏ đi.

- Bác mới đến hả? - Anh trung niên hỏi.

Ông La Hán nói:

- Phải.

Anh ta hỏi:

- Bác không có lẽ ra mất hần phải không?

Ông La Hán nói:

- Quân cường bạo, đồ chó đẻ, quân cường bạo, bọn chúng bắt tôi đến mà.

Anh trung niên nói:

- Biếu hần ít tiền, biếu hần bao thuốc là xuôi ngay. Không đánh người chăm chỉ, không đánh kẻ lười biếng, chỉ đánh ai không mở mắt thôi.

Anh trung niên đang hoảng đi về đội ngũ của dân phu.

Suốt cả buổi sáng, ông La Hán như người mất hồn, khuôn đá vắng mạng.

Mặt trời làm cho vết thương trên đầu khô đi, vừa cứng vừa đau. Vết máu trên tay loang lổ, xương cằm bị thương, nước miếng cứ chảy hoài. Ngọn lửa tím đỏ nhen nhóm ở trong đầu ông lúc mạnh lúc yếu, chảy mãi không thôi.

Đến trưa, từ đoạn đường phía trước vừa đắp xong, xe có thể chạy được, có một chiếc xe hơi màu đất vàng lác la lác lư phóng đến. Ông hoảng hốt nghe tiếng còi inh tai, đám dân phu mệt mỏi, uể oải đi đến chiếc xe. Ông ngồi dưới đất, không nghĩ ngợi gì, và cũng không muốn biết xe đến có việc gì. Chỉ thấy ngọn lửa đỏ nóng ran, đang chảy máu, làm cho đôi tai ông vang lên ong ong.

Anh trung niên đi đến, kéo tai ông dậy nói:

- Bác ơi, đi, đi ăn cơm, đi ném thử cơm của bọn Đông Dương⁽¹⁾!

Ông già đứng dậy đi theo anh trung niên.

Người ta khiêng từ trên xe xuống một thùng cơm trắng, một sọt to đựng bát sứ men hoa xanh. Cạnh thùng cơm có một người Trung Quốc gầy gò, tay cầm một cái môi bằng đồng thau; một người Trung Quốc béo phì khác đứng bên cạnh chiếc sọt, bê một chồng

1. Người Trung Quốc gọi người châu Âu ở phía tây là người Tây Dương, còn người Nhật Bản ở phía đông, họ gọi là Đông Dương. (ND)

bát. Ai đến hấn phát một cái bát đồng thời chiếc môi đồng, xúc cơm vào bát. Mọi người đứng chung quanh xe ăn như hổ đói, không có đũa, nhất loạt dùng tay bốc.

Tên đốc công lại quay lại, tay cầm roi, mặt vẫn mang cái cười lạnh lùng. Ngọn lửa trong đầu ông La Hán bỗng chốc bốc lên, ngọn lửa soi rõ ký ức mà ông đã quên đi, ông nhớ lại cảnh ngộ nửa ngày trời vừa rồi như một cơn ác mộng. Bọn lính Nhật và lính ngụy ở trạm gác cũng xúm lại, vây lấy chiếc thùng có đai sắt trắng ăn cơm, một con chó béc-giê tai nhon mặt dài nằm sau chiếc thùng, thè lưỡi nhìn đám dân phu bên này.

Ông đếm được hơn một chục tên Nhật và hơn một chục lính ngụy đang ăn cơm quanh thùng, bụng bỗng nảy ra ý định chạy trốn. Chạy, chỉ cần chui vào đám ruộng cao lương, thì bọn chó Nhật bắt sao nổi?

Lòng bàn chân nóng ran, chảy cả mồ hôi. Kể từ khi nảy ra ý định chạy trốn, ông thấy trong dạ bồn chồn. Bộ mặt lạnh lùng của tên đốc công phảng phất ẩn giấu một cái gì, hể nhìn thấy bộ mặt ấy, trong đầu ông bỗng lập tức thấy rối loạn.

Bọn dân phu đều chưa no. Người Trung Quốc béo phì thu dọn bát sứ. Bọn dân phu liếm môi, mắt nhìn chăm chăm vào những hạt cơm còn dính ở trong thùng, nhưng không ai dám động đậy. Có một con la bên bờ bắc kêu rống lên. Ông La Hán nghe, nhận ra tiếng kêu của con la đen nhà mình. Trên mảnh đất

vừa khai phá, la ngựa đều buộc vào các trục lăn bằng đá. Thân cao lương nằm ngổn ngang khắp cánh đồng. La ngựa uể oải nhai các cọng cao lương bị dập nát dưới đất.

Buổi chiều, một chàng trai chừng hơn hai mươi tuổi, đôi thấy tên đốc công không chú ý, liền lao vào ruộng cao lương, một viên đạn bắn theo anh ta. Anh ta nằm phục xuống bên ruộng, nằm bất động.

Xế chiều, chiếc xe hơi màu đất vàng lại đến. Ông La Hán ăn hết môi cơm. Cái dạ dày quen ăn cao lương, bây giờ thấy cơm gạo mốc cứ đẩy ra. Nhưng ông gắng gượng mà nuốt, ý nghĩ chạy trốn mỗi lúc một mãnh liệt. Ông nhớ thôn xóm cánh đồng hơn mười mấy dặm, có cái sân sặc đầy mùi rượu của ông. Bọn Nhật đến, các anh em nấu rượu đều chạy cả, chiếc nồi nấu rượu nóng hôi hổi đều nguội lạnh. Ông càng nhớ đến bà tôi và bố tôi. Bên đồng lúa cao lương khô, bà đã mang ấm áp đến cho ông, khiến ông suốt đời không sao quên được.

Ăn cơm chiều xong, bọn dân phu đều bị lừa vào một cái lán làm bằng mấy cái cột gỗ. Trên lợp bằng mảnh vải bạt. Các cột gỗ được nối với nhau bởi dây thép to bằng hạt đậu xanh. Cửa lán là mấy thanh sắt uốn cong. Bọn giặc và lính ngự phân ra ở trong hai lều, cách lán chừng mấy chục bước. Con chó béc-giê buộc ở cửa lều bọn giặc Nhật. Trước cửa lán có chôn một con sào cao, trên sào treo cây đèn bão. Bọn Nhật và bọn ngự thay phiên nhau đi tuần. La và ngựa

tập trung trên bãi đất hoang cạnh lán, ở đây có chôn mấy chục cái cột để buộc.

Mùi thối trong lán bốc lên, có người đang ngáy, có người đang đi đến thùng nước có đai sắt ở góc lán đá, nước đá rơi vào canh thùng kêu long tong. Ánh đèn bão mờ rọi vào trong lán. Bóng dài của bọn lính tuần tra thấp thoáng trong ánh đèn.

Đêm đã khuya, trong lán lạnh ghê người. Ông La Hán không sao ngủ được. Ông vẫn muốn chạy trốn. Tiếng chân lính gác vang lên quanh lán. Ông nằm không dám cựa quậy, rồi thiếp đi lúc nào không biết. Trong mộng, thấy trên đầu buộc lưỡi dao nhọn, tay cầm thỏi sắt nóng. Tỉnh dậy, mồ hôi đầy người, đá dầm ướt hết cả quần. Từ trong thôn xóm xa vang lại tiếng gà gáy nhỏ nhỏ. La, ngựa giậm chân, mũi thở phì phò, qua chỗ rách của tấm bạt, lấp lánh mấy ngôi sao.

Anh trung niên ban ngày giúp đỡ ông La Hán nhẹ nhàng ngồi dậy. Mặc dù trong đêm tối, ông vẫn nhìn thấy đôi mắt của anh như hai quả cầu lửa. Biết người trung niên này lai lịch phi phàm, ông cứ nằm yên để xem anh ta làm gì.

Anh trung niên quỳ bên cửa lán, hai cánh tay giơ lên, động tác rất chậm chạp. Ông nhìn lưng anh ta, nhìn cái đầu mang màu sắc thần bí của anh ta. Anh ta lấy sức, nắm lấy hai cây sắt, như gương cung kéo mạnh sang một bên. Luồng ánh sáng xanh từ trong

mắt anh phát ra, chạm vào vật như phát ra tiếng. Hai thanh sắt lạng lẽ tách ra. Ánh đèn và ánh sao từ ngoài cửa lán rơi vào soi rõ chiếc giầy há mồm của ai đó. Bọn lính gác đi tuần quay lại. Ông nhìn thấy một bóng đen chạy vút ra ngoài lán, tên lính gác kêu "Ồ" một tiếng, rồi lạng lẽ đổ xuống dưới cánh tay sắt của anh trung niên. Anh trung niên nhặt lấy súng bộ binh của tên lính Nhật, lạng lẽ chuồn thẳng.

Một lúc sau ông già mới rõ chuyện gì đã xảy ra. Anh trung niên nguyên là một anh hùng võ nghệ cao cường. Người anh hùng đã mở đường cho ông. Chạy thôi! Ông cẩn thận chui qua cái lỗ, bò ra. Tên giặc Nhật chết nằm ngửa, một cẳng chân còn đang giật giật.

Ông bò vào ruộng cao lương, đứng thẳng người, đi theo rãnh nước, cố gắng tránh chạm vào cây cao lương, không một tiếng động, đi tới bờ đê sông Mặc Thủy. Sao mai treo lơ lửng trên bầu trời, màn đêm trước lúc rạng đông vẫn còn tối. Ánh sao lấp lánh dưới dòng sông. Ông lo lắng đứng trên bờ đê, người rét run lẩy bẩy, hàm răng lập cập cắn và nhau, đau từ cằm lên đến má, lên đến tai, và vết thương trên đầu đã làm mũ cũng đau nhức nhối. Không khí tự do mang mùi sữa cao lương trong mát chui vào mũi, vào lá phổi, vào dạ dày ông. Hai ngọn đèn bão như lửa của ma quỷ tỏa sáng trong sương mù, chiếc lán làm bằng những chiếc cọc gỗ trông như một nấm mồ to.

Ông La Hán dường như không dám tin rằng, sao lại trốn được một cách dễ dàng đến như thế. Chân ông đưa ông đến cây cầu gỗ nhỏ đã mục, cá dưới nước đang quẫy, nước chảy róc rách, sao đổi ngôi vạch một đường sáng dài trên bầu trời. Dường như chưa phát sinh ra chuyện gì, chưa có gì xảy ra cả. Lẽ ra, ông La Hán có thể trốn về làng ẩn náu, chữa khỏi vết thương và tiếp tục cuộc sống. Nhưng, khi đi trên cầu gỗ, bỗng nghe thấy tiếng kêu bên bờ nam có tiếng la kêu đau khổ. Để cứu con la trở về, ông La Hán đã làm nên một bi kịch trắng lệt.

La và ngựa buộc ở mấy chục cây cọc cách lán không xa, thân mình chúng đầy phân và nước tiểu. Ngựa thở phì phì, la gặm cọc gỗ; ngựa nhai thân cây cao lương, la đang đá, ỉa. Ông La Hán vội vàng lao đến bầy la, ngựa. Ông ngửi thấy cái mùi thân thiết của hai con la đen nhà mình, ông nhìn thấy bóng dáng quen thuộc của chúng. Ông lao tới, định cứu hai người bạn cùng chung hoạn nạn. Nhưng lữ la, chẳng biết gì cứ nguây nguẩy quay đi, tung hai vó sau lên. Ông La Hán lẩm bẩm nói:

- La đen ơi, la đen ơi, chúng ta cùng chạy trốn đi!

Lữ la tức giận quay bên phải rồi lại quay bên trái, như bảo vệ chỗ đứng của chúng. Chúng không còn nhận ra được chủ cũ nữa.

Ông La Hán không biết rằng, mùi tanh của máu mới, máu cũ ở trên con người ông, vết thương cũ và

mới trên người ông đã biến ông thành một con người khác. Ông cuống quýt, xoắn chân lao tới, con la đá cho ông một cái vào háng. Ông bay nghiêng người ngồi dưới đất, nửa người đau điếng. Con la vẫn hếch mõng đá tiếng, móng sắt trông như vàng trắng khuyết sáng loáng. Xương háng ông già sưng to, đau ê ẩm. Ông bò dậy, ngã xuống, ngã xuống lại bò dậy. Con gà trống ở trong thôn xa gáy vang lên. Bóng đen lùi dần, sao mai tỏa sáng, soi rõ mõng dít và mắt con la óng ánh.

- Hai con súc sinh này!

Ông La Hán nổi đóa lên, nghiêng nghiêng ngó ngó đi tìm vũ khí. Trên chỗ đào con kênh, ông tìm được một cái xẻng sắc. Ông quên cả người và chớ cách đây một trăm mét, vừa đi vừa chửi. Ông hết cả sợ, tự do tự tại. Vàng hồng ở phương đông dần dần hiện ra tỏa ánh ban mai. Trên cánh đồng cao lương trước lúc bình minh, im lặng đến độ không biết nổ tung ra bất cứ lúc nào. Ông La Hán ngược hướng ánh ban mai, đi tới phía hai con la đen. Ông cầm hai con la đen đến tận xương tủy. ông La Hán cầm ngang cái xẻng sắt, nhằm đúng chân sau con la phang một cái thật mạnh. Con la xiên xiên lão đảo, rồi lập tức đứng vững lại, và rống lên giận dữ, kinh ngạc. Rồi sau đó, con la bị thương hất mõng lên, một vệt máu nóng như hạt mưa hắt ướt cả mặt ông già. Ông già lại vung xẻng lên không trung phang một cái nữa vào

chân sau còn lại của con la. Con la đen thở hắt ra một tiếng, hai chân khụy xuống, đặt bịch cái mông nặng xuống đất, hai chân trước vẫn còn đứng được, cổ bị dây thừng treo thẳng, mõm héch lên trời xanh xám, tru tréo lên. Chiếc xẻng bị mông la nặng đè chặt xuống, ông già cũng khụy xuống theo. Ông ráng hết sức rút xẻng ra. Ông thấy lưỡi xẻng như dính chặt vào xương đùi của con la. Con la thứ hai kia ngo ngác nhìn bạn mình ngã khụy, kêu rống lên như khóc, như van xin.

Ông già dựng thẳng chiếc xẻng lại dúi sâu vào người con la, con la dùng sức đẩy xẻng ra, chiếc chạc tựa hồ như đứt, cây cọc kêu rảng rặc, đôi mắt to bằng nắm tay của nó ánh lên một ánh sáng màu lam xám xịt.

- Mày sợ à? Đồ súc sinh! Uy phong của mày đâu? Đồ súc sinh! Mày là cái đồ vong ân bội nghĩa, ăn cháo đá bát! Mày là đồ chó lang chá, tư thông với nước ngoài.

Ông La Hán giận dữ chửi bới, nhằm cái mặt vuông của con la đen mà giáng. Chẳng dè chiếc xẻng cắm phập vào cọc gỗ, ông lắc lên lắc xuống, lắc phải lắc trái, mãi mới rút ra được. Con la đen vùng vẫy, chân sau, cong thành cánh cung, chiếc đuôi không lông quét xuống đất kêu soàn soạt. Ông lại nhằm trúng mặt con la đen, đập mạnh một cái nữa, trúng ngay vào trán rộng con vật, xương đầu rần chắc và lưỡi xẻng va vào nhau, xẻng bật ra, làm cánh tay ông

tê dại. Con la đen miệng ngáp chặt không rên la, đá hất lung tung, cuối cùng không chống đỡ được nữa, ầm một tiếng con vật lăn ra như một bức tường đổ. Chiếc chạc bị đứt đôi, một nửa còn dính ở cọc gỗ, một nửa quán quanh mặt con vật. Ông già đứng lặng, xuôi tay. Cán xẻng nhả bóng gác trên đầu la, chỉ lên trời. Đằng kia chó sủa, người huyên náo, cánh đồng cao lương phía đông đã rục lên ánh chiều dương đỏ như máu, ánh dương chiếu thẳng vào cái mồm đen xì hơi há của ông La Hán.

4

Đoàn quân đi hàng chữ nhất lên bờ đê. Mặt trời hồng vừa chui từ trong sương mù ra chiếu vào người họ. Bố tôi cũng giống như mọi người, nửa mặt hồng, nửa mặt xanh, cùng họ đi xem từng đám sương mù còn sót lại trên mặt sông Mặc Thủy. Chiếc cầu đá mười bốn nhịp bắc ngang sông Mặc Thủy nối hai bờ nam bắc lại với nhau. Chiếc cầu gỗ nhỏ ngày xưa nằm phía tây chiếc cầu đá, mặt cầu đã gãy mất dăm ba nhịp, mấy cây cột màu nâu còn trơ lại ở dưới sông, đứng ngăn từng đợt sóng trắng xanh. Mặt sông đã tan sương, đỏ đỏ xanh xanh, trông đến sợ. Đứng trên bờ sông, ngược mắt nhìn thấy bông cao lương bên bờ nam bát ngát bằng phẳng như một hòn đá mài

khổng lồ. Chúng là những hoa văn bất động. Mỗi bông cao lương là một khuôn mặt chín đỏ, tất cả cao lương hợp thành một tập thể lớn mạnh, hình thành một tư tưởng sâu sắc... Bố tôi lúc ấy còn nhỏ, chưa nghĩ được những câu nói văn hoa dễ nghe như vậy. Đó là tôi nghĩ như thế.

Cao lương và người cùng đợi cái ngày đơm hoa kết trái.

Đường cái thẳng tắp đi suốt về nam, càng xa càng hẹp, cuối cùng bị cao lương nuốt mất. Ở nơi xa nhất kia, cao lương ở đường chân trời xanh màu thép, khi mặt trời mọc, cũng hiện lên cảnh tượng thê lương, bị trống rung động lòng người.

Bố tôi hơi hiếu kỳ, nhìn các đội viên du kích ngơ nghếch. Họ từ đâu đến? Họ đi về đâu? Vì sao lại đi đánh phục kích? Đánh phục kích xong rồi sẽ đánh cái gì? Trong yên lặng, nước sông bị cầu gẫy cản réo lên nhịp nhàng, âm thanh càng thêm réo rắt. Sương mù bị ánh dương đánh cho tơi bời rơi xuống nước. Nước sông Mặc Thủy từ màu đỏ sẫm biến thành màu đỏ rực. Khắp mặt sông nước chảy loang loáng. Bên hồ nước có một cây thủy hạnh cô độc, lá vàng rũ xuống, những chiếc kén côn trùng khô đét bám vào kẽ lá. Lại đến mùa bắt cua rồi! Bố tôi nghĩ, gió thu thổi, tiết trời lạnh, một đàn chim nhạn bay về phương nam... Ông La Hán nói: "Bắt, Đậu Quan... Bắt!".

Những chiếc cày xinh xắn của con cua in hoa văn lên lớp bùn mềm.

Bố nghĩ thấy mùi tanh thoang thoảng đặc biệt của đàn cua ở dưới sông. Những cây hoa thuốc phiện nhà tôi trồng trước kháng chiến được bón bằng bã cua, hoa rất to, sắc màu rực rỡ, mùi thơm điếc cả mũi.

Tư lệnh Từ nói:

- Tất cả xuống nắp dưới đê, anh cầm đặt bữa cơm giặc!

Anh cầm bỏ mấy cuộn dây thép ở trên vai xuống buộc bốn cái bữa lại với nhau. Anh "be" một tiếng, gọi mấy đội viên lại, đem đặt bó bữa lên đường cái và gần cầu đá.

Tư lệnh Từ nói:

- Hô anh em, nắp cho kín đội xe bọn Nhật lên cầu, đội người của chi đội Lãnh vây chặn đường rút lui của giặc, nghe lệnh tôi cùng khai hỏa, tổng bọn súc sinh xuống nước nuôi lươn và cua.

Tư lệnh Từ dùng tay ra hiệu cho anh cầm, anh cầm gật gật đầu, dẫn một nửa số người và súng, đến ruộng cao lương phía tây mai phục. Vương Văn Nghĩa định theo anh cầm đi về phía tây, bị anh ta đẩy trở lại. Tư lệnh Từ nói:

- Anh đừng đi, anh theo tôi. Có sợ không?
- Vương Văn Nghĩa gật đầu lia lia nói:
- Không sợ... không sợ...

Tư lệnh Từ giao cho anh em nhà họ Phương đặt cỗ súng cối trên bờ sông. Đoạn ông nói với anh Lưu thối kèn đang mang một cái kèn to:

- Anh Lưu, thấy ngọn lửa anh chẳng phải làm gì cả, cứ ráng sức mà thối kèn cho tôi, bọn giặc sợ kèn lắm, anh có biết không?

Lưu thối kèn là bạn cũ của tư lệnh Từ, lúc bấy giờ tư lệnh Từ là phu khiêng đòn, Lưu là thợ thối kèn, đánh trống. Anh ta hai tay nắm cái kèn như nắm cây súng vậy.

Tư lệnh Từ nói với mọi người:

- Đã nói thì nói cho hết, đến lúc ấy ai mà tỏ ra sợ sệt thì coi chừng! Chúng ta phải đánh thế nào để cho chi đội Lành biết tay. Cái lũ chó chết ấy, chỉ lấy cờ hiệu ra dọa người. Lão đây không sợ đâu. Chúng muốn thay đổi lão? Lão lại muốn thay đổi chúng nó!

Mọi người vây lại trên ruộng cao lương, Phương Lục lấy tẩu ra hút thuốc, lấy đá ra đánh lửa. Lưỡi liềm đen, hòn đá lửa đỏ, trông giống như miếng gan gà đã luộc chín. Lưỡi liềm đập chan chát vào viên đá. Tàn lửa bắn ra, tàn lửa rất to. Một tàn lửa to bén vào bụi nhùi làm bằng cây cao lương, Phương Lục thổi phì phì, một luồng khói trắng bốc lên, rồi đỏ lừ. Phương Lục châm vào tẩu, rít một hơi. Tư lệnh Từ nhổ một bãi nước bọt.

Ông quệt mũi, nói:

- Thôi đừng hút nữa, bọn giặc ngủi thấy mùi thuốc, nó còn bước lên cầu?

Phương Lục rút vội hai hơi nữa, cất tẩu, gói thuốc lại. Tư lệnh Từ nói:

- Bảy giờ ra bờ đê, nằm rải ra, kéo bọn giặc đến lại trở tay không kịp.

Mọi người hơi hồi hộp, nằm trên đê, tay nắm chặt súng, như gặp địch đến nơi rồi. Bố nằm cạnh tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ hỏi:

- Có sợ không?

Bố nói:

- Không sợ!

Tư lệnh Từ:

- Tốt lắm, đúng là nòi giống của bố nuôi! Con là lính liên lạc của bố, đánh nhau không được xa bố, có lệnh gì bố bảo con, con sẽ truyền lệnh lại cho phía tây.

Bố gật gật đầu. Ông thềm thường nhìn chăm chăm vào hai khẩu súng lục gài ở lưng tư lệnh Từ. Một khẩu to, một khẩu nhỏ.

Khẩu to là khẩu súng côn của Đức, khẩu nhỏ là khẩu brô-ninh của Pháp. Hai khẩu này đều có lai lịch của chúng.

Miệng bố bật ra tiếng:

- Súng.

Tư lệnh Từ nói:

- Con cần súng.

Bố gật gật đầu, nói:

- Súng.

Tư lệnh Từ nói:

- Con biết, dùng không?

- Biết... - Bố nói.

Tư lệnh Từ rút từ trong lưng ra khẩu brô-ninh mân mê trong tay. Súng lục đã cũ, nước thép tôi đã hết. Tư lệnh mở quy lát, một viên đạn đầu tròn vàng óng ánh bắn ra. Ông tung viên đạn lên cao, giờ tay bắt lấy, rồi lại nhét vào súng.

- Cho con! - Tư lệnh Từ nói - Con dùng cũng như bố dùng.

Bố vỗ ngay lấy. Bố nắm chặt súng, nhớ lại tối hôm kia, tư lệnh Từ đã dùng khẩu súng này bắn vỡ tan cốc rượu.

Lúc bấy giờ trăng lưỡi liềm vừa mọc, như đè cạnh cây khô xuống thấp. Bố ôm nệm rượu, cầm chiếc chìa khóa đồng, theo lệnh của bà đến lò rượu lấy rượu. Bố mở cửa lớn, trong sân im ắng, trong chuồng la tối om om, nơi nấu rượu tỏa ra mùi bã rượu chua chua! Bố mở nắp một chum, nhờ ánh sáng trắng sao bố như thấy khuôn mặt gầy gò của mình trên mặt rượu trong phẳng lặng. Bố lông mày ngẩn, môi mỏng, ông thấy mình rất xấu. Bố dìu nệm rượu vào trong chum rượu chảy ồ ộc vào nệm. Khi nhấc nệm rượu ra, giọt rượu trên nệm rơi tong tong vào chum. Bố thay đổi ý định, lại đổ rượu vào chum. Bố nhớ đến cái chum rượu mà bà tôi đã rửa mặt đầy

máu vào đây. Bà ở nhà tiếp rượu tư lệnh Từ và chi đội trưởng Lãnh, bà và tư lệnh Từ tửu lượng rất cao, còn chi đội trưởng Lãnh thì đã hơi say. Bố đi đến cái chum rượu ấy nhìn thấy trên nắp chum có đề nắp một hòn đá mài. Ông đặt nậm rượu xuống, ráng sức hất một hòn đá mài đi. Hòn đá lăn hai vòng trên mặt đất, va vào một cái chum rượu khác, thành chiếc chum này vỡ một miếng tướng, rượu cao lương chảy ra xối xả, nhưng bố cứ mặc kệ. Bố mở nắp chum, ngửi thấy mùi máu tanh của ông La Hán. Bố nhớ lại cái đầu đầy máu của ông La Hán và mặt đầy máu của bà. Mặt ông La Hán và mặt bà chồng lên nhau ở trong chum. Bố ấn nậm rượu vào trong chum, lấy đầy rượu máu, hai tay bê trở về nhà.

Trên bàn bát tiên, đèn khêu to và sáng, tư lệnh Từ và chi đội trưởng Lãnh, bốn mắt nhìn nhau chăm chăm, mồm thở phì phò. Bà đứng giữa hai người, tay trái bà ấn súng lục tự động của chi đội trưởng Lãnh, tay phải ấn khẩu súng lục brô-ninh của tư lệnh Từ.

Bố nghe thấy bà nói:

- Không chơi với nhau được nữa thì cũng để lại một chút ân tình. Đây không phải là nơi động dao, động súng, có giỏi thì đi mà đánh bọn Nhật ấy.

Tư lệnh Từ giận dữ mắng:

- Chú em, chú định mang cờ hiệu của họ Vương ra, dọa không nổi lão đâu. Lão đây chính là vua trên địa bàn này, đã tung hoành ở đây mười năm rồi, còn sợ gì bọn tay chân của họ Vương nữa?

Chi đội trưởng Lãnh cười lạnh lùng, nói:

- Anh Chiếm Ngao ạ, em đây cũng chỉ mong làm tốt cho ông anh, tộc trưởng Vương cũng mong làm tốt cho ông anh. Chỉ cần ông anh cuốn cờ lại, sẽ cho ông anh làm tiểu đoàn trưởng. Súng và lương thực sẽ do Vương tộc trưởng phát, còn hơn là ông làm thổ phỉ.

- Ai là thổ phỉ? Ai không là thổ phỉ? Ai đánh được quân Nhật tức là đại anh hùng Trung Quốc. Lão đây năm ngoài đã bắt được ba thằng lính gác Nhật Bản, thu được ba khẩu súng. Chi đội anh không phải là thổ phỉ, nhưng giết được mấy tên giặc? Không nhớ được cái lông của chúng nó!

Chi đội trưởng Lãnh ngồi xuống, rút một điếu thuốc châm lửa hút.

Nhân dịp này, bố tôi bung nậm rượu ra. Bà đón lấy nậm rượu, bỗng biến sắc mặt, giận dữ nhìn bố tôi một cái. Bà rót rượu vào ba bát, bát nào cũng đầy như có ngọn.

Bà nói:

- Rượu đây có máu của chú La Hán, là những người đàn ông nên uống đi, rồi sau này cùng đi mà đánh xe giặc Nhật. Sau đây, các anh mỗi người một gà, gà đi đằng gà, chó đi đằng chó, chẳng đụng chạm đến nhau nữa.

Bà bê bát rượu, uống cạn ừng ực. Tư lệnh Từ bê bát rượu, ngựa cổ đổ vào.

Chi đội trưởng Lãnh bê bát rượu uống một nửa, đặt bát xuống, nói:

- Tư lệnh Từ, đàn em tử lượng kém, xin cáo từ!

Bà ấn lên khẩu súng tự động của chi đội trưởng Lành, hỏi:

- Đánh hay không đánh?

Tư lệnh Từ tức giận nói:

- Cô đừng nài, ông ta không đánh, lão đây đánh!

Chi đội trưởng Lành nói:

- Đánh.

Bà buông súng ra, chi đội trưởng Lành giật lấy súng lục tự động, giắt vào lưng.

Chi đội trưởng Lành, mắt mũi trắng trẻo, quanh mũi có mười mấy nốt rỗ đen. ở thắt lưng ông ta còn có một băng đạn lớn, giắt súng vào, thắt lưng trễ vòng xuống trông như trắng lười liềm.

Bà nói:

- Chiếm Ngao, tôi giao thằng Đậu Quan cho anh đấy, hôm sau anh mang nó đi.

Tư lệnh Từ nhìn bố tôi, cười hỏi:

- Con nuôi ơi, có gan không?

Bố nhìn tư lệnh Từ một cách khinh thường, giữa đôi môi lộ ra hàm răng rắn chắc như đất vàng, không nói một câu.

Tư lệnh Từ cầm lấy cốc rượu, đặt lên đỉnh đầu bố tôi, bảo bố tôi đi ra phía cửa đứng yên. Ông cầm khẩu brô-ninh đi đến góc tường.

Bố thấy tư lệnh Từ bước ba bước về phía góc tường, bước rộng và khoan thai. Bà sợ xanh mặt. Trên mép chi đội trưởng Lành nở nụ cười chế giễu.

Tư lệnh Từ đi đến góc tường, đứng nguyên, bỗng quay phắt người lại thật nhanh, bố nhìn thấy cánh tay ông giơ lên, đôi mắt như rực lửa. Họng khẩu brô-ninh nhả ra làn khói trắng. Một tiếng nổ đánh trên đầu bố, cốc rượu vỡ tan. Một mảnh sành nhỏ rơi tạt vào cổ bố, ông lắc đầu một cái, mảnh sành kia rơi tọt vào trong quần. Bố không nói gì. Mặt bà càng tái xanh tái mét. Chi đội trưởng Lãnh ngồi bệt đít trên chiếc ghế băng, một lúc sau mới nói:

- Bắn cừ thế!

Tư lệnh Từ nói:

- Thằng nhỏ khá lắm!

Bố cầm lấy khẩu brô-ninh, thấy rất nặng.

Tư lệnh Từ nói:

- Không cần dạy, con cũng biết bắn như thế nào rồi. Truyền lệnh cho anh câm, bảo họ chuẩn bị!

Bố tôi xách súng lục, luồn qua ruộng cao lương, chạy đến trước mặt anh câm. Anh câm ngồi chấp bằng, đang mài thanh mã tấu bằng một hòn đá xanh nhẵn. Các đội viên khác người ngồi, kẻ nằm.

Bố tôi nói với anh câm:

- Bảo các anh chuẩn bị ngay.

Anh câm liếc mắt nhìn bố, vẫn tiếp tục mài dao. Mài một lúc, anh vò mấy chiếc lá cao lương chùi bột đá trên lưỡi dao, đoạn lấy một chiếc lá cỏ thủ dao xem đã sắc chưa. Vừa đưa chiếc lá cỏ vào lưỡi dao, đã đứt làm đôi.

Bố lại nói:

- Bảo các anh chuẩn bị mà!

Anh cầm tra mã tấu vào vỏ, để bên cạnh. Mắt anh hiện ra một nụ cười dữ dằn anh giơ một cánh tay to mập vẫy gọi bố. "Be! Be!" - anh cầm nói.

Bố nhẹ nhàng bước tới, cách anh cầm chừng một bước thì dừng lại. Anh cầm với người ra túm được vạt áo của bố kéo mạnh, bố ngã vào lòng anh cầm. Bố lấy khẩu brô-ninh nện vào sống lưng anh cầm. Anh cầm nắm lấy mũi bố, rồi vặn một cái, nước mắt bố trào ra. Anh cầm cười ré lên một cách tinh quái.

Những đội viên ngồi chung quanh anh cầm cũng cười ré lên.

- Có giống tư lệnh Từ không?

- Con của tư lệnh Từ mà lại.

- Đâu Quan, tớ muốn lấy mẹ đảng ấy...

- Đâu Quan, tớ muốn ăn hai chiếc bánh dày của mẹ đảng ấy.

Bố then phát khùng lên, giương súng chĩa vào kẻ vừa nói muốn ăn bánh dày mà bắn. Súng kêu đến cách một tiếng, nhưng đạn không nổ, vẫn nằm yên trong ổ.

Anh chàng bị bắn, nét mặt hốt hoảng, vội nhảy đến giằng súng của bố. Bố giận xung thiên lao đến người kia, vừa đá vừa cắn.

Anh cầm túm lấy cổ bố quăng mạnh, người bố bay ra xa, rơi xuống làm nát mấy cây cao lương. Bố lộn mấy vòng, bò dậy, ngoác mồm ra chửi và định lao tới anh cầm. Anh cầm "Be, be" hai tiếng. Bố thấy mặt

anh ta tím bầm, bèn đứng lại không xông lên nữa. Anh cầm cầm lấy khẩu brô-ninh, tháo cò, bấm, một viên đạn văng ra rơi vào tay anh ta. Anh ta mân mê viên đạn, nhìn cái lỗ nhỏ ở đầu viên đạn, nơi kim hỏa nổ, rồi làm hiệu với bố. Anh cầm giắt súng trả vào lưng bố, rồi vỗ vỗ vào đầu bố.

- Con gây chuyện gì bên đó? - Tư lệnh Từ hỏi.

Bố oan ức nói:

- Bọn nó... muốn ngủ với mẹ con.

Tư lệnh Từ nghiêm sắc mặt hỏi:

- Con trả lời sao?

Bố gơ tay quệt mắt, nói:

- Con bắn cho nó một phát.

- Con bắn à?

- Nhưng đạn không nổ. - Bố đưa viên đạn vàng óng ánh đầy mùi thuốc súng cho tư lệnh Từ.

Tư lệnh Từ cầm lấy viên đạn, xem một lúc, rồi nhẹ nhàng quăng đi, viên đạn bay một đường cong rất đẹp rồi rơi tòm xuống nước.

Tư lệnh Từ nói:

- Khá lắm! Súng trước tiên dùng để đánh quân Nhật đã, đánh hết quân Nhật rồi, nếu kẻ nào còn dám摸摸 nói muốn ngủ với mẹ con, con hãy bắn vào bụng dưới của nó. Đừng bắn vào đầu, cũng không nên bắn vào ngực, nhớ chưa, bắn vào bụng dưới.

Bố nằm phủ phục bên người tư lệnh Từ. Bên phải tư lệnh là anh em nhà họ Phương. Khẩu súng cối đặt trên bờ sông, nòng súng chia về phía cầu đá.

Nòng súng nút bằng một nắm bông. Phía sau khẩu súng cối là sợi dây dẫn hỏa. Bên cạnh Phương Thất, có một cái búi nhùi bện bằng lõi cây cao lương, có một sợi đang cháy. Bên cạnh Phương Lục có đặt một quả bầu thuốc nổ, và một thùng sắt tây đựng đầy viên bi thép.

Bên trái tư lệnh Từ là Vương Văn Nghĩa, anh ta nắm chặt khẩu súng bắn chim, nằm vo tròn lại. Máu tai đã khô cứng kết dính với băng trắng.

Mặt trời đã lên cao bằng cây sào. Phần chính giữa mặt trời sáng trắng, vành ngoài đỏ nhạt. Nước sông sáng như gương, một đàn vịt trời từ cánh đồng cao lương bay đến, lượn ba vòng, già nửa đàn sà xuống bụi cỏ bên bãi sông, số còn lại bay xuống mặt sông, trôi lênh bênh. Những con ở dưới sông, thân không động dậy, chỉ có chiếc cổ và đầu đảo đi đảo lại. Người bố rất ấm, áo quần đầm sương đã khô rồi. Nằm một hồi lâu, ngực bố đau như có hòn đá cộm ở dưới, bèn ngồi dậy, đầu và ngực nhô cao khỏi mặt đê. Tư lệnh Từ quát:

- Nằm xuống - Bố miễn cưỡng nằm xuống.

Phương Lục ngáy o... o... Tư lệnh Từ vè nắm đất ném vào mặt Phương Lục. Phương Lục, nửa tỉnh, nửa mê ngồi dậy, ngáp một cái rõ dài, hai giọt nước mắt chảy ra.

- Bọn giặc Nhật đến rồi hả? - Phương Lục hỏi to.

- Đ. mẹ anh! - Tư lệnh Từ nói. - Không được ngủ.

Mạn nam và bắc dòng sông im lặng không một tiếng động, con đường cái rộng nằm như chết trong ruộng cao lương. Chiếc cầu đá to bắc qua sông trông đến đẹp. Cao lương mênh mông đón ánh dương càng cao càng rực rỡ, hồng hào như mặt cô gái quá xấu hổ. Đàn vịt trời đang ở chỗ nước cạn, những chiếc mỏ bẹt đang mò cái gì, phát ra những tiếng kẹp kẹp. Bố hướng về đàn vịt trời, mắt chăm chú nhìn lông vũ đẹp đẽ và con mắt lạnh lợi của chúng. Ông nâng khẩu brô-ninh. Suýt nữa thì ông bóp cò. Tư lệnh Từ kịp ấn tay ông xuống, nói:

- Thằng nhỏ này, mày định làm gì đấy?

Bố cảm thấy bốn chồn bút rút khó chịu, con đường vẫn nằm im khô chết. Cao lương càng thêm đỏ rực.

- Thằng cha Lãnh là đồ súc sinh! Hấn cả gan lừa ta một vớ! - Tư lệnh Từ giận dữ nói:

Bên bờ nam vẫn im ắng. Chi đội của lão Lãnh không thấy một mống nào. Bố biết được tin xe bọn Nhật sẽ đi qua đường này là qua chi đội của lão Lãnh đấy chứ. Chi đội Lãnh sợ một mình không đánh nổi, mới đến hợp đồng với đội của tư lệnh Từ.

Trải qua giờ phút căng thẳng, bố cảm thấy mệt mỏi rã rời. Ánh mắt của ông cứ bị hấp dẫn hoài bởi đàn vịt trời. Ông nhớ lại hồi cùng ông La Hán đi săn vịt trời. Ông La Hán có một khẩu súng bắn chim,

bằng đỏ sẫm, dây đeo bằng da bò. Khẩu súng này Vương Văn Nghĩa đang giữ.

Mắt bố rơm rớm lệ, nhưng' kìm lại được chưa tràn ra khỏi hốc mắt. Như ngày nào năm ngoái. Trong ánh nắng ấm áp, bố cảm thấy có một luồng khí lạnh ghê người tràn khắp người.

Ông La Hán và hai con la bị bọn giặc Nhật và bọn lính nguy bắt đi; bà rửa mặt đầy máu trong chum rượu. Mặt bà hồng hào thơm mùi rượu, mắt hơi sưng sưng, ngực áo vải tây màu trắng ngà ướt đầm những máu và rượu. Bà đứng lặng bên chum, nhìn chằm chằm vào rượu trong chum. Mặt bà in bóng trong chum rượu. Bố nhớ rằng, bà quỳ phủ phục xuống, vái chum rượu ba vái. Rồi bà đứng dậy, dùng hai tay vục rượu đưa lên uống. Mặt bà hồng hào, nhưng chỉ tập trung ở hai gò má, còn trán và cằm đều trắng bệch nhợt nhạt.

- Quỳ xuống - Bà ra lệnh cho bố - Cúi đầu chào!

Bố quỳ xuống cúi đầu chào.

- Vục rượu uống!

Bố vục rượu uống.

Từng dòng máu nhỏ như sợi chỉ chảy xuống chìm trong chum rượu. Một đóa mây trắng in bóng trong chum rượu, bộ mặt trang nghiêm của bà và bố cũng lay động trong đó. Đôi mắt nhỏ của bà phát ra tia sáng như muốn đốt cháy người, bố không dám nhìn. Tim bố đập thình thình, lại thò tay vào vục rượu

trong chum, rượu lọt qua kẽ tay rơi xuống làm vỡ bóng mây trắng trên trời xanh và bóng mặt bà, mặt bố. Bố lại uống một ngụm rượu nữa, một mùi máu tanh dính ở đầu lưỡi. Những tia máu đều chìm xuống đáy chum, chỗ lồi lên của đáy chum tụ thành một khối cặn đục to bằng nắm tay. Bố và bà nhìn vào chum hồi lâu. Bà dùng sức kéo từ góc tường ra một cái nắp đặt lên chum.

- Đừng có động vào đấy nhá. - Bà nói.

Bố nhìn đất bùn ướt nhão và những con bọ động dậy trên khe nắp gặt đầu sợ hãi.

Đêm ấy, bố nằm trên chiếc giường con của mình, nghe tiếng chân bà đi đi lại lại ở trong sân. Tiếng chân lạch bạch của bà hòa với tiếng sột soạt của cao lương ngoài cánh đồng dẹt nên giấc mộng rồi bởi của bố. Bố nghe thấy trong mộng có tiếng hai con la đen mượt của nhà mình.

Sớm tinh mơ, bố dậy, chân đất chạy ra sân đi tiểu, thấy bà vẫn còn đứng chằm chằm nhìn bầu trời bao la. Bố gọi, bà vẫn không thưa. Ông đi tiểu xong, túm tay bà lôi vào nhà. Bà mệt mỏi theo bố quay vào trong nhà. Vừa vào đến nhà, bỗng nghe từ phía đông nam vọng đến tiếng ồn ào như sóng vỗ, tiếp liền sau là tiếng súng rất đanh như lưỡi dao sắc cắt đứt một tấm lụa.

Nơi bố nằm phục kích bây giờ, lúc trước xếp đầy những tảng đá dài và đá cục trắng tinh, từng đồng cát vàng xếp trên dề trông như những nắm mồi. Năm

ngoài đầu mùa hạ cao lương ngoài đê nặng nề lo lắng, ngẩn ngơ. Dưới đám cao lương bị trọc lằn đê đi hiện lên lờ mờ con đường cái đi thẳng về phương bắc. Lúc bấy giờ cầu đá lớn chưa xây, chiếc cầu gỗ nhỏ bị hàng nghìn vạ chân của con người và lừa ngựa giẫm đạp gãy vụn nát nhừ. Những cây mạ cao lương bị giẫm nát tỏa ra mùi thơm hăng hắc, sương đêm ướt đầm, sáng mai mùi thơm càng sức nức. Cao lương khắp cánh đồng đều khóc thảm thiết.

Sau tiếng súng bố và bà vừa nghe thấy không lâu, thì biết bao nhiêu là người già yếu, phụ nữ trẻ em đều bị quân Nhật dồn đến đây. Bấy giờ mặt trời, vừa lên khỏi ngọn cao lương, bố, bà và dân chúng đứng bên tây đường, bờ nam con sông, chăm giẫm lên những thân cây cao lương. Bà và bố nhìn thấy cái lán to trông như chuồng ngựa, đám dân phu quần áo rách bươm đang đứng bên ngoài lán. Sau đó, hai tên lính ngự lại cản đám dân phu sang phía tây con đường cùng với dân chúng, lập thành một đoàn riêng. Trước mặt bà, bố và dân phu chính là bãi nhốt lừa ngựa mà sau này rất rùng rợn. Mọi người đứng trơ ra ở đấy, không biết bao nhiêu lâu, mãi sau mới thấy một tên sĩ quan Nhật vai đeo băng đỏ, lưng đeo thanh kiếm, dắt một con chó béc-giê, tay đi găng trắng, mặt mũi xanh xao từ trong lều bật đi ra. Đi sau hắn là con chó béc-ghê thè lè cái lưỡi đỏ hồng, đi sau con chó là hai tên lính ngự khiêng thi thể một lính Nhật đã được bó cứng, và sau cùng là hai tên

lính Nhật áp giải ông già La Hán, người đầy máu đi không vững phải có hai tên lính ngự đi dìu hai bên. Bố tôi đứng nép vào bà, bà ôm chặt lấy bố.

Viên sĩ quan Nhật dắt chó, dừng lại ở bãi đất trống gần chỗ nhốt lửa, ngựa. Hơn năm chục con chim trắng từ dưới sông Mặc Thủy vỗ cánh bay lên, bay vào khoảng trời xanh biếc trên đầu mọi người đang đứng, rồi lại rẽ về phía đông, bay về hướng mặt trời óng ánh như vàng. Bố nhìn thấy đàn gia súc, bầy thú trên bãi, nhìn thấy hai con la đen của nhà mình đang nằm trên đất. Một con đã chết, trên đầu nó còn cắm chiếc xẻng. Cao lương giập nát và khuôn mặt đáng yêu của con la máu đen nhuộm bẩn ghê gớm. Còn con kia ngồi dưới đất, đuôi đầy máu quét xuống đất, da bụng dày run lên bần bật. Hai lỗ mũi phập phồng phát tiếng như thổi còi. Bố vô cùng yêu quý hai con la đen này. Bà đã từng ưỡn ngực, cao đầu cuồi trên lưng con la, bố cũng trèo lên ngồi trong lòng bà, hai người cho la chạy trên cánh đồng cao lương, la chạy xóc lên xóc xuống khiến hai người đảo đi đảo lại suýt ngã. Vó la xinh xắn làm tung bụi đường. Bố khoái chí hét loạn xạ. Những người nông dân đứng thưa thớt trong ruộng cao lương tay cầm cuốc hoặc một nông cụ nào đấy, giương mắt nhìn khuôn mặt trắng trẻo xinh xắn của bà tôi, nữ chủ hiệu buôn mà tỏ ra ghen ghét căm giận.

Hai con la đen to nhà tôi, một con chết nằm còng queo trên đất, môi miệng nứt toác, hàm răng to,

vuông vức trắng bong đang găm đất. Còn con kia tuy còn đỏ nhưng còn khổ hơn cả chết. Bố nói với bà:

- Mẹ ơi, con la nhà ta!

Bà tôi vội bịt miệng bố tôi.

Thi thể của tên lính Nhật được đặt trước mặt tên sĩ quan Nhật đeo kính dắt chó. Hai tên lính ngựa lòi ông La Hán đầy máu me đi đến chiếc cột buộc ngựa. Bố vẫn chưa nhận ra ông La Hán. Bố chỉ thấy đó là một quái vật hình người bị đánh đập như tử.

Đầu ông lúc vẹo sang bên trái, lúc vẹo sang bên phải, máu trên đầu vẫn rỉ rỉ chảy xuống đất như bùn bóng loáng ở ven sông, bị mặt trời làm khô nứt nẻ như chân chim. Hai chân ông khua khoắng trên mặt đất, vẽ lên đất những vệt vòng vèo gãy khúc. Mọi người lặng lẽ co cụm lại, bố cảm thấy bàn tay bà ấn mạnh xuống vai mình. Tất cả mọi người đều trở thành thấp bé, người thì mặt lấm đất vàng, người thì mặt lấm bùn đen. Có một lúc, tiếng chim bỗng im bật, nghe rõ tiếng thở phì phò của con chó, và tiếng rầm của viên sĩ quan Nhật dắt chó. Bố nhìn thấy tên lính ngựa lòi con quái vật hình người đến trước một cái cột buộc ngựa khá cao, hấn thả tay, con quái vật như một đồng thịt róc hết xương đổ sụp xuống đất.

Bố thất thanh kêu:

- Ông La Hán!

Bà lại vội lấy mồm ông.

Ở dưới cột ông La Hán từ từ động dậy, trước tiên ông chống mông lên, tạo thành hình chiếc cầu cong,

rồi hai đầu gối quỳ, hai tay áp xuống mặt đất, đầu ngẩng lên. Mặt ông sưng mọng, đôi mắt như hai kẻ hở nhỏ, hai tia sáng xanh sẫm phát ra từ trong hai kẻ mắt ấy. Bố đứng đối diện với ông La Hán, bố tin rằng ông già nhất định là nhìn thấy mình. Khí quản trong lồng ngực bố đập phình phình, không rõ là kinh sợ hay phẫn nộ. Bố muốn gào thật to, nhưng tay bà tôi đã bịt chặt lấy miệng ông.

Viên sĩ quan Nhật tay dắt chó quát tháo mọi người. Một người Trung Quốc tóc húi cua, dịch lời viên sĩ quan Nhật cho mọi người nghe.

Bố không nghe được hết lời của tên thông ngôn. Ông bị bà bịt miệng chặt đến nỗi, mắt hoa lên tai kêu ong ong.

Hai người Trung Quốc mặc áo đen lật hết quần áo ông La Hán, đoạn trói ông vào cọc gỗ. Tên sĩ quan Nhật khoát khoát tay, lại hai thằng mặc áo đen dẫn Tôn Ngũ, người trong thôn chúng tôi và cũng là một tay mỗ lợn nổi tiếng của vùng Đông Bắc Cao Mật, từ trong lán gỗ đi ra, bọn chúng vừa đi vừa đẩy tên đồ tể.

Tôn Ngũ người thấp bé, mình nung núc những thịt, bụng như cái trống, đầu trọc long lóc, mặt mũi đỏ lừ. Khoảng cách giữa hai con mắt tí hí rất ngắn, mắt chìm sâu ở hai bên mũi. Tay trái hấn cầm con dao bầu, tay phải xách thùng nước lã, lảo bảo đi tới trước mặt ông già La Hán.

Viên thông ngôn nói:

- Quan lớn bảo, róc cho khéo, róc không khéo sẽ cho chó béc-giê cắn mày.

Tôn Ngũ vâng vâng dạ dạ, mí mắt chớp lia lia. Hấn ngậm con dao vào miệng, nhấc thùng nước dội lên đầu ông La Hán. Bị dội nước lạnh, ông La Hán bỗng ngẩng đầu lên, nước máu chảy xuống mặt, xuống cổ, chảy xuống chân bần ngẫu. Một tên đốc công xách một thùng nước từ sông lên. Tôn Ngũ lấy miếng giẻ rách nhúng vào nước, lau sạch sẽ người ông La Hán. Hấn lau ông già xong, ngoáy mũi ỉt, nói:

- Ông anh ạ...

Ông La Hán nói:

- Người anh em, hãy đâm cho ta một nhát. Ở dưới suối vàng ta sẽ không quên ân đức của người anh em.

Viên sĩ quan Nhật gầm gừ lên một tiếng.

Viên thông ngôn nói:

- Mày làm đi!

Tôn Ngũ biến sắc, thò ngón tay dùi đục, nắm lấy tai ông già, nói:

- Ông anh, đàn em không có cách gì...

Bố nhìn thấy con dao của Tôn Ngũ thiến vào tai ông già như cưa cây gỗ vậy. Ông La Hán kêu rống lên không ngớt, một dòng nước máu vàng khè vọt ra từ giữa hai đùi ông. Chân bố run lên cầm cập. Một tên lính Nhật bưng đĩa sứ trắng đi đến, đứng cạnh Tôn

Ngũ. Tôn Ngũ đặt chiếc tai dày của ông La Hán vào chiếc đĩa sứ. Tôn Ngũ lại cắt nốt tai kia rồi đặt vào đĩa. Bố thấy hai chiếc tai ở trong đĩa vẫn còn run rẩy và đập mạnh vào đĩa phát ra tiếng kêu pinh pinh.

Tên lính Nhật bê chiếc đĩa sứ đi chậm chậm qua trước mặt bọn dân phu và trẻ già trai gái. Bố thấy đôi tai đẹp của ông già đã tái nhợt, nhưng vẫn nháy nháy ở trong đĩa.

Tên lính Nhật bê đĩa tai đến trước mặt viên sĩ quan Nhật, tên này gật gật đầu. Rồi hắn đặt đĩa tai kia bên cạnh cái xác lính Nhật, đứng im lặng chốc lát, đoạn lại bê đến đặt dưới mõm con chó béc-giê.

Con chó béc-giê rụt lưỡi lại, chiếc mũi nhọn và đen ngũi ngũi hai cái tai. Nó lắc lắc đầu, rồi lại thè lưỡi ra, ngồi xuống đất.

Tên thông ngôn nói với Tôn Ngũ:

- Đây, cắt nữa đi!

Tôn Ngũ đi vòng quanh tại chỗ, miệng lẩm bẩm những gì không rõ. Bố thấy hắn mặt đầy mồ hôi, mắt chớp lia lịa như con gà mổ thóc. Chỗ cuống tai bị cắt của ông La Hán chỉ chảy mấy giọt máu. Mất tai, bộ mặt ông già trở nên trần trụi kỳ dị.

Tên sĩ quan Nhật lại gào lên một tiếng.

Tên thông ngôn nói:

- Cắt mau đi!

Tôn Ngũ cúi xuống, đưa dao cắt bộ phận sinh dục của ông La Hán, đặt vào chiếc đĩa sứ tên lính

Nhật đang cầm. Tên lính Nhật giơ hai cánh tay cứng cáp ra, hai mắt nhìn thẳng, như một tượng gỗ đi đến trước đám dân chúng. Bố cảm thấy ngón tay lạnh giá của bà lún sâu vào bả vai ông. Tên lính Nhật đặt chiếc đĩa trước mặt con chó béc-giê, nó ngoạm lấy rồi lại nhả ra.

Ông La Hán gào thét dữ dội, tấm thân gầy gò xương gầy giụa rất mạnh trên cột buộc ngựa.

Tôn Ngũ quảng dao đi quỳ xuống đất, gào khóc rất to.

Viên sĩ quan Nhật thả dây da ra, con chó béc-giê lao đến, hai chân trước nó chồm lên vai Tôn Ngũ, nhe hàm răng nhọn hoắt trước mặt Tôn Ngũ. Tôn Ngũ nằm lăn ra đất, hai tay ôm lấy mặt.

Viên sĩ quan Nhật huýt sáo, con chó béc-giê kéo lê dây da chạy trở lại.

Tên thông ngôn quát:

- Cắt mau!

Tôn Ngũ bò dậy, cầm lấy dao bước thấp bước cao đi đến trước mặt ông La Hán.

Ông La Hán ngoác mồm chửi lớn, tiếng chửi của ông làm tắt cả mọi người ngẩng lên.

Tôn Ngũ nói:

- Ông anh... Ráng chịu nhé...

Ông La Hán phùng má phun máu vào mặt Tôn Ngũ.

- Cắt, tiên sư mày, cắt đi!

Tôn Ngũ lại cầm lấy dao, tiếp tục lột da bắt đầu từ vết thương trên đầu ông lột xuống, tiếng dao kêu soàn soạt. Hắn lột rất tỉ mỉ. Da đầu ông La Hán tụt xuống. Lộ ra đôi mắt tím xanh. Lộ ra từng tảng thịt...

Bố kể với tôi rằng, sau khi da mặt bị lột hết cái mồm không thành hình cái mồm của ông La Hán vẫn phát ra những tiếng ồ ồ; từng giọt máu đỏ tươi vẫn từ trên đầu rỏ xuống. Tôn Ngũ không còn là con người nữa, hắn dùng dao điệu nghệ thế, lột cả tám da người mà không sót một chỗ nào. Ông già bị lột hết da biến thành một cục thịt, ruột ở trong bụng chuyển động co vào giãn ra, từng đàn nhặng xanh bay kín trời. Đàn bà con gái đều quỳ xuống đất, khóc động trời dậy đất. Đêm hôm ấy trời đổ mưa to, rửa sạch vết máu trên bãi buộc ngựa, xác và da của ông La Hán biến đâu mất. Tin xác ông La Hán biến mất truyền đi trong xóm, một truyền mười mười truyền trăm, đời này truyền đời khác, và biến thành một câu chuyện thần thoại đẹp đẽ.

"Nếu hán dám trêu tức lão, thì lão lấy sọ hán làm nổi đựng nước đá cho mà xem". Mặt trời càng cao càng nhỏ, tỏa nắng sáng trong làm khô những giọt sương trên ngọn cao lương, từng đàn vịt trời bay đi. Người của chi đội Lanh vẫn chưa tới. Trên đường cái, thỉnh thoảng có con thỏ rừng chạy qua, ngoài ra không còn một động vật nào nữa. Về sau có thêm con

cáo màu lửa đỏ lăm le lăm lét chạy qua. Tư lệnh Từ chỉ thị đội trưởng Lanh xong, hét:

- Thôi đứng dậy! Tám phần mười là chúng ta mắc lừa thằng Lanh mặt rỗ chó chết rồi!

Các đội viên nằm phục mãi mệt lăm rồi, chỉ mong lời nói này của tư lệnh Từ. Lệnh vừa truyền ra, tất cả mọi người đều đứng cả dậy. Người thì ngồi trên đê đánh lửa hút thuốc, người thì đứng trên đê ra sức mà rặn đại.

Sau khi trèo lên bờ đê, bố vẫn còn nhớ đến những chuyện năm ngoái: Chiếc đầu bị lột hết da của ông La Hán vẫn không ngừng hiện ra trước mắt bố. Mọi người bỗng nhiên kéo ồ ra, đàn vịt trời bị kích động bay cả ra, rồi lại đậu xuống ven sông xa xa, chúng đi lắc lự, lông biếc lục và lông vàng nâu lấp loáng trong bụi cỏ.

Anh cầm xách mã tấu của anh ta và súng bộ binh của lão Dương đi đến trước mặt tư lệnh Từ. Sắc mặt anh cam khô héo, con ngươi mắt trở ra. Anh giơ tay chỉ mặt trời: mặt trời hửng lên ở phía đông nam; hạ tay chỉ con đường: đường vắng tanh; anh cầm chỉ vào bụng, kêu "be be", rồi vung cánh tay chỉ thẳng vào hướng trong làng. Tư lệnh Từ trầm ngâm một lúc, nhìn về phía những người ở phía tây đường cái, hét:

- Tất cả đến đây!

Các đội viên vượt qua đường, tập hợp trên bờ đê. Tư lệnh Từ nói:

- Hồi các anh em, thằng Lành mặt rỗ mà cả gan lừa ta, ta sẽ đập vỡ sọ hắn ra! Trời còn chưa sáng rõ, đợi một lát nữa, đợi đến trưa mà xe địch không đến, thì chúng ta lao về đầm nhà họ Đàm để tính sổ với thằng Lành mặt rỗ. Anh em hãy vào ruộng cao lương nghỉ ngơi, tôi sẽ sai Đậu Quan đi giục cơm. Đậu Quan!

Bố ngھnh mặt về hướng tư lệnh Từ.

Tư lệnh Từ nói:

- Về bảo mẹ con làm ít bánh trắng đến trưa phải mang ra. Bảo mẹ con tự đưa đến!

Bố tôi gặt đầu, xốc lại quần, giắt khẩu brô-ninh vào cạp quần, chạy như bay xuống chân đê, hướng về phía bắc con đường chạy một đoạn, rồi luồn vào trong ruộng cao lương, chạy về phía tây bắc. Bố như bơi trong biển cao lương, bắt gặp mấy xương sọ la, ngựa hình chữ nhật. Ông lấy chân đá một phát, từ trong sọ lòi ra mấy con chuột đồng đuôi ngắn, lông lỏm chỏm nhưng không sợ hãi mấy nhìn ông, rồi lại chui tọt vào trong sọ. Bố lại nhớ tới hai con la đen to của nhà mình, nhớ đến sau khi con đường đã đắp xong lâu rồi, mỗi lần nổi gió đông nam, ở trong làng vẫn còn ngửi thấy mùi xác chết đến ghê người. Trên sông Mạc Thủy, năm ngoái từng nổi lên mấy chục xác ngựa, la trương phềnh rũ nát, chúng dạt vào chỗ nước cạn mọc đầy cỏ ở ven sông. Bụng các con ngựa con la, nặng rội làm trương phềnh, rồi bỗng nứt toác ra, ruột nổi lênh bênh, tiết ra thứ nước màu xanh sẫm, chảy vào sông Mạc Thủy.

Khi bà tôi vừa tròn mười sáu tuổi, cụ tôi bèn gả cho Đon Biển Lang, đưa con một của một tài chủ nổi tiếng tên là Đon Đình Tú ở quê hương Đông Bắc Cao Mật. Nhà họ Đon chuyên nghề nấu rượu bằng nguyên liệu cao lương giá rẻ, rượu cất rất ngon, nổi tiếng khắp vùng hàng trăm dặm. Địa thế quê hương Đông Bắc rất trũng, thường bị nước mưa thu tràn ngập, giống cây cao lương thân cao, chống được úng, được trồng ở khắp nơi, năm nào cũng được mùa. Sở dĩ nhà họ Đon giàu có nhất vùng, là vì giá cao lương quá rẻ. Bà tôi lấy được Đon Biển Lang là vinh hạnh của cụ ngoại tôi. Bấy giờ, có biết bao nhiêu người mơ ước được kết hôn với nhà họ Đon, mặc dù có tin đồn Đon Biển Lang mắc bệnh hủi. Đon Đình Tú là một lão già nhỏ thó, khô không khốc, đằng sau gáy vát vẹo một cái đuôi sam nhỏ cũng khô không khốc. Nhà ông ta tiền bạc đầy nương mà ăn mặc lại rách rưới, lại còn buộc một cái dây rơm ngang bụng nữa chứ! Bà tôi làm dâu nhà họ Đon là do trời định. Hôm ấy, bà tôi đang chơi vui vẻ với các thiếu nữ tóc dài, chân nhỏ ở bên cạnh cột đu. Hôm ấy là tiết thanh minh, đào hồng liễu xanh, mưa bụi phát phơ, mặt ai nấy đều nở đẹp như hoa vì là con gái được giải phóng. Bà

tôi lúc ấy cao một mét sáu mươi, nặng sáu mươi ký lô, mình mặc chiếc áo vải ngoại hoa nhỏ, chiếc quần lĩnh màu xanh, cổ chân quần khăn lụa màu đỏ thẫm. Do mưa bụi, bà tôi đi đôi hài hoa đã được tắm hơn chục lần bằng dầu cây đồng, bước đi kêu sột soạt. Phía sau gáy là chiếc bím tóc to đen bóng, cổ đeo một chiếc xuyên bạc khá nặng. Cụ ông tôi là thợ kim hoàn mà. Cụ bà tôi là con gái một địa chủ sa sút, cụ biết rằng chân nhỏ có ý nghĩa to lớn đối với người con gái như thế nào. Bà tôi chưa được sáu tuổi đã bắt đầu bó chân, mỗi ngày bó một chặt. Một mảnh vải dài hơn một trượng, cụ bà tôi dùng để bó chặt lấy chân bà tôi, làm cho các ngón chân không phát triển được, trông rất thảm! Mẹ tôi cũng chân nhỏ, mỗi lần nhìn thấy chân mẹ, lòng tôi đau đớn, những muốn hét lên: "Đả đảo chủ nghĩa phong kiến! Chân người được tự do muôn năm!". Bà tôi chịu hết cực khổ, cuối cùng bó thành gót sen vàng ba tấc. Mười sáu tuổi năm ấy, bà tôi đã nở nang đầy đặn, xinh đẹp, khi đi hai tay vung vẩy, thân eo lắc la lắc lư như cây dương liễu bị gió thổi. Hôm ấy, Đồn Đình Tú xách một giỏ phân đi qua thôn của cụ ngoại tôi, trong nhiều loại hoa, ông ta thấy vừa ý bà tôi. Ba tháng sau, một chiếc kiệu đã đón bà tôi đi.

Bà ngồi mãi trong kiệu hoa buồn bực, mắt hoa dâu vằng. Mảnh vải đỏ trùm đầu che mắt mắt bà tôi, vải hoa bốc ra mùi mốc rất khó chịu. Bà giơ tay vén

tấm vải hoa đỏ ra - Cụ bà tôi dần đi dần lại, cảm bà không được vén tấm vải đỏ trùm đầu - một chiếc kiềng bằng bạc tuột xuống cổ tay, bà nhìn thấy hình con rắn chạm ở trên chiếc kiềng, lòng dạ rối như tơ vò. Gió ẩm thổi vào những cây cao lương xanh biếc mọc ở hai bên đường đất hẹp. Tiếng chim gáy kêu cục cu từ ruộng cao lương vọng lại. Phấn hoa cao lương màu bạc tỏa ra mùi thơm thanh khiết. Trên tấm rèm kiệu che trước mặt bà thêu những con rồng, con phượng, mảnh vải đỏ trên rèm do cho thuê nhiều năm nên đã phai màu xỉn lại, ở giữa loang lổ một vết dầu to tướng. Cuối hạ đầu thu, ánh nắng bên ngoài kiệu chói chang, bọn phu khuân kiệu bước đi nhịp nhàng khiến cho chiếc kiệu cũng lắc lư theo, dây da bò chưa thuộc buộc kiệu kêu cọt két, rèm che kiệu nhè nhẹ rung rinh, từng chùm tia sáng và từng làn gió mát lọt vào trong kiệu. Người bà đầy mồ hôi, tim đập như gõ trống, lắng nghe tiếng bước chân nhịp nhàng và tiếng thở nặng nề của phu khuân kiệu, ở trong đầu bà hiện ra một cảm giác lúc thì lạnh lùng trơn nhẵn như đá sỏi, lúc thì nồn nóng cồn cào như xát ớt.

Sau khi bà được Đơn Đình Tú để ý không biết bao nhiêu người đã đến chúc mừng hai cụ ngoại tôi. Mặc dù bà cũng nghĩ đến những ngày sống sung sướng phong lưu nhưng mong hơn vẫn là lấy được người chồng có học, biết điều, mặt mày thanh tú. Khi ngồi trong khuê phòng thêu áo cưới, bà tôi đã thêu

một bức tranh đẹp về người ông tương lai của tôi. Bà từng mong chóng đến ngày cưới, nhưng qua lời các bạn gái nói lấp lửng thì nghe đâu cậu công tử họ Đơn bị bệnh hủi, lòng bà giá lạnh. Bà nói nỗi lo ấy với bố mẹ. Cụ ông tôi lấp liếm không trả lời, cụ bà tôi mắng cho lù bạn gái của bà tôi một trận, đại ý nói là cáo không lấy được nho an liền chê nho chua. Về sau cụ ông tôi lại nói là công tử họ Đơn học rộng biết nhiều, trắng trẻo đẹp trai. Bà tôi hoang mang, không biết đâu là thật là giả, nhưng sau nghĩ lại trong thiên hạ không có bố mẹ nào lại nhân tâm với con. Có lẽ bọn bạn nói liêu. Bà lại bắt đầu mong sớm đến ngày cưới. Bà đang ở độ tuổi thanh xuân rạo rực nên cảm thấy buồn da diết và cô đơn lạnh lẽo. Bà ước ao được nằm trong lòng người đàn ông ấm áp để cho tiêu tan nỗi buồn và cô quạnh. Ngày cưới cuối cùng đã đến. Bà bị đưa lên chiếc kiệu lớn bốn người khiêng, kèn lớn kèn nhỏ thổi nghe thê thảm ở trước và sau kiệu, bà không cầm được nước mắt, để nó tự chảy xuống má. Khi kiệu được khiêng đi, lửng lơ như cuối mây cuối gió, thợ kèn lười biếng vừa ra khỏi làng không xa đã ngừng thổi, bước chân của phu khiêng kiệu bỗng trở nên nhanh hơn. Mùi thơm của cao lương thấm sâu vào lòng người. Chim lạ thú quý trong cánh đồng cao lương hót véo von trầm bổng khi từng tia nắng rơi vào trong kiệu, thì hình bóng người chồng của bà rõ dần lên. Lòng bà như bị kim châm, đau đớn vô cùng.

"Trời ơi, hãy cứu con!". Lời cầu khẩn ở trong lòng bà khiến môi hồng mấp máy. Trên môi bà có một lớp lông tơ mềm mại. Bà xinh tươi rực rỡ, hồng hào nồn nà. Lời nói thâm của bà bị vách kiệu và rèm vải nặng nề hút hết sạch trơn. Bà đặt mảnh vải trùm đầu mềm mại vừa bị xé lên đầu gối. Theo tục lệ xuất giá, trời rất nóng, bà vẫn phải mặc áo bông, quần bông mới. Phía trong kiệu sứt sẹo dơ bẩn. Nó như chiếc quan tài, không biết đã nhốt bao nhiêu cô dâu, biến thành xác chết không hồn. Tám đoạn vàng che trên vách kiệu đầy những vết dầu ố, có năm con nhặng xanh, thì có ba con bay lượn ong ong trên đầu bà, còn hai con đậu trên rèm kiệu, chân đen xoa xoa đôi mắt sáng bóng. Bà buồn quá, nhẹ nhàng dùng bàn chân nhọn như cái măng chọc thủng rèm để nhìn trộm ra ngoài. Bà nhìn thấy những cặp giò của phu khiêng kiệu quá ống quần lụa rộng của họ, những bàn chân to bè đi giày bện bằng dây. Bước chân rầm rập của họ hất tung bụi. Bà đoán thân hình họ phải lực lưỡng lắm. Không tìm được, bà di chuyển gót chân nhoài mình về phía trước. Bà nhìn thấy đòn khiêng gỗ hộc màu tím nhẵn bóng và đôi vai rộng của phu khiêng kiệu. Hai bên đường, cao lương liền một dải như một tấm phản xô đi xô lại. Những bông cao lương màu xanh nhạt, hạt chưa mấy bông nào cũng giống bông nào. Cao lương mệnh mông vô tận, trông như dòng sông đang chảy dào dạt. Đường có những chỗ rất hẹp, lá cao lương bám đầy rệp cọ vào kiệu nghe sột soạt.

Từ thân thể người phu kiệu tỏa ra mùi mồ hôi chua, bà hít lấy hít để mùi vị của đàn ông, trong lòng bà chắc chắn là nổi lên từng cơn sóng xuân tình. Khi kiệu đi qua hàng phố, phu kiệu đều bước chữ "bát" gọi là "đạo phố". Sở dĩ làm như vậy một mặt là cố làm vừa lòng chủ, để được thưởng nhiều tiền; mặt khác là để tỏ ra phong độ nghề nghiệp đẹp đẽ. Khi "đạo phố" bước đi không nhịp nhàng không phải là hảo hán, tay phải vịn vào đòn kiệu không phải là hảo hán. Phu kiệu lành nghề, hai tay đều chống nạnh, bước đi nhịp nhàng, nhịp kiệu lắc lư phải khớp với tiếng kèn véo von của các tay thợ thổi kèn, phải làm sao cho mọi người cảm thấy được đằng sau bất cứ một thành công nào cũng phải trải qua khổ luyện công phu. Kiệu đi đến cánh đồng Bình Xuyên, thì các phu kiệu bắt đầu đi chệch choạc, một là để cho nhanh, hai là để trêu cô dâu. Có cô dâu, bị kiệu lắc mạnh quá nôn oẹ bữa bãi làm bắn cả áo hoa, hài thêu; phu kiệu thấy cô dâu nôn oẹ lấy làm khoái trá. Những người con trai trẻ trung khỏe mạnh này, thấy mình khiêng kiệu cho người ta hưởng sung sướng là một sự hy sinh, trong lòng nhất định là xót xa, nên họ mới trêu tức cô dâu.

Trong bốn người khiêng kiệu cho bà tôi hôm ấy, có một người đã trở thành ông tôi. Ông là tư lệnh Từ Chiếm Ngao. Bấy giờ, ông vừa hai mươi tuổi, là người giỏi giang nhất trong đám phu nhà Đơn của quê

hương Đông Bắc. Các chàng trai cùng lứa như ông tôi đều có tính cách rõ ràng như cao lương của người Đông Bắc, vùng Cao Mật, hậu sinh hèn kém chúng tôi không bì được. Quy cách lúc bấy giờ, phu kiệu trên đường trêu ghẹo cô dâu chẳng khác gì bọn thợ nấu rượu được uống rượu nóng, cô dâu là con vua, con trời thì họ cũng cứ trêu như thường.

Lá cao lương quệt vào kiệu kêu sột soạt. Từ trong đám ruộng cao lương xa xa, bỗng vẳng lại tiếng khóc thảm thiết, làm mất đi vẻ đơn điệu dọc đường đi. Tiếng khóc và tiếng của bọn thợ kèn sao mà hòa nhịp thế. Bà liên nghĩ tiếng nhạc thê lương này nhất định là đám thợ kèn cố ý thổi đây. Bà lấy chân hất tấm rèm cửa nhìn thấy tấm lưng trần dầm mồ hôi của một phu kiệu, bà lại nhìn thấy rõ hơn đôi chân mình đi hài thêu hoa to màu đỏ. Đôi chân vừa nhọn vừa gầy trông rất thảm thương. Ánh sáng từ bên ngoài rọi vào chiếu lên đôi chân, trông chúng như hai cánh hoa sen, chúng lại càng giống đôi cá vàng đang lặn ở đáy nước trong vắt. Hai giọt nước mắt nhỏ long lanh như hai hạt cao lương ứa ra từ đôi mi mắt bà, lăn xuống chảy vào mép. Lòng bà vừa buồn vừa khổ, hình bóng ông chồng được mô tả nho nhã, phong lưu như các nhân vật trong kịch đã bị nước mắt làm mờ đi và mất hẳn. Bà sợ hãi tưởng tượng ra bộ mặt hủi ghê tởm của Biển Lang nhà họ Đơn, lòng tê tái. Bà nghĩ: Lá ngọc cành vàng, mặt hoa da phấn, phong lưu dịu dàng lẽ nào lại để cho một tên hủi chiếm đoạt

hưởng thụ. Nếu đúng như vậy thì thà chết còn hơn. Tiếng khóc thê thảm từ trong ruộng cao lương vọng lại nghe rõ từng câu: "*Trời xanh ơi, trời xanh - Ông trời đẹp đẽ sắc màu ơi - Người hại anh tôi chết mất rồi - Trời, anh làm hại đời em*". Tôi không thể không nói cho bạn đọc biết rằng, những người dân bà quê hương Đông Bắc vùng Cao Mật chúng tôi khóc cũng hay như hát vậy. Năm dân quốc thứ nhất (tức 1911 - ND), "chuyên gia nghiên cứu tiếng khóc" của họ Khổng phu tử huyện Khúc Phụ tên là Chuyên Trình Tiên từng đến đây học cách khóc đấy. Ngày cưới mà gặp người vợ khóc chồng, bà cảm thấy đó là điều dữ, lòng đang trĩu nặng giờ càng trĩu nặng hơn. Lúc ấy, có một phu kiệu mở miệng nói:

- Em gái ngồi kiệu ơi, nói chuyện với các anh mấy câu nào! Đường xá xa xôi, buồn thấy mồ!

Bà vội vàng cầm lấy mảnh vải đỏ trùm lên đầu ngón chân đang vạch rèm vải cũng nhẹ nhàng rút lại, trong kiệu lại tối đen như mực.

- Hát một bài cho các anh nghe đi, các anh khiêng em mà!

Thợ thổi kèn như tỉnh mộng, thổi rộn lên ở phía sau kiệu. Kèn lớn thổi:

- Toe toe - toe toe!

- Tò toe - tò toe. Đi phía trước kiệu, các người bắt chước tiếng kèn. Đằng trước đằng sau kiệu, vang lên tiếng cười khà ố.

Người bà dầm đĩa mỡ hôi. Trước khi bước lên kiệu, cụ bà tôi dặn đi dặn lại bà tôi, dọc đường tuyệt nhiên không được hé miệng chuyện trò với phu kiệu. Bọn họ, thợ kèn cũng như phu kiệu đều là những bọn xấu xa, quỷ quái, làm đủ mọi chuyện bậy bạ.

Bọn họ lắc kiệu mạnh, dít bà ngồi không yên, hai tay phải nắm lấy ván ngồi.

- Không mở miệng hả? Lắc! Lắc không ra lời thì phải lắc vãi nước dãi nó ra!

Chiếc kiệu bây giờ như con thuyền nhỏ giữa sóng gió, bà gắng hết sức nắm lấy ván ngồi, hai quả trứng ăn buổi sáng đang lộn lên ở trong bụng, đàn nhặng hay vo vo bên tai, cổ họng bà rất khó chịu, mùi tanh của trứng đưa lên miệng, bà mím chặt môi. Không được nôn, không được nôn! Bà tự ra lệnh cho mình, không được nôn. Người ta nói nôn ra kiệu là điều dữ nhất, nôn ra kiệu, thì suốt đời sẽ bất hạnh...

Lời nói của bọn phu kiệu mỗi lúc một khả ố. Bọn họ, kẻ thì rửa cụ ông tôi là tiểu nhân, thấy tiền thì sáng mắt ra, kẻ thì nói chẳng khác gì hoa thơm cắm vào bãi cứt trâu, kẻ thì nói Đồn Biển Lang là thằng hủi chảy mủ vàng. Họ nói, đứng ở ngoài sân cũng có thể ngửi thấy mùi thối của thịt rữa, trong sân nhà họ Đồn, nhặng xanh bay thành đàn...

- Cô em ơi, chớ để cho thằng Đồn Biển Lang nó mó vào người, nó mà mó vào, người em cũng thối rữa ra đấy!

Kèn lớn, kèn nhỏ thổi lúc to lúc nhỏ. Mùi trứng tanh càng bốc lên dữ dội, bà nghiêng rặng mím môi, cổ họng như có nắm đấm, đang nện, bà không nhin được nữa, vừa há mồm, bèn nôn thốc nôn tháo ra rèm kiệu, năm con nhặng xanh lè bay nhanh như viên đạn lao đến bãi nước vừa nôn.

- Nôn rồi nôn rồi, lặc mạnh vào! - Bọn phu kiệu hò hét. - Lặc nữa, sớm muộn thế nào rồi cũng phải mở miệng thôi!

- Các anh ơi... tha cho em. - Bà tôi vừa ọe vừa nói một cách khó nhọc, nói xong, bà khóc òa lên. Bà cảm thấy mình bị oan ức, bà thấy tiền đồ đen tối, suốt đời không thoát được bể khổ. - Ôi bố, ôi mẹ, bố tham tiền, mẹ nhẫn tâm, bố mẹ hủy diệt đời con.

Bà khóc rống lên, con đường nhỏ trong cao lương rung động. Bọn phu thôi không lặc kiệu nữa, bọn thợ kèn theo dóm ăn tàn cũng thôi không thổi nữa. Chỉ còn lại có tiếng nấc của bà, rồi tiếng sáo bi thảm nức nở theo tiếng khóc còn hay hơn cả tiếng khóc của người con gái. Bà thôi khóc để lắng nghe tiếng sáo, như nghe âm nhạc từ thiên quốc vọng tới. Mặt bà son phấn phai pha, nước mắt lã chã, trong tiếng nhạc bi ai, bà nghe thấy tiếng của sự chết, ngửi thấy mùi của sự chết, nhìn thấy môi đỏ thắm như cao lương của thân chết và nụ cười vàng như ngô của thân chết.

Phu kiệu lặng im không nói, bước chân nặng nề. Tiếng nấc nghẹn của người bất hạnh trong kiệu, và tiếng sáo phía sau kiệu làm cho họ lòng dạ rối bời,

bồn chồn lo ngại. Đi trên con đường nhỏ trong ruộng cao lương này, không còn giống đoàn đi rước dâu nữa, mà giống như cuộc đưa đám. Người phu kiệu ở phía trước chân bà - tức là Từ Chiếm Ngao, ông tôi sau này, có một dự cảm không bình thường nó như một ngọn lửa rực cháy chiếu sáng con đường tương lai của ông. Tiếng khóc của bà tôi, đã gọi lên tình thương sớm tiem ẩn trong lòng ông.

Giữa đường phu kiệu dừng lại nghỉ, kiệu hoa chạm đất. Bà tôi khóc ngất đi, vô tình để lòi một chiếc chân nhỏ ra ngoài kiệu. Phu kiệu nhìn thấy cái chân nhỏ xinh xắn mịn màng, bất chợt hồn xiêu phách lạc. Từ Chiếm Ngao đi tới, cúi xuống, khẽ khàng, nhẹ nhàng, nắm lấy bàn chân như cầm con chim nhỏ chưa đủ lông' cánh, nhẹ nhẹ đẩy vào trong kiệu. Ngồi ở trong kiệu, bà xúc động về cử chỉ dịu dàng ấy, bà rất muốn vén màn che, nhìn xem người thanh niên dịu dàng kia là người như thế nào.

Tôi nghĩ, nhân duyên xa ngàn dặm một sợi chỉ se lại là xong, tình duyên của con người lạ trời đất tác thành nên. Đây là chân lý không thể nào tự chọn được. Do nắm lấy bàn chân bà tôi, lòng Từ Chiếm Ngao trỗi dậy một linh cảm vĩ đại về một cuộc sống mới sáng tạo. Từ đó, cuộc sống của ông thay đổi hoàn toàn, và cũng hoàn toàn thay đổi cuộc sống của bà tôi.

Chiếc kiệu lại lên đường, tiếng kèn rít lên như tiếng vượn hú rồi tắt ngấm. Gió nổi, gió đông bắc,

trên trời, từng đám mây vẫn vũ che kín ánh mặt trời, trong kiệu càng trở nên u ám. Bà nghe thấy tiếng gió thổi, cao lương kêu xào xạc đủ đợt. Sóng cao lương rậm rạp, vang mãi ra xa. Bà nghe thấy tiếng sấm vang lên từ hướng đông bắc. Bọn phu kiệu dồn chân chạy kiệu còn cách nhà họ Đon bao xa, bà không biết. bà bây giờ như con dê bị trói, càng gần đến chỗ chết, lòng càng bình tĩnh. Từ trong ngực, bà rút ra một con dao sắc, có thể là chuẩn bị cho Đon Biển Lang và cũng có thể là chuẩn bị cho mình.

Chuyện kiệu hoa bà tới bị cướp ở đầm Con Cóc nó chiếm một vị trí đáng kể trong truyền thuyết của họ hàng nhà tôi. Đầm Con Cóc là cái đầm nhỏ trong cái đầm lớn, đất rất màu mỡ, nước đầy đủ, cao lương mọc tốt tươi. Kiệu hoa bà tới đi đến đây, ánh chớp đỏ như máu xé ngang bầu trời đông bắc, một tia sáng vàng màu mỡ chui từ trong đám mây đen vọt ra chiếu xuống đường. Bọn phu thở phì phò, nóng quá mồ hôi nhễ nhại. Đi đến đầm Con Cóc, không khí nặng nề, cao lương bên đường đen ánh, không nhìn thấy gốc, cỏ hoa dại trên đường như mọc nghẽn cả lối đi. Rất nhiều cúc thỉ xa, cọng nhỏ và dài vươn lên trong đám cỏ, nở ra những bông hoa màu tím, lam, hồng, trắng bốn màu. Trong đám ruộng cao lương ở xa, tiếng cóc kêu ran lên, tiếng con cành cạch kêu thê lương, tiếng cáo kêu kéo dài. Ngồi trong kiệu, bà bỗng cảm thấy lạnh ghê người, da dẻ nổi gai ốc. Bà

còn chưa rõ chuyện gì thì nghe thấy phía trước kiệu có tiếng người quát to:

- Mau nộp tiền mãi lộ!

Tim bà giật thót một cái, không biết là buồn hay vui. trời ơi, gặp phải "cướp nhét bánh" rồi!

Quê Đông Bắc vùng Cao Mật, thô phỉ đông như rươi, bọn chúng đi lại bất thường như con cá trong ruộng cao lương, kết bè kéo đảng, bắt lừa cướp của, làm tất cả mọi chuyện từ dở đến hay, nếu cứ đối bụng là bắt hai người, giữ một người, thả một người. Bắt người được thả về thôn báo tin, bắt phải mang đến những chiếc bánh trắng to trộn trứng gà và hành. Bọn chúng ăn bánh, dùng cả hai tay ấn vào mồm, từ đó có tên là bọn cướp nhét bánh.

- Mau nộp tiền mãi lộ!

Tên cướp nhét bánh kia quát thật to. Bọn phu dừng lại, lặng lẽ nhìn tên cướp đứng dạng chân ra. Tên cướp, người không cao lắm, mặt bôi đầy mực đen, đầu đội chiếc nón bện bằng cộng cao lương, mình khoác chiếc áo tơi. Áo tơi phanh ra, lộ ra chiếc áo thâm nhiều cúc và chiếc thắt lưng rộng bản cuốn ngang lưng. Trong thắt lưng cộm lên một vật bọc bằng lụa đỏ. Tên cướp đứng tay dè lên bọc đó.

Trong phút chốc, bà thấy chẳng có gì đáng sợ cả, chết không sợ, còn sợ cái gì? Bà vén màn kiệu lên, nhìn tên cướp.

Tên cướp lại hét:

- Mau nộp tiền mãi lộ! Không thì ông nện cho chúng mày một trận bây giờ!

Hắn vỗ vỗ vào cái bọc lụa đỏ.

Thợ kèn móc từ trong lưng ra những chuỗi tiền đồng mà cụ ngoại đã cho họ, rồi ném ra trước mặt tên cướp. Phu kiệu hạ kiệu xuống, cũng móc những đồng tiền đồng ném xuống.

Tên cướp dùng chân vun gọn tiền lại thành đồng, mắt cứ nhìn chăm chăm vào bà tôi trong kiệu.

- Các người mau rút ra phía sau kiệu, nếu không tao bắn. - Hắn dùng tay vỗ vỗ vào cái vật cộm cộm ở ngang lưng, quát.

Bọn phu chậm chạp đi về phía sau kiệu. Từ Chiếm Ngao đi sau cùng, bỗng ông quay lại, hai mắt nhìn trừng trừng tên cướp. Phút chốc tên cướp biến sắc mặt, tay giữ chặt lấy chiếc bọc vải đỏ bên lưng, thét lên:

- Không được quay đầu lại! Quay lần nữa tao sẽ bắn!

Tên cướp tay vẫn đề lấy vật ở thắt lưng, chân bước vội đến trước kiệu, thò tay nắn nắn chân của bà. Bỗng bà tôi cười lên, tay tên kia như chạm phải lửa, rút ngay lại.

- Xuống kiệu, đi theo ta! - Hắn nói.

Bà ngồi ngay ngắn bất động, nụ cười vẫn in trên khuôn mặt.

- Xuống kiệu!

Bà cúi người, nhảy ra khỏi kiệu, đứng giữa hoa cúc thì xa mọc đầy đường. Mắt phải bà nhìn tên cướp, mắt trái nhìn đám phu và thợ kèn.

- Đi vào trong ruộng cao lương! - Tên cướp vừa sò vào cái bọc lụa đỏ ở lưng vừa nói.

Bà đứng thản nhiên trên đất, ánh chớp trong mây lóe sáng cùng tiếng sấm ùng ùng, nụ cười sảng khoái trên mặt bà bị xé ra thành nhiều mảnh khi đứt khi nối.

Tên cướp giục bà đi vào đám ruộng cao lương, tay hấn vắn đề lên vật kia ở thắt lưng. Bà nhìn Từ Chiếm Ngao bằng cặp mắt khảng khái, khích lệ.

Từ Chiếm Ngao đi thẳng về phía tên cướp, đôi môi mỏng của ông mím chặt thành một đường thẳng cương nghị, hai mép, cái thì vênh lên, cái thì sệ xuống.

- Đứng lại! - Tên cướp hoảng hốt quát. - Đi bước nữa tao bắn! - Tay hấn đề lên cái vật bọc lụa đỏ ở thắt lưng.

Từ Chiếm Ngao bình tĩnh tiến về phía tên cướp, ông tiến một bước, tên kia lùi một bước. Mắt tên cướp bỗng hoa lên, từng dòng mồ hôi sáng trong trắng bệch từ trên bộ mặt kinh hoàng chảy xuống. Khi Từ Chiếm Ngao còn cách hấn ba bước, hấn xấu hổ kêu lên một tiếng quay người chạy. Từ Chiếm Ngao bay người, nhằm trúng hông hấn, đá một cú rất nhanh. Người tên cướp nằm bẹp dí trên ngọn cỏ, lướt đi trên

hoa cúc thi xa, lẫn mấy vòng, chân tay lão đảo trên không như đứa bé thơ dại, cuối cùng rơi tõm xuống ruộng cao lương.

- Xin các vị, tha tội chết cho! Nhà tiểu nhân còn có mẹ già tám mươi tuổi, bắt đắc dĩ mới phải làm cái nghề này. Tên cướp nằm dưới tay Từ Chiếm Ngao kêu gào khẩn thiết.

Từ Chiếm Ngao túm lấy gáy hắn, lôi lại trước kiệu, quăng mạnh một cái xuống đường, đoạn nhằm cái miệng đang van xin không ngớt đá một cú. Tên cướp bèn thét lên, một nửa nhỏ đi, một nửa nuốt vào trong bụng, máu mũi chảy ra.

Từ Chiếm Ngao cúi xuống lục tìm cái vật ở trong lưng tên cướp, vứt mảnh vải đỏ đi, lôi ra một mẫu gỗ cong cong, mọi người đều bàn tán xì xào mãi không thôi.

Tên kia quỳ dưới đất van lạy xin tha liền hồi. Từ Chiếm Ngao nói:

- Tên cướp này nói nhà hắn còn có mẹ già tám mươi tuổi. - Đoạn ông lùi ra một bên, nhìn bọn phu và thợ kèn, như con chó đầu đàn nhìn bầy chó vầy.

Bọn phu và thợ kèn hò hét, lao đến; vây lấy tên kia, rồi giơ nắm đấm lên giáng vào người tên cướp. Lúc đầu tên cướp còn kêu ré lên, lát sau, không nghe thấy nữa. Bà đứng bên đường nghe tiếng đấm tới tấp vào xác thịt tên cướp, liếc nhìn Từ Chiếm Ngao, rồi ngẩng đầu nhìn tia chớp ở chân trời, trên khuôn mặt bà vẫn nở nụ cười rực rỡ, quý như vàng.

Một người thợ kèn vung cái kèn lên, nhằm đúng bụng tên cướp, chụp xuống, vành loa kèn cắm phập vào da thịt tên cướp, rút mãi mới ra. Bụng tên cướp kêu cùng cục, thân thể gân cốt hần giã ra, nằm nhũn như bánh ở dưới đất. Một dòng nước đỏ trắng lẫn lộn từ vết thương sâu hoắm từ từ chảy ra.

- Chết rồi? - Một thợ kèn, xách kèn hỏi.

- Đánh chết rồi, cái của này, không chịu được đòn!

Đám phu và thợ kèn tái xanh tái mét, tỏ ra hoảng hốt, lo lắng.

Từ Chiếm Ngao ngó kẻ chết, rồi lại nhìn người sống, không nói một câu. Ông vật ít lá cao lương gột sạch đồng nôn của bà ở trong kiệu, rồi lại giở cái mẩu gỗ nhìn nhìn, lấy mảnh lụa đỏ bọc lại rồi quăng mạnh ra xa, cục gỗ vượt đi trước, mảnh lụa bọc tụt lại sau, như cánh bướm lớn màu đỏ đỏ xuống ruộng cao lương.

Từ Chiếm Ngao đỡ bà lên kiệu và nói:

- Sắp mưa rồi, đi mau!

Bà xé tấm màn che kiệu, nhét vào một góc kiệu, bà hít thở không khí tự do, ngắm nhìn vai rộng lưng eo của Từ Chiếm Ngao. Ông đứng cách kiệu rất gần, bà chỉ việc duỗi chân một cái là có thể chạm vào da đầu ông.

Gió ngày một mạnh, cao lương bị đẩy trước đồn sau, tạo thành những cơn sóng bất tận, cao lương bên đường thò đầu ra giữa đường, như uốn cong người

chào bà tôi. Phu kiệu chạy như bay mà chiếc kiệu vẫn êm ả lạ thường, như chiếc thuyền con lướt trên ngọn sóng. Éch nhái phẩn khởi kêu ong ong, đón chào cơn mưa to mùa hè sắp đổ xuống, màn trời thấp, nặng nề nhìn xuống khuôn mặt cao lương màu chì, từng ánh chớp đổ rực quất lên cao lương; tiếng sấm dữ dội, rung cả màng nhĩ, nhưng lòng bà vẫn khẳng khái, phẩn chấn, nhìn chăm chú cơn sóng xanh tạo nên bởi làn gió đen mà không hề biết sợ; mây vẫn vũ chuyển động cũng tạo nên âm thanh, hướng gió thay đổi, cao lương lắc lư bốn phía, đồng ruộng cuồn cuộn. Giọt mưa hung hãn đầu tiên dội xuống làm cho cao lương run rẩy, làm cho ngọn cỏ rầu rầu, làm cho cát bụi trên đường tụ lại thành đóng, rồi lập tức lại vỡ ra, làm cho đỉnh kiệu kêu lộp lộp; giọt mưa đánh vào đôi hài hoa của bà, đánh vào đầu của Từ Chiếm Ngao, xiên vào mặt bà.

Bọn Từ Chiếm Ngao chạy vội như thỏ mà vẫn không tránh được trận bão táp trước giờ ngọ. Mưa quật đổ bao nhiêu cây cao lương, mưa rào vùi trên khắp cánh đồng, cóc nhái nấp dưới gốc cao lương, run rẩy da trắng bệch, lũ cáo ngồi chồm hồm trong hang động tối om, nhìn hạt mưa từ lá cao lương rơi xuống. Đường sá mau chóng biến thành lầy lội, cỏ nằm dí xuống đất, hoa cúc thối xa vẫn tỉnh táo ngóc đầu ướt át. Quần đen rộng thùng thình của phu kiệu dính chặt vào da thịt, thân thể họ trở nên mảnh khảnh dễ coi. Da đầu của Từ Chiếm Ngao được nước mưa rửa

sạch bóng loáng, trong con mắt của bà trông như một vành trăng tròn. Quần áo của bà cũng bị nước mưa làm ướt, lẽ ra bà có thể treo tấm màn kiệu lên che mưa, nhưng bà không treo, và cũng không muốn treo. Qua cửa kiệu sáng loáng, bà nhìn thấy thế giới bao la hùng vĩ, rối loạn, không yên.

6

Bố rẽ cây cao lương, hướng về phía Tây Bắc - quê hương chúng tôi - mà luồn thật nhanh. Bò lên được con đường đất, không còn cao lương vướng chân, chạy nhanh như thỏ rừng, khẩu súng brô-ninh, nặng trĩu làm cho dây lưng bằng vải màu đỏ uốn thành trăng lưỡi liềm. Súng lục đập vào xương hông của ông, tuy đau đớn nhưng ông thấy mình đã trở thành chàng trai biết cưỡi ngựa, vung gươm rồi. Thôn trang còn ở xa xa, đầu thôn có cây cổ trắng xum xuê um tùm đã sống hơn một trăm năm, đón chờ ông. Bố rút súng ra, cầm trong tay vừa chạy vừa ngắm nhìn bóng quạ đen đẹp đẽ chao đi chao lại trong không trung.

Trên đường phố không một bóng người, không biết con lừa lông lá, chân què, mắt mù của nhà ai buộc cạnh bức tường đất đã rụng vôi vữa, con lừa cúi đầu đứng bất động. Trên hai con lăn bằng đá để lộ thiên, có hai con quạ xanh thắm đậu trên đó. Người

trong thôn thường tụ tập trên bãi đất trống trước lò nấu rượu của nhà tôi. Ở đây từng đỏ trời đỏ đất, từng đông cao lương đỏ nhà tôi mua về. Lúc bấy giờ bà tôi thường cầm cái phất trần đuôi trắng, kéo lê đôi chân nhỏ xiu, đi coi những người say rượu của nhà tôi. Bà dùng đầu gối để mua cao lương, mặt bà hồng hào rực rỡ như ánh ban mai. Những người trên bãi đất hướng về phía đông nam, nghe ngóng tiếng súng vọng đến bất cứ lúc nào. Một số trẻ con tinh nghịch bằng tuổi bố tôi, tuy chân tay ngựa ngáy, nhưng cũng không dám nghịch quấy.

Bố tôi và Tôn Ngũ, người đã dùng dao bầu tróc da ông La Hán, từ hai hướng khác nhau cùng đi đến bãi đất. Sau khi làm việc ấy, Tôn Ngũ thần kinh hoảng loạn, khoa chân múa tay, mắt nhìn trừng trừng, mồm thường lấp bắp, ăn nói lung tung, miệng nhỏ nước bọt trắng, quỳ xuống đất, hét:

- Anh ơi, anh, anh ơi, quan trên bắt tôi làm, tôi không thể không làm. Anh chết rồi lên thiên đàng, cưỡi ngựa bạch, ngồi yên gấm, mặc long bào, cầm roi vàng...

Người trong thôn thấy anh ta thế, cũng bớt giận anh ta. Sau khi điên mấy tháng Tôn Ngũ lại thêm chứng bệnh nữa. Sau khi gào thét một hồi bỗng mồm anh ta méo xệch, nước mũi nước miệng cứ chảy ra, nói không nghe rõ nữa. Người trong thôn bảo đó là trời phạt.

Bố tôi tay xách khẩu brô-ninh, thở hồng hộc, trên đầu đầy phấn trắng, bụi đỏ của cây cao lương. Tôn Ngũ quần áo rách bươm, nhàu nát, chân trái cứng đơ, chân phải mềm nhũn. đi cà nhấc vào trong bãi đất, không ai thèm quở hấn. Mọi người đều nhìn bố hiên ngang khí khái.

Bà đi đến trước mặt bố. Bà mới hơn ba mươi tuổi, tóc búi tó, phía trước trán mấy sợi tóc uốn cong rũ xuống như chiếc màn thưa che ánh sáng mắt trời. Mắt bà vẫn long lanh như nước mùa thu, có người nói rượu cao lương nhuộm nền trời. Mười năm gió mưa quay cuồng, bà tôi từ một người con gái trinh tiết đã trở thành một thiếu phụ phóng dăng.

Bà hỏi:

- Thế nào?

Bố thở hổn hển, giắt khẩu brô-ninh vào thắt lưng.

- Bọn giặc không đến à? - Bà hỏi.

- Chi đội Lành, đồ chó chết, chúng ta không tha cho nó đâu! - Bố nói.

- Có chuyện gì thế? - Bà hỏi.

- Tráng bánh tráng. - Bố nói.

- Không nghe nói phải làm. - Bà nói.

- Tráng bánh tráng, cho nhiều trứng gà và hành vào.

- Bọn giặc không đến à? - Bà hỏi.

- Tư lệnh Từ bảo tráng bánh tráng và bảo mẹ đưa bánh đi.

Bà nói:

- Bà con ơi, về nhào bột bánh tráng đi.

Bố quay người định chạy, bị bà giơ tay kéo lại, bà nói:

- Đâu Quan nói cho mẹ biết, chi đội Lành làm sao?

Bố rút buột khỏi tay bà, giận dữ nói:

- Chi đội Lành chẳng thấy bóng vía đâu cả, tu lệnh Từ không tha cho họ đâu.

Bố chạy đi. Bà dõi theo bóng nhỏ gầy bé của bố, thở dài. Trên mảnh đất rộng lớn, Tôn Ngũ đứng nghiêng nghiêng, ngó bà trần trần, hấn giơ tay chỉ chỗ, nước dãi chảy vòng quanh miệng.

Bà không để ý đến Tôn Ngũ đi về phía cô gái mặt trái xoan đang dựa vào tường. Cô gái mặt trái xoan cười sảng sặc với bà. Khi bà đi đến trước mặt cô gái, cô ta bỗng ngồi thụp xuống, hai tay túm chặt lấy cạp quần và kêu ré lên. Đôi mắt cô ta sâu như vực thẳm, ánh lên một ánh sáng điên dại. Bà vuốt mặt cô ta, nói:

- Linh Tử, cháu ngoan đừng sợ.

Cô Linh Tử mười bảy tuổi, là cô gái đẹp nhất thôn chúng tôi lúc bấy giờ. Hồi đầu tư lệnh Từ phát cờ chiêu binh tập mã, tổ chức nên đội quân hơn năm mươi người. Trong đội quân có một chàng trai mảnh khảnh, mặc bộ đồ đen, đi đôi giày da trắng, mặt trắng xanh, để bộ tóc dài đen. Nghe nói Linh Tử yêu người thanh niên ấy. Anh ta nói giọng Bắc Kinh rất

hay, chưa bao giờ cười, lông mày co rúm lại, giữa hai lông mày có ba vết nhăn nằm dọc. Mọi người đều gọi anh ta là phó chỉ huy Nhiệm. Qua vẻ bề ngoài lạnh lùng của phó chỉ huy Nhiệm, Linh Tử thấy có ngọn lửa nóng ghê người, nung đốt khiến cô đứng ngồi không yên. Lúc bấy giờ, đội quân của tư lệnh Từ sáng nào cũng đến sân nhà tôi nơi mua cao lương, để tập luyện, lính thổi kèn của tư lệnh Từ là Lưu Tử Sơn. Mỗi lần trước khi tập, Lưu Tử Sơn thổi kèn tập hợp đội ngũ. Hễ nghe thấy tiếng kèn, Linh Tử từ trong nhà chạy vội ra bãi tập, trèo lên tường đất trông đợi phó chỉ huy Nhiệm. Phó chỉ huy Nhiệm là sĩ quan huấn luyện, anh ta thắt dây da bò rộng bản, khẩu súng ngắn brô-ninh đeo lưng lẳng trên thắt lưng da.

Phó chỉ huy Nhiệm uốn ngực thót bụng, đi đến trước hàng quân, hô nghiêm, hai gót chân đập đánh bốp một cái. Phó chỉ huy Nhiệm nói:

- Khi đứng nghiêm, hai chân phải thẳng, bụng thót, ngực uốn về phía trước, mắt mở tròn như con báo ăn thịt người vậy. Hãy trông dáng của thằng cha này! - Phó chỉ huy Nhiệm đá Vương Văn Nghĩa một cái, nói, - Sao cứ dạng ra như lừa ngựa đứng đái vậy, đứng nghiêm thôi mà tập cũng không ra hồn.

Linh Tử thích xem phó chỉ huy Nhiệm đánh người, thích nghe phó chỉ huy Nhiệm quát mắng người. Tác phong lạnh lợi của phó chỉ huy Nhiệm khiến cô nhìn đến mê người. Khi không có việc gì,

anh thường đến sân nhà tôi, chắp tay sau lưng đi dạo, Linh Tử nấp sau tường nhìn trộm anh ta.

Phó chỉ huy Nhiệm hỏi:

- Cô tên gì?

- Linh Tử.

- Cô nấp sau tường xem cái gì?

- Xem anh.

- Cô biết chữ không?

- Không biết.

- Cô muốn đi lính không?

- Ừa, không muốn.

Về sau Linh Tử hối hận, cô ta nói với bố tôi rằng, nếu như phó chỉ huy Nhiệm hỏi lại cô, thì cô sẽ nói muốn đi lính. Nhưng phó chỉ huy Nhiệm không hỏi lại nữa.

Linh Tử và bố tôi đứng ở đầu tường, xem phó chỉ huy Nhiệm đang dạy hát những bài hát cách mạng ở trên bãi. Bố người thấp, dưới chân phải kê đến ba hòn gạch mới có thể nhìn thấy cảnh vật ở trong sân. Còn Linh Tử thì ghéch cằm xinh xắn lên bờ tường, dán mắt nhìn phó chỉ huy Nhiệm đang tắm ánh ban mai. Anh dạy đội ngũ hát:

Cao lương đỏ,

Cao lương đỏ,

Bọn giặc Nhật đèn rồi!

Bọn giặc Nhật đèn rồi!

Nước mất, nhà tan.

Đồng bào ơi, mau đứng dậy,

Cầm dao, cầm súng,

Đánh giặc bảo vệ quê hương...

Những người trong hàng quân lười cứng vụng về, hát mãi chẳng thành câu điệu. Còn lũ trẻ đứng bên ngoài tường, hát theo đã thuộc lâu lâu. Khi bố tôi còn sống, người vẫn còn nhớ rất rõ bài hát ấy.

Một hôm, cô gái Linh Tử bạo dạn đi tìm phó chỉ huy Nhiệm, nhưng lại đi nhầm vào phòng của trưởng phòng quân nhu. Trưởng phòng quân nhu là Từ Đại Nha, chú ruột của tư lệnh Từ, hơn bốn mươi tuổi, uống rượu như uống nước, tham tài hiếu sắc. Hôm ấy lão ta uống đã ngà ngà say, Linh Tử xông vào, chẳng khác gì con thiêu thân lao vào lửa, con dê chui vào hang hổ.

Phó chỉ huy Nhiệm lệnh cho mấy đội viên, bắt trói Từ Đại Nha vừa làm nhục cô gái Linh Tử.

Lúc bấy giờ, tư lệnh Từ đang ở nhà tôi, khi phó chỉ huy Nhiệm đi báo cáo thì tư lệnh Từ đang ngủ trên giường lò⁽¹⁾ của bà tôi. Bà đã dọn dẹp xong, đang chuẩn bị rán mấy con cá liểu để nhấm rượu, thì phó chỉ huy Nhiệm xông xộc đi vào, khiến bà tôi giật mình đánh thót một cái.

Phó chỉ huy Nhiệm hỏi bà:

1. Ở miền Bắc Trung Quốc, người ta làm giường bằng đất hoặc xây bằng gạch, trên trải chiếu để ngủ, dưới có đường ống thông với ống dẫn khói, mùa đông có thể đốt lửa cho ấm.

(ND)

- Tư lệnh đâu?

- Đang ngủ trên giường lò! - Bà nói.

- Gọi ông ấy dậy!

Bà gọi tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ mắt nhắm mắt mở đi ra, vươn vai, ngáp một cái, nói:

- Có chuyện gì thế?

- Thưa tư lệnh, nếu như người Nhật Bản hiếp dân chị em của tôi, có nên giết không? - Phó chỉ huy Nhiệm hỏi.

- Giết! - Tư lệnh Từ trả lời.

- Thưa Tư lệnh, nếu như người Trung Quốc hiếp dân chị em của mình, có nên giết không?

- Giết!

- Hay lắm, tôi chỉ chờ câu nói đó của Tư lệnh - Phó chỉ huy Nhiệm nói - Từ Đại Nha hiếp dân Tào Linh Tử, con gái nhà dân, tôi đã bảo anh em trói lại rồi.

- Có chuyện ấy à? - Tư lệnh Từ hỏi:

- Thưa Tư lệnh, khi nào thì hành lệnh bắn?

Tư lệnh Từ nấc lên một cái, nói:

- Ngủ với một đứa con gái, hệ trọng gì?

- Thưa tư lệnh, đến con vua mà phạm pháp cũng đều là phạm tội tât!

- Anh xem nên xử hấn ta tội gì? - Tư lệnh Từ hỏi một cách nặng nề.

- Xử bắn - Phó chỉ huy nói một cách dứt khoát.

Tư lệnh Từ hừ một tiếng, mặt hầm hầm, đi đi lại lại tỏ vẻ khó chịu. Sau đó, mặt ông nở nụ cười nói:

- Đồng chí Nhiệm, đánh cho hắn ta năm mươi roi trước mặt mọi người, đền cho gia đình cô ta hai mươi đồng, có được không?

Phó chỉ huy Nhiệm hỏi chua chát:

- Chỉ vì hắn là chú ruột Tư lệnh?

- Đánh tám mươi roi, bắt phải lấy Linh Tử. Tôi cũng đành lòng gọi là thím trẻ vậy.

Phó chỉ huy Nhiệm bèn cõi dây lưng kèm cả khẩu súng brô-ninh quăng vào lòng tư lệnh Từ. Anh ta chấp hai tay nói:

- Tư lệnh, thế là tiện cả đôi đường. - Đoạn xoạc cẳng bước ra ngoài sân.

Tư lệnh Từ cầm súng, nhìn theo lưng phó chỉ huy Nhiệm, nghiêng răng nói:

- Cút mẹ mày đi, một thằng học trò ranh ma dám chỉ huy cả lão! Lão đây đã làm thổ phỉ mười năm, chưa một đứa nào dám làm phách như thế bao giờ.

Bà tôi nói:

- Chiếm Ngao, anh không được để phó chỉ huy Nhiệm bỏ đi. Nghìn quân dễ kiếm, một tướng khó tìm.

- Đàn bà con gái biết cái gì! - Tư lệnh Từ ngao ngán nói.

- Tưởng rằng anh là anh hùng hảo hán, té ra chỉ là đồ hèn! - Bà nói.

Tư lệnh Từ lên cò súng, nói:

- Chán sống rồi hả?

Bà tôi bèn xé ngực áo ra, lộ ra bộ ngực trắng tròn, nói:

- Bán đi!

Bố tôi thét gọi mẹ, lao đến trước ngực bà tôi.

Từ Chiếm Ngao nhìn đầu ngay ngắn của bố tôi, nhìn khuôn mặt xinh xắn của bà tôi, bất giác nhớ lại những chuyện ngày xưa. Ông thở dài, hạ súng xuống, nói:

- Sửa lại áo xống đi!

Đoạn ông xách roi ngựa, chạy ra ngoài sân, cỡi thường lấy con ngựa vàng, nhỏ, nhưng là giống ngựa hay, không thẳng yên, cưỡi thẳng ra bãi tập.

Các đội viên đang ngồi tựa vào tường nghỉ, thấy Tư lệnh đến, vội đứng nghiêm, không ai dám thở mạnh.

Từ Đại Nha bị trói hai tay, cột dưới gốc cây.

Tư lệnh Từ xuống ngựa, đi đến trước mặt Từ Đại Nha nói:

- Chú làm thế thật à?

Từ Đại Nha nói:

- Cháu Chiếm Ngao, hãy cỡi trói cho chú. Thôi từ nay chú không làm thế nữa.

Các đội viên đều trở mắt nhìn Tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ nói:

- Chú, tôi sẽ bán chú.

Từ Đại Nha gào lên:

- Đồ bất hiếu, mày lại dám bán chú mày à? Hãy nhớ lại ân huệ chú đã ban cho mày. Bố mày chết

sớm, chú phải đi làm nuôi hai mẹ con mày. Nếu không có chú thì xác mày đã bị chó ăn rồi!

Tư lệnh Từ vung roi, quất vào mặt Từ Đại Nha, chửi:

- Đồ chó ghê!

Đoạn quỳ hai đầu gối xuống, nói:

- Chú ơi, Chiêm Ngao không bao giờ quên ơn nuôi dưỡng của chú. Chú chết rồi, cháu sẽ đội mũ gai tang chú, ngày tết, ngày giỗ, cháu sẽ ra mộ cúng chú.

Tư lệnh Từ quay người, nhảy phắt lên lưng ngựa, vút một roi vào mông ngựa, phi về hướng phó chỉ huy Nhiệm, tiếng vó ngựa lộp cộp lộp cộp, chấn động cả thế giới này.

Khi bắn Từ Đại Nha, bố tôi cũng ở đấy. Từ Đại Nha bị anh cầm và hai đội viên khác điệu đến đầu phía tây thôn. Nơi hành hình ở cạnh cái đầm nước hình bán nguyệt, nước tù đen ngòm thối hoắc, đầy ếch nhái và sâu bọ. Cạnh đầm có một cây nhỏ lá vàng héo, đứng cô độc. Trong đầm có một cây nhái nhảy tứ tung, trên đám rác đầy tóc rối là một chiếc giấy phụ nữ.

Hai đội viên giải Từ Đại Nha đến bên đầm buông tay, nhìn anh cầm. Anh cầm tháo khẩu súng trường khoác trên vai xuống, lên cò bấm, đưa đạn vào ổ đạn.

Từ Đại Nha quay người lại, nhìn thẳng vào anh cầm, cười cười. Bố tôi phát hiện ra cái cười của ông ta sao mà hiền lành thế, trông giống như mặt trời chiều sắp lặn.

- Anh cầm ơi, hãy cởi trói cho tôi, tôi không thể chết mà còn đeo cũi dây!

Anh cầm nghĩ ngợi một lát, xách súng đi lên, từ trong thắt lưng rút ra một lưỡi lê, xoẹt xoẹt vài ba cái, cắt đứt dây trói. Từ Đại Nha duỗi cánh tay, quay người lại, hét lớn:

- Bắn đi, hồi người anh em cầm ơi, bắn trúng vào trán đây, đừng để ta phải đau đớn!

Bố nghĩ rằng con người ta lúc trước khi chết sẽ run sợ biết chừng nào, nhưng Từ Đại Nha là hạt giống của quê hương Đông Bắc Cao Mật, ông phạm tội lớn, chết cũng chưa hết tội, thế mà trước khi chết ông lại tỏ ra khí khái anh hùng.

Nhìn Từ Đại Nha, bố tôi vô cùng xúc động, bàn chân cứ như nóng ran lên, muốn nhảy lên mà không được.

Từ Đại Nha quay về phía đầm, nhìn dòng nước xâm xấp dưới chân, nhìn sen đại màu lục có một bông hoa trắng toát gầy gò, rồi lại nhìn cánh đồng cao lương sáng loáng trước mặt hồ, bỗng bật lên hét thật to:

*Cao lương đỏ,
Cao lương đỏ,
Bọn giặc Nhật đến rồi.
Bọn giặc Nhật đến rồi
Nước mất, nhà tan...*

Khẩu súng của anh cầm giương lên lại hạ xuống, hạ xuống lại giương lên.

Hai đội viên nói:

- Anh cầm ôi, hãy nể mặt Tư lệnh, tha cho anh ta đi!

Anh chống súng xuống, lắng nghe Từ Đại Nha hét lớn xôn.

Từ Đại Nha quay lại, mắt trợn trừng, hét lớn:

- Bắn đi! Hồi người anh em, chẳng lẽ tao phải tự bắn tao à?

Anh cầm nâng súng lên, nhắm vằng trán như viên ngói của Từ Đại Nha, bóp cò.

Bố tôi nhìn thấy vằng trán của Từ Đại Nha vỡ ra như viên ngói vụn liền với tiếng súng chói tai. Anh cầm cúi đầu, một luồng khói trắng từ họng súng bốc ra. Chỉ trong nháy mắt thân Từ Đại Nha bất động như một khúc gỗ, lăn nhanh xuống đầm.

Anh cầm xách súng đi, hai đội viên đi theo sau.

Bố tôi cùng lũ trẻ, hoảng sợ đi đến bên đầm, từ trên cao ngó xuống nhìn Từ Đại Nha nằm ngửa ở dưới đầm. Mặt ông ta chỉ còn lại cái mũi là lạnh lặn, mầng sọ đầu bay mất, óc chảy xuống hai tai, một con người bật ra ngoài, như quả nho to đeo lưng lẳng bên tai. Khi thân ông ta đổ xuống, bùn loãng bị đè bắn tứ tung, bông hoa sen trắng gầy gò bị đứt cuống, vẫn còn mấy sợi tơ vương vẩn bên tay ông ta. Bố người thấy mùi thơm thoang thoảng của bông sen.

Sau đó, phó chỉ huy Nhiệm cho mang đến một quan tài gỗ bách, trong lót lụa vàng, ngoài sơn lớp sơn màu vàng thau, đặt Từ Đại Nha vào quan tài

đem chôn ở dưới gốc liễu cạnh đầm một cách khá chu đáo. Hôm đưa tang, phó chỉ huy Nhiệm cũng mặc áo tang đen, trên cánh tay trái còn đeo một băng lụa đỏ. Tư lệnh Từ đội mũ gai để tang, khóc thảm thiết vừa đi ra đầu thôn, ông cầm một cái chậu sành mới quăng mạnh vào đầu hòn gạch.

Hôm ấy, bà đội cho bố tôi một khăn tang trắng - bà cũng đội khăn gai để tang - bố tôi tay cầm gậy liễu còn tươi đi theo sau tư lệnh Từ và bà. Bố nhìn thấy mảnh chậu vỡ trên đầu hòn gạch, lại nghĩ đến sọ Từ Đại Nha cũng vỡ ra như ngôi vụn. Ông lơ mơ cảm thấy hai cảnh vỡ vụn ấy có một mối liên lạc nội tại, tất yếu. Việc kia gặp việc này, rồi sẽ xảy ra một việc thứ ba nữa.

Bố không rơi một giọt lệ nào, ông chỉ lạnh lùng nhìn đám người đến đưa ma. Những người đưa ma đứng vòng tròn vây quanh dưới gốc cây liễu. Mười sáu chàng trai lực lưỡng, cầm tám sợi dây ròng chiếc quan tài nặng kia xuống huyết khá sâu. Tư lệnh Từ bốc một nắm đất, lạnh lùng ném lên chiếc quan tài, gây nên tiếng động làm mọi người rùng mình. Mấy người cầm xẻng xúc từng mảng đất đen to hất xuống mộ, chiếc quan tài kêu lên một cách tức tối, rồi dần chìm sâu vào trong đất đen. Đất đen đầy dần, ngang với miệng huyết, rồi nhô lên khỏi mặt đất và thành một cái ụ to hình dáng giống như chiếc bánh bao. Tư lệnh Từ rút súng ra, ngẩng lên, hướng về bầu trời

trên đầu ngọn liễu, bắn liên ba phát. Đạn xuyên qua lùm lá, làm rơi mấy chiếc lá hình lông mày màu vàng, rồi bay vút trong tầng không. Ba chiếc vỏ đạn rơi xuống dưới đầm hôi thối, một chú bé bèn nhảy xuống đầm, giẫm bóp bép xuống bùn xanh nhật lầy vỏ đạn. Phó chỉ huy Nhiệm cũng rút khẩu brô-ninh ra bắn liên ba phát. Đạn bay như tiếng gà kêu, lao vào bầu trời trên ruộng cao lương. Tư lệnh Từ và phó chỉ huy Nhiệm tay cầm súng còn bốc khói, bốn mắt nhìn nhau. Phó chỉ huy Nhiệm, nói: "Đúng là đại anh hùng!" đoạn giắt súng vào lưng rào cẳng đi về trong xóm.

Bố tôi phát hiện ra tay cầm súng của tư lệnh Từ từ từ nâng lên, hướng họng súng về phía lưng của phó chỉ huy Nhiệm. Mọi người hết sức kinh sợ, nhưng không ai dám lên tiếng. Phó chỉ huy Nhiệm tuyệt nhiên không biết, vẫn cao đầu bước đi đều đều ngẩng nhìn về hướng vầng mặt trời như chiếc bánh, rồi đi vào trong xóm. Bố tôi thấy khẩu súng lục trong tay tư lệnh Từ rung lên. Bố hầu như không nghe thấy tiếng viên đạn nổ, nó nổ bé quá và ở xa nữa. Nhưng bố nhìn thấy viên đạn bay liệng trên không trung, rồi lướt qua tóc đen ánh của phó chỉ huy Nhiệm. Phó chỉ huy Nhiệm không quay lại, ông vẫn bước đều đều, nhịp nhàng tiếp tục đi về phía trước. Từ phía phó chỉ huy Nhiệm bố nghe thấy tiếng huýt sáo mờ mờ, làn điệu rất là quen thuộc: "Cao lương đỏ,

cao lương đồ!" bố tôi nước mắt lưng tròng. Phó chỉ huy Nhiệm càng đi càng xa, bóng ông càng to lớn. Tư lệnh Từ lại bắn phát nữa. Tiếng súng lần này vang động đất trời, bố tôi đều cảm nhận được cả đường đạn bay và tiếng súng cùng một lúc. Đạn bắn vào đầu một cây cao lương, cây cao lương đổ xuống đất. Khi hông cao lương đang từ từ ngã xuống đất, thì một viên đạn nữa bắn nó tan tành. Bố hoảng hốt. Phó chỉ huy Nhiệm cúi xuống bên đường ngắt bông hoa rau dắng màu vàng, đưa lên mũi ngửi.

Bố từng nói với tôi rằng, phó chỉ huy Nhiệm đúng là đảng Cộng sản. Ngoài đảng Cộng sản ra, thì khó tìm được một tay hảo hán thuần chủng đến như thế. Chỉ đáng tiếc là người anh hùng đó mệnh đoản. Sau lần ông cao đầu rảo bước, tỏ ra khí khái anh hùng ấy, thì ba tháng sau, trong khi lau chùi khẩu súng brô-ninh, bị khẩu súng cướp cò giết chết. Đạn xuyên từ mắt trái ra tai phải, một nửa mặt dính đầy khói thuốc súng, tai phải rỉ ra dăm ba giọt máu đen. Mọi người nghe thấy tiếng súng đều lao đến, thì ông đã ngã vật ra chết.

Tư lệnh Từ nhặt lấy khẩu súng brô-ninh, hồi lâu không nói.

Bà tôi gánh một gánh bánh trắng, vợ Vương Văn Nghĩa gánh hai thùng canh đậu xanh, chạy vùn vụt về phía cầu lớn trên sông Mặc Thủy. Đáng lẽ họ định đi tắt qua ruộng cao lương, rẽ thẳng về phía đông nam, nhưng sau khi đi vào ruộng cao lương thì họ mới hiểu ra rằng đường gánh nặng khó đi. Bà nói:

- Thím ơi, ta đi đường thẳng thôi, chậm mà lại nhanh đấy.

Bà và vợ Vương Văn Nghĩa như hai con chim to bay lượn trong không trung, chuyển động rất nhanh. Bà mặc một chiếc áo đỏ thẫm, tóc đen sức dầu thơm láng bóng. Vợ Vương Văn Nghĩa người nhỏ nhẹ thông minh, chân tay lanh lẹ. Khi tư lệnh Từ chiêu binh tập mã, chị đưa chồng đến nhà tôi, nhờ bà tôi nói giúp với tư lệnh Từ cho chồng chị được tham gia đội du kích. Bà cười nhận lời. Nể tình bà tôi, tư lệnh Từ đồng ý cho Vương Văn Nghĩa ở lại. Tư lệnh Từ hỏi Vương Văn Nghĩa:

- Anh có sợ chết không?

- Sợ. - Vương Văn Nghĩa đáp.

Vợ anh ta nói:

- Thưa ông Tư lệnh, anh ấy nói sợ tức là không sợ. Tàu bay Nhật đã giết chết ba đứa con nhà em.

Vương Văn Nghĩa sinh ra vốn không phải là để làm lính, anh ta dần dần chậm chạp, không biết phân biệt đâu là bên phải đâu là bên trái. Khi luyện tập ở thao trường không biết anh ta đã bị phó chỉ huy Nhiệm quát bao nhiêu lần. Vợ anh ta bầy cho anh ta một kế, buộc cộng cao lương vào tay phải, hề nghe khẩu lệnh là quay phải, thì cứ quay về phía tay có buộc cộng rơm. Vương Văn Nghĩa sau khi làm lính, không có vũ khí, bà tôi đưa khẩu súng bắn chim cho anh ta.

Họ đi trên bờ sông Mặc Thủy ngoằn ngoèo, không để ý đến hoa vàng đang nở rộ trên bờ đê và cao lương đỏ như máu mọc san sát ở ngoài đê, họ đang bước vội về phía đông. Vợ Vương Văn Nghĩa chịu khổ đã quen, còn bà tôi hưởng sướng đã quen. Bà mồ hôi đầm đìa, vợ Vương Văn Nghĩa không có một giọt mồ hôi nào.

Bố tôi chạy trước về đầu cầu. Bố báo cáo với tư lệnh Từ là bánh tráng lát nữa sẽ có, tư lệnh Từ vui mừng, phát vào đầu bố một cái. Các đội viên phần lớn nằm trong ruộng cao lương, phơi mũi dưới ánh mặt trời. Bố buồn quá, đi đến ruộng cao lương phía tây đường xem bọn anh cầm đang làm gì. Anh cầm đang chăm chú mài dao, bố ấn tay vào khẩu brô-ninh đeo ở thắt lưng, đứng trước mặt anh cầm, nở nụ cười đắc thắng. Thấy bố tôi, anh cầm cười nhe răng. Có một đội viên ngủ ngáy khò khò. Bố lại chạy lên mặt đường, mặt đường lốm đốm chỗ vàng, chỗ trắng, bố

cảm thấy rất mệt mỏi. Bốn chiếc bừa chặn đường đi, rằng nhón hoắt chìa lên trời, bố nghĩ, chúng nhất định là cũng đợi đến phát khó chịu. Chiếc cầu đá nằm trên dòng nước như một người bệnh vừa thoát khỏi một cơn ốm nặng. Rồi bố lên trên đê ngồi. Ông ngó đông rồi lại ngó tây, lúc thì nhìn dòng nước chảy, lúc thì nhìn đàn vịt trời. Cảnh sắc bên sông rất đẹp, mỗi ngọn cỏ nước đều đang sống, mỗi một làn sóng nhỏ đều ẩn giấu một điều bí mật. Bố nhìn thấy mấy đồng xương trắng không biết là xương la hay xương ngựa, đang bị đám cỏ nước bao bọc dày đặc. Bố lại nghĩ đến hai con la đen to của nhà. Mùa xuân, thỏ rừng chạy từng đàn trên cánh đồng, bà cười la, tay cầm súng săn rượt thỏ rừng, bố ngồi trên lưng la ôm lấy lưng bà. Con la chạy làm cho thỏ rừng kích động, bà bắn thỏ rừng chết. Khi trở về nhà, trên cổ con la, bao giờ cũng đeo hàng xương thỏ rừng. Khi ăn thịt thỏ rừng, một hạt sạn đã giắt vào kẽ răng bà, gẩy mãi thế nào cũng không lấy ra được. Bố lại nhìn những con kiến đang chạy ở trên đê. Một đàn kiến đen màu nâu đỏ, đang vội vàng chuyển đất bùn. Bố thả một hòn đất to vào giữa lối đi của chúng, đàn kiến không chịu đi vòng mà cố bò qua hòn đất. Bố nhặt hòn đất lên, ném xuống sông, gọi lên một chút sóng, nhưng không một tiếng động. Mặt trời đã đứng bóng, nước sông bốc lên mùi tanh nóng hôi hổi, chỗ nào cũng sáng loáng, chỗ nào cũng phát ra tiếng râm ran. Bố cảm thấy giữa trời đất đầy những phấn hồng của cao

lương, đầy những hương thơm của rượu cao lương. Bỗng người nằm xuống dề, thì đúng lúc ấy, tim ông giật thót một cái, sau mới hiểu rằng, thì ra tất cả mọi sự chờ đợi đều có thể có kết quả, và khi kết quả xuất hiện thì đó là chuyện bình thường, tự nhiên. Bỗng phát hiện ra trên con đường quốc lộ phủ kín cao lương, có bốn con quái vật trông như bộ hung màu xanh sẫm, đang lặng lẽ bò tới.

- Ô tô! - Bỗng tôi nói một câu mơ hồ. Không ai để ý lời ông nói.

- Xe của bọn giặc! - Bỗng tôi nhảy lên, kinh ngạc nhìn về những chiếc ô tô đang lao vút như sao sa. Phía sau xe là cái đuôi màu vàng dài, trên đầu xe phát ra tia sáng trắng lia quét lối đi.

- Ô tô đến rồi! - Lời của bố như một lưỡi dao chém vào tất cả mọi người, phá tan sự im lặng ngây đại đang bao trùm lấy cánh đồng cao lương.

Tư lệnh Từ sung sướng gào lên:

- Thế là các chú mày đến rồi! Hỡi các anh em, chuẩn bị cho tốt vào, tôi hô bắn là bắn.

Bên tây bờ đường, anh cầm phỉ đất, nhảy cẫng lên. Máy chục đội viên đều đứng dậy, cầm lấy súng bò lên ụ đất trên dề.

Đã nghe thấy tiếng ô tô nổ xình xịch. Bố nằm phủ phục bên cạnh tư lệnh Từ, giờ cao khẩu brôninh, cổ tay mỗi nhừ, bàn tay nhộp nháp mồ hôi, kẽ giữa ngón tay cái và ngón tay trở bỗng nổi lên một miếng thịt và nó cứ giãn giật rất mạnh. Bỗng ngạc

nhìn thấy mảng da trên miếng thịt to bằng hạt mọ
ấy nhảy nhót theo tiết tấu nhịp nhàng, dường như
trong đó có con chim con đang mổ vỏ để chui ra.

Bố muốn giữ không cho nó nhảy, nhưng vì dùng
quá sức, nên cả cánh tay đều run lên. Tư lệnh Từ ấn
lưng bố xuống, cái miếng thịt kia bỗng dừng lại,
không giật nữa, bố chuyển khẩu bô-ninh sang tay
trái, nắm ngón tay phải cứng đờ, đuổi mãi không
thăng ra được.

Ô tô đã phóng đến gần, hình dáng to dần, hai
con mắt to như chân ngựa ở đầu xe phát ra tia sáng
trắng, tiếng động cơ phành phạch nghe như tiếng gió
trước khi trời đổ mưa, gây nên sự kích thích xa lạ
nhưng làm thất tim người. Bố tôi lần đầu tiên mới
thấy ô tô, bố đang đoán xem loại quái vật này ăn cỏ
hay ăn thóc gạo, uống nước hay uống máu, chúng
chạy nhanh hơn cả hai con la tơ khỏe mạnh, chân
thon của nhà tôi. Bánh xe tròn như mặt trăng quay
tít, bụi vàng bay lung tung. Dần dần đã nhìn thấy
những vật ở trong xe. Đi đến gần cầu đá, xe giảm tốc
độ, khối vàng ở cuối xe bay lên đầu xe, che lấy hai
mười mấy người mặc quần áo màu mơ vàng, đầu đội
mũ đen sáng loáng. Sau này bố mới biết cái mũ ấy
gọi là cái mũ sắt.

Hồi luyện gang thép năm 1958, nồi nấu cơm nhà
chúng tôi đều bị trưng thu hết, anh tôi ăn cắp được
chiếc mũ sắt từ trong đồng sắt vụn, treo lên bếp lửa,
đổ nước vào nấu cơm.

Bố chăm chú nhìn những chiếc mũ sắt biến màu trong khói lửa.

Hai chiếc xe giữa, chất đầy một đồng bao trắng cao như núi. Chiếc xe sau cùng, cũng như chiếc xe đầu, chở hai mươi tên lính Nhật đội mũ sắt.

Xe đến gần cầu, bánh xe quay chậm trông cao to, nặng nề, đầu xe vuông vức, theo con mắt của bố, nó như đầu con cào cào cực lớn. Bụi vàng tan dần, đít xe phun ra từng luồng khói xanh.

Bố rút đầu lại, một dòng nước lạnh chưa từng thấy, chạy từ chân lên bụng, nó tụ lại ở bụng, ép vào bọng đái, làm cho ông rất mát, nước đái rỏ giọt ở đầu chim. Ông thót bụng lại, để hãm nước đái khỏi tuôn ra. Tư lệnh Từ nghiêm sắc mặt, nói:

- Chó con, đừng động đây!

Bố mát quá, không sao được, phải gọi bố nuôi, xin cho đi đái.

Được tư lệnh Từ cho phép, bố bò xuống ruộng cao lương, trút một bãi nước đỏ như cao lương. Nước đái nóng làm đầu chim tê buốt. Đái xong ông thấy dễ chịu quá. Vô tình, ông liếc nhìn sắc mặt các đội viên, trông người nào người nấy đều hằm hằm dữ tợn như các ông tượng dữ trong miếu. Vương Văn Nghĩa thè đầu lưỡi nhọn, ánh mắt trông như con thạch sùng, nhin trừng trừng không động đây.

Đoàn xe như lũ dã thú rất cảnh giác, nín thở tiến lên. Bố ngửi thấy mùi thơm sực nức toát ra từ những chiếc xe. Vừa lúc ấy, bà tôi trong chiếc áo lụa đỏ đậm

mồ hôi và vợ Vương Văn Nghĩa thở hổn hển xuất hiện trên đê sông Mặc Thủy nghèo.

Bà tôi gánh một gánh bánh trắng, vợ Vương Văn Nghĩa gánh một gánh canh đậu xanh, khoan khoái nhìn lên cầu to ọp ẹp bắc ngang sông Mặc Thủy. Bà an ủi vợ Vương Văn Nghĩa, nói:

- Thím ơi, thế là đến rồi.

Bà tôi sau khi lấy chồng, vẫn được ăn trắng mặc trơn, gánh bánh nặng đã hằn trên vai bà một vết tím bầm. Vết tím này đã theo bà rời khỏi trần gian, lên thiên đường. Vết tím này là dấu hiệu vinh quang anh dũng chống Nhật của bà tôi.

Trong khi mọi người vẫn chăm chú theo dõi đoàn xe đang từ từ lao tới, bố tôi nhờ sức mạnh thần bí nào đó giúp đỡ, là người đầu tiên phát hiện ra bà tôi. Ông ngoẹo đầu về phía tây, nhìn thấy bà như một con bướm to màu hồng tươi đang hân hoan bay đến. Bố gọi thật to:

- Mẹ ơi.

Tiếng gọi của bố như truyền đạt một mệnh lệnh, từ trên xe của bọn Nhật bắn xuống một làn đạn dày đặc. Ba khẩu súng máy của bọn chúng bắn trên mui xe. Tiếng súng trầm trầm, buồn buồn như tiếng chó sủa trong đêm mưa âm u. Bố nhìn thấy ngực bà tôi thũng mẩy lỗ. Bà kêu lên một tiếng, đầu gục xuống, đòn gánh rơi đè lên người bà. Hai sọt bánh, một sọt lăn về phía nam bờ đê, một sọt lăn về phía bắc bờ đê. Bánh trắng như tuyết, hành xanh, trứng gà vàng óng

vương vãi ra trên bãi cỏ xanh mượt. Sau khi bà tôi ngã xuống, thì đầu vợ Vương Văn Nghĩa cũng chảy ra một thứ nước vừa vàng vừa đỏ, nước bắn rõ thật xa, bắn cả xuống cao lương dưới chân đê. Bố nhìn thấy người đàn bà nhỏ nhắn ấy bị trúng đạn, lùi một bước, ngã xuống bờ nam đê, rồi lăn xuống lòng sông. Gánh canh đậu xanh của chị, thùng thứ nhất đổ, thùng thứ hai cũng đổ, nước canh lênh láng như máu người anh hùng. Một trong hai chiếc thùng sắt lăn toong toong xuống sông, trôi bồng bênh trên dòng sông nước đen, trôi qua mặt anh câm, va vào trụ cầu, chui qua gầm cầu, rồi trôi qua trước mặt tư lệnh Từ, bố tôi, Vương Văn Nghĩa và anh em đồng đội.

- Mẹ ơi.

Bố tôi hét lên một tiếng xé ruột xé gan, nhảy chồm lên đê. Tư lệnh Từ, chớp lấy bố, nhưng chớp không được. Ông quát:

- Quay lại!

Bố tôi không nghe lệnh ông. Bố không nghe thấy gì cả. Thân hình bố nhỏ yếu bò người lên bờ đê chật hẹp, ánh sáng rực rỡ chiếu xuống người ông. Khi ông lao lên bờ đê thì đồng thời cũng quăng khẩu súng lục vào khóm hoa vàng gãy nát. Ông dang hai cánh tay, như con chim nhỏ bay lao tới bà. Trên bờ đê rất yên lặng, dòng sông nước như ngừng chảy, cao lương ngoài đê yên lành, trang trọng. Tám thân gầy yếu của bố đang chạy trên đê, bỗng trở nên cao lớn đẹp đẽ. Bố gào to:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Tiếng gọi "mẹ ơi", như thấm đượm nước mắt và máu của nhân gian, thấm đượm tình thương ruột thịt và tư tưởng cao thượng. Bố chạy hết bờ đê bên đông, vượt qua những chiếc bờ liên hoàn, rồi lại bò lên bờ đê phía bắc. Dưới chân đê, bọn anh cảm mặt như hóa đá liếc nhìn bố tôi. Bố chồm tới chỗ bà tôi, rồi lại gọi mẹ. Bà tôi nằm thẳng sấp trên đê, mặt úp xuống mặt cỏ. Trên lưng có hai lỗ đạn, một mùi rượu cao lương thơm nức toát ra từ hai lỗ đạn ấy. Bố nắm lấy vai bà, lật ngửa lại. Mặt bà không bị thương, nét mặt nghiêm trang, tóc vẫn chải chuốt không rối, năm búp tóc rũ xuống, đôi lông mày cong dài, mắt hé mở, đôi môi đỏ hồng trên khuôn mặt trắng xanh. Bố nắm lấy tay ấm áp của bà, lại gọi mẹ. Bà mở mắt, nở nụ cười hiền lành, rồi bà giơ tay ra, đưa cho bố...

Xe của bọn giặc Nhật dừng lại ở đầu cầu, tiếng máy nổ kêu lúc to lúc nhỏ.

Một bóng người cao to lao vút lên trên đê, bố và bà bị lôi xuống chân đê. Anh cảm làm một việc rất dũng cảm. Bố chưa kịp nghĩ gì, lại một trận mưa đạn bắn xối xả, cao lương trên đầu họ bị đứt rụng rào rào.

Bốn chiếc xe đi gần đến, dừng lại ở ngoài cầu đá. Trên chiếc xe đầu và cuối, có đặt tám khẩu súng máy, đạn bắn ra đạn thành chiếc quạt lửa khổng lồ, lúc hướng về phía đông con đường, lúc hướng về phía tây con đường. Cao lương cùng kêu rên lên, thân cây

cao lương bị bắn tới bởi tung lên trời. Dạn xuyên vào dê, từng vòng bụi vang bốc lên, kêu bực bực.

Các đội viên du kích nấp ở các ụ ven dê, nằm dán mình xuống cỏ và đất đen, bất động. Súng máy bắn liên tục trong ba phút, bỗng nhiên ngừng lại, chung quanh xe đầy vỏ đạn vàng óng.

Tư lệnh Từ thấp giọng nói khẽ:

- Không được bắn.

Bọn giặc im lặng. Từng luồng khói thuốc súng bay trên mặt sông, theo làn gió nhẹ bay về đông.

Bố kể với tôi rằng, trong giây phút im lặng ấy, Vương Văn Nghĩa lắc lư đi trên dê, anh đứng trên dê, tay cầm cây súng bắn chim, mắt trừng miệng há, vô cùng đau khổ, gọi to:

- Mẹ thằng cu ơi!

Vừa dứt lời, mấy chục viên đạn xuyên vào bụng làm thủng một mảng lớn. Những viên đạn có dính ruột vun vút bay qua đầu tư lệnh Từ.

Vương Văn Nghĩa chúc đầu xuống mặt dê, rồi cùng lăn xuống lòng sông, cách chỗ vợ anh một cái cầu. Tim anh vẫn còn đang đập, đầu anh vẫn còn nguyên vẹn. Một cảm giác trống rỗng lạ thường đã dội vào trong tim anh.

Bố kể với tôi rằng, vợ Vương Văn Nghĩa đã đẻ liền ba đứa con. Ba đứa con nuôi bằng cao lương lớn như thổi, đầu to, tai cũng to. Một hôm, Vương Văn Nghĩa và vợ đi làm đồng, ba đứa con ở nhà chơi trong

sân. Một chiếc máy bay Nhật kêu ù ù, bay qua xóm. Máy bay "để trứng", rơi trúng vào sân nhà Vương Văn Nghĩa, xé tan ba đứa con ra thành từng mảnh, quăng lên xà nhà, treo lên ngọn cây và dính chặt vào tường nhà... Do đấy, thấy từ lệnh Từ dựng cờ kháng Nhật, Vương Văn Nghĩa bị vợ đưa đi...

Từ lệnh Từ nghiêng răng trợn mắt giận dữ nhìn Vương Văn Nghĩa nửa đầu đang chìm dưới nước sông, rồi rít lên khe khẽ:

- Không được động đây!

8

Những bông cao lương rụng đưa chấm chấm vào mặt bà, có một hạt cao lương nhảy vào giữa làn môi hé nở của bà, và bị mắc trong hàm răng trắng ngà của bà. Nhìn đôi môi hồng hào đang tái dần đi của bà, bố nấc lên gọi mẹ, đôi dòng nước mắt rỏ xuống ngực bà, bà mở mắt ra. Mắt bà ánh lên sắc màu rực rỡ như hạt trân châu. Bà nói:

- Con ơi bố con đâu?

Bố nói:

- Bố con đang đánh giặc.

Bà nói:

- Ông ấy là bố đẻ của con đấy.

Bố gật gật đầu.

Bà của mình muốn ngồi dậy, bà vừa cử động, hai dòng máu trào ra.

- Mẹ, con đi gọi bố nhé. - Bố nói.

Bà xua tay, bỗng ngồi hẳn dậy, nói:

- Đâu Quan... con của mẹ... dìu mẹ... về nhà, về nhà...

Bố quỳ xuống, bảo bà quàng tay qua cổ mình rồi, rán sức đứng dậy, đưa bà đi, chẳng mấy chốc máu ở ngực bà đã làm ướt cả đầu, cả cổ bố. Từ trong máu của bà, bố vẫn ngửi thấy mùi rượu cao lương thơm nức. Tấm thân nặng nề của bà đè lên người bố, khiến hai chân bố run run, bước lảo đảo, đi vào trong ruộng cao lương. Đạn vẫn rít trên đầu họ, làm rụng lá cao lương. Bố gạt cành cao lương dày đặc, đi từng bước một, mồ hôi, nước mắt quện với máu tươi của bà, làm cho mặt bố nhem nhuốc, loang lổ. Bố cảm thấy người bà ngày một nặng, cành cao lương cố tình quăn lấy người bố, lá cao lương của người bố rất đau. Bố ngã xuống đất, vẫn cõng bà trên lưng. Bố lách ra từ dưới thân bà, đặt bà nằm thẳng. Bà nằm ngửa, thở một hơi dài, mỉm cười với bố. Nụ cười thân bí vô cùng, nụ cười này như thép nóng in vào ký ức của bố một cái dấu hình móng ngựa.

Bà vẫn nằm, ngọn lửa trong ngực ngày một yếu dần. Bà mơ hồ cảm thấy con trai đang cởi áo cho bà, dùng tay bịt lấy lỗ đạn ở trên vú, rồi lại bịt lấy lỗ đạn ở dưới vú. Máu của bà nhuộm đỏ tay bố. Chiếc ngực trắng trẻo của bà bị nhuộm xanh, rồi lại nhuộm đỏ

bởi chính máu của mình. Dạn đã xuyên qua bầu vú cao quý của bà, làm lòi cả mảng thịt đỏ nhạt. Bố nhìn bầu vú của bà, vô cùng đau khổ. Bố không bites được dòng máu ở vết thương của bà, tận mắt nhìn thấy do mất máu, mặt bà ngày một tái nhạt. Người bà ngày một nhẹ, dường như có thể bay lên không trung bất cứ lúc nào.

Dưới bóng râm của cao lương, bà sung sướng ngắm nhìn khuôn mặt khô ngò của bố do bà và tư lệnh Từ sáng tạo nên. Cuộc sống sinh động của những năm tháng qua như con ngựa phi lướt trước mặt bà.

Bà tôi nhớ lại năm đó. Trong cơn mưa to, chiếc kiệu như con thuyền đi vào thôn của Đơn Đình Tú, đường đi nước lênh láng, trên mặt nước nổi lên những vỏ trấu cao lương. Khi kiệu hoa đến cổng nhà họ Đơn, chỉ có một lão già gầy gò tết đuôi sam ra đón. Sau khi mưa tạnh vẫn còn vài hạt lất nhất rơi xuống nước lênh láng trên mặt đất. Mặc dù thợ kèn thổi rộn rã, nhưng vẫn không có người đến xem, bà biết có chuyện chẳng lành. Đỡ bà tôi đến lễ trời đất là hai người đàn ông, một người hơn năm mươi tuổi, một người hơn bốn mươi tuổi. Người hơn bốn mươi tuổi là ông Lưu La Hán, người hơn bốn mươi tuổi là một người làm công chuyên nấu rượu.

Phu kiệu, thợ kèn ướt như chuột lột, đứng trong vũng nước, nét mặt nghiêm nghị, nhìn hai người đàn ông khô đét diu bà tôi xinh đẹp đi vào gian thờ u tối.

Từ thân hai người đàn ông, bà ngửi thấy mùi rượu nồng nặc, tựa như họ vừa tắm trong rượu ra.

Khi bà ở trong gian thờ, vẫn phải trùm một cái khăn trùm đầu rất hôi hám. Trong mùi tanh tanh của ngọn nến cháy, bà nhận được một đầu chiếc khăn lụa mềm mại, rồi bị người ta kéo đi. Đoạn đường đi này tối om, nghệt thở, thật đáng sợ. Bà được đưa đến ngồi trên chiếc giường lò. Vẫn không có ai đến cởi khăn đồ trùm đầu cho bà, bà tự tay cởi lấy. Bà nhìn thấy một người đàn ông mặt mũi co rúm, ngồi thu lu trên chiếc ghế đầu dưới giường. Người đàn ông đầu bết và dài, mi mắt dưới loét đỏ. Anh ta đứng lên, giơ bàn tay nhọn như móng chân gà về phía bà, bà kêu to một tiếng, rút con dao nhọn từ trong bụng ra, đứng trên giường, nhìn chằm chằm người đàn ông kia một cách dữ tợn. Người đàn ông lùi lại ngồi vào ghế như cũ. Đêm ấy, bà không lúc nào rời con dao cầm trong tay, và người đàn ông đầu bết kia cũng không lúc nào rời khỏi chiếc ghế đầu.

Sáng sớm ngày thứ hai, thừa lúc người đàn ông kia còn đang ngủ, bà tuột xuống giường, chạy ra cửa buồng, mở cửa, định bỏ chạy, thì bị giữ lại. Cái lão già gầy gò tét đuôi sam kia nắm lấy tay bà, nhìn bà giận dữ.

Đơn Đình Tú dặng hắng hai tiếng, đổi giận làm lành, nói:

- Con ơi, con đã được gã chồng, bây giờ con như con gái ta vậy. Biển Lang không phải là bị cái bệnh

ấy đâu, con chớ nghe người ta nói bậy. Cơ ngơi nhà ta lớn, Biển Lang thật thà, con về đây, thì cơ nghiệp này sẽ thuộc về tay con cai quản.

Đơn Đình Tú đưa cả chùm chìa khóa đồng cho bà, bà không cầm.

Đêm thứ hai, bà vẫn cầm con dao, ngồi cho đến sáng. Buổi sáng ngày thứ ba, cụ ngoại dắt một con lừa đến đón bà tới trở về nhà. Cuối ba ngày, con gái trở lại chào bố mẹ để là phong tục của quê hương Đông Bắc Cao Mật. Cụ ngoại tôi uống rượu với Đơn Đình Tú mãi đến khi mặt trời lên cao mới lên đường trở về.

Bà cưới con lừa rậm lông, trên lưng lừa rải một chiếc khăn mỏng, lắt lư đi ra khỏi thôn. Sau cơn mưa ba ngày, mặt đất vẫn còn ẩm ướt, ruộng cao lương bốc lên những ngọn khói trắng, nó phủ lên vạt cao lương xanh, trông mờ ảo như cảnh tiên vậy. Tiền bạc trong hầu bao của cụ ngoại tôi kêu lengkeng, say rượu cụ đi chân nam đá chân chiêu, ánh mắt lơ mơ. Con lừa rứt chiếc cổ dài, đi chậm chạp, móng nhỏ in trên đường ẩm ướt rõ mồn một. Bà ngồi trên lưng lừa, mắt hoa đầu vầng, mí mắt mọng đỏ, đầu tóc rối tung. Hàng cao lương ba ngày vừa rồi đã lớn lên một đốt, nhìn bà tới một cách giễu cợt.

Bà nói:

- Bố ơi con không trở về nhà nó nữa đâu. Thà chết con cũng không đến nhà nó nữa...

Cụ ngoại tôi nói:

- Con gái cưng của bố. Con là phúc to lắm đấy. Bố chồng con hứa cho bố một con la đen to, bố sẽ bán con lửa lông rậm này đi.

Con lửa lông rậm vươn cái đầu vuông ra, gặm cỏ xanh lấm đầy bùn bên đường.

Bà khóc nói:

- Bố ơi, nó bị hủi...

Cụ ngoại nói:

- Bố chồng con sẽ cho nhà ta con la...

Cụ ngoại tôi say quá mất cả trí khôn, cụ liên tục mua thịt rệu ra bãi cỏ ven đường, khiến cho bà tôi ghê tởm, lộn cả ruột gan. Bà rất căm giận cụ ngoại tôi.

Con lửa đi đến đầm Con Cóc, một mùi thối xốc vào mũi, khiến cho chú lửa rũ tai xuống. Bà nhìn thấy xác tên cướp đường hôm trước. Bụng hấn trướng phình, một đàn nhặng xanh bầu kín người hấn. Lửa công bà đi qua cái xác đàn nhặng bỗng giận dữ bay lên, trông như đám mây màu lục. Cụ ngoại tôi đi theo con lửa người cụ như to hơn cả con đường, lúc thì ông lao vào đám cao lương bên trái, lúc thì đập lên vạt cỏ bên phải. Khi đi đến bên xác chết, cụ ngoại hăng giọng mấy tiếng, mồm lẩm bẩm:

- Quỷ đói... Mày, cái thằng quỷ đói... Mày nằm đây ngủ hả...

Bà mãi mãi không thể quên được bộ mặt như quả bí ngô của tên cướp. Trong khoảnh khắc lũ nhặng bay lên, bà nhìn thấy bộ mặt hào phóng, ung

dung bây giờ của xác chết rất khác với bộ mặt hung hãn, nhưng nhát gan của anh ta khi còn sống. Đi một dặm, lại một dặm nữa, mặt trời xế bóng, con lừa bỏ cụ ngoại lại phía sau, nó nhớ đường, từ từ đưa bà đi lên phía trước... Đường queo một cua, con lừa đi đến chỗ vòng, thân bà bỗng ngã về phía sau, rời khỏi lưng lừa: một cánh tay lực lưỡng quắp lấy bà, chạy sâu vào trong đám ruộng cao lương.

Bà không còn đủ sức đâu mà giãy giụa và cũng không muốn giãy giụa. Cuộc sống mới vừa đúng ba ngày như một giấc mộng bị tan vỡ, có người trong phút chốc bỗng trở thành lạnh tựa vĩ đại, còn bà trong ba ngày vừa rồi đã nếm trải đủ mùi cay đắng của cuộc đời. Thậm chí bà còn quàng một cánh tay ôm chặt lấy cổ người đó, để cho cánh tay anh ta nổi rộng ra một chút. Lá cao lương kêu xào xạc. Trên đường vắng lại tiếng kêu lạc giọng của cụ ngoại: "Con gái yêu ơi, con ở đâu?".

Phía gần cầu đá vọng lại tiếng kèn giục già và tiếng súng máy. Máu bà vẫn cứ theo nhịp thở từng dòng chảy ra ngoài. Bố gọi: "Mẹ ơi, mẹ đừng chảy máu nữa, chảy hết máu, mẹ chết mất". Bố bốt một nắm đất đen dưới gốc cao lương, nhét vào miệng vết thương của bà, máu ngừng chảy ngay lại, bố bốt nắm nữa nhét vào. Bà mỉm cười hân hoan, nhìn bầu trời xanh lam, sâu thăm thẳm, nhìn cao lương khoan dung dịu dàng như mẹ hiền. Trong óc bà hiện ra một con đường nhỏ đầy hoa trắng tươi mơn mớn. Trên con

đường nhỏ ấy, bà cười con lửa lông rậm, thư thái bước đi. Nơi ruộng cao lương xa xa, chàng trai rắn chắc như vách núi lớn, cất giọng hát vang, vọng mãi trên cánh đồng cao lương. Bà theo tiếng hát mà đi, chầm giẫm lên ngọn cao lương như bay trên đám mây màu lục...

Người ấy đặt bà xuống đất, người bà mềm nhũn như sợi bún, lim dim đôi mắt như mắt con cừu con. Người ấy xé tung mảnh vải đen che mặt, hiện rõ chân tướng. Là anh ta! Bà thầm khấn trời, một xung động mãnh liệt tựa như hạnh phúc ập tới khiến bà nước mắt đầm đìa, nóng hổi.

Từ Chiếm Ngao cởi áo tôi ra, lấy chân đạp đổ mấy chục cây cao lương, rải áo tôi lên trên. Ông bế bà tôi đặt vào áo tôi. Bà ngơ ngác nhìn tảng ngực trần của ông, phảng phất thấy dòng máu, sôi sục chảy không dứt dưới làn da đen bóng của ông. Ngọn cao lương tỏa nhẹ mùi thơm, bốn bề vang lên tiếng cao lương sinh trưởng. Gió lạnh, sóng yên, từng tia sáng mặt trời ảm Ứt, chói chang, xiên qua kẽ lá cao lương. Trái tim bà rung động, một tình yêu tiềm ẩn mười sáu năm trời bỗng nhiên trỗi dậy. Bà cựa quậy trong chiếc áo tôi. Từ Chiếm Ngao cúi thấp hai đầu gối khụy xuống, quỳ bên cạnh bà, toàn thân bà run lên, một ngọn lửa vàng, thơm nức cháy loang loáng trước mặt bà. Từ Chiếm Ngao thô lỗ xé toạc áo ngực của bà tôi, để cho chùm ánh sáng chiếu thẳng vào đôi vú đang hồi hộp phập phồng. Trước động tác cương

quyết dứt khoát của ông, nỗi đau đớn và niềm hạnh phúc sắc nhọn chà xát thần kinh bà, bà khe khẽ rên lên: "Trời ơi..." rồi ngất đi.

Bà và ông yêu mến nhau trong ruộng cao lương đang sinh sôi nảy nở. Hai trái tim bất kham, coi thương cả luật lệ còn kết dính hơn cả hai xác thịt khoái lạc của họ. Chuyện mây mưa của họ trong ruộng cao lương đã vạch một trang đỏ trong trang sử phong phú màu sắc của quê hương Đông Bắc Cao Mật chúng tôi. Có thể nói, bố tôi là kết quả dưỡng dục của tinh hoa trời đất, là kết tinh của đau khổ và cuồng loạn.

Tiếng kêu của con lừa dৌ vào trong ruộng cao lương gọi bà tôi từ thiên quốc mê ly trở về với nhân thế tàn khốc. Bà ngồi dậy, hoảng sợ, nước mắt chảy tràn hai má. Bà nói:

- Nó đúng là bị hủi.

Ông tôi quỳ xuống, không biết lấy từ đâu ra một thanh kiếm nhỏ, dài hơn hai thước, rút soạt một cái ra khỏi vỏ, lưỡi kiếm tròn tròn trông như lá củ kiệu. Ông vung tay, lưỡi kiếm vút qua khóm cao lương, hai cây cao lương đổ xuống đất, từ trong cộng cao lương bị vạt chéch, rân rân chảy ra thứ nhựa xanh đen. Ông nói:

- Sau ba ngày, em hãy trở lại!

Bà nhìn ông ngờ ngác, không hiểu. Ông mặc áo. Bà sửa lại dung nhan. Bà không biết ông giấu cây kiếm nhỏ vào chỗ nào. Ông đưa bà ra ven đường, rồi

tung mình vút một cái đã không thấy bóng dáng đâu nữa.

Bà ngày sau, con lừa nhỏ lông rậm đưa bà tới trở lại nhà chồng. Vừa vào đến đầu làng đã nghe nói, cha con nhà họ Đơn bị người ta giết chết, thi thể vẫn còn nằm ở ngoài đầu phía tây thôn.

Bà nằm đó tằm gọi trong sự âm áp, thanh cao của ruộng cày lương, bà cảm thấy mình nhẹ như con chim én, trượt nhẹ nhàng thoải mái trên những bông cao lương. Những bức hình trong đèn kéo quân quay chậm lại: Đơn Biễn Lang, Đơn Đình Tú, ông ngoại, cụ ngoại, ông La Hán... bao nhiêu khuôn mặt căm thù, căm kích, hung hãn, đôn hậu đều hiện ra và biến đi. Lịch sử ba mươi năm của bà tới chính tay bà viết nên nét bút cuối cùng. Tất cả quá khứ như những trái cây thơm phức, rơi nhanh, như mũi tên cắm vào đất; còn tất cả tương lai, bà chỉ có thể lơ mơ nhìn thấy những vòng sáng mờ dần rồi tắt hẳn. Chỉ còn hiện tại ngắn ngủi, vừa dính, vừa trơn, bà gắng sức nắm lấy không buông tay. Bà cảm thấy hai bàn tay nhỏ như móng thú của bố tới đang vuốt ve bà. Bố sợ hãi gọi mẹ, để bà từ trong tiềm thức bỏ hết yêu ghét, xóa hết hận thù lại hiện ra ánh lửa của sự lưu luyến cuộc đời. Bà gắng sức định nâng tay lên, vuốt ve mặt bố tới một chút, nhưng không sao nhấc nổi. Bà đang bay lên, bà nhìn thấy một chùm ánh sáng ngũ sắc từ thiên quốc chiếu đến, bà nghe thấy tiếng

nhạc trang nghiêm của những kèn lớn, kèn nhỏ thổi lên từ thiên quốc.

Bà thấy mệt quá, cái cán chuôi của hiện tại trơn như mỡ, cái cán chuôi của thế giới nhân sinh sắp tuột khỏi tay bà. Đó là cái chết ư? Tôi sắp chết rồi ư? Sẽ không được nhìn thấy ngày hôm nay, đất này, cao lương này, đứa con này và người tình đang chỉ huy đánh giặc nữa ư. Tiếng súng nổ ở xa thế, tất cả đều bị ngăn cách bởi màn sương mù dày đặc. Đậu Quan! Đậu Quan! Con trai của mẹ. Con lại giúp mẹ một chút đi, con hãy giữ lấy mẹ, mẹ không muốn chết, trời ơi! Trời... trời đã cho tôi người tình, trời cho tôi đứa con, trời cho tôi của cải, trời cho tôi cuộc sống mười sáu năm chắc mấy như cao lương. Trời, người đã cho tôi, thì đừng có lấy lại. Hãy tha thứ cho tôi, hãy buông tôi ra! Trời, người cho tôi là có tội ư? Người cho tôi là chùng chãi gồi với người hủi, để ra một con quỷ lở loét, làm bẩn cả thế giới đẹp đẽ này là đúng hay sai? Trời hỡi, thế nào là trinh tiết? Thế nào là chính đạo? Thế nào là lương thiện? Thế nào là tà ác? Người chưa hề bảo cho tôi, tôi chỉ làm theo cách nghĩ của tôi, tôi yêu hạnh phúc, tôi yêu sức mạnh, tôi yêu cái đẹp, thân tôi là của tôi, tôi phải làm chủ cuộc đời tôi, tôi không sợ tội lỗi, không sợ trừng phạt, tôi không sợ bị đẩy xuống địa ngục mười sáu tầng của người. Tôi đã làm cái điều tôi nên làm, tôi đã muốn cái điều tôi muốn, tôi không sợ cái gì cả. Nhưng tôi

không muốn chết, tôi muốn sống, tôi muốn được nhìn cái thế giới này nhiều hơn nữa. Ông trời của tôi ơi!

Lòng thành của bà làm cho trời cảm động. Trong đôi mắt khô khốc của bà lại tiết ra nước mắt tươi mới, trong con mắt của bà lại rực rỡ ánh sáng kỳ lạ mà thiên quốc đã phú cho. Bà lại nhìn thấy khuôn mặt bầu bình hồng hào của bố và đôi mắt của bố nghiêm nghị như mắt của ông nội tôi. Mọi bà rung động, gọi tiếng: "Đậu Quan".

Bố phẫn khởi gọi to:

- Mẹ, mẹ khỏi rồi! Mẹ không được chết, con đã bịt vết thương của mẹ rồi, máu không chảy nữa. Con sẽ đi gọi bố, con gọi bố trông mẹ, mẹ ơi, mẹ không thể chết, mẹ đợi bố con nhé.

Bố chạy đi. Tiếng chân của bố biến thành lời nói thâm êm ái, biến thành tiếng nhạc từ thiên quốc vọng lại vừa rồi. Bà nghe thấy tiếng nói của vũ trụ, tiếng nói này đến từ mỗi góc cây cao lương. Bà chăm chú nhìn cao lương đỏ, trong con mắt mơ màng của bà, lữ cao lương mỹ miều, gian xảo, kỳ hình dị tướng, chúng rên rĩ, uốn cong kêu gọi, quăn quýt, lúc thì như ma quỷ, lúc thì như người thân, trong con mắt của bà, chúng khoanh tròn lại như con rắn, rồi bỗng nhiên vươn, duỗi ra. Bà không sao nói được màu sắc của chúng. Chúng xanh xanh đỏ đỏ, đen đen trắng trắng, khi thì màu lam khi thì màu lục. Chúng cười ha hả, chúng khóc hu hu, nước mắt của chúng như giọt mưa rơi vào bãi cát hoang vắng trong trái

tim bà. Qua kẽ lá cao lương, thấy từng mảng trời xanh, trời cao đến thế, lại thấp đến thế. Bà cảm thấy trời giao kết với đất, với người, với cao lương, tất cả được úp trong cái lồng bàn vĩ đại. Mây trắng trên trời có lướt qua cao lương, cũng chạm vào mặt bà. Một đám mây dày cũng chạm vào mặt bà phát ra thành tiếng. Bóng mây và mây, cái đi trước cái theo sau, bay lơ lửng. Một đàn bồ câu rừng trắng toát, từ trên trời sà xuống ngọn cây cao lương. Chim kêu cúc cu đánh thức bà, bà nhìn rất rõ hình dáng con chim bồ câu. Chim nhìn bà với con mắt nhỏ, hồng, to bằng hạt cao lương. Bà mỉm cười chân thành với chim, chim cũng mỉm cười khoan dung đáp lại lòng yêu mến và sự lưu luyến cuộc sống của bà. Bà hét to:

- Người thân của tôi ơi, tôi không muốn xa rời các bạn!

Đàn chim mổ những hạt cao lương để đáp lời gọi không thành tiếng của bà. Chim vừa mổ vừa nuốt hạt cao lương, phần ức của chúng to dần lên, trong khi vội vã ăn, lông chúng sù ra, đuôi xòe hình cánh quạt như cánh hoa lay động trong gió mưa. Dưới hiên nhà tôi, từng nuôi một đàn chim câu. Mùa thu, bà tôi đặt một cái chậu gỗ đầy nước trong sân, chim từ động bay về, đậu ngay ngắn trên miệng chậu, soi bóng xuống nước, nhả từ trong miệng ra những hạt cao lương. Đàn chim câu đi lác lác trong sân. Chim câu ơi! Đàn chim câu bị bão táp chiến tranh xua đuổi ra khỏi sân nhà, đang đậu trên ngọn cây cao lương nặng

triu yên lành, chúng nhìn bà, như ai điều bà với nỗi đau nặng nề.

Mất bà lại mở đi. Đàn chim câu phành phạch vỗ cánh bay đi, tạo thành tiết tấu một ca khúc quen thuộc. Chúng bay lượn trên bầu trời xanh, cánh chim và không khí chạm vào nhau phát ra tiếng gió nhẹ nhẹ. Bà cũng bay lên cùng với chim câu, rung đôi cánh mới, nhẹ nhàng bay lượn. Đất đen ở dưới, cao lương cũng ở dưới. Bà lưu luyến nhìn thôn xóm xơ xác điêu tàn, dòng sông quanh co uốn khúc, con đường dọc ngang chằng chịt; bà nhìn không gian hỗn độn bị súng đạn xé rách và nhìn chúng sinh đông đúc đang do dự giữa ngã tư đường của sự sống và cái chết. Bà ngửi mùi rượu cao lương cuối cùng, ngửi mùi vị máu nóng vừa tanh vừa ngọt, trong óc bà bỗng xuất hiện cảnh tượng chưa từng thấy bao giờ: dưới làn mưa đạn bắn xối xả, mấy trăm bà con nông dân quần áo rách rưới, khoa chân múa tay nằm trong cánh đồng cao lương...

Sợi dây cuối cùng liên hệ với nhân thế đã sắp đứt, tất cả ưu tư, đau khổ, vội vàng, chán nản đều rơi xuống cánh đồng cao lương, đều như đá đánh vào ngọn cao lương, khi cao lương đang bám rễ xuống đất đen đom hoa, kết hạt chua chát, truyền từ đời này đến đời sau. Bà đã hoàn thành sự giải phóng của mình, bà bay theo cánh chim câu. Trong không gian tư duy thu nhỏ lại chỉ bằng nắm tay của bà, chứa đựng đầy những khoái lạc, lặng yên, êm ấm, thư

thái, hài hòa. Bà rất mãn nguyện, bà nói một cách chân thành:

- Trời ơi! Ông Trời của tôi!...

9

Súng máy trên nóc xe bắn liên hồi, bánh xe quay tít, bò lên cầu đá to kiên cố. Đạn kìm chặt ông tôi và đội quân của ông có mấy đội viên không cẩn thận thò đầu ra ngoài mặt đê đều bị chết lặn xuống chân đê. Ông tức điên người. Tất cả bốn xe đều lên được cầu đạn súng máy bay rất cao. Ông nói:

- Hồi các anh em, đánh đi!

Ông bắn ba phát, hai tên lính Nhật nằm trên mũi xe, máu đen chảy lênh láng trên đầu xe. Theo tiếng súng của ông, sau đê phía đông và phía tây đường, vang lên mấy chục tiếng súng rời rạc, lại bảy, tám tên lính Nhật đổ. Có hai tên lính Nhật ngã lộn nhào ra ngoài xe, chân tay chơi vơi, lao thẳng xuống dòng nước đen hai bên cầu. Khẩu súng cối của anh em nhà họ Phương cũng gầm lên, phun ra một lưỡi lửa to rộng quét lên mặt sông, trông đến là sợ, những viên bi thép, những quả trứng thép lao tất cả vào những chiếc bao trắng ở chiếc xe thứ hai. Sau khi khói lửa bốc đi rồi, những hạt gạo trắng muốt từ vô vàn lỗ thùng chảy ào ra.

Bố tôi từ trong ruộng cao lương, như con rắn trườn tới ven đê, nôn nóng muốn nói ngay với ông tôi, ông tôi vội vàng hăm dọa lại không bắn nữa. Chiếc xe thứ nhất của bọn giặc tăng tốc lao lên đầu cầu, bánh trước dề lên rằng bữa chống ngược. Lốp xe nổ, xì xì ra hết hơi. Chiếc xe rú lên ghê sợ, những chiếc bữa nối liền hoàn đều bị đẩy về phía sau kêu răng rắc. Bố thấy xe giặc như những con rắn lớn nuốt phải con nhím, cổ quần quai đau đốn. Bọn giặc trên chiếc xe thứ nhất nhảy ùa xuống. Ông nói:

- Chú Lưu, thôi kèn đi!

Lưu Đại Hiệu thổi chiếc kèn lớn, tiếng lanh lảnh dễ sợ.

Ông hét:

- Xung phong!

Ông tôi vùng súng nhảy lên. ông không cần ngắm, từng thằng giặc một đều khom người xoay lưng lại trước họng súng của ông. Các đội viên phía tây đều lao đến trước xe, họ vây lấy bọn giặc, bọn giặc ở xe sau đều phải bắn chỉ thiên. Trên xe còn có hai tên lính, bố nhìn thấy anh cầm tung mình bay lên xe, hai tên lính xĩa lưỡi lê ra đón, anh cầm dùng sống mã tấu quật mạnh gạt được lưỡi lê ra. mã tấu thuận đà lia một cái, đầu một thằng giặc còn nguyên cả mũ sắt, bay trong không trung vẫn còn hú gào, rơi xuống đất miệng vẫn nói vài câu. Bố thấy mã tấu anh cầm dùng thật lợi. Bố thấy đầu lâu tên giặc vẫn còn kinh ngạc như lúc đầu chưa lia khỏi cổ, thịt ở má

vẫn còn động dậy, mũi còn đang phập phồng, như muốn hắt xì hơi. Anh cầm chém nốt đầu tên kia, xác hấn dựa vào thành xe, da trên cổ hấn tụt hẳn xuống một đốt, máu ông ộc phun ra ngoài. Lúc bấy giờ, bọn giặc ở hai chiếc xe sau liền hạ thấp súng xuống, vãi ra biết bao nhiêu là đạn, đội viên của ông tôi như những khúc gỗ đổ dề lên xác tên giặc. Anh cầm ngổi bệt dít xuống mui xe, trên ngực có mấy tia máu phun ra.

Bố và ông nằm phục dưới đất, bò trở lại ruộng cao lương, từ bờ dề dần dần thò đầu ra hai chiếc xe sau cùng rùng rùng rút lui, ông hét:

- Phương Lục, nổ pháo! Giết chết lũ chó khôn nạn đi!

Anh em nhà họ Phương kéo khẩu súng cối đã nhồi thuốc sẵn lên dề, Phương Lục cúi xuống châm dây dẫn hỏa, bỗng bụng trúng đạn, một mẩu ruột xanh, từ từ lòi ra ngoài. Phương Lục kêu lên hai tiếng: "Mẹ ơi", ôm bụng lăn vào trong ruộng cao lương. Thấy xe giặc sắp rút ra khỏi cầu, ông tôi vội hô:

- Bắn.

Phương Thất cầm lấy bụi nhùi lửa run lập cập đi vào dây dẫn hỏa, nhưng không làm sao cháy được. Ông tôi lao đến, giật lấy bụi nhùi lửa, đưa lên miệng thổi, bụi nhùi đỏ lên. Ông giở bụi nhùi vào dây dẫn hỏa, dây dẫn hỏa nổ lẹp bẹp, bốc khói trắng rồi tắt ngấm. Khẩu súng cối im lặng nằm đó, như ngủ say

vậy. Bố nghĩ nó không thể nổ được nữa. Xe giặc đã rút khỏi cầu, cái thứ hai và thứ ba cũng đang rút lui. Gạo trên xe chảy rào rào xuống cầu, xuống nước, làm mặt nước bắn lên những giọt nước. Mấy xác giặc từ từ trôi về phía đông, máu chảy loang ra, những con lươn đi hàng đàn quẫy mạnh trong nước máu. Khẩu súng cối sau phút im lặng, bỗng nổ đùng một tiếng. Thế là sắt thép, súng và thân người tung lên khỏi mặt đê rất cao, một ngọn lửa lớn quạt trúng vào chiếc xe đang có gạo rơi, đuôi xe cháy bùng bùng.

Chiếc xe đã ra khỏi cầu bèn dừng lại, bọn giặc trên xe nhảy xuống hỗn loạn, nằm rạp trên mặt đê đối diện, dựng súng lên, bắn mạnh về phía đối phương. Mặt Phương Lục bị trúng đạn, sống mũi bị bắn dập nát, máu anh bắn cả vào mặt bố.

Hai tên giặc ở trên xe bị cháy, đẩy cửa nhảy xuống, luống cuống nhảy cả xuống sông. Chiếc xe chở gạo đi giữa, tiến thoái lưỡng nan, cứ rú lên ở giữa cầu, bánh xe quay tít. Gạo xối xả rơi xuống như mưa.

Súng máy giặc ở trước mặt bỗng câm bặt, chỉ còn mấy khẩu súng trường nổ đi đệt. Mười mấy tên giặc ôm súng khom lưng, đi nép vào hai bên thành xe bị cháy, lao về phía bắc. Ông hô bắn, nhưng tiếng súng bắn hướng ứng thừa thớt.. Bố quay lại thấy thi thể của các đội viên nằm la liệt trên đê, dưới đê. Đội viên bị thương đang rên rỉ trong ruộng cao lương. Ông bắn liên mấy phát, đuổi được bọn giặc xuống cầu. Phía tây đường cũng nổ đi đùng mấy phát súng, giết

được mấy tên giặc. Bọn giặc rút lui. Từ bờ phía nam bỗng một viên đạn bay lên, bắn trúng vào cánh tay phải của ông, ông co tay lại, súng lục rơi xuống, mắc trên cổ. Ông rút vào trong ruộng cao lương, gọi:

- Đậu Quan! Giúp bố với.

Ông xé ống tay áo ra, bảo bố lấy miếng vải trắng ở trong lưng ông ra buộc vào vết thương. Nhân dịp này, bố tôi nói:

- Bố ơi, mẹ con đang mong bố.

Ông nói:

- Con ngoan ơi! Trước tiên hãy giết hết bọn chó đẻ này đã.

Ông rút từ trong thắt lưng ra khẩu súng brôninh mà bố đã quăng đi, đưa cho bố. Lưu Đại Hiệu kéo lê cái chân đầy máu, từ bên đê sông bờ tối, anh hỏi:

- Tư lệnh, có thời kèn không?

- Thời đi - Ông nói.

Lưu Đại Hiệu một chân quỳ, một chân duỗi, nâng kèn hướng lên trời thổi, từ loa kèn bay ra thanh âm màu đỏ sẫm.

- Xung phong, anh em ơi! - Ông hô to.

Trong ruộng cao lương phía tây đường có mấy tiếng hô theo. Tay trái ông giơ lên, vừa nhảy lên, thì mấy viên đạn bay lướt qua má ông. Ông lăn ngay xuống đất, bò trở lại ruộng cao lương. Bờ đê phía tây đường có tiếng kèn thất thanh. Bố biết lại một đội viên trúng đạn.

Lưu Đại Hiệu hướng kèn lên trời thổi, thanh âm đỏ sẫm va vào bông cao lương làm cho chúng run rẩy.

Ông nắm lấy tay bố, nói:

- Con ơi, đi theo bố sang gặp anh em ở bên tây đường.

Xe trên cầu lăn đi trong khói dày đặc, trong ngọn lửa bập bùng, gạo như tuyết trắng bay rải khắp mặt sông. Ông lôi bố, chạy như bay qua đường cái, đạn bắn đuổi theo họ, rơi xuống đường kêu chan chát. Một đội viên mặt đen thui, da dẻ nứt toác, nhìn thấy ông và bố, anh ta miệng há, khóc, nói:

- Từ lệnh ơi, chúng ta hỏng rồi!

Ông ử rữ ngồi trong ruộng cao lương, hồi lâu không ngẩng lên, bọn giặc bên kia sông cũng không bắn nữa. Trên cầu xe cháy nổ âm âm, phía đông con đường vang lên tiếng kèn của Lưu Đại Hiệu.

Bố không thấy sợ nữa, ông men theo bờ đê, lần về phía tây một đoạn, từ trong bụi cỏ khô vàng ông lặng lẽ thò đầu ra. Bố nhìn thấy từ trong mui xe thứ hai của giặc chưa bị cháy, có một tên lính Nhật nhảy ra, đi đến thùng xe lôi ra một tên giặc già. Tên già này rất gầy, tay đi đôi găng trắng muốt, hông đeo một thanh kiếm dài, chân đi đôi ủng da đen cao đến đầu gối. Bọn chúng men theo xe, bám vào mố cầu bò xuống. Bố giờ khẩu súng brô-ninh ra, tay ông run quá, cái mông đít gầy gò của tên giặc già cứ nhảy nháy trước họng súng của bố. Bố nghiêng răng nheo mắt bắn đoànng một phát, viên đạn viuu chui

xuống nước, một con lươn trắng phoi bụng nổi lên. Tên giặc già rơi xuống nước. Bố kêu to:

- Bố ơi, một tên quan to!

Một tiếng súng nổ sau gáy bố. Đầu tên giặc già vỡ toác, một vệt máu loang ra trong nước. Tên giặc còn lại bò lồm ngồm, nấp vào sau mố cầu.

Tiếng súng của bọn địch lại vang lên, bố bị ông tôi ấn xuống. Đạn kêu chiu chiu loạn xạ trong ruộng cao lương. Ông tôi nói:

- Tốt lắm, dòng giống của bố!

Bố và ông không biết, tên giặc già mà họ bắn chết chính là tên thiếu tướng Na-ca-cao Nê-ca-o.

Tiếng kèn của Lưu Đại Hiệu vẫn vang lên không ngắt. Vầng thái dương trên trời bị ánh lửa của xe cháy làm cho xanh xao vàng vọt.

Bố nói:

- Bố, mẹ con đang chờ bố, bảo bố đến đây.

Ông nói:

- Mẹ con còn sống à?

Bố nói:

- Còn sống.

Bố dắt tay ông, đi sâu vào phía ruộng cao lương.

Bà nằm dưới gốc cao lương, trên mặt có in bóng râm của cao lương, trên mặt vẫn giữ nụ cười cao quý dành cho ông tôi. Mắt bà trắng bệch, đôi mắt vẫn còn chưa nhắm.

Bố lần đầu tiên thấy hai dòng nước mắt từ khuôn mặt kiên nghị của ông tôi chảy xuống.

Ông quỳ xuống bên cạnh bà, dùng bàn tay chưa bị thương vuốt mắt cho bà.

Năm 1976, khi ông tôi chết bố lấy tay trái bị khuyết mất hai ngón tay vuốt mắt tròn tròn cho ông tôi. Năm 1958 khi ông tôi từ dãy núi hoang vùng Hốc-cai-đô (Nhật Bản) trở về, ông nói rất khó khăn, mỗi một lời như hòn đá nặng từ trong miệng ông văng ra. Khi ông từ Nhật Bản trở về, làng tổ chức một lễ rất to, cả chủ tịch huyện cùng đến dự. Bấy giờ tôi mới hai tuổi. Tôi còn nhớ dưới gốc cây bạch dương, xếp một dãy tám chiếc bàn bát tiên theo hàng chữ nhất, mỗi bàn một hũ rượu, hơn chục chiếc bát trắng. Chủ tịch huyện bê hũ rượu rót một bát đầy, hai tay bung đến cho ông tôi. Chủ tịch huyện nói:

- Lão anh hùng, xin mời ông một bát rượu, ông đã đem lại vẻ vang cho cả huyện!

Ông tôi vụng về đứng dậy, con người trắng đục đảo đi đảo lại, nói:

- Ô - ô - cái giáo, cái giáo!

Tôi thấy ông đưa bát rượu vào miệng. Cổ ông đầy vết nhăn cứng đờ, cổ họng chạy lên chạy xuống, rượu vào miệng rất ít, phần lớn là chảy xuống cằm, chảy ròng ròng xuống ngực ông.

Tôi còn nhớ ông dắt tôi, tôi lại dắt con chó mực nhỏ đi lượn trên cánh đồng. Ông thích nhất là đi xem cầu lớn trên sông Mạc Thủy. Ông đứng ở đầu cầu, tay vịn vào trụ đá, đứng cả nửa buổi sáng hoặc nửa buổi chiều. Tôi thấy mắt ông thường để ý đến vết lỗ chỗ ở

hòn đá trên cầu. Khi cao lương mọc cao, ông dẫn tôi đi vào ruộng cao lương, nơi ông thích là chỗ cách cầu sông Mạc Thủy không xa, tôi đoán, nơi đó là chỗ bà tôi lên trời, trên mảnh đất đen bình thường ấy đã thấm máu tươi của bà tôi. Hồi bấy giờ căn nhà cũ của nhà tôi còn chưa dỡ, một hôm ông vác cuốc đến đào bới dưới gốc cây. Ông đào được mấy ấu trùng ve. Ông cho tôi, tôi vớt cho chó, chó cắn chết ấu trùng, nhưng không ăn.

- Bố, bố cuốc cái gì?

Cô tôi - chuẩn bị đi nhà ăn tập thể nấu cơm - hỏi. Ông tôi ngừng đầu, nhìn cô bằng ánh mắt xa lạ. Cô đi rồi, ông vẫn tiếp tục cuốc đất. Ông đào một cái hốc, chặt đứt mấy chiếc rễ to nhỏ khác nhau, bới ra một phiến đá, từ trong hố gạch tôi om, lấy ra một hộp sắt đã gỉ hết. Hộp sắt vừa rơi xuống đất đã vỡ vụn ra. Trong miếng vải rách, lòi ra một vật bằng sắt gỉ đỏ, dài hơn người tôi. Tôi hỏi ông đấy là cái gì, ông nói:

- Ờ... ờ - cái giáo - cái giáo.

Ông mang ngọn giáo ra phơi dưới nắng, ông ngồi trước ngọn giáo, mở mắt, nhắm lại, lại mở mắt rồi lại nhắm mắt. Đoạn ông đứng lên, tìm cái búa chẻ củi, đập nát ngọn giáo. Ông đập nát ngọn giáo thành sắt vụn, rồi nhặt lên quãng đi, quãng đây cả sân.

- Bố ơi, mẹ con chết rồi ư? - Bố hỏi ông tôi.

Ông gật đầu.

- Bố gọi:

- Bố!

Ông tôi xoa đầu bố tôi. từ bên hông rút ra một thanh kiếm, chặt mấy cây cao lương, phủ lên người bà tôi.

Phía nam bờ đê vang lên tiếng súng dữ dội, tiếng hô giết, tiếng lựu đạn nổ. Bố bị ông lôi đi, xông lên đầu cầu.

Trong ruộng cao lương phía nam cầu, xuất hiện hơn một trăm người mặc quần áo lính màu tro. Mấy chục tên lính Nhật chạy lên bờ đê, đứa thì bị bắn chết, đứa thì bị đâm chết. Bố nhìn thấy chi đội trưởng Lân lưng thắt cái thắt lưng da rộng bản, khẩu súng pác-hoặc đeo trên thắt lưng. Ông được mấy chiến sĩ cao lớn bảo vệ, vòng qua chiếc xe bị cháy, đi về phía bắc cây cầu.

Ông nhìn thấy chi đội trưởng Lân, cười khẩy, cầm súng, đứng không động đậy ở đầu cầu.

Chi đội trưởng Lân ngang nhiên đi đến, nói:

- Tư lệnh Từ, đánh khá lắm!

- Đồ chó đẻ! - Ông chửi.

- Đàn em đến chậm một bước!

- Đồ chó đẻ!

- Nếu không có chúng tôi đến, thì ông hết đời rồi!

- Đồ chó đẻ!

Họng súng của ông chìa thẳng vào chi đội trưởng Lân. Chi đội trưởng Lân, nháy mắt một cái, hai lính cảnh vệ mình hỏ lưng báo, dùng động tác lạnh lẹn giật lấy súng của ông.

Bố tôi giờ khẩu brô-ninh lên, bắn một phát vào mông người lính cảnh vệ đang kèm chặt ông tôi.

Người lính thứ hai tung chân đá ngã bố, rồi dùng chân dè lấy cánh tay bố, đoạn cúi xuống nhặt lấy khẩu súng lục.

Ông và bố bị các lính cảnh vệ giữ chặt.

- Thằng rồ Lảnh kia, mày hãy mở mắt chó ra mà nhìn đàn em của tao!

Trên bờ đê hai bên đường, trong ruộng cao lương, xác người và thương binh nằm ngổn ngang. Lưu Đại Hiệu vẫn thối kèn liên tục, máu đỏ chảy ra từ mép, từ lỗ mũi của anh.

Chi đội trưởng Lảnh ngả mũ, cúi chào cao lương phía đông và phía tây con đường.

- Hãy buông tư lệnh Từ và công tử ra! - Chi đội trưởng Lảnh nói.

Lính cảnh vệ thả ông và bố ra. Người lính cảnh vệ bị bắn kia, tay ôm đất, máu chảy từ trong kẽ tay ra.

Chi đội trưởng Lảnh đón lấy súng từ tay các lính cảnh vệ, rồi trả cho ông và bố.

Đội quân của chi đội trưởng Lảnh lục tục kéo qua cầu, họ lao về phía xe và xác giặc, họ nhặt lấy súng máy, súng trường, đạn dược, lưỡi lê, vỏ lưỡi lê, thất lưng da, giày da, ví tiền và dao cạo râu. Có người còn nhảy xuống sông, bắt được một tên giặc còn sống nấp sau mố cầu, và khiêng lên một tên giặc đã chết.

- Thừa chi đội trưởng, đây là một sĩ quan - một chiến sĩ nói.

Chi đội trưởng Lãnh phấn khởi đi đến xem, nói:

- Lột lấy quần áo, giữ lấy tất cả đồ dùng của hắn.

Chi đội trưởng Lãnh nói:

- Tư lệnh Từ, hẹn ngày gặp lại!

Đám lính vây quanh chi đội trưởng Lãnh rồi đi về phía nam cầu.

Ông gầm lên:

- Đứng lại, tên Lãnh kia!

Chi đội trưởng Lãnh quay người lại, nói:

- Tư lệnh Từ, tha cho ông về tội bắn tôi đây!

- Tao không tha cho mày đâu! - Ông nói.

- Vương Hồ, để lại cho tư lệnh Từ một cỗ súng máy! - Chi đội trưởng Lãnh nói.

Mấy chiến sĩ đem cỗ súng máy đến trước mặt ông.

- Đám xe này, gạo trên xe cũng thuộc về ông tất.

Toàn đội quân của chi đội trưởng Lãnh đã qua cầu, họ lên đê chinh đồn hàng ngũ, theo đê sông họ đi miết về phía đông.

Trời đã xế chiều. Đoàn xe đã cháy hết, chỉ còn lại bộ khung đen kịt, mùi lốp xe cháy khét đến nghẹt thở. Hai chiếc xe đi đầu và cuối, cháy sau cùng đã vít chặt hai đầu cầu. Dòng nước đen như sông đầy máu, cao lương đỏ như cánh đồng máu.

Bố nhặt ở trên đê được một miếng bánh trắng còn nguyên vẹn, đưa cho ông, nói:

- Bố, bố ăn đi. Đây là bánh trắng của mẹ con làm đấy.

- Con ăn đi - Ông nói.

Bố nhét bánh vào tay ông, nói:

- Con đi nhét nữa.

Bố lại nhét được miếng bánh trắng nữa, nhét vào mồm nhai ngấu nghiến.

*

* *

Xin chỉ có những dòng văn này gọi là để viếng các anh hồn và oan hồn ở trong ruộng cao lương mệnh mỏng quê hương của tôi. Tôi là con cháu không xứng đáng của các vị, tôi nguyện đem trái tim không trong sạch⁽¹⁾ của tôi, cắt nhỏ ra, xếp thành ba bát, đặt vào trong ruộng cao lương. Cúi xin về thượng hưởng, thượng hưởng.

(Giải thưởng truyện vừa 1985 - 1986).

1. Nguyên văn là trái tim nhúng đầy xi dầu bắn thiu (ND).

THẨM VIÊN

MẠC NGÓN

Một tiếng sét nổ trên ngọn cây hòe ở bên ngoài nhà làm bánh mỳ, dây đường xe điện mắc dưới cây tóe sáng ánh lửa chói mắt. Đây là tiếng sét đầu hạ, người đi trên phố hoảng hốt chạy vội vào nấp dưới những hiệu bán hàng ở hai ven đường. Những người đi xe đạp còng lưng đạp vội dạt vào hè đường. Một cơn gió lạnh ào đến, trận mưa nặng hạt rơi xiên xuống. Cảnh tượng trên đường phố càng thêm hỗn loạn, mọi người đội mưa chạy tứ tung.

Chàng và nàng ngồi đối diện trong căn phòng u tối ở nhà bán bánh mì, trước mặt mỗi người là một cốc nước giải khát, viên nước đá trắng phau nổi chìm trong cốc. Trên bàn ăn của hai người có bày hai cái bánh sừng bò, một con ruồi bay lượn quanh chiếc bánh. Chàng nghiêng đầu ngó ra nhìn cảnh rối loạn ngoài phố, lá cây hòe hải hùng đu đưa trong gió, mặt đất cuộn lên từng làn bụi, mùi tanh nồng nặc của đất ào vào trong nhà dường như át hết cả mùi bánh sữa ở trong tiệm bánh. Máy chiếc xe điện nối đuôi nhau từ

xa chậm chậm bò tới, mưa xối xả dội vào thành xe, tạo thành một làn nước trắng xám. Trong xe đầy người, mấy chiếc đầu trọc lộ ra khỏi thành xe, bị mưa đánh cho tối tả. Ở khe cửa xe điện lòi ra một mảnh váy màu đỏ, ướt dầm dề dính chặt trên bậc lên xuống, trông như lá cờ rách chiến bại.

"Mưa đi, mưa đi, mưa càng to càng tốt, đáng ra phải mưa từ lâu rồi. Thành phố này khô hạn đã lâu, ít ra cũng đến nửa năm không mưa rồi, nếu không có trận mưa rào này thì cây khô chết hết". Chàng ta bỗng nghiêng rằng nghiêng lợi nói, thần thái giống như nhân vật phản diện trong những bộ phim cách mạng. - "Ở chỗ các em thế nào? Cũng hạn đã lâu không mưa à? Hàng ngày sau khi xem xong tin tức, bao giờ anh cũng xem dự báo thời tiết, đặc biệt là quan tâm đến thời tiết ở chỗ các em. Thành phố bên ấy của các em để lại trong anh một ấn tượng rất đẹp, anh rất ghét thành phố to, nếu như không vì con cái, anh đã chuyển đến thành phố nhỏ từ lâu rồi. Thành phố nhỏ yên tĩnh, an nhàn, anh đoán người ở bên các em chỉ ít cũng sống lâu hơn người ở thành phố lớn đến mười năm...".

- Em muốn đến thăm Thẩm viên một chút - Nàng nói.

- Thẩm viên? - Chàng ngồi ngay ngắn lại, đối diện với nàng, nói - Thẩm viên hình như ở nơi nào của Chiết Giang, Hàng Châu, hay ở Kim Hoa? Người ta đến tuổi trung niên, đầu óc hồngбет, ba năm trước

đây, trí nhớ anh còn rất tốt, thời gian mấy năm gần đây tôi quá rồi...

- Mỗi lần đến Bắc Kinh, em đều muốn đi thăm Thăm viên, nhưng vẫn chưa đi được - Đôi mắt nàng sáng rõ lên trong u tối, khuôn mặt khô khốc bỗng sáng rực đầy sinh khí.

Chàng ngạc nhiên trong bụng, không dám nhìn thẳng vào đôi mắt rực lửa của nàng. Chàng nghe thấy giọng nói khàn khàn của mình:

- Bắc Kinh có Viên Minh viên, Di Hòa viên, anh chưa nghe thấy Bắc Kinh có Thăm viên bao giờ...⁽¹⁾

Nàng vội vàng thu dọn đồ đạc dưới chỗ ngồi, lồng hai túi giấy nhỏ vào trong túi giấy lớn, sau đó lại lồng túi giấy lớn vào trong một cái túi ni lông lớn.

- Đi đấy à? Tàu của em chẳng phải là 8 giờ tối mới chạy sao? - Chàng trở bánh mì trên bàn, nhẹ nhàng nói - Tốt nhất là em nên ăn nốt đi, kéo trên tàu không có gì ăn đâu.

Nàng ôm chiếc túi nilông trước ngực, ánh mắt nhìn chằm chằm vào chàng, nói với giọng trầm trầm nhưng kiên quyết:

- Em phải đến thăm Thăm viên, hôm nay em nhất thiết phải đến thăm Thăm viên.

1. Viên Minh viên, Di Hòa viên là những công viên nổi tiếng được xây dựng ở tây nam thành phố Bắc Kinh, còn Thăm viên chỉ là công viên trong mộng không có thực. (ND)

Một cơn gió lạnh có lẫn hạt mưa từ ngoài cửa thổi vào, chàng vuốt cánh tay mình, bỗng rùng mình một cái.

- Theo chỗ anh biết, Bắc Kinh không hề có Thẩm viên. Đúng rồi, anh nghĩ ra rồi! - Chàng ta phẩn khởi nói - Cuối cùng anh nghĩ ra rồi, Thẩm viên là ở Thiệu Hưng, Chiết Giang, mười mấy năm trước anh đã đến đó một lần, cách quê cũ của Lô Tấn không xa, đó là nơi nhà thơ Nam Tống Lục Du và Đường Uyển làm thơ từ đối đáp với nhau. Thực ra nơi đó chỉ là một khu vườn hoang vắng, đâu đâu cũng đều là cỏ dại, như người bạn cùng đi với anh nói: 'không đi thăm thì rất tiếc rẻ, mà đi thăm rồi lại càng tiếc rẻ...".

Lúc này nàng đã đứng dậy, sửa sang quần áo, vén tóc lên, rồi nhìn chàng lần nữa, như tự nói với mình:

- Lần này, bất kể thế nào mình cũng phải đến thăm Thẩm viên.

Chàng giờ một cánh tay ngăn trước mặt nàng, thận trọng nói:

- Dù cứ coi Thẩm viên là ở Bắc Kinh, thì chúng mình cũng phải đợi tạnh mưa rồi hãy đi chứ? Nếu muốn đi Thẩm viên thì phải đợi đến mai, tàu hỏa mỗi ngày một chuyến, giờ này chạy rồi. Thời tiết này tuyệt đối máy bay không thể cất cánh được, vả lại hình như không có chuyến bay đi Thiệu Hưng.

Nàng tránh khỏi cánh tay chàng, xách túi đi ra khỏi tiệm bánh mì, đi vào trong làn mưa trắng đục.

Chàng vội vàng thanh toán tiền với cô phục vụ, chạy đuổi theo. Đứng dưới hàng hiên, chàng nghe thấy tiếng mưa gõ lộp độp trên mái tôn, khiến lòng người rối loạn. Nhìn qua làn mưa trông như dòng thác đổ từ mái hiên xuống, chàng thấy nàng giơ túi lên che đầu, đang vội vàng chạy ngang qua đường. Máy chiếc xe con lao đi theo sau lưng nàng, nước bắn lên làm ướt chiếc váy, dính vào người, lộ ra thân hình gầy gò. Chàng đứng dưới hàng hiên, nhìn xa xa về một ngôi nhà màu xám của mình ở đó, tựa hồ như thấy mưa từ cửa kính màu xanh nước biển trên ban công xối xả chảy xuống. Mùi trà thơm ngào ngạt như đập vào mũi, thậm chí nghe thấy tiếng lũ con mình gọi í ới "Ba ba, ba đã về!".

Nàng đứng trong mưa bên đường, thấy chiếc xe nào đi qua cũng vậy, bất kể là xe tắc xi hay xe gì. Mặt nàng trở nên mông lung, khiến chàng nhớ lại gần hai mươi năm trước, trong ngày lạnh giá có cả mưa lẫn tuyết, chàng đứng bên ngoài cửa kính nhà nàng, nhìn thấy nàng ngồi ngay ngắn trên ghế, mặc chiếc áo len cao cổ màu trắng, khuôn mặt thanh tú mỉm cười, vui vẻ đang kéo phong cầm. Về sau, chàng cũng định kể lại cho nàng nghe cái đêm mình bị tê rét ấy, nhưng không hiểu sao cứ định nói thì lại ghìm lại không thổ lộ được ước nguyện trong lòng. Hình ảnh cô gái trẻ kéo phong cầm như sống dậy trong cơn mưa rào. Tình cảm xúc động còn vương lại ở trong lòng chàng giờ bùng cháy lên mãnh liệt. Chỉ một lát

sau, toàn thân chàng cũng ướt đẫm như nàng, nước mưa có lẫn băng lạnh giá làm cho chàng rét buốt. Chàng vội nắm lấy cánh tay nàng, định kéo nàng vào một cửa hàng nào đó tránh mưa, nhưng nàng vùng vẫy mạnh quá, thành thử hai người cứ ở mãi thế giằng co. Chàng cảm thấy như có gai châm vào sau lưng, ghé mắt liền thấy ánh mắt tò mò đang đứng trong cửa hàng gần đó nhòm ra, và còn thấy mấy khuôn mặt hình như quen quen nữa. Nhưng chàng biết mình không còn có đường lui nữa. Nếu buông tay bỏ đi, thì lương tâm chàng bị cắn rứt mãi không yên.

Cuối cùng chàng cũng kéo được nàng vào một trạm điện thoại công cộng, mỗi người đứng một máy, nửa người phía trên họ được ngăn cách bởi tấm che bán nguyệt. Chàng nói:

- Anh biết ở ngách trước có một quán trà Đài Loan rất ngon. Chúng mình đến đó ngồi uống cốc trà nóng, đợi ngớt mưa, anh sẽ đưa em ra ga.

Vì bị tấm ngăn che mắt từ lưng trở lên, nên không rõ nàng có ưng hay không, chỉ nhìn thấy chiếc váy đen bám sát lấy đùi, hai đầu gối lộ ra một cách xấu xí. Nàng im lặng không nói, hình như không nghe được lời đề nghị của chàng. Xe trên đường phố đã thưa thớt, nàng kiên nhẫn chạy ra vẫy xe bất kể có phải là tắc xi hay không.

Khi mưa đã ngớt hạt, họ cuối cùng cũng vẫy được một chiếc tắc xi hãng Hà Lợi màu đỏ. Chàng mở

cửa đưa nàng vào trước, sau đó chàng cũng chui vào theo. Anh lái tắc xi lạnh lùng hỏi:

- Đi đâu?

- Đi Thăm viên - Nàng cướp lời nói.

- Thăm viên? - Lái xe hỏi - Thăm viên ở đâu?

- Không đi Thăm viên - Chàng bật miệng nói - Đi Viên Minh viên.

- Đi Thăm viên - nàng dần giọng, cố chấp.

- Thăm viên ở đâu? - Lái xe hỏi.

- Không đi Thăm viên mà đi Viên Minh viên - chàng nói.

- Rốt cuộc là đi đâu? Lái xe cau gắt hỏi.

- Tôi bảo đi Viên Minh viên là đi Viên Minh viên!

- Chàng bỗng gào lên.

Lái xe nghiêng đầu nhìn chàng, chàng nhìn bộ mặt cau có của anh lái xe gật gật đầu. Tiếp đó, nàng nhắc lại ba lần nữa là đi Thăm viên, nhưng lái xe cứ lẳng lặng không trả lời, chiếc tắc xi bon bon trên đường rộng thênh thang, nước mưa hai bên rã ra kêu rào rào, khiến chàng nghĩ đó là khúc ca bi tráng khó hiểu. Chàng nhìn trộm sắc mặt của nàng, thấy môi nàng cong lên ra chiều giận dữ. Chàng còn thấy tay nàng vịn vào thành xe run rẩy như đang chuẩn bị một âm mưu gì. Để phòng nàng có thể nhảy xuống xe bất cứ lúc nào, chàng giữ chặt lấy tay phải của nàng. Chàng cảm thấy tay nàng lạnh ngắt như thân con cá vậy. Tay nàng nằm trong tay chàng, không động đậy,

và cũng không hề tỏ ý muốn giằng tay ra, nhưng chàng vẫn cứ ghi chặt lấy không dám buông ra.

Xe ngoặt vào một phố nhỏ chật hẹp, hai bên đường chất đầy những rác rưởi màu trắng, trong những đống rác trắng có lẫn vỏ dưa hấu màu xanh đen bóng. Trước cửa ra vào mấy quán cơm gần đấy treo phấp phới những dải giấy màu, mấy cô gái tóc bông, mặt bự phấn, ăn mặc hở ngực hở lưng đang tựa cửa, miệng phì phèo thuốc lá, nét mặt buồn thiu. Nhìn cảnh tượng đó chàng hoảng hốt sợ xe đi về thành phố nhỏ của nàng. Chàng kinh ngạc hỏi:

- Anh bạn, đến đâu vậy?

Lái xe không trả lời, trong xe hơi nước mù mịt, cần gạt nước của kính phía trước làm việc liên tục, phát ra những tiếng đơn điệu làm não lòng người.

- Anh đi đâu vậy? - Chàng bất giác kêu hốt hoảng.

Lái xe bực bội nói:

- Ông làm âm ỉ gì thế? Chẳng phải là đi Viên Minh viên sao?

- Đi Viên Minh viên sao lại đi đường này?

- Không đi đường này thì đi đường nào? - Lái xe phanh chậm lại, lạnh lùng nói - ông chỉ cho tôi xem đi đường nào?

- Tôi cũng không biết đi đường nào, nhưng cảm thấy không phải đi đường này - Chàng nói với thái độ nhã nhặn - Các anh làm nghề này, tất nhiên rõ đường hơn tôi.

- Có biết không? - Anh lái xe khinh thường nói -
tôi đi đường gần nhất cho các người, chỉ ít cũng gần
được 3 km.

- Cảm ơn, cảm ơn. - Chàng vội vàng nói.

- Tôi đã định lái xe về nhà đi ngủ - Lái xe nói -
mưa to như thế này, ai còn muốn chạy rong ngoài
đường chứ? Tôi thương hại hai người...

- Cảm ơn, cảm ơn. Chàng nói.

- Tôi không nói dối các người đâu - lái xe nói -
phải trả thêm 10 tệ đấy. Các người may mắn gặp
được người tốt như tôi. Nếu không... các người nếu
chê đất, thì bây giờ có thể xuống xe, tôi không lấy
một xu.

Chàng nhìn trời u ám ngoài cửa xe nói:

- Người anh em, thêm 10 tệ cũng được.

Chiếc xe đi ra khỏi phố nhỏ, vòng ra con đường
đất vắng vẻ. Trên đường nước bắn đọng thành từng
vũng sâu, chiếc xe lao như điên qua vũng nước, nước
bắn bắn tung tóe lên cây hai bên đường. Anh lái xe
chửi thề, không biết chửi đường hay chửi người.
Chàng nén giận không lên tiếng, trong bụng thầm
nghĩ đây sẽ là điều không may.

Chiếc xe con thoát khỏi đường đất bò lên con
đường rải xi măng bóng loáng. Anh lái xe lại chửi
một tiếng, sau đó ngoặt xe thật mạnh, rồi dừng lại
trước cổng lớn đang mở.

- Đến rồi ư? - Chàng hỏi.

- Đây là cửa phụ, đi vào trong không xa là phòng kính chiếu ảnh.

Chàng nhìn con số km trên máy, rồi trả thêm 10 tệ nữa đưa cho anh lái xe.

- Tôi không có biên lai - lái xe nói.

Chàng không để ý đến anh lái xe, đẩy cửa xe bước ra ngoài. Chàng chờ nàng bước ra ở cửa chàng vừa ra, nhưng nàng lại bước ra từ cửa bên kia.

Anh lái xe quay xe đi thẳng. Chàng chửi thề một câu, chửi xong chàng lại thấy anh lái xe không những không đáng ghét mà còn đáng yêu nữa.

Mưa vẫn rơi, lá cây hai bên đường sáng láng, sạch sẽ rất đáng yêu. Nàng đứng trong mưa mặt tái xanh, ánh mắt mơ màng. Chàng kéo cánh tay nàng, nói:

- Em yêu ơi! đi thôi. Phía trước là Thảm viên của em đấy...

Nàng theo chàng đi vào cửa công viên. Những người bán hàng ở các quán hai bên đường chào mời vồn vã:

- Ô đây, ô đi mưa đây, ô đẹp nhất, bền nhất đây...

Chàng đi tới một cái quán, mua hai cái ô, một cái màu đỏ, một cái màu đen. Sau đó bước tới phòng bán vé mua hai vé vào cửa. Người bán vé có bộ mặt to phè, hai hàng lông mày to và rậm như hai con sâu róm. Chàng hỏi:

- Các anh ở đây mấy giờ đóng cửa?

- Ở đây mở suốt không đóng cửa - người bán vé nói.

Họ giương ô đi vào công viên Viên Minh. Chàng cầm chiếc ô màu đen đi trước, nàng cầm ô màu đỏ đi theo sau. Giọt mưa rơi vào ô, kêu long bong. Những khách tham quan đi thành từng đoàn năm người, hoặc từng đôi đi ngược chiều với họ. Có người thì cầm ô hoa sắc sỡ đi chậm chậm, có người thì không ô cứ đầu trần chạy trong mưa.

- Anh cứ nghĩ rằng chỉ có hai chúng ta là hâm... - Vừa nói ra câu ấy chàng thấy hơi hận vô cùng, vội vàng nói chữa - nhưng quả là rất thú vị, nếu không mưa to như thế này, thì ở đây ngày nào cũng đông nghịt người thật là chật chội.

Chàng rất muốn nói câu "Công viên Viên Minh hôm nay là của hai chúng ta." nhưng lại thôi, không nói nữa. Họ đi men theo con đường nhỏ tuy nghèo nghèo nhưng sạch bóng như gương, trên mặt hồ hai bên đường đầy hoa sen và hoa súng, có mấy con nhái đang nhảy trên đó.

- Đẹp quá! - Chàng phấn khởi reo lên - nếu như có một con trâu gặm cỏ ở ven hồ, nếu như có đàn thiên nga bơi lội trong hồ thì càng tuyệt! - Chàng thân thiết nhìn khuôn mặt trắng xanh của nàng, xúc động nói: - Cảm giác của em bao giờ cũng tuyệt, nếu như không phải là em, thì cả đời anh cũng chẳng bao giờ nhìn thấy công viên Viên Minh đẹp như thế này.

Nàng thở dài nói:

- Đây không phải là Thẩm viên của em.

- Không, đây chính là Thẩm viên của em - Chàng cảm thấy mình như đang đóng kịch, dùng giọng điệu với hàm ý sâu xa nói - Tất nhiên, đây cũng là Thẩm viên của anh, Thẩm viên của chúng ta.

- Anh cũng còn có Thẩm viên ư? - Ánh mắt nàng bỗng trở nên sắc nhọn khiến chàng lúng túng. Nàng lắc đầu nói: "Thẩm viên là của em, là của em, anh đừng có cướp mất Thẩm viên của em".

Chàng vừa cảm thấy vui được một chút, giờ bỗng trở nên ảo não buồn rầu, cảnh vật trước mắt bỗng trở nên ảm đạm vô vị.

- Anh dẫm chết chúng rồi! - Nàng bỗng kêu to lên một tiếng.

Chàng vội cẩn thận nhảy sang bên đường. Giọng nói của nàng càng trở nên gay gắt:

- Anh dẫm chết chúng rồi!

Chàng cúi đầu nhìn xuống, từng đàn nhái đang nhảy loạn trên đường. Chúng chỉ bé bằng hạt đậu cô ve, nhưng tứ chi đủ cả, trông rất đáng yêu. Những nơi chàng đi qua rất nhiều xác nhái đã bị giẫm bẹp hiện ra dưới dấu chân của chàng. Nàng ngồi xuống, dùng tay nâng những cái xác con nhái. Ngón tay nàng rất trắng, móng tay hơi đen đen, trong móng tay đầy bùn bẩn. Một cảm giác khó chịu như cặn bã chìm sâu trong lòng chàng bỗng nổi lên, chàng liền dùng giọng điệu châm biếm nói:

- Tiểu thư ơi, tiểu thư dẫm chết nhái không ít hơn tôi. Đúng, nhái tiểu thư dẫm chết không ít hơn của tôi. Mặc dù bàn chân của tôi to hơn của tiểu thư, nhưng bước chân của tiểu thư ngắn hơn của tôi, do vậy tiểu thư dẫm chết không ít hơn của tôi.

Nàng đứng lên, lảo bầm một mình: "Phải, ta dẫm chết chúng không ít hơn của chàng...". Nàng lấy tay dụi mắt nói: "Nhái con ơi, nhái con ơi, sao chúng bay lại nhỏ như thế?...". Sau đó nước mắt trào ra.

- Thôi đi, tiểu thư - Chàng chán ngán nói, nhưng vẫn dùng khẩu khí đùa cợt nói - Trên thế giới còn 2/3 nhân dân lao động đang giãy giụa trong nước sôi lửa bỏng!

Nàng nhìn chàng qua làn nước mắt, nói:

- Chúng nó nhỏ bé như thế này nhưng tay chân chúng nó đều mọc đầy đủ cả!

- Lũ nhái này đầy đủ chân tay ư? - Chàng nắm lấy cánh tay nàng, kéo nàng đi lên phía trước. Nàng ném ô xuống đất, ra sức giằng tay chàng ra.

- Chỉ vì mấy con nhái ranh mà chúng ta không thể qua đêm ở đây được? - Chàng buông tay nàng ra, bực bội nói, nhưng qua ánh mắt của nàng, chàng thấy không thể bức nàng dẫm lên những con nhái mà đi được. Chàng cụp ô lại, cởi áo ra làm vật lùa đuổi những con vật đáng ghét trên mặt đất đi. Lũ nhái nháy tứ tung, cuối cùng mở ra trước mắt họ con đường sạch sẽ hết cóc nhái, chàng kéo tay nàng nói:

- Đi mau lên!

Cuối cùng họ đi đến trước một khu hoang phế. Mưa đã tạnh hẳn, bầu trời dần trong trẻo, họ cụp ô lại, trèo lên một tảng đá đã được trạm chỗ đục đẽo rất tinh vi, chàng vắt khô áo mặc vào, chàng cố tình hắt hơi thật to để nàng phải chú ý quan tâm, nhưng nàng chẳng hề phản ứng gì. Chàng hơi thẹn, lắc đầu, sau đó như những người đã từng trèo cao vọng xa, ưỡn ngực hít thở không khí trong lành, trong lòng thanh thản như bầu trời sau cơn mưa dần dần trở nên trong sáng. Không khí ở đây thật là mát mẻ, chàng định nói, nhưng rồi không nói nữa. Trong công viên rộng lớn này dường như chỉ có họ hai người, điều đó hơi kỳ lạ đấy. Chàng quan sát khu hoang tàn trước mặt với một tâm tình nuối tiếc. Xưa kia đây là nơi nổi tiếng, khiến bao người mên mộ, nơi đây đã đi vào trong ống kính của bao người, đã đi vào trong văn thơ của nhiều người, nhưng sao bây giờ bình thường thế? Cảnh vật ở đây cảm lạnh không nói, nhưng đang thổ lộ biết bao điều, nó là người khổng lồ bằng đá trầm mặc. Phía trước khu hoang phế, trong những hồ có vôi sen phun nước 200 năm trước bây giờ cỏ mọc um tùm đầy lau sậy, cỏ lác và còn nhiều thứ cỏ khác không biết tên đang ngoan cường bò ra chung quanh tảng đá.

Họ tay nắm tay, trèo lên một tảng đá cao hơn, gió thổi mát rượi, quần áo trên người họ mặc đã dần

khô, góc váy đen của nàng bay phất phơ. Chàng lấy một tay xoa xoa vào tảng đá được nước mưa rửa sạch bong, mũi người thấy làn hơi man mát. Chàng như phát hiện ra điều bí mật, nói:

- Em ngủ mà xem, mùi vị của đá.

Nàng đang chăm chú nhìn cái cột đá xưa kia từng đã là trụ cột của một tòa nhà kiến trúc cao lớn, không hề nghe thấy tiếng nói của chàng. Ánh mắt nàng lúc này như nhìn thấu qua bề ngoài của cột đá để soi tỏ phía bên trong của nó. Lúc này chàng mới nhận ra mấy sợi tóc mai của nàng đã bạc trên vai nàng, liền buồn bã nói:

- Thời gian thấm thoát thoi đưa, chỉ nháy mắt chúng ta đã già rồi.

Nàng nói một câu chẳng ăn nhập vào đâu:

- Những lời khắc in trên đá chẳng phải là không biến đổi sao?

- Bản thân hòn đá không thể thay đổi - Chàng nói - cái gọi là biến cạn đá mòn không bao giờ thay lòng đổi dạ, đó chẳng qua chỉ là một ảo mộng đẹp dễ mà thôi.

- Nhưng ở trong Thảm viên, mọi cái đều không hề thay đổi.

Ánh mắt của nàng vẫn nhìn chăm chăm vào hòn đá, tựa như đang nói chuyện với nó, còn chàng chỉ như một thính giả chẳng liên quan gì đến mình. Nhưng chàng vẫn tích cực hưởng ứng lời nàng nói, chàng nói to:

- Trên thế giới này chẳng có cái gì là tồn tại mãi, ví dụ như cái công viên nổi tiếng này, 200 năm trước, khi hoàng đế triều Thanh xây dựng nó, có lẽ là không hề nghĩ chẳng bao lâu nó sẽ biến thành một đồng cỏ nát. Những hòn đá hoa cương ở trong cung điện mà hoàng đế và các cung phi đã từng vui chơi hành lạc, biết đâu nó đã biến thành viên đá lát chuồng lợn của thường dân.

Chàng cũng tự mình cảm thấy những lời nói đó khô khan vô vị, chẳng khác nào những lời bậy bạ, nhưng chàng cũng biết rằng, nàng chẳng nghe một câu nào, chàng liền ngừng diễn thuyết, móc trong túi ra bao thuốc đã bị ướt, tìm một que diêm tương đối khô đánh lửa châm thuốc.

Hai con chim chích chòe đuổi nhau ngay trên đầu họ, đậu xuống một ngọn cây xa xa, kêu "chích chòe". Chàng định nói, lũ chim rất được tự do, nhưng theo thói quen vừa bật ra ở đôi môi đã nuốt vào ngay. Vừa lúc ấy, nàng bỗng reo lên một tiếng phấn khởi, đôi mắt u sầu của nàng cũng đồng thời lóe sáng lên. Chàng kinh ngạc nhìn nàng, đồng thời theo hướng tay chỉ của nàng, nhìn thấy chiếc cầu vồng ngũ sắc vắt ngang qua bầu trời xanh. Nàng nhảy lên như một đứa trẻ con:

- Xem kìa, xem kìa!

Chàng như lấy niềm vui của nàng, chiếc cầu vồng bắc ngang trời làm chàng tạm thời quên đi cuộc

sống hiện thực âm đạm, đắm chìm trong niềm vui của thời thơ ấu. Hai người đứng sát vào nhau lúc nào không biết. ánh mắt giao tình thân ái, không né tránh, không trốn chạy, không do dự, không dao động, tự nhiên hai bàn tay họ nắm chặt lấy nhau và rất tự nhiên hai thân thể cũng ôm chặt lấy nhau.

Khi chàng ngủi thấy mùi bùn ở miệng nàng thì chiếc cầu vồng ngũ sắc kia cũng biến mất. Khu hoang phế một dải tiêu điều, những hòn đá nằm nghiêng ngả lộn xộn ánh lên tia sáng trông rất trắng nghiêm và hung hãn. Côn trùng kêu râm ran trong cỏ nước, tiếng thiên nga từ xa vang lại. Chàng vô tình nhìn vào chiếc đồng hồ đeo trên tay nàng, kim giờ đã chỉ đến con số 7. Chàng hoảng hốt kêu lên:

- Hồng rồi, xe của em chạy lúc 8 giờ phải không?

*

* *

Lời bàn của tác giả về *Khu hoang phế tâm linh*

Đây là câu chuyện u ám, mặc dù cuối truyện xuất hiện chiếc cầu vồng rực rỡ, nhưng chiếc cầu vồng phút chốc biến ngay, cầu vồng qua đi lại vẫn u ám.

Đây là câu chuyện tình được nhớ lại, nhưng ánh lửa tàn của nó rất mau chóng bị nước dập tắt ngay.

Đây là câu chuyện trốn tránh trách nhiệm, kẻ trốn tránh trách nhiệm là nam giới. Một nhà văn nam dường như không có quyền trách móc phụ nữ.

Đây tựa hồ như là câu chuyện thể hiện một nỗi quẫn bách nào đó của loài người, chứ không phải chỉ là chuyện tình cảm.

Đây tựa hồ như là câu chuyện tuyệt vọng nhưng cũng không phải là tất cả, vì cuối cùng đã xuất hiện một chiếc cầu vồng.

Đây kỳ thực chỉ là một câu chuyện đơn giản: Trong ngày mưa như trút nước, một đôi nam nữ đi tìm Thảm viên ở trong mộng, nhưng lại đến một nơi hoang phế.

Một câu chuyện không viết rõ phía sau câu chuyện là gì, đó chính là cái gọi là "kỹ xảo tiểu thuyết" đấy, nếu khen thì bảo đó là "hàm xúc", nếu chê thì bảo đó là "chơi cái trò thâm trầm".

Tháng 5-2001

*Dịch từ "Tập truyện được
thưởng giải Trăm Hoa lần thứ 9"
(NXB Văn nghệ Trăm Hoa
- Thiên Tân 2001).*

MẮT ĐÊM

VƯƠNG MÔNG

Những ngọn đèn đường nhất loạt cùng bùng sáng lên. Nhưng Trần Cảo có cảm tưởng hai vệt sáng lướt qua trên đầu anh. Hai đầu phố dài, ánh sáng kéo dài ra nhìn không thấu. Bóng cây hòe chất phác và dày đặc in trên đường phố. Hình bóng đậm, nhạt của những người đứng đợi ô tô buýt cũng in trên đường phố.

Xe ô tô tải, xe ô tô con, xe điện, xe đạp, tiếng còi xe, tiếng người. Tān thành phố lớn ban đêm mới thể hiện đầy đủ sức sống và đặc điểm của nó. Ánh đèn nông thưa thớt nhưng rất hấp dẫn, trước cửa các hiệu cắt tóc có những ống đèn màu sắc sỡ quay tít. Có tóc dài phi dê, có tóc dài để tự nhiên. Giầy cao gót cao và vừa, những bộ váy liền áo không ống tay áo. Mùi nước hoa, mùi kem thơm nức mũi. Thành phố và phụ nữ vừa mới bắt đầu tô điểm một chút mà đã có người lo lắng không yên rồi. Thật là thú vị! Thế mà đã hơn hai mươi năm rồi Trần Cảo chưa đặt chân đến thành phố này. Hơn hai mươi năm nay anh cứ ở lì ở một thị trấn bé nhỏ khuất vắng của một tỉnh xa. Nơi ấy một

phần ba những ngọn đèn đường đã bị hỏng không sáng nữa, còn lại hai phần ba bóng đèn lúc tỏ lúc mờ, và như thế là đêm đến có một phần ba khu phố không có ánh điện. Chẳng biết là do người quản lý điện quên hay do nhiên liệu không đủ. Nhưng vấn đề cũng không quan trọng lắm, vì ở đây người ta sống như nông thôn cổ xưa, mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về nhà. Buổi chiều, cứ 6 giờ là tắt cả cơ quan, nhà máy, cửa hàng, tiệm ăn đều đóng cửa. Tôi đến mọi người ở nhà bế con, hút thuốc, giặt quần áo và nói chuyện phiếm.

Một chiếc xe buýt to lớn, sơn xanh, đi tới. Người bán vé nói vào loa mời khách xuống. Mọi người chen nhau xuống xe. Trần Cảo và một số người khác thì chen nhau lên xe. Rất chật, không có chỗ ngồi, nhưng mọi người vẫn thấy vui vẻ. Người bán vé là một cô gái đôi má hồng hào, giọng nói trong trẻo, lưu loát. Ở thị trấn nhỏ xa xôi của Trần Cảo, một cô gái đẹp như vậy ắt được tuyển vào làm người dẫn chương trình của một đoàn nghệ thuật là cái chắc. Cô thành thạo bấm nút điện, một ngọn đèn nhỏ có chụp lóe sáng đủ để cô kiểm tra xé vé, "tách" một cái lại tắt ngay. Xe chạy, những ngọn đèn đường, bóng cây, nhà cửa và khách đi đường đều vút qua cửa kính. Lại đến một trạm đỗ nữa. Với giọng trong trẻo cô bán vé báo cho biết xe đến trạm nào; "tách", đèn lại bật sáng, mọi người lại chen nhau lên xuống.

Hai chàng trai ăn mặc như công nhân, vừa lên xe vừa tranh luận sôi nổi: "Then chốt là dân chủ, dân chủ, dân chủ...". Đến thành phố được một tuần, đâu đâu Trần Cao cũng thấy người ta bàn đến dân chủ, ở thành phố dân chủ người ta bàn đến dân chủ chẳng khác gì ở thị trấn hẻo lánh bàn đến chiếc đùi cừu ướp vậy. Có lẽ bởi vì ở đây thịt được cung cấp đầy đủ, nên mọi người không quan tâm đến đùi cừu nữa. Ở đây thật là tuyệt! Trần Cao mỉm cười.

Nhưng dân chủ và đùi cừu không mâu thuẫn với nhau đâu. Không có dân chủ thì thịt cừu đưa đến mồm cũng bị người ta cướp mất. Nhưng nếu không giúp cho người dân ở thị trấn hẻo lánh có được càng nhiều thịt cừu ngon thì dân chủ chỉ là từ trống rỗng xa hoa. Trần Cao đến thành phố này để tham gia hội thảo về sáng tác truyện ngắn và kịch bản. Sau khi đánh đố "Bè lũ bon tèn", Trần Cao đã liên tiếp cho in năm, sáu thiên truyện. Có một số người khen anh viết khá chín, con đường ngày càng rộng mở; nhưng lại có nhiều người nói anh chưa khôi phục được phong độ như hai mươi năm về trước. Một người cứ chú ý quá nhiều đến thịt cừu thì kỹ xảo viết truyện sẽ kém sắc sảo, nhưng hiểu được tầm quan trọng và tính cấp thiết của thịt cừu là một tiến bộ to lớn, là một thu hoạch lớn. Trong chuyến đi họp lần này, tàu hỏa phải dừng lại ở ga xép đến một giờ hai mươi phút, bởi vì nơi ấy có một người bán thịt cừu rất đắt nhưng lại không có sổ hộ khẩu bị tàu cán chết. Người

ấy bán hết thịt rồi, nhưng khi tàu chưa dừng bánh hẳn đã chui qua gầm tàu, kết quả là bị bánh xe nghiền phải, thế là hết đời. Cảnh đau lòng đó đến giờ vẫn còn nặng trĩu trong lòng Trần Cảo.

Lần hội thảo trước đây anh còn là nhà văn trẻ nhất, giờ đây anh đã nhiều tuổi rồi, nhưng vẫn lộ ra vẻ quê mùa, nước da ngăm đen, thô ráp. Những đồng chí trẻ hơn anh, vai rộng, thân cao, mắt sáng đọc những diễn văn tràn đầy những tư tưởng mới mẻ, táo bạo, gai góc, linh hoạt làm cho người ta thức tỉnh, phấn chấn; làm cho người ta được khai thông, mở mang trí tuệ. Nhưng kết quả là vấn đề văn nghệ không được bàn đến, mặc dù vị chủ tọa cứ ra sức nhắc nhở mọi người đừng xa trọng tâm. Vấn đề mà mọi người bàn đến nhiều nhất là làm thế nào bài trừ ảnh hưởng của "Bè lũ bốn tên", những vấn đề về chống phong kiến, về dân chủ và pháp chế, đạo đức và phong khí, về việc có quá nhiều thanh niên ngày càng tụ tập ở công viên nhảy múa, chơi ghi ta điện và các nhân viên quản lý công viên tìm trăm phương nghìn kế đấu tranh chống lại tai họa ấy như thế nào. Cứ ba phút lại bắc loa thông báo cấm khiêu vũ, biện pháp trừng phạt là đóng cửa công viên sớm hơn hai tiếng đồng hồ. Trần Cảo cũng phát biểu ý kiến, không hùng hồn bằng các nhà văn khác. Anh nói: "Cần phải làm từng điểm, tý một, bắt đầu từ dưới chân mình làm đi, làm từ bản thân mình làm đi". Nếu như thực hiện được một nửa, không, một phần

muời, không một phần trăm những ý kiến phát biểu cũng là tốt lắm rồi! Điều đó khiến Trần Cao hưng phấn hơn nhưng lại hoài nghi.

Xe đã đến trạm cuối cùng, nhưng hành khách vẫn đông nghịt. Mọi người cứ bình thản như không, họ bỏ ngoài tai những tiếng hò hét của cô bán vé giờ đây đã hơi bức bối. Cũng như người ngoài tỉnh, Trần Cao giờ cao xuất trình tấm vé, nhưng cô soát vé vẫn không để ý đến anh, anh liền dúm tấm vé vào tay cô, mặc dầu cô chẳng cần đến tấm vé đó làm gì. Anh đứng trên phố, giở cuốn sổ ghi địa chỉ bọc nilông xanh để hỏi thăm đường đi. Anh hỏi thăm một người thì có mấy người nhiệt tình trả lời anh. Chỉ một điểm ấy thôi, anh cũng cảm thấy người thành phố này còn giữ được truyền thống "trọng lễ nghĩa". Anh cảm ơn họ. Rồi khỏi trạm xe rực rỡ ánh sáng, rẽ chỗ này, quẹo chỗ kia, đi tới một khu ở mới như lạc vào mê cung.

Nói là mê cung không phải vì khu nhà đó phức tạp mà là vì nó quá đơn giản: nhà có 6 tầng mà tầng nào cũng giống tầng nào. Ngoài bao lơn đầy áp những đồ linh tinh, những cửa sổ chỉ chít đều hắt ra ánh sáng đèn nêông và đèn thường. Và thanh âm phát ra từ các cửa sổ cũng hết như nhau. Trên màn ảnh ti vi đang diễn ra trận đấu bóng đá quốc tế, đội Trung Quốc thắng được một quả, mọi người xem ở ngoài và ở trong ti vi hò reo ầm ĩ. Mọi người hò hét cuồng nhiệt, vỗ tay rào rào, anh Trương Chi Dã, bình

luận viên bóng đá cũng hò hét âm ỉ, nhưng thực ra lời bình luận của anh ta lúc này là quá thừa, không cần thiết. Ở chỗ khác, từ cửa sổ phát ra tiếng búa đóng đinh lên ván gỗ, tiếng băm thịt, tiếng trẻ con khóc nhè và tiếng đe dọa của người lớn.

Bấy nhiêu thanh âm, ánh đèn và những đồ vật ấy đều chứa đựng trong tòa nhà mà hình dáng tựa chiếc bao diêm. Kiểu sống chật chội ấy, Trần Cảo thấy rất lạ, không quen, thậm chí hơi tức cười. Một cây cao bằng tòa nhà phủ cái bóng thần bí xuống cuộc sống ồn ào. Ở thị trấn nhỏ hẻo lánh của anh, đêm đến chỉ nghe thấy tiếng chó sủa mà thôi. Anh quen thuộc đến độ nghe tiếng chó sủa, anh biết đó là con nào và chủ của nó là ai. Đôi lúc cũng có tiếng xe tải đi đêm, ánh đèn pha chói cả mắt; nhưng xe đi qua rồi, mọi cái đều tối om chẳng thấy gì nữa. Những ngôi nhà gần đường cũng rung lên theo sự chuyển động của xe.

Đi vào tòa nhà như mê cung, Trần Cảo dường như hơi hối hận, đáng ra không nên xa rời đại lộ sáng sủa, đáng ra không nên xa rời chiếc xe buýt chật ních, náo nhiệt và vui vẻ. Ở đây mọi người cứ bước thẳng trên đại lộ, sung sướng biết bao nhiêu! Còn giờ đây anh một mình đến nơi xa lạ. Đáng lẽ anh cứ ở lại chiêu đãi sỏ, không nên đến đây thì hơn. Anh có thể tranh luận suốt đêm với các bạn nhỏ tuổi hơn mình. Mỗi người có thể đưa ra những phương thuốc để trị lành những vết thương do Lâm Bưu và "Bè lũ

bốn tên" để lại. Họ bàn về Bengrade, Tokyo, Hồng Kông, Singapore... Sau bữa cơm tối, họ còn có thể mua một đĩa tôm rán, một đĩa lạc luộc, gọi một lít bia nhấm nháp vừa vui vẻ, vừa mát mẻ. Còn giờ đây, Trần Cao ngồi tàu suốt một thời gian dài, theo một địa chỉ vợ vắn để đi tìm cái người vợ vắn, để làm một việc chẳng hiểu mô tê gì. Thực ra cũng chẳng có gì là vợ vắn, rất bình thường, rất phải đạo, chỉ có điều là anh không may mắn mà thôi. Bất anh làm cái việc này chi bằng để anh ta lên sân khấu nhảy vũ ba lê, đóng vai hoàng tử trong vở "Hồ thiên nga" còn hơn. Chân anh đi khắp khiêng, dễ dàng nhận ra đó là một lưu niệm nho nhỏ của thời "Cách mạng văn hóa" "quét sạch tất cả" gửi lại nơi anh từ bấy đến nay...

Cảm giác không vui ấy khiến anh nhớ lại hơn hai mươi năm trước đây phải xa cái thành phố lớn này. Sự chia tay buồn thảm làm sao! Bởi vì lúc ấy anh viết một số tác phẩm mà người ta cho là quá đáng nhưng bây giờ những truyện đó lại coi là quá hiền lành⁽¹⁾. Thế là vì những truyện đó mà anh phải đi lưu đày trong một thời gian dài, thật là một trò chơi nguy hiểm.

Theo người ta chỉ dẫn thì tòa nhà không xa lắm kia chính là nơi anh cần tìm. Nhưng khốn nỗi trước

1. Đây là truyện "Có chàng trai trẻ mới đến phòng tổ chức" viết năm 1956 của tác giả. Nội dung là chống bệnh quan liêu ở trong đảng.

mắt anh là một công trường đang thi công, hình như ở đây đang lấp một ống nước, không, không chỉ là ống nước mà còn có cả gạch đá nữa. Có thể là họ sẽ xây hai cái nhà mái bằng, có thể một là nhà ăn, một là nhà vệ sinh. Tóm lại, trước mắt anh vẫn là một con hào khá rộng, không thể nhảy qua được. Trước đây khi chưa bị đau anh có thể nhảy qua, nhưng bây giờ anh phải đi kiếm một tấm ván bắc ngang mới có thể bước qua. Nhưng không tìm được tấm ván, thế là uổng phí cả đoạn đường dài, đi vòng ra đằng kia hay nhảy qua? Không, lẽ nào thua tuổi già sức yếu, thế là anh lùi lại mấy bước, một, hai, ba... nhảy! Thật khôn khổ, một chân lún sâu trong cát, nhưng rồi cũng lấy được cái đà nhảy lên, nhưng không phải nhảy lên cao mà là rơi tùm xuống con hào. May là dưới hào không có vật gì rắn hoặc nhọn. Phải mất gần mười phút anh mới hoàn hồn sau một trận đau đớn và sợ hãi. Anh mỉm cười, phủi đất trên người, oằn người cố bò dậy. Không ngờ vừa bò dậy bước một bước dẫm ngay vào vùng nước. Anh vội nhấc chân ra thì chao ôi, giày và tất ướt sũng, bàn chân tòm lợm như có cảm giác ăn phải miếng cơm đầy đất vậy. Anh ngẩng đầu lên, nhìn thấy ở góc tòa nhà, tí trên đầu một cột cao, một ngọn đèn nhỏ đơn độc, đỏ chói. Ngọn đèn đỏ trong đêm tối trông như một dấu hỏi nhỏ, một dấu chấm than trên tấm bảng đen khổng lồ vậy.

Anh bước lại gần dấu hỏi hoặc dấu chấm than, trong cửa sổ tòa nhà lại vang lên tiếng reo hò và vỗ tay, có lẽ đội bóng nước ngoài lại ghi bàn thắng. Anh đi tới cửa nhà, nhìn kỹ xem trên cửa viết chữ gì, anh khẳng định đây đúng là nơi mình cần tìm. Nhưng vẫn chưa yên tâm, anh đứng đợi người qua lại để hỏi nhưng lại thấy ngưỡng ngưỡng thế nào ấy.

Trước lúc lên đường, một đồng chí lãnh đạo đáng kính ở nơi anh ở trao cho anh một lá thư để chuyển đến một vị giám đốc công ty ở thành phố này. "Chúng tôi là bạn chiến đấu cũ". Đồng chí lãnh đạo nói, "trong thư tôi nói chiếc xe ô tô con duy nhất của chúng ta bác Thượng Hải đã hỏng rồi, các đồng chí phụ trách và lái xe chạy vậy nhiều nơi trong thành phố nhưng không sao sửa chữa được. Ông ấy đã đảm bảo với tôi là có thể sửa chữa được. Bây giờ anh đến tìm ông ấy, liên hệ được thì đánh điện cho tôi".

Công việc chỉ như vậy. Tìm một đồng chí lãnh đạo có chức có quyền, là bạn chiến đấu của thủ trưởng mình, một người quyền cao chức trọng được mọi người kính nể ở địa phương để giúp sửa chữa một cái ô tô bé nhỏ. Thế thì có lý do gì để từ chối không giúp ông một việc cón con như vậy! Hơn nữa, bản thân Trần Cảo là người hiểu rõ tầm quan trọng của cái đuôi cừu; làm sao có thể hoài nghi sự cần thiết của việc mang thư tìm đồng chí lãnh đạo cơ chứ?

Tiện thể đi đâu giúp việc này việc nọ là nghĩa vụ nên làm của anh. Nhưng sau khi nhận làm việc đó rồi, anh cảm thấy cần cá thể nào ấy, chẳng khác gì phải đi đôi giày chật hoặc mặc cái quần hai ống lại không cùng màu.

Đồng chí thủ trưởng ở thị trấn hẻo lánh dường như "đi guốc" trong bụng anh, nên anh vừa đến thành phố không lâu đã nhận được điện của thủ trưởng đánh đến giục anh phải đi làm ngay. Dẫu sao thì mình cũng không vì quyền lợi cá nhân mà làm việc này. Mình thì từ trước đến nay chưa hề ngồi chiếc xe máy Thượng Hải này, về sau này cũng sẽ không ngồi. Anh tự động viên mình như vậy. Đi qua đại lộ rực rỡ ánh đèn và rời xa trạm xe cuối cùng có ánh đèn như sân khấu rời xa hành khách nhiệt tình, quặt chỗ này, rẽ chỗ kia, rơi xuống rãnh nước lại bò lên, mình đầy đất, chân lấm bùn, anh đến được tòa nhà này.

Cuối cùng hai em nhỏ chỉ cho anh biết đúng số nhà. Anh vội vã đi lên tầng bốn, tìm đúng số phòng, lấy lại bình tĩnh, điều hòa hơi thở, rồi nhẹ nhàng lịch sự gõ cửa.

Không có tiếng đáp lại. Nhưng dường như trong nhà có tiếng động nhỏ, anh áp tai vào khe cửa, có tiếng nhạc thì phải, thế mà lúc này anh cứ buồn là không có ai ở nhà, bây giờ phấn khởi, anh lại gõ cửa một lần nữa.

Anh gõ cửa lần thứ ba... Có tiếng bước chân, tiếng tra chìa khóa vào ổ, cánh cửa kẹt mở ra, trong khung cửa xuất hiện một chàng thanh niên đầu tóc bù xù, mình trần, chân không tất, chỉ mặc một chiếc quần đùi trắng và lê đôi dép bọt biển. Bắp thịt và làn da ngời lên bóng loáng.

- Ông hỏi ai? - Anh ta hỏi hơi khó chịu.

- Tôi muốn gặp đồng chí X. Trần Cảo nói tên theo địa chỉ trong thư.

- Không có nhà - Nói xong chàng thanh niên quay ngoắt người định đóng cửa. Trần Cảo tiến lên một bước, với giọng chuẩn của người thành phố và từ ngữ lễ phép anh tự giới thiệu mình rồi hỏi:

- Cậu có phải là người nhà của đồng chí X. không ạ? (Anh đoán là con trai đồng chí X., thực ra không cần quá lễ phép như vậy). Cậu có thể chuyển hộ lời của tôi đến đồng chí X. có được không ạ?

Trong bóng tối, không nhìn rõ nét mặt của gã thanh niên, nhưng anh thấy hần nhản mặt. Do dự chần chừ..., cuối cùng hần nói: "Vào đây!", rồi quay lưng đi không nói năng gì với khách nữa. Khẩu khí lạnh lùng của gã thanh niên y như của một y tá bệnh viện nói với bệnh nhân vào nhỏ rằng vậy. Trần Cảo đi theo hần. Bước chân của hần vang lên giòn giã, còn bước chân của Trần Cảo thì lệt xệt theo sau. Hai người mất hút trong một hành lang tối om, qua cửa trái, cửa phải, qua mấy cửa nữa... Một cái cánh cửa

mở ra, ánh sáng dịu dàng, tiếng hát du dương, mùi rượu thơm nồng.

Trên chiếc giường lò xo, một chiếc chân sa tanh vàng không gấp, để đông lại trông như một đồng lúa mạch lộn xộn. Một cây đèn ngủ kê đầu giường, cửa hé mở, lộ ra chiếc khóa bi. Ở thị trấn nhỏ hẻo lánh có nhiều bạn nhờ anh mua hộ cho họ thứ khóa này nhưng chưa mua được. Ở đây vẫn còn thích loại tủ to có khóa bi. Trần Cao đưa mắt nhìn dây đó: nào ghế tựa bằng song, ghế dài lót đệm, bàn tròn, khăn bàn giống kiểu trang trí trong phòng khách của Cửu Sơn ở màn bốn trong vở ca kịch mẫu mực "Chiếc đèn đỏ"⁽¹⁾ vậy. Một chiếc máy cát xét nhỏ nhưng có bốn loa, mang nhãn hiệu nước ngoài. Từ máy đang vang lên bài ca của một ca sĩ Hồng Kông, giọng hát ngọt ngào, ẻo lả, nghe rất buồn cười. Giá như mang chiếc máy này về thị trấn hẻo lánh, khi nhạc vang lên, tưởng chừng một đoàn kỵ binh đang ào ào xốc tới. Anh chỉ cảm thấy chiếc cốc nước bằng thủy tinh để vơi một nửa ở đầu giường là thân thiết, như người bạn cũ gặp lại ở nơi xa lạ. Bởi lẽ thường giữa những người không quen biết, người ta dễ gần bó với một người vốn quen biết trước kia, dù trong quá khứ ít đi lại với nhau, thậm chí chẳng tin gì nhau...

1 Là một trong tám vở kịch mẫu mực trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa.

Trần Cao phát hiện ở ngay trước cửa có chiếc ghế đầu, anh bê lại và ngồi xuống. Quần áo anh bẩn quá! Anh bắt đầu nói cho gã trai hiểu vì sao anh đến đây, nói vài câu lại dừng lại chờ gã trai hạ bớt âm lượng máy cát xét. Nhưng gã ta cứ làm ngơ, Trần Cao đành cố nói cho to. Điều kỳ cục là Trần Cao vốn là tay ăn nói khá hoạt bát thế mà bây giờ lưỡi cứ lú l lại, ấp a ấp úng, có nhiều từ dùng chẳng ra sao cả. Ví dụ muốn nói: "Mong đồng chí X. liên hệ giúp sửa chữa ô tô cho thì lại nói thành "Rất mong ông chiếu cố cho". Cứ như là anh đến đây để xin tiền gã trai này! Cũng tương tự như vậy, đáng lẽ phải nói "Tôi đến liên hệ trước" thì lại nói là "tôi đến liên lạc". Giọng cũng lạc đi như tiếng người khác, nghe rề rề như tiếng cửa gỗ...

Nói xong, anh móc thư ra... Gã trai ngồi nghiêng bất động trên ghế chờ Trần Cao - người gấp đôi tuổi hắn - đưa thư của đồng chí lãnh đạo địa phương. Trần Cao nhìn rõ khuôn mặt tự phụ, ngu xuẩn, mệt mỏi, đầy trứng cá của gã.

Gã mở phong bì, liếc mắt đọc qua, mỉm cười tỏ vẻ rất khinh thường, chân trái du đưa theo tiếng hát éo lá của máy cát xét. Đối với Trần Cao, cái cát xét và giọng hát của cô ca sĩ Hồng Kông quả là rất mới mẻ. Anh không ghét hoặc không phản đối cách hát éo lá ấy, nhưng cũng chẳng thấy bài hát ấy hay ho gì. Anh vô tình cũng mỉm cười khinh thường. - Ông A... (hắn nói tên đồng chí lãnh đạo của Trần Cao) là bạn chiến

đấu của ba tôi à? (Đến lúc này hẳn cũng không cho biết hẳn là ai, chẳng ai biết cha hẳn là ai). Tại sao tôi lại chưa hề nghe ba tôi nói bao giờ nhỉ?

Câu nói đó làm cho Trần Cảo cảm thấy nhục nhã, anh xằng giọng đáp:

- Cậu còn trẻ quá, có thể ba cậu chưa nói cho cậu biết.

- Ba tôi nói rằng tất cả những người nhờ ba tôi sửa chữa xe đều xưng là bạn chiến đấu cũ.

Trần Cảo mặt nóng bừng, tim đập dồn dập, mồ hôi vã trên trán:

- Lê nào bố cậu lại không biết ông A, thủ trưởng của biên khu? Năm 1936 ông đã từng tới Diên An, năm ngoái còn viết một bài đăng trên báo Hồng Kỳ⁽¹⁾... Anh của ông ấy hiện giờ là tư lệnh quân khu B...

Trong lúc bối rối, Trần Cảo kể tên người ấy ra, một nhân vật quan trọng ai cũng biết tiếng, một tư lệnh quân khu! Mắt anh bỗng hoa lên, lưng đầy mồ hôi.

Gã trai phản ứng với thái độ lão xược gấp bội, hẳn cười hô hô.

Trần Cảo như không đứng vững được nữa, anh cúi gục đầu xuống...

- Tôi nói cho anh biết - Gã trai đứng dậy giọng như tổng kết cuộc họp - bây giờ làm gì cũng phải có

1. Tờ báo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

hai thứ, thứ nhất là quà biếu. Xin hỏi ông mang quà biếu gì nào?

- Chúng tôi, chúng tôi có quà gì nhỉ? - Trần Cảo tự hỏi - Chúng tôi có... dúi cừ ướp.

- Dúi cừ ướp không được - Gã trai lại rũ ra cười. Do quá khinh miệt nên nét mặt hắn chuyển sang vẻ thương hại - Thứ hai, phải nói thật là phải biết lừa bịp... Hà tất phải nhờ cậy ba tôi. Nếu có quà biếu xén và giao việc ấy cho người miệng lưỡi dẻo quẹo thì có nhân danh bất cứ ai cũng thành công tất! - Sau đó hắn thêm - Ba tôi đi công tác ở Bắc Đới Hà rồi. Gã không muốn nói là đi "duỡng bệnh".

Trần Cảo cảm thấy đầu óc quay cuồng. Khi đi ra khỏi cửa nhà gã trai, anh bỗng dừng lại, lắng tai nghe một bản nhạc cổ điển phát ra từ chiếc máy cát xét - điệu van xơ "Vũ khúc Hungary". Anh dường như thấy những chiếc lá bay liệng trên mặt nước hồ xanh biếc trên tận núi cao. Thị trấn bé nhỏ hẻo lánh của anh ở ngay bên cạnh mặt hồ đó. Một con thiên nga hoang dại đang bơi trên mặt hồ.

Trần Cảo đi qua hành lang tối om, hơi hẫ bước xuống bậc thang như người say rượu. Bộp, bộp, bộp! Tiếng bước chân anh kêu hay tiếng trái tim anh đang đập? Vừa ra khỏi tòa lầu, anh ngừng đầu lên. Trời ơi! Ngọn đèn mang hình dáng dấu hỏi hoặc là hình dấu chấm than bỗng biến thành màu đỏ cách như mắt một con quỷ.

Con mắt vô cùng khủng khiếp, nó có thể biến con chim thành con chuột, con ngựa thành con gấu. Trần Cảo vừa chạy vừa nhảy, nhảy qua cái hào dễ dàng không mất sức tí nào. Trận đấu bóng đã kết thúc. Giọng nói của người phát thanh viên dịu dàng tha thiết đang giới thiệu chương trình ngày mai. Trần Cảo chạy như bay về bến xe buýt. Người đợi xe vẫn đông như thế. Một nhóm công nhân nữ trẻ đi làm ca đêm đang sôi nổi bàn luận về tiền thưởng. Có một đôi nam nữ, ngay cả lúc đợi xe cũng nắm chặt tay nhau, vai kề vai trước mặt mọi người. Trần Cảo trèo lên xe, đứng ngay gần cửa. Cô bán vé không còn trẻ nữa, người mảnh mai, cặp xương vai nhô lên nhọn hoắt dưới chiếc áo sơ mi. Hai mươi năm long đong, hai mươi năm cải tạo đã dạy cho Trần Cảo bao điều quý báu nhưng đồng thời cũng làm mất đi những cái đáng ra không nên mất. Nhưng anh vẫn yêu ánh đèn, yêu những người thợ đi làm ca đêm, yêu dân chủ, yêu tiền thưởng và đòi cừ ướp...

Tiếng chuông rung lên, ba cánh cửa "sập" một cái đóng lại. Bóng cây, ánh đèn khuất dần... "Ai chưa có vé?". Cô bán vé hỏi. Nhưng Trần Cảo chưa kịp lấy tiền ra thì "tách" một cái, đèn vụt tắt. Cô ta tưởng tất cả những hành khách đi xe đều là những công nhân đã mua vé tháng.

DẢI CẢNH ĐIỀU

VƯƠNG MÔNG

Bên cạnh tấm khẩu hiệu "Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa vĩ đại nhân dân muôn năm!" viết bằng chữ trắng trên nền đỏ và những dấu chấm than chỉ chít, người ta dựng một biển quảng cáo cao bằng tòa nhà hai tầng giới thiệu dụng cụ ăn uống kiểu phương Tây như dao, đĩa nhân hiệu Tam giác, cùng những đàn dương cầm Tinh Hải, túi du lịch Trường Thành, áo len Tuyết Liên, bút chì Hồng Ngũ... Tất cả được ánh đèn rất sáng chiếu rọi làm nổi bật trên nền trời. Cây dương liễu mảnh khảnh xơ xác, hai cây bách, một lớn một nhỏ, tỏa bóng đù đưa trên thảm cỏ xanh bị úa vàng bởi gió tây. Chính ở nơi ấy, giữa thảm cỏ bình yên và những tấm biển quảng cáo lộng lẫy, Phạm Tố Tố đứng chờ đợi trong cơn gió đêm đông rét lạnh tái tê. Cô mặc chiếc áo khoác bằng nỉ màu mơ vàng, chiếc quần tuyết xi len màu xám trắng tấp, đôi giày đen xinh xắn không cao lắm. Chiếc khăn quàng cổ trắng như tuyết gợi lên hình ảnh màu lông vũ trước ngực đàn chim én, làm nổi bật đôi mắt

cô màu ngọc huyền và mái tóc đen tuyền như bóng đêm.

- Chúng ta gặp nhau ở chỗ "những nhà giàu phát lên nhanh" nhé - Cô nói qua điện thoại với Giai Nguyên. Cô thường gọi đùa những tấm biển quảng cáo là "những nhà giàu phát lên nhanh". Đối với những thần tượng mới phát lên quá nhanh cô cảm thấy vừa hấp dẫn vừa ghen tị.

- Cứ nhìn thật lâu tấm biển quảng cáo thì tự nhiên sẽ có cảm tưởng chiếc dương cầm là của mình - Giai Nguyên có lần đã nói như thế.

- Chắc là như thế. Người ta có thể trở thành chó sói nếu cứ lải nhải: nếu không phải mày ăn thịt tao, thì tao ăn thịt mày - Cô ta nói như vậy.

Hai mươi phút đã trôi qua mà Giai Nguyên vẫn chưa tới. Anh chàng luôn đến muộn. Chàng ngốc ấy khéo lại bị người ta lừa bịp.

Một buổi sáng mùa đông, trong lúc anh ta đạp xe đến thư viện, khi đi qua "Mộ ba vua", anh thấy một bà già đang nằm rên rỉ ở bên đường. Kẽ va vào bà đã chuồn thẳng. Anh đỡ bà già dậy, hỏi địa chỉ, khóa xe đạp lại để bên đường, dìu bà về tận nhà. Thật không ngờ, người nhà và những người hàng xóm của bà lại quây chặt lấy anh, cho anh là thủ phạm. Bị mọi người xúi bẩy, kích động, bà già tuy vẫn còn đang choáng váng, lại đổ vấy cho anh, chính anh là người làm bà ngã. Chẳng hiểu vì tuổi già lú lẫn hay vì tâm lý xấu xa coi ai cũng là kẻ thù địch? Khi anh giải

thích là mình chỉ là người giúp đỡ thôi, thì một bà già giọng the thé rít lên: "À, hóa ra anh là Lôi Phong?"⁽¹⁾ mọi người xung quanh cười phá lên chảy cả nước mắt. Năm ấy là năm 1975, cả nước đều thấm nhuần lời dạy của Tuân Tử và mọi người đều tin rằng "Nhân tri sơ tính bản ác".

Giai Nguyên thường rất bận nên chẳng bao giờ đến đúng hẹn. Thậm chí anh ta chẳng có thì giờ để lau cặp kính đầy bụi bặm. Trước khi quen biết Giai Nguyên, Tố Tố chẳng hề bận bịu gì, thế mà chiếc áo khoác ngoài đứt cúc cô cũng lười chẳng thèm đơm lại. Trừ người bà của cô ra, ở thành phố này chẳng có ai ưa cô cả. Thành phố "đuối" cô về nông thôn lúc cô mới có mười sáu tuổi. Nhưng nói là "đuối" cũng không đúng lắm. Thời ấy pháo nổ tung trời, tiếng kèn đồng vang dội trên khắp cánh đồng, còn có cờ đỏ, sách "Ngũ lục"⁽²⁾ màu đỏ, băng tay màu đỏ, trái tim đỏ... Tất cả là một đại dương đỏ. Phải xây dựng một thế giới toàn màu đỏ để trong đó 900 triệu người kết thành một khối. Những thanh niên từ mười sáu đến mười tám tuổi quây quần lại cùng đọc "Ngũ lục" và cùng đồng thanh hét "đâm bên trái", "đâm bên phải", "giết! giết! giết!" Tố Tố cũng khao khát có một thế giới như vậy, khao khát cháy bỏng hơn cả lúc muốn

1. Lôi Phong được phong anh hùng vì đã quên mình cứu dân trong thời "Cách mạng văn hóa" (ND).

2. Sách trích những lời dạy của Mao Trạch Đông (ND).

có chiếc điều lớn có hai cái chuông. Nhưng cái thế giới toàn sắc đỏ kia cô chưa được thấy mà chỉ thấy một thế giới toàn màu xanh: cỏ xanh, đồng lúa xanh. Cô hoan hô thế giới màu xanh. Nhưng sau đó là thế giới úa vàng: lá khô, bùn đất, mùa đông trơ trụi. Cô nhớ nhà. Và còn có một thế giới màu đen: một số thanh niên có học thức bị đưa về nông thôn lao động trong cùng đội với cô, chạy vạy theo "cửa hậu" chuẩn được về thành phố; và cô bị bệnh thiếu sinh tố, mắt cứ mờ đi chẳng trông thấy gì.

Sau khi tan vỡ giấc mộng thế giới đỏ và rơi vào thế giới xanh, vàng và đen, cô nàng từ đấy ăn uống không được, rối loạn tiêu hóa, mặt mũi xanh xao. Ngoài giấc mộng đỏ ra cô còn đánh mất, nói đúng hơn là để tuột mất những giấc mộng mang những màu sắc khác nhau: giấc mộng trắng - quân phục hải quân - và sóng bạc đầu; chiếc áo bờ lu của người bác sĩ và nàng công chúa tuyết. Vì sao những cảnh hoa tuyết lại có sáu góc và biến hóa khôn lường? Thiên nhiên vĩ đại chẳng phải là có tính cách của nhà nghệ thuật ư? Cô nàng cũng đánh mất giấc mộng xanh - trời xanh, biển xanh, sao sáng, ánh thép trong những trận đấu kiếm, rồi những chuyến nhảy dù, phòng thí nghiệm với những bình cầu và những ngọn đèn cồn. Và nàng đánh mất cả giấc mộng vàng óng da cam - đúng, đó là tình yêu.

Bây giờ anh ấy đang ở đâu. Cao lớn, đẹp trai, thông minh, hiền lành anh ấy lúc nào cũng cười ngây

thơ... "Em ở đây cơ mà" cô gọi to vào bức tường hồi âm của Thiên đàn.

Bố mẹ cô đã tốn bao công sức chạy vạy cô mới trở về cái thành phố có nhiều giấc mộng. Cuối cùng ông bố cũng biết những điều khó tránh. Câu chuyện trở về thành phố mà phải qua năm cửa quan chém sáu tướng⁽¹⁾ là một giấc mộng xa lạ và hoang đường. Giờ đây cô chẳng còn lưu luyến gì với những giấc mộng ấy nữa. Cô cũng chẳng biết gì cái danh hiệu "chiến sĩ chẵn cừu xuất sắc", cũng như cuộc sống của thời kỳ ấy. Cô rất ít khi nhắc đến danh hiệu và cuộc sống ấy, mặc dù đối với cô những khía cạnh đa dạng của mọi chuyện ấy thành một chiếc cột chuyển động với mọi sắc màu.

Cô trở về, mất đi nhiều màu sắc nhưng lại tăng thêm sức lực, tăng thêm nhiều ý vị cuộc đời. Cô vào làm hầu bàn trong một khách sạn của Hồi giáo, mặc dù cô không phải là dân theo đạo Hồi. Hàng ngày cô phải tiếp xúc với khói dầu, tỏi giã, kiệu rán vàng, với những hơi rượu, hơi nước, thịt cừu thái mỏng như giấy. Vĩnh biệt quá khứ! Vĩnh biệt tất cả! Vĩnh biệt những lần tặng hoa, những lời chúc tụng, những lần điếu hành trước lễ đài ở quảng trường Thiên An Môn; vĩnh biệt những giọt nước mắt nóng bỏng, những

1. Nhân vật Quan Công trong *Tam Quốc diễn nghĩa* phải trải qua năm cửa quan chém sáu tướng để trở về với Lưu Bị (ND).

chiếc thắt lưng da "tạo phản" dùng làm roi quất vun vút; vịnh biệt "những chỉ thị tối cao", những con tàu, những đoàn xe chở đầy hồng vệ binh, vịnh biệt những con ngựa trắng và xám, vịnh biệt nét mặt của tay đội trưởng... phải chăng bao hình ảnh nối tiếp nhau để cuối cùng kết thúc bằng công việc làm hầu bàn ở khách sạn? Một ngày cô tình cờ tìm thấy một tấm ảnh chụp từ thời còn học lớp một tiểu học. Đó là vào dịp quốc khánh năm 1959, cô mới bảy tuổi, hai bím tóc có hai con bướm đang bay. Chị phụ trách dẫn cô bước lên lễ đài ở Thiên An Môn dâng bó hoa lên Mao Chủ tịch. Mao Chủ tịch nắm tay cô. Từ bé đến giờ cô chưa hề được nắm tay ai cả. Bàn tay của Mao Chủ tịch vừa to, vừa dày, vừa ấm, vừa chắc. Người hình như nói câu gì đó nhưng cô không nghe rõ. Sau này nhớ lại, hình như Người nói "cháu nhỏ của ta!". Hạnh phúc biết bao! Được làm cháu nhỏ của Mao Chủ tịch, niềm hạnh phúc đời đời!

Nhưng về sau cô không nhận ra tấm ảnh nữa. Phải chăng đây là sự thật? Cô không nhận ra mình, thậm chí năm 1975 trở về thành phố, cô cũng không thể nhận ra cả Mao Chủ tịch nữa. Trước đây Mao Chủ tịch đứng lưng thẳng tắp với những động tác mạnh mẽ cơ mà. Còn bây giờ trong các phim thời sự Người xê dịch đôi chân rất khó khăn, mồm há ra, một lúc sau mới ngậm được miệng. Nhưng báo chí và đài phát thanh người ta tuyên truyền rùm beng những cử chỉ rất khó hiểu của Người. Cô thật lòng

xót xa, cô muốn đi theo Mao Chủ tịch, nấu cho Người bát cháo khoai mỡ vừa thơm vừa ngọt mà cô thường nấu khi bà bị ốm. Đó là món ăn rất bổ?... Không, cô không hề muốn thổ lộ những nỗi đau khổ và nỗi oan khuất của cô với Mao Chủ tịch, không nên quấy rầy Người lúc này. Nếu không cầm được nước mắt trước Mao Chủ tịch, cô nhất định sẽ quay mặt đi.

Nhưng điều đó không thể được. Cô không còn có điểm phúc gặp được Người nữa? Chẳng phải từ bảy tuổi trở đi cô đã mất hẳn dịp may mắn đó? Cô về thành phố làm gì? Vì mẹ ư? Theo báo chí nói tất cả vì Mao Chủ tịch. Nhưng cô thì không thể nào gặp được Người nữa. Tổ Tổ chẳng còn mộng mơ nữa. Nhưng khi ngủ cô vẫn mộng mơ, nói mê lắm nhảm, cô nghĩ rằng, cô thở dài...

- Tổ Tổ, tỉnh dậy, tỉnh dậy! - Mẹ đánh thức cô. Cô tỉnh lại, hoang mang, chẳng còn nhớ mình mơ thấy gì, người mệt lả, mình đắm đuối mồ hôi, cứ như vừa ra khỏi căn phòng của người mắc bệnh truyền nhiễm.

Ngày ấy, Tổ Tổ đang đi trên đường phố, cô đã nhìn thấy Giai Nguyên ngốc nghếch giúp đỡ bà già bị té ngã rồi lại bị người nhà và hàng xóm của bà vây chặt quất mắng. Giai Nguyên vóc dáng không cao, chẳng đẹp trai gì, nhưng nụ cười của anh khiến Tổ Tổ cảm thấy gần gũi, quen thuộc. Lúc đó người ta mới một cảnh sát tới. Người cảnh sát thông mình

chẳng kém gì Xôlômông⁽¹⁾. Ông ta nói: "Anh hãy tìm hai người làm chứng là anh không làm bà già té ngã. Nếu không tìm được thì chính anh là kẻ tội phạm!".

Tố Tố không nói ra, nhưng thầm nghĩ: "Anh có thể tìm được hai người làm chứng, anh có phải là gián điệp của KGB không? Nếu không, anh sẽ bị bắn!", cô chỉ là người trên đường đi làm nhìn thấy thôi. Những người đến xem vòng trong vòng ngoài như đi xem hát không phải mua vé vậy. Trò này còn hay hơn cả một vở kịch ở nhà hát hay một cuốn phim! Kịch phim bây giờ toàn một điệu "xung thiên" hoặc "thắng thiên", ngoài chữ "thiên" (trời) ra chẳng có điều gì mới cả.

- Các người làm gì vậy? Chẳng lẽ làm việc tốt lại bị trừng phạt? - Giai Nguyên cãi lại. Nụ cười ngốc nghếch biến mất, chỉ còn lại đôi mắt kinh ngạc và đau khổ. Tố Tố như bị một cái kim đâm vào tim, cô buồn nôn. Chen ra khỏi đám đông, cô vội vã thoát ra khỏi cảnh đó, nhưng chỉ sợ viên cảnh sát đuổi theo bắt lại.

1. Tên một vị quốc vương Do Thái (trị vì vào khoảng 960 TCN-930TCN). Ông rất thông minh. Có hai người mẹ đều nhận mình là mẹ đẻ của một đứa con. Ông xử: xé đứa con ra làm đôi. Một bà thì đồng ý, còn bà kia thì phản đối. Xôlômông phán quyết bà mẹ phản đối chính là mẹ đẻ của đứa bé (ND).

Thật tình cờ, ngay tối hôm đó anh chàng ngốc nghếch kia lại đến ăn tối ở tiệm mà Tổ Tổ làm việc. Vẫn nụ cười ấy. Anh ta chỉ ăn hai lạng viên bột mì rán.

- Hai lạng no sao được? Tổ Tổ hỏi, chẳng e ngại gì, cô trái với thường lệ là chẳng nói khách hàng bao giờ.

- Vâng, tôi ăn hai lạng trước đã.. chàng ngốc nghếch xin lỗi, lấy ngón tay đẩy cặp kính mặc dầu kính chẳng hề bị tụt.

- Nếu như anh không đủ tiền hay thiếu lương thực - chẳng hiểu sao Tổ Tổ nghĩ thế, và nói như vậy - không hề gì, cứ ăn đi, mai trả tiền cũng được.

- Thế làm sao thanh toán được?

- Tôi sẽ trả hộ anh, đừng có ngại.

- Cảm ơn cô. Vậy tôi ăn thêm, vì trưa nay tôi chẳng ăn cái gì.

- Anh ăn cân rưỡi nhé?

- Không, sáu lạng thôi.

- Được - cô bê bốn lạng viên bột mì rán ra.

Bác đầu bếp thấy Tổ Tổ gặp người quen, bác liền múc thêm một muôi thịt cừu vào bát cho anh ta. Những viên bột mì rán vàng ươm trông như những hạt đậu vàng. Ánh vàng hắt lên khuôn mặt khiến nụ cười chàng trai thêm dễ thương. Lần đầu tiên Tổ Tổ thấy những viên bột mì rán thật là tuyệt diệu, nó như là một của quý rất có uy lực.

- Họ cứ bảo tôi đã làm té ngã bà già, bà ta đòi tôi phải đền bằng tiền và phiếu lương thực...

- Nhưng anh không làm bà ta ngã chứ?

- Tất nhiên là không.

- Thế sao anh lại đền tiền cho họ? Tôi ấy à, một xu cũng không đền, ức hiếp người ta quá chừng.

- Nhưng bà già kia đang cần tiền và phiếu lương thực. Vả lại tôi không có thì giờ để cãi nhau.

Một khách hàng gọi, Tố Tố vội nói lớn "Tôi đến ngay bây giờ". Cô cầm khăn bước đi.

Buổi tối về nhà, cô muốn kể cho bà nghe về chuyện anh chàng ngốc ấy, nhưng bà đang đau tim. Bố mẹ Tố Tố băn khoăn không hiểu có nên đưa bà đến bệnh viện ngay không. "Phòng cấp cứu ở đây mùi thối rất khó chịu. Bệnh nhân nào trụ được ở đây 5 tiếng đồng hồ thì ngũ tạng người ấy làm bằng sắt" - Tố Tố nói. Ông bố trừng mắt nhìn cô, như trách cô tệ bạc với bà. Cô vội quay mặt, chuồn ngay vào căn phòng tạm bợ dành cho cô.

Đêm ấy, Tố Tố nằm mơ thấy mình thả diều. Cách đây nhiều năm, trong mơ cô thường chơi trò chơi ấy, nhưng lần này, khác trước đây... từ năm 1966, đã mười năm cô không còn mơ mộng như thế nữa. Và từ năm 1970 trở đi cô không được mơ một cái gì nữa. Lần này, nước lại chảy trên dòng sông khô cạn, xe lại chuyển bánh trên con đường trước đây bị ngăn cấm và giấc mộng từ lâu không thấy nay lại trở về trong giấc ngủ. Bây giờ cuối ngựa thả diều chứ

không phải trên đồng cỏ, trên thảo trường. Trời và đất rộng mênh mông. "Đồng quê là xứ sở mênh mông" - bọn trẻ con đồng thanh đọc. Người thả diều không phải là cô, mà là chàng trai đã ăn sáu lạng viên mì rán. Chiếc diều cũ kỹ rách nát đáng thương khiến ai nhìn cũng rớt nước mắt. Chiếc diều hình chữ nhật, nhà quê gọi là "rèm che mông đít". Nhưng cánh diều vẫn bay lên được, bay cao hơn cả khách sạn Đông Phương, cao hơn cả cây thông trên núi xanh lam, cao hơn cả con đại bàng bay lượn trên đồng cỏ, cao hơn cả những quả bóng bay kéo theo tấm băng "Thắng lợi của cách mạng vô sản muôn năm!". Cánh diều bay bay, bay qua núi, bay qua sông, qua rừng thông xanh, qua những đoàn hồng vệ binh, những bầy ngựa, những đĩa viên bột mì rán... Ôi thích quá! Tố Tố cũng bay theo cánh diều, cô biến thành cái dải đuôi dài của cánh diều.

Khi cô tỉnh mộng, trời còn chưa sáng. Cô bấm đèn pin, tìm lại tấm ảnh mà cô cho là hạnh phúc nhất. Tấm ảnh chụp cô dâng hoa lên Mao Chủ tịch trong lễ kỷ niệm mười năm thành lập nước Trung Hoa mới. Cô tin rằng mình là người có điểm phúc. Cô vừa nhẩm hát bài "Mọi xã viên công xã đều là hoa hướng dương" vừa khâu lại chiếc cúc áo đã đứt từ lâu. Cô cầu mong Mao Chủ tịch khỏe mạnh. Hồi đêm cô đã nấu cho bà một bát cháo khoai mỡ, bát cháo ấy như có phép thần, bà ăn khỏe hẳn lên. Trời đã sáng hẳn, mọi người trong nhà và bà con xóm phố lần lượt

thức dậy. Cô dậy ra đánh răng súc miệng, tiếng súc miệng sùng sục như tiếng tàu hỏa tiến vào sân, tiếng nước sôi rửa mặt tựa như tiếng Na Tra khuấy biển. Cô ăn sáng: một bát mằn thầu nguội, một ít dưa muối và uống một bát nước đun sôi. Cô hoài nghi bài báo trước đây: *Nước lã đun sôi là nước giải khát tốt nhất*, phải chăng đó là bài đả kích vào ba ngọn cờ hồng⁽¹⁾.

Bây giờ cô đã tỉnh mộng, từ cánh điều trở về thế giới hiện thực, cô buộc dây giày, bước đi ồn ã, gót giày nện xuống nền nhà như búa gõ vảy.

- Này, Tố Tố, sao hôm nay con vui thế? - Bố hỏi.

- Con, con sắp được làm trưởng phòng rồi - Cô trả lời.

Ông bố sung sướng quá. Lúc Tố Tố sáu tuổi được làm tổ trưởng ở nhà trẻ, ông bố sung sướng gặp ai cũng khoe. Khi chín tuổi, cô được bầu là đội trưởng thiếu niên tiên phong, ông phấn khởi như phát điên lên... Nhưng rồi khi đoàn tàu chở lũ trẻ về nông thôn rúc vang tiếng còi, ông khóc, mặt méo xệch đi. Bọn trẻ cùng òa lên khóc, chỉ có Tố Tố là không khóc, cô cứng rắn hơn bố rất nhiều...

- Chào bạn! - Tố Tố nói.

- Chào bạn! - Giai Nguyên nói.

- Hôm nay anh ăn gì nào?

1. Đó là đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, đại nhảy vọt và công xã nhân dân (ND).

- Trước hết phải trả tiền cô đã. Đây là phiếu lương thực hai lạng, và hai hào tám xu.

- Anh tính toán thật rành mạch như là đậu phụ trộn lá kiệu vậy⁽¹⁾.

- Không, tôi không thích đậu phụ trộn. Vẫn ăn bốn lạng viên bột mì rán thôi.

- Anh không thích đổi món à? Có suấy cảo mỗi lạng bảy viên, một hào năm xu. Bánh bao, mỗi lạng hai cái, một hào tám xu, bánh bột mì trộn xì dầu, ăn bốn lạng chỉ hết có ba hào.

- Món gì làm nhanh thì tôi ăn món ấy.

- Anh chờ một lát, có khách tới... Tôi lấy cho anh bánh bao nhé, hôm nay vẫn ăn sáng sáu lạng chứ?... Đây bánh bao của anh đây. Sao lúc nào anh cũng có vẻ vội vã thế? Anh là sinh viên à?

- Bạn cho tôi là sinh viên à?

- Hay anh là cán bộ kỹ thuật? Hay nghệ sĩ phong cầm? Hay là cấp chỉ huy một tổ chức nào?

- Tôi giống họ lắm à?

- Thế...

- Tôi chưa có công ăn việc làm.

- Chờ một lát, lại có khách... chưa có việc làm mà sao anh lúc nào cũng bận?

1. Thành ngữ Trung Quốc. Lá kiệu xanh, đậu phụ trắng, màu sắc rõ ràng rành mạch (ND).

- Những người chưa có việc làm vẫn là con người chứ? Họ có cuộc đời, có tuổi trẻ và có bao nhiêu việc phải làm.

- Thế anh bận việc gì?

- Đọc sách.

- Đọc sách? Đọc sách gì?

- Những cuốn bàn về sự lựa chọn tối ưu, về cổ sinh vật học, về ngoại ngữ.

- Anh định thi đại học à?

- Bây giờ đại học vẫn tổ chức thi à? Mà tôi không biết cách nộp giấy trắng⁽¹⁾.

- Rất tiếc là kinh nghiệm của Trương Thiết Sinh không được áp dụng rộng rãi nữa!

- Nhưng dầu sao cũng phải học, phải học cái gì có ý nghĩa. Chúng ta còn trẻ. Có phải không?

Sau khi ăn xong, chàng trai vội vã ra đi. Chàng trở thành nhân vật bí hiểm đối với cô gái trẻ.

Hôm sau cũng vào giờ ấy, anh ta lại đến tiệm ăn. Lần này ăn một bát đậu phụ trộn với lá hẹ xanh, xì dầu vàng, và ớt đỏ. Tại sao bao người Trung Hoa và người nước ngoài đều biết Tần Thủy Hoàng mà

1. Trong "Cách mạng văn hóa" (1966-1976) Trung Quốc bỏ thi tuyển vào đại học. Mãi đến năm 1975 mới được phục hồi. Hồi ấy, một thí sinh tên là Trương Thiết Sinh không làm được bài, nộp giấy trắng. Sau đó y viết báo phê phán việc tuyển sinh là phục hồi đường lối giáo dục tư sản. "Bê lũ bốn tên" khen ngợi y và y được nhận thẳng vào ĐH Nông nghiệp (ND).

không biết tên nhà khoa học thiên tài đã phát minh ra món đậu phụ?

- Anh dối tôi.

- Không hề!

- Anh nói rằng anh chưa có việc làm.

- Đúng thế. Ba tháng trước đây, tôi từ vùng hoang mạc phía bắc trở về có việc làm gì đâu. Nhưng tháng sau sẽ có.

- Trong một cơ quan nghiên cứu khoa học à?

- Một trạm phục vụ ở phường thôn. Tôi là thợ học việc, học chữa ô.

- Thế thì sầu cho anh rồi.

- Không, tôi không nghĩ thế. Bạn có ô hỏng không? Đưa tôi sửa cho.

- Thế còn chuyện lựa chọn tối ưu, cổ sinh vật học và ngoại ngữ...

- Tôi vẫn tiếp tục học.

- Thế anh định dùng phương pháp tối ưu để sửa ô à? Hay là dùng xương khủng long để làm ô?

- À, phương pháp tối ưu cũng có ích cho việc làm ô đấy, nhưng khoan hãy bàn việc ấy. Bạn hãy nghe tôi nói đã... À, bạn cho tôi bát đậu phụ nữa, nhưng ít ớt thôi, bạn xem, tôi toát cả mồ hôi đây này. Cảm ơn... là thế này, tôi nghĩ nghề nào cũng là để kiếm sống, và cũng là nghĩa vụ tối thiểu của con người. Nhưng con người không nên tự hài lòng mình đã có một nghề. Nghề nghiệp không phải là tất cả, và cũng không phải là vĩnh cửu. Con người cần phải làm chủ

của thế giới, chủ nghề nghiệp. Và muốn thế trước hết phải nắm được kiến thức. Ví dụ cả bạn lẫn tôi đều làm nghề sửa ô, bạn mỗi tháng kiếm được 18 đồng, tôi cũng vậy. Nhưng bạn lại hiểu biết về con khủng long, tôi không biết. Như vậy rõ ràng là bạn hơn tôi, có kiến thức phong phú hơn tôi rồi, có đúng không

- Tôi chẳng hiểu anh nói gì.

- Không, bạn hiểu. Nếu không, bạn nói chuyện với tôi làm gì? Kìa, có ông khách người Sơn Đông đang nổi cáu. Khéo ông ấy phát hiện có viên sỏi ở trong đĩa lạc, rằng ông ta chắc đau lắm. Tạm biệt bạn.

- Tạm biệt, ngày mai anh lại đến nhé.

Nói xong câu "ngày mai anh lại đến nhé". Tổ Tổ thấy mặt nóng ran. "Ngày mai" như cái dải cánh diều bay phát phơ, tuy nó đơn sơ, giản dị, nhưng tự do, thoải mái. Mặc dầu "ngày mai" có thể gọi lên hình ảnh những hàng tre, những đám mây, những ước mơ, những màn kịch ba lê, một bản hoạt tấu "son" trưởng, những lá mùa thu, những cánh hoa mùa xuân. Nhưng trong thực tế, "ngày mai" đó cũng chỉ là cánh diều đơn giản - trò chơi của đứa bé nghèo cõi truông.

- Nhưng ngày hôm sau Giai Nguyên không đến. Ngày hôm sau nữa cũng không đến. Như đi tìm con ngựa non, Tổ Tổ lạc giữa rừng sâu. Giữa rừng sâu, cô thầm gọi anh trong tim, âu sâu nào nuốt khác nào

một con ngựa cái. Cô bằng hoàng như người mất số hộ khẩu hay mất sổ gạo vậy.

- Anh đẩy ư! Dẫu sao anh vẫn đến.

- Bà tôi vừa mất!

Tố Tố xúc động tưởng chừng rơi xuống một hố băng, cô phải dựa người vào tường. Mãi một lúc sau cô mới chợt hiểu đó là bà của anh chàng ngốc đeo kính chứ không phải là bà của mình. Nhưng cô vẫn cảm thấy đau buồn và ớn lạnh.

- Sinh mệnh thật ngắn ngủi. Vì vậy thời gian là vật quý nhất trên đời.

- Nhưng thời gian quý nhất của tôi lại dùng để bưng bê bát đĩa - Cô trả lời với nụ cười chua chát, dường như cô đang nghe thấy tiếng vó ngựa của chú ngựa con nào đó.

- Cám ơn bạn đã bê nhiều bát đĩa phục vụ mọi người. Nhưng bạn không nên chỉ dừng ở việc bưng bê bát đĩa.

- Còn làm cái gì được nữa. Ngay đến việc bưng bê người ta cũng chẳng cần đến tôi. Để được làm nghề bưng bê, bố mẹ tôi đã phải vất vả rất nhiều.

- Mọi người đều vất vả như vậy cả - anh chàng nở một nụ cười thông cảm - Tôi đề nghị bạn học tiếng Ả Rập bởi vì bạn làm việc trong tiệm ăn Hồi giáo.

- Tiệm ăn Hồi giáo thì sao? Chẳng lẽ ngài đại sứ Ai Cập lại đến đây ăn à?

- Bạn có bao giờ nghĩ rằng mình được bổ nhiệm làm đại sứ ở Ai Cập không?

- Anh chỉ nói đùa. Thật là mơ hão!

- Nhưng mơ mộng cho vui đâu có phải là xấu? Nếu không mơ mộng thì cuộc đời buồn chết! Bạn phải tin ở chính mình chứ: bạn có đủ trí tuệ, phẩm cách, năng lực để làm đại sứ Trung Quốc ở Ai Cập, thậm chí hơn cả ông ấy. Có thể bạn chẳng bao giờ làm nữ đại sứ cả, nhưng bạn cần mạnh mẽ hơn cả đại sứ. Vấn đề then chốt ở đây là học tập.

- Những câu nói của anh là giọng điệu của những kẻ đầy tham vọng đấy.

- Không, đấy là tư tưởng của Adam đấy.

- Cái gì?

- Adam.

- Adam nào?

- Đấy là tiếng Ả Rập đầu tiên tôi dạy cho cô đấy. Adam là con người. Đấy là một từ đẹp nhất. Adham ở trong cội địa đàn, là cách phiên âm khác của Adam mà thôi. Còn Êva, phát âm là Haoa có nghĩa là bầu trời. Con người cần bầu trời, bầu trời cũng cần con người.

- Vì vậy mà từ nhỏ chúng ta đã thích thả diều.

- Rất đúng! Bạn sẽ là sinh viên xuất sắc.

Bài học đầu tiên: con người. Adam cần Eva và Eva cần Adam. Con người cần bầu trời, bầu trời cần con người. Chúng ta cần cánh diều, khí cầu, máy bay, tên lửa, con tàu vũ trụ. Cô bắt đầu học tiếng Ả

Rập từ đây. Nhưng việc này làm nhiều người băn khoăn lo lắng. Cô nên an tâm mà làm người hầu bàn, đừng gây ấn tượng xấu cho người khác. Cô có họ hàng ở nước ngoài à? Nếu có một cuộc vận động chính trị mới người ta sẽ lập ngay một nhóm điều tra đặc biệt về việc này của cô.

- Nhưng tôi không đánh vỡ bát đĩa, tôi chẳng có tham vọng làm trưởng phòng. Tôi biết những tên tuổi như Muhamét, Xadát, Araphát. Cứ điều tra, tôi xin hoan nghênh vị lãnh đạo nhóm điều tra.

Cũng trong thời gian ấy, Tố Tố và Giai Nguyên trở nên "thân thiết". Tin đó đến ngay tai cha cô. Nơi nào cũng có máy chụp ảnh và những thiết bị tự động để thăm dò các cô thiếu nữ. "Họ anh ta? Tên xưa kia của anh ta? Tên hiện nay? Thành phần gia đình, thành phần xuất thân? Tình hình kinh tế trước và sau cải cách ruộng đất? Lý lịch từ ba tháng tuổi cho đến bây giờ? Thái độ chính trị? Thành viên trong gia đình có tiền án tiền sự không? Có ai là phú nông, địa chủ, phản động, phản tử phá hoại hoặc phái hữu không? Còn phải "đội mũ" phái hữu hay đã được "cất mũ" rồi? Biểu hiện của bản thân qua mấy phong trào chính trị? Những chỉ tiêu và thu nhập của bản thân và các thành viên trong gia đình?... Tất cả những vấn đề đó, Tố Tố không sao trả lời được. Mẹ cô khóc lóc lo âu. Con mới có 24 tuổi 7 tháng và mới bắt đầu yêu có 5 tháng. Mà đâu đâu cũng có bọn người xấu. Ông bố muốn làm cuộc điều tra chỗ ở, đơn vị, phòng tổ chức

nơi Giai Nguyên làm việc. Và để làm việc ở đó, ông quyết định làm một bữa tiệc thịt cừu mời tất cả những chức sắc hữu quan ông quen biết để họ góp ý.

"Choang" Tổ Tổ nhỡ tay làm vỡ tan chiếc ấm rất quý của bố! "Cha làm như thế có thể tìm được tên phản cách mạng, nhưng chẳng bao giờ tìm được một người bạn!". Tổ Tổ gào lên, cô thật là một cô gái sắt thép, nhưng sau đó cô khóc òa lên.

Những người lãnh đạo của tiệm ăn từ chủ nhiệm đến tổ trưởng đều nêu lên những vấn đề như cha mẹ cô đã nêu. Tình yêu của giai cấp vô sản phải bắt nguồn từ sự thống nhất về quan điểm, về tư tưởng chính trị. Phải tìm hiểu cặn kẽ lâu dài. Cần phải nghiêm túc, thận trọng, cảnh giác. Muốn lựa chọn một người chồng cần phải tuân theo năm điều kiện của những người kế tục cuộc cách mạng vô sản. Tổ Tổ nghe vậy muốn đập ngay cái ấm của khách sạn xuống nền nhà, nhưng cô không dám, từ bé ở trong đội thiếu niên cô đã được giáo dục phải yêu quý của công.

Khi Mao Chủ tịch qua đời, Tổ Tổ quá xúc động, cô khóc thảm thiết. Từ lâu cô đã muốn khóc, khóc cho Mao Chủ tịch, cũng khóc cho mình và cho những người khác nữa.

- Trung Quốc tàn rồi - Bố nói.

Nhưng chỉ là tàn cục đối với "Bọn bốn tên". Mãi đến khi đi viếng di hài Mao Chủ tịch, Tổ Tổ mới được

lần thứ hai đến gần Người. Cô nói nhẹ nhàng, bình tĩnh: "Cháu đến dâng tặng Người bó hoa".

Cô biết giờ đây tất cả đang đổi thay. Cô có thể mạnh dạn học tiếng Ả Rập, mặc dầu những kẻ chơi bạc thâu đêm dễ dàng vào được Đảng và được đề bạt hơn những người học ngoại ngữ thâu đêm. Cô có thể mạnh dạn cầm tay Giai Nguyên dạo chơi, mặc dầu có người nào đó tức giận đến phát điên trước cảnh trai gái cặp kè bên nhau. Nhưng khốn khổ là họ không sao tìm được nơi nào để trò chuyện. Trong công viên, ghế đá nào cũng có người ngồi. Tìm mãi mới được một chiếc ghế, nhưng dưới chân ghế ai đó nôn mưa một đống rỗ to. Tìm một công viên thoáng đãng một chút thì ở đó, mỗi một cột điện bên cạnh cái ghế dài đều có một cái loa phóng thanh oang oang đọc những "quy định đối với những khách đến chơi công viên" hoặc "tự giác tuân thủ, phục tùng quản lý"... Ai vi phạm sẽ "phạt từ 5 hào đến 15 đồng", "giao cho công an xử lý". Những quy định sao mà phức tạp vậy! Phải học tập một tuần lễ may chẳng mới nhớ được để bước chân được vào công viên. Trong điều kiện như vậy có thể ngồi đây mà chuyện trò yêu đương được chăng? Đi thôi!

Nhưng đi đâu bây giờ? Khu bờ sông không có loa phóng thanh, nhưng ở đấy quá hẻo lánh nguy hiểm. Nghe nói có một lần, một đôi trai gái đang thâm thì thổ lộ yêu đương thì bỗng một tên đeo mặt nạ, tay cầm dao, cùng với một tên du côn khác đi kèm.

"Không được động đây" - Hấn ra lệnh. Kết quả đôi trai gái kia bị lột hết đồng hồ, nhẫn vàng, tiền bạc. Trước bạo lực, tình yêu bao giờ cũng tỏ ra bất lực. Sau này công an đã điều tra và bắt được những tên lưu manh. Thế mà có người vẫn không yêu thích công an. Nếu không có họ sự thể sẽ ra sao?

Hay đến một tiệm ăn? Nhưng muốn có được một chỗ ngồi, bạn phải đứng chờ ở sau lưng một vị khách nào đó, theo dõi ông ta gấp, múc thức ăn đưa vào miệng, ăn xong họ còn hút thuốc lá, vươn vai... Khó khăn lắm bạn mới tìm được một chỗ ngồi, nhưng vừa cầm đũa lên thì đã có một vị khách khác châu chực sẵn ở sau lưng bạn, họ gác ngay một bàn chân lên thềm ngang ở ghế bạn, sợ rằng có người nào đó nhanh tay chiếm mất ghế của họ. Và mỗi khi họ lay lay cái chân thì rau và thịt như đang nhảy múa ở trong hòng bạn...

Đến tiệm cà phê hay tiệm nháy nào đó? Đó là những nơi đôi bại, Trung Quốc làm gì có! Đi dạo phố hoặc đi dạo trong các ngõ ngách, ở nước Mỹ người ta đang háo hức đi tản bộ như thế. Đi bộ là ý tưởng hay, nhưng trời mùa đông quá lạnh. Tất nhiên, đôi trai gái này cũng đã từng đi dạo trong nhiệt độ dưới 20°. Họ mặc áo lông, đội mũ lông, khăn len quấn cổ, đeo khẩu trang để nói chuyện yêu đương. Thật là vệ sinh, đỡ lây bệnh cho nhau. Tuy vậy đâu có yên, trong các ngõ thường có những đứa trẻ hư, nhìn thấy đôi tình nhân nào, chúng thường cười cợt, chửi bậy,

thậm chí ném đá. Thật là đốn mạt! Làm sao chúng có thể ra đời được nếu không có những cặp yêu đương?

Giai Nguyên là người dễ thích ứng với mọi hoàn cảnh. Chỉ cần một đoạn lan can, dưới gốc cây ngô đồng, một chỗ bên bờ sông là anh đã thỏa mãn rồi. Anh mong sớm được một chỗ ngồi để chuyện trò với Tố Tố bằng tiếng Ả Rập hay tiếng Anh. Còn Tố Tố thì khó tính, không hài lòng với những chỗ ngồi sơ sài như vậy. Không, không, cô khó chịu như ông khách Sơn Đông nọ không chấp nhận có một viên sỏi nằm trong đĩa lạc luộc... Ròng rã ba năm rồi, tôi thứ bảy nào hai cô cậu cũng phải lang thang đi tìm một nơi thích hợp.

Họ tìm một chỗ ngồi. Tìm hoài, tìm mãi và một buổi tối trôi qua rất nhanh. Ôi! Bầu trời và mặt đất của chúng ta mệnh mông biết bao! Hãy dành cho đôi trai gái một góc nhỏ để họ trao đổi tình yêu và ôm hôn nhau! Chúng tôi chỉ cần một góc nhỏ, rất nhỏ thôi. Còn các người, các người có thể đón nhận những anh hùng đội trời đạp đất, những người khởi nghĩa đảo lộn trời đất, những côn trùng có hại lừa trời hủy đất, những phế vật làm cho đất trời tối sầm. Các người có thể tiếp nhận những bãi chiến trường, những bãi nổ bom, những quảng trường, những hội trường và cả nơi hành quyết... thế mà không thể đón nhận tình yêu của đôi trai gái yêu nhau?

Tố Tố dụi đôi mắt cay sè. Phải chăng tay cô dính ớt? Hay là do dụi nhiều mà mắt trở nên cay sè? Tối

nay chúng ta có tìm được chỗ dừng chân không? Trời đang lạnh, nhưng dùng khẩu trang làm quái gì... Giai Nguyên nói sẽ đến phòng nhà đất để xin một phòng. Có phòng thì sẽ tổ chức đám cưới, họ sẽ không phải vạ vật nữa.

- Đồng chí chị, bảo cho tôi biết đến phố Đại Thị đi lối nào? - Một giọng nói của một người đàn ông đang vác một bọc lớn còng cả lưng, quần áo mới lấm đầy đất. Người ấy lớn hơn Tố Tố rất nhiều.

- Phố Đại Thị? Chính kia là phố Đại Thị! - Tố Tố trả lời, tay chỉ cái ngã tư có đèn xanh đèn đỏ. Ở đấy, xe ô tô, tàu điện và xe đạp nườm nượp lao đi, dừng lại như sóng triều vậy.

- Kia là phố Đại Thị à? Người đàn ông đang vác còng lưng, ngẩng đầu hỏi lại, đôi mắt đen nhánh nghi ngờ một cách chân thành. Thấy thế, Tố Tố cảm thấy như cổ mình cũng oằn đau. Cô nhắc lại rành mạch: "Đây là phố Đại Thị", cô chỉ tiếc là không đặt được bách hóa đại lâu và tiệm vịt quay lên lòng bàn tay chìa cho người hỏi đường vừa thật thà vừa đa nghi xem.

Người thanh niên lão đảo lê bước chân đi, anh sang đường, nhưng không đi đúng lối vạch vôi quy định dành cho người đi bộ. Một cảnh sát giao thông mặc đồng phục trắng liền quát to qua chiếc loa bán dẫn. Chàng trai tỉnh lẻ luống cuống đứng sững lại ngay giữa lòng đường, nơi ô tô đang ầm ầm đi qua. Anh ta nghiêng đầu hỏi viên cảnh sát:

- Đồng chí anh ơi, phố Đại Thị ở đâu?

- Tổ Tổ! - Giai Nguyên la lên, miệng thở hồng hộc, người đầm mồ hôi, tóc rối bù.

- Anh đột thổ lên đây à? - Tổ Tổ nói - Em chờ sốt cả ruột, anh bỗng xuất hiện chẳng hiểu từ đâu tới.

- Anh có phép tàng hình. Anh lúc nào cũng ở bên cạnh em.

- Nếu chúng ta biết phép tàng hình thì hay biết mấy.

- Tại sao?

- Chẳng ai trông thấy chúng mình khiêu vũ trong công viên.

- Em nói to thế! Người ta đang nhìn kia kìa.

- Có người chỉ nghe thấy tiếng khiêu vũ đã nghĩ ngay đến chuyện vô đạo đức, bởi vì bản thân họ là đồ Trư Bát Giới!

- Lời nói của em ngày càng cay nghiệt, trước đây em cở thế đâu.

- Cái gió thu làm em thành ác khẩu đấy. Chúng ta không sao tìm được nơi tránh gió.

Ánh mắt Giai Nguyên bỗng tối sầm lại. Anh gục đầu xuống. Trong đôi kính của Giai Nguyên lấp lánh bóng hình bao tòa nhà với những cửa sổ chói ánh đèn.

- Có căn phòng nào ở đây cho chúng ta không?

- Không có. Anh đã đến phòng nhà đất nhưng không được. Họ nói: có một số người kết hôn đã mấy năm rồi, đã có con rồi, mà vẫn chưa có nhà ở.

- Thế họ cười nhau ở đâu. Ở công viên à? Ở trong công viên hay ở nhà bếp, tiệm ăn? Hay là đến ở trạm gác của đồn cảnh sát? Hay đấy, ở đấy bốn phía đều là cửa kính. Hoặc là trong lồng sắt của vườn động vật? Nếu thế, giá vé vào cửa có thể tăng đấy.

- Thôi em đừng nói lung tung. Em... - Anh ta lại dùng ngón tay trở đẩy gọng kính lên, mặc dù kính chưa hề tụt xuống - Em nói có lý. Nhưng căn phòng đâu phải từ trên trời rơi xuống. Trong rất nhiều người xin nhà, quả là có người cấp bách hơn chúng ta rất nhiều.

Tố Tố im không nói gì, cô cúi đầu, giơ chân đá băng quơ vào không khí.

- Em ăn gì chưa? Anh chưa ăn gì cả - Giai Nguyên hướng câu chuyện sang hướng khác.

- Ừa. Em chỉ nhớ là mình đã bê cơm cho rất nhiều khách, nhưng không nhớ là mình đã ăn chưa nữa.

- Vậy là em chưa ăn. Ta đến hiệu mì vằn thắn đi! Em sắp hàng, anh đi tìm chỗ, hay ngược lại em đi tìm chỗ, anh đi sắp hàng.

- Đàng nào cũng thế. Anh nói làng nhàng như các diễn văn trong hội nghị ấy...

Trong tiệm mì vằn thắn đông nghịt, chen lấn, cứ như ăn không mất tiền ấy. Thực ra ở đây một bát mì vằn thắn chỉ có 2 hào thôi, rất rẻ, nếu không họ không đến đông thế, không ăn mì vằn thắn thì mua bánh nướng ăn vậy. Bánh nướng cũng phải sắp hàng.

Nếu không chịu sắp hàng thì mua cặp bánh mì ở cửa hàng trước mặt. Thật là đáng tiếc! Chìa tay xin mua thì cô bán hàng vừa bán xong hai chiếc bánh mì cuối cùng cho một bà già mặc chiếc áo da kiểu đời nhà Thanh. Không mua được bánh mì thì chúng ta... biết ăn cái gì bây giờ?

- Giá chúng mình chưa ra đời thì hay biết bao! - Tổ Tổ lạnh lùng nói - Nếu như không sai lầm phê phán lý thuyết nhân khẩu của ông Mã Dân Sơ thì có lẽ chúng ta chưa có mặt ở cõi đời này.

- Việc gì phải oán hận thế em? Vả lại chúng ta ra đời trước khi có lý thuyết dân số kia mà!

- Giờ thì chẳng còn bánh mà ăn nữa!

- Không sao, anh đã mua được hai gói bích quy. Chúng ta có hai gói bích quy. Chúng ta, người bê mâm, kẻ sửa ô. Chúng ta học tập, giúp đỡ người khác - Người tốt không phải là ít, nhưng vẫn chưa đủ.

- Để làm gì? Để anh phải biểu 7 đồng và hai cân phiếu lương thực cho cái bà lừa bịp anh ấy à?

- Dù người ta có lừa của anh 700 đồng thì đối với một bà già bị thương anh phải giúp đỡ chứ. Lẽ nào em lại không làm thế? Hử Tổ Tổ?

Bỗng ánh chớp lằng nhằng, tiếng sấm vang rền. Những đường dây điện và bóng đèn đu đưa.

- Ném thử bánh của anh này - Giai Nguyên bỗng nói to.

- Em cũng có đây - Tổ Tổ nói - Như nhau thôi!

- Không, gói của anh thơm hơn.

Họ đổi bánh cho nhau, lấy từng cái ra ăn, ăn hết, Tố Tố cười tươi hẳn. Tính tình của người đói bao giờ cũng cáu kỉnh hơn tính tình của người no.

Trời chuyển gió mạnh. Dây điện rú rít, những tấm biển quảng cáo rung phấp phật. Đèn đường mờ đi. Gió rít bên tai. CƠN gió lạnh như xô đuổi khách bộ hành, đường phố bỗng chốc vắng tanh, trông rộng hẳn ra. Cảnh sát giao thông chạy vào trạm gác, nơi Tố Tố coi là có thể làm phòng cưới được.

- Chúng ta phải tìm nơi trú thôi!

Mưa lạnh như tuyết, tuyết ướt như mưa, hai thứ trộn vào nhau quất nhẹ, xoa nhẹ lên hai người. Họ nắm tay nhau, chẳng còn nghe rõ tiếng nhau nữa. Trước thiên nhiên cũng như trước cuộc đời, cả hai đều không hề phòng bị, che chắn. Nhưng hai bàn tay nắm chặt nhau, một bé, một to, rất ấm áp. Tài sản và sức mạnh của họ, đó là ngọn lửa không bao giờ tắt của họ.

- Chúng ta phải tìm một nơi nào chứ!

Họ cùng nói. Miệng đầy cát, đầy tuyết và nước mưa, giọng nói trở nên méo mó không rõ ràng. Cả hai cùng chạy. Chẳng hiểu là chàng kéo nàng hay nàng kéo chàng, hay chính ngọn gió đẩy họ đi? Nhờ sức mạnh vừa xô đẩy, vừa lôi kéo đó, hai người chạy đến một chung cư cao 13 tầng vừa mới xây xong. Ôi! đã từ lâu họ mơ ước tòa nhà cao tầng này. Người ta coi họ là những người xa lạ, mà đã là người xa lạ thì họ không ưa và nghi ngờ. Đó chính là phản ứng của bà

già bị ngã và bà già mặc chiếc áo da kiêu đời nhà Thanh vừa rồi. Còn ông lão bán bánh mì nữa, đã ném một cái nhìn ác cảm khi hai người hỏi mua. Đường như lúc nào họ cũng sẵn sàng rút dao nhọn ra. Những tòa nhà mới xây này hiện đang bị dư luận công kích: những người sống ở tầng 14, vì cầu thang hẹp không thể đưa tử lên được, đành phải buộc dây thừng đưa qua cửa sổ - thật là một kỳ quan! Đôi lúc dây thừng đứt, tử rơi vỡ nát. Đúng là truyện "*Nghìn lẻ một đêm*" kiểu mới. Nhưng Tố Tố và Giai Nguyên không nghĩ như vậy. Đứng trước tòa nhà cao, họ lúc nào cũng cảm thấy rụt rè xấu hổ, bởi vì sự quyến luyến thiết tha của họ đối với tòa nhà chỉ là tình yêu đơn phương không được đền đáp.

Gió tuyết cổ vũ lòng dũng cảm của họ. Họ lao vào tòa nhà, theo cầu thang leo hết tầng này đến tầng khác. Đường cầu thang còn rất bẩn, và tối om. Ánh công tắc, nhưng không sáng vì đui đèn không có bóng đèn. Nhờ ánh đường đèn chiếu rọi họ cứ leo lên. Họ rẽ trái rồi lại ngoặt phải mà vẫn chưa đến tầng cuối cùng. Cố nữa lên được đến tầng 14. Có lẽ tầng này chưa có ai ở, còn nồng nặc mùi sơn và vôi. Ôi, ở đây rất ẩm. Ở đây không gió, không mưa, không tuyết, không có loa phóng thanh, không có những tên đeo mặt nạ, không có khách bộ hành, không có những vị khách sốt ruột chờ chỗ, lay lay chiếc ghế giục người ta nhường chỗ. Ở đây không có những ông bố bà mẹ khinh rẻ đứa con gái hầu bàn và thằng con

trai làm nghề sửa ô, không có những đứa trẻ chửi bậy ném đá vào những đôi trai gái yêu đương. Ở đây có thể nhìn thấy ánh đèn của tầng thứ 25 của khách sạn Gió Đông. Ở đây có thể nghe thấy tiếng chuông đồng hồ ngân nga của ga xe lửa. Ở đây có thể nhìn thấy đồng hồ điện tử của tòa nhà Hải quan. Và nhìn xuống dưới, những ngọn đèn đủ màu xanh, vàng, trắng, những tia lửa bắn ra từ những chiếc cần xe tơlâybuýt cọ vào dây điện, những ánh đèn pha và đèn hậu của ô tô... Tố Tố và Giai Nguyên khoan khoái thở dài dường như được lên thiên đường.

- Em mệt không?
- Không, mệt cái gì?
- Chúng mình đã trèo 14 tầng gác.
- Em còn có thể leo được 24 tầng.
- Anh cũng thế.
- Cái anh chàng ấy thật là ngốc.
- Em bảo ai kia?
- Vừa rồi có một anh nhà quê, đã đến ngay đầu phố Đại Thị rồi mà còn cứ đi hỏi. Anh đã chỉ cho anh ta mà anh ta vẫn không tin.

Hai cô cậu bắt đầu chuyện trò bằng tiếng Ả Rập, nói rất vấp vả, nhưng nhiệt tình say sưa như nhịp điệu của trái tim họ. Giai Nguyên dự định sang năm thi nghiên cứu sinh. Anh động viên Tố Tố, cô gái từ lâu đã thiếu lòng tin.

- Chúng mình không chắc đã thành công, nhưng cứ cố gắng - Giai Nguyên cầm bàn tay Tố Tố, bàn tay

mềm mại nhưng khỏe mạnh. Tố Tố dựa vào vai Giai Nguyên. Mái tóc Tố Tố như dòng nước mưa huyền óng. Ánh sáng đèn đan vào nhau, đung đưa, xoay tròn gợi nhớ những bài thơ. Một bài dân ca Đức cổ xưa: "Có một loài hoa màu xanh có tên là *"Đừng quên mình nhé"*. Bài dân ca Thiểm Bắc: "Những lời tâm tình muốn nói, nhưng sợ người đời cười cho". Những bông hoa màu xanh đang bay lượn trên sóng nước, giữa bầu trời thanh thiên. Sao lại sợ người đời chế giễu? Tuổi thanh xuân cháy bỏng hơn ngọn lửa. Đó là những bông hoa chuông tươi tắn, là đôi mắt ứa lệ của Tố Tố và Giai Nguyên!

- Các người là ai? Bỗng một tiếng quát dữ dội vang lên. Giai Nguyên và Tố Tố nhìn quanh, thấy hai đầu hàng lang đầy những người, có người còn mang cả cuộc xẻng, trục cán bánh nữa. Con người là động vật biết sử dụng công cụ mà. Trông giống như cuộc khởi nghĩa của bộ lạc nguyên thủy vậy.

Bắt đầu một cuộc hỏi cung nghiêm ngặt, thù địch: Các người là ai? Tìm ai? Không tìm ai à? Chỉ để trú mưa thôi à? Vô lý! Hắn các người định làm gì bây giờ đây, lại còn ôm nhau không ra cái thể thống gì. Thanh niên bây giờ hỏng hết, nước Trung Hoa sẽ lụn bại vì các người! Các người làm việc ở đâu? Họ tên? Tên thường dùng là gì?? Các người có mang hộ khẩu, chứng minh thư, giấy giới thiệu không? Sao các người không ở nhà? Tại sao lại không ở với bố mẹ? Không ngồi với cán bộ lãnh đạo, không sống cùng

nhân dân....? Không, các người chưa thể đi được, đừng nghĩ rằng được tự do không ai cai quản các người đâu đấy. Nói mau! Các người đã cạy cửa nhà nào? Sao, các người bảo đây là nơi công cộng hả? Nơi công cộng này là nơi ở của chúng tao chứ không phải của các người. Các người tình cờ chạy vào đây à? Sao lại có thể tùy tiện thế được. Các người không biết xấu hổ, thật là đồ lưu manh! Sao? Chúng tao sỉ nhục các người à? Chúng tao ấy à, đã từng phải đội mũ giấy diều phố, đã từng bị tát tai kia. Còn búống bình hả? Thôi chúng ta không khách khí nữa, đưa dây thừng cho tôi...

Tố Tố và Giai Nguyên rất bình tĩnh. Chỉ vì một phút trước đây, họ còn được hưởng hạnh phúc. Mặc dầu họ đã học được một ít ngoại ngữ, nhưng họ không hiểu được tiếng nói cổ quái của đồng bào thân yêu của mình. Nếu như khùng long mà biết nói, chắc không khó hiểu bằng những lời nói vừa rồi. Hai người cứ tỉnh bơ, lại còn trao nhau nụ cười mai mỉa...

- Chúng ta hành động đi thôi! - Một con "khùng long" dùng cảm nói, nói xong hấn nắp sau lưng một người khác.

- Chúng ta phải thực sự hành động mới được! Càng có nhiều người hưởng ứng và lùi lại phía sau. Nhưng họ vẫn bao vây, phong tỏa lối ra. Tố Tố và Giai Nguyên dù có muốn đi cũng đành chịu.

Đang gay go, bỗng có một dũng sĩ tay cầm một đoạn ống nước hồng kêu to lên:

- Trời. Tổ Tổ phải không?

- Tôi đây - Tổ Tổ gật đầu - chính là tôi.

Sau đó chuyển sang những lời thanh minh là đã lầm - Thú lỗi nhé. Bỏ qua nhé. Bởi lẽ có nhiều trộm cắp nên phải đề phòng. Nghe nói, ở một số nhà xảy ra mất trộm, nên chúng tôi phải đề cao cảnh giác! Chúng tôi cứ tưởng các bạn là... Thật tức cười - Xin lỗi nhé.

Tổ Tổ dần nhận ra chàng thanh niên có bộ tóc dài là bạn học thuở nhỏ, kém cô hai lớp. Anh ta giờ đây béo trắng, trông như chiếc bánh bao vừa ra lò, một loại bánh để quảng cáo. Anh bạn học thời xưa đơn giản mời hai người vào nhà mình chơi:

- Đã đến đây xin mời vào nhà em chơi.

- Rất vui lòng - Sau khi trao đổi với Giai Nguyên bằng ánh mắt, Tổ Tổ nói.

Họ đi theo người bạn thời tiểu học vào cầu thang máy sáng ngời ánh điện. Giờ đây họ đã trở thành khách mời "hợp pháp", là khách mời của một chủ nhân trong tòa nhà này. Cửa thang máy đóng lại, chuyển động âm âm. Cảm ơn anh bạn nhiệt tình, nhờ anh mà an ninh và danh dự của hai người được bảo vệ hoàn toàn. Thang máy xuống rất nhanh, từ tầng 14 xuống tầng 4 rồi tầng 3. Thang máy ngừng lại, cửa mở ra. Họ bước ra, rẽ trái, ngoặt phải. Anh bạn cầm chìa khóa vào ổ khóa với vẻ mặt đầy tự tin của một chủ nhân đích thực, cửa mở, tiếng công tắc tách tách, đèn nơi tiền sảnh và phòng ăn sáng trưng. Bức tường quét vôi quá trắng. Rồi lại cạch cạch, cửa

buồng ngủ mở toang. Ánh đèn đường rọi vào buồng. Tổ Tổ muốn ngăn anh bạn học thời nhỏ đừng bật đèn nữa nhưng đèn đã sáng choang. Mời ngồi. Chiếc giường đôi, một tủ đứng, hai chiếc ghế bành bọc vải giả da màu đỏ, một tủ ly đầy ắp những chai rượu thượng hạng... Anh bạn học thuở nhỏ thao thao bất tuyệt giới thiệu căn hộ mới của mình: diện tích, thiết bị, bố cục. Nước, ấm áp, khí suối ấm mùa đông. Ánh sáng, thông gió và khí cụ cách âm. Phòng hỏa và chống động đất...

- Anh ở đây một mình à? - Tổ Tổ hỏi.

- Vâng - Anh bạn học thời nhỏ đặc ý trả lời, hai tay xoa xoa - Ba tôi đã tậu cho tôi căn hộ này. Ông già cứ giục tôi lấy vợ. Tôi chuẩn bị ngày 1-5 sang năm sẽ "giải quyết" vấn đề đó. Đến ngày đó, các bạn nhất định phải đến đây. Coi như hôm nay mời chính thức đây. Tôi đã tìm được đầu bếp trứ danh, bác của một người bạn thân, hiện đang làm ở sứ quán Pháp tại Trung Quốc. Chúng tôi sẽ kết hợp kiểu nấu miền Bắc và miền Nam, phương Đông và phương Tây. Có một món sơn được thái nhỏ như miến, dưa nguấy thế nào cũng không dứt. Các bạn đừng mua gì nhé. Tôi có đủ hết: giường tủ, đèn bàn, bàn ghế...

- Cô vợ chưa cưới của anh tên là gì? Làm ở đâu?

- À... ở... chưa quyết định.

- Cô ta đang chờ phân công à?

- Không. Tôi muốn nói là chưa biết kết hôn với cô nào. Nhưng dầu sao, tôi sẽ cưới vợ vào trước ngày 1 tháng 5. Chắc chắn là như vậy.

Tình cờ Tổ Tổ cầm lấy quả bóng bay để ở trên bàn trà, sát mạnh vào nệm giả da của chiếc ghế bành rồi tung lên. Quả bóng bay lên dính chặt vào trần nhà, không động dấy. Tổ Tổ ngửa mặt lên, thích thú nhìn "tác phẩm" của mình. Đó là trò chơi cô thích từ bé.

- Trời! Sao nó không rơi xuống nhỉ? Tại sao thế? Anh bạn đồng học thuở nhỏ, kinh ngạc miệng há hốc ra.

- Trò ảo thuật đấy! - Tổ Tổ nói, cô nheo mắt làm hiệu với Giai Nguyên.

Sau đó hai người xin cáo từ. Chủ nhà hiếu khách đưa tiễn ra tận thang máy, nét mặt có vẻ băn khoăn, lo lắng, có lẽ anh ta đang lo nghĩ đến quả bóng vẫn còn dính ở trên trần nhà. Khi rời khỏi tòa nhà sang trọng đó, Tổ Tổ và Giai Nguyên lại phải đương đầu với gió tuyết. Gió vẫn thổi dữ dội, nghe rùng rùng như có ai đang lay mạnh những tấm sắt. Mưa và tuyết rất thân thiết gần gũi với họ, hôn lên mặt, lên tay thậm chí còn chui vào cổ họ nữa.

- Anh thật đáng trách - Giai Nguyên đau xót nói
- Anh bất lực không sao xoay sở được một căn phòng, khiến em phải khổ sở...

Tổ Tổ lấy tay bịt miệng anh, cô cười khích khích, cô cười rất thoải mái và đẹp như bông hoa lựu chưa nở hết.

Giai Nguyên hiểu hết, anh cũng cười. Giờ đây họ thấu hiểu hạnh phúc của họ, họ thấu hiểu cuộc sống

và thế giới này là thuộc về họ. Tiếng cười của đôi bạn trẻ làm cho gió, mưa, tuyết ngừng lại và làm bầu trời thành phố như mặt trời trong đêm tối.

Tố Tố chạy phía trước, Giai Nguyên chạy theo sau. Dưới ánh sáng đèn đường, mưa dường như dày hạt hơn.

- Đây là phố Đại Thị, phố Đại Thị đây rồi! - Tố Tố chỉ tòa nhà khách sạn cao nhất nói.

- Đúng rồi, anh có nghĩ ngờ gì đâu.

- Bắt tay nào, tạm biệt nhé. Buổi tối hôm nay thật thú vị.

- Tạm biệt, ngày mai gặp nhé. Chúng mình phải cố gắng, chúng mình phải thi đỗ đại học.

- Rất có thể. Và chúng ta sẽ có một căn phòng. Chúng ta sẽ có tất cả!

- Chúc có giấc mơ đẹp.

- Mơ thấy cái gì?

- Mơ thấy một cánh diều.

Cái gì? Cánh diều? Giai Nguyên làm sao mà biết được cánh diều?

- Ừa, sao anh lại không biết cánh diều nhỉ. Anh không biết trò chơi thả diều à?

- Ừa, anh biết chứ! Sao anh lại không biết?

Tố Tố chạy lại ôm cổ anh hôn một cái, ngay giữa đường phố. Đôi bạn trẻ chia tay nhau, mỗi người đi về hướng nhà mình. Họ đi đã xa, vẫn cứ ngoái đầu nhìn lại, vẫy vẫy bàn tay.

TRẦN HOÁN SINH RA TỈNH

CAO HIẾU THANH

1

Trần Hoán Sinh có biệt hiệu là "Người nợ như chúa Chổm". Hôm nay bác ung dung đi ra tỉnh. Gió rét đã qua đi, khí hậu ấm dần, gió hiu hiu thổi, mặt trời ấm áp. Trần Hoán Sinh ăn một bụng no, mình mặc áo mới, tay xách một ba lô hành lý, nhét đầy những thứ sạch sẽ. Có thể là sức vóc khỏe, có thể là hành lý nhẹ, nên bác đi rất nhẹ nhàng thanh thoi. Bác người cao, chân dài, thành phố cách nhà 30 dặm đường, có thăm tháp vào đâu. Bình thường gánh một gánh nặng, bác còn không đi xe nữa là hôm nay đi người không, chẳng hề gì. Và lại mặt trời còn cao lắm, vào thành phố còn sớm chán, bác cứ bước từ từ như đi du xuân vậy.

Bác ra tỉnh làm gì, bác ra tỉnh để đi buôn. Mùa màng gặt hái xong rồi, lúa mạch cũng trồng xong rồi, thóc thuê nộp rồi, thóc dư cũng bán rồi, lương thảo đều phân chia xong, nhân lúc nông nhàn, đi ra tỉnh kiếm ít tiền tiêu vặt. Thị trường tự do mở cửa rồi, bác

không đầu cơ, chỉ bán ít nông sản phụ, rất chi là
đàng hoàng.

Bác bán gì? Bác bán quẩy rán. Bột của nhà, mỡ
của nhà, tự tay làm ra. Làm hôm nào rán hôm ấy,
vừa giòn, vừa thơm, vừa béo, so với quẩy bán trong
tiệm, mới làm ăn ngon hơn nhiều. Trong ba lô nhét
đầy bánh quẩy, bọc bằng nilông, có gói năm cái, có
gói mười cái, trông vừa đẹp vừa sạch sẽ. Tất cả có ba
kí bánh, bán hết cũng kiếm được ba đồng lãi. Tiền lãi
đó định làm gì? Định mua một chiếc mũ mới để đội.
Nói thật, từ ba tuổi cho đến bây giờ bốn mươi năm
tuổi rồi mà vẫn chưa mua được mũ. Trước giải phóng
thì nghèo kiệt xác, mua sao nổi; sau giải phóng đang
trai trẻ chẳng cần đến mũ. Từ sau "Cách mạng văn
hóa", bụng có bao giờ được ăn no, còn nghĩ gì đến đội
mũ, bây giờ đã bắt đầu có tuổi, sợ lạnh đầu hay bị
cảm. Đang chẳng biết làm gì, may quá có người cho
một chiếc mũ rách, đội tạm vậy, vì dù sao cũng chẳng
mất tiền. Sau năm 1978, chiếc mũ không cánh mà
bay mất, bây giờ vẫn cảm thấy thoải mái, không cảm
thấy lạnh. Năm nay khác rồi, hai đợt gió mùa về,
lạnh đến rứt đầu rứt cổ, cảm lạnh hắt hơi, người khó
chịu quá, không sắm mũ không được. Việc đó không
khó khăn cho lắm, bây giờ làm ăn dễ dàng, kiếm mấy
đồng bạc dễ ợt, cứ ra tỉnh một chuyến là xong.

Trần Hoán Sinh vô lo vô nghĩ, vẻ mặt tinh thần
khác hẳn xưa. Bác ta khổ quen rồi, bây giờ đã bắt
đầu sung sướng và tin rằng mỗi ngày một sáng sủa

hơn. Bác ta còn điều gì chưa vừa ý? Bác ta thỏa mãn lắm rồi. Trên người bác có da có thịt, trên mặt luôn nở nụ cười. Có khi nửa đêm tỉnh giấc, nghĩ đến trong ang có gạo, trong tủ có quần áo, chẳng kém gì ai, bác ta thích chí ngủ không được, kìm chẳng được, đánh thức vợ dậy chuyện vãn với mình.

Về cái khoản nói chuyện, đó là điểm yếu của Trần Hoán Sinh, với vợ, bác còn nói được vài câu, chứ với người ngoài bác thường lảng lạng không nói. Bác không phải là không muốn nói mà là không sao nói được. Thấy người khác nói đông nói tây, kể tam kể tứ, bác ta thèm lắm. Bác không biết người khác sao lại gặp những chuyện mới mẻ đến thế, sao lại có thể nghĩ được những điều hay đến thế, sao lại có nhiều kinh nghiệm tuyệt vời đến thế, sao lại nhớ được nhiều chuyện li kì đến thế, và sao lại kể hấp dẫn đến thế? Bác chả biết làm thế nào, rõ là mắc bệnh "tắc cổ". Từ trước tới giờ, bác chẳng biết hỏi han cái gì, đi chợ về chỉ biết nói đại loại những câu như: "Hôm nay đông người" hoặc "hôm nay ít người", "chỗ bán lợn có lợn", "rau xanh ế quá bán không được"... Cuộc đời của bác cũng giống cuộc đời của nhiều người khác ở thôn làng, chẳng có gì đặc biệt, người ngoài thấy là biết ngay. Khi kể chỉ kể được những câu đại loại như: "Hồi bé, mẹ đánh đít, còn bố thì thương, "học được đến lớp bốn, giờ quên hết rồi", "năm 1939, đại hạn, nước cạn đến đáy sông, mọi người bắt được nhiều cá", "năm 1949, thay triều đổi đại, đảng cộng sản đánh

bại quốc dân đảng". "sau khi lấy vợ, đẻ được một trai một gái", thế thôi, chẳng có nội dung gì. Bác ta không đọc được sách, xem kịch nghe kể chuyện, chẳng nhớ được gì. Xem xong vở ca kịch "Ba lần đánh Bạch Cốt Tinh", vợ hỏi, bác ta chỉ nói được "Tôn Hành giả rất ác, tất cả đều bị hắn đánh chết". Vợ bác thắc mắc hỏi Bạch Cốt Tinh là ai? Bác đáp: "Là yêu quái biến thành". Thằng cu con bác ta thế mà giỏi, giải thích là: "Bạch Cốt Tinh không phải là do yêu quái biến thành, mà Bạch Cốt Tinh biến thành ma quái". Nó chỉ biết nói thế chứ không biết gì hơn nữa. Bác ta có bao giờ nghĩ ra được cái gì mới mẻ đâu, ví dụ làm ruộng, chỉ biết nói "Trồng mạch dùng cuốc, cuốc vỡ vụn đất ra...". Chả ai thèm nghe. Ngay đến cái nghề làm quấy này, cũng không phải do bác tự nghĩ ra. Có nhiều người đã làm rồi, dùng bột loại nào, gia công ra làm sao? Đóng gói thế nào? Giá bán bao nhiêu? Lãi lãi thế nào? Bán lúc nào thì được đông khách, bán chạy?... đều học của người ta hết. Thế mà bác ta còn khoe với mọi người, thì thật là tức cười! Có một số người hay trêu bác: "Này, đến vua chúa chễm cũng biết làm à? Tìn mới đấy". Bác không dám hé miệng nói nữa câu.

Đến nay, về điểm này, bác thấy mình kém hẳn người ta một cái đầu. Chiều tà nhân rồi, mọi người tụ tập tán chuyện, bác chỉ nghe không nói, người ta nói cũng không nói cho bác nghe, vì biết là bác không biết chuyện trò, họ coi bác như không có mặt vậy.

Bác rất tự ti, nên rất ái mộ mọi người. Bác không biết trên đời này có danh từ "thế giới tinh thần", nhưng cuộc sống khá già một tí, bác ta lại khao khát cuộc sống tinh thần. Đâu có hát bác thích đến nghe, đâu có diễn kịch bác thích đến xem, không xem không nghe, bác cảm thấy buồn. Có một lần đang nói chuyện, có người đưa ra câu hỏi: "Trong đội anh phục ai nhất?", bác ta hơi bực nhưng cũng đáp: "Lục Long Phi là "hận" nhất". Mọi người không hiểu hỏi lại: "Một người kể chuyện thì "hận" anh ta cái nỗi gì?". Bác ta đáp: "Chính vì anh ấy kể chuyện rất hay nên tôi phục cái mồm anh ấy". Mọi người cười ồ lên!

Thế là từ đấy, bác ta xấu hổ quá, sao mình lại vụng về thế, nói ra để mọi người cười cho, từ đó trở đi không nói là hơn. Bác ta nghĩ từ nay chỉ kể những chuyện gì mà mọi người chưa biết thì mới hay.

2

Tất nhiên, ý nghĩ ấy của Trần Hoán Sinh nó thường ẩn ở góc nào đó trong đầu, khó mà bật ra được, chỉ khi nào lúng túng khó xử, những ý nghĩ đó mới bật ra. Ví dụ bây giờ ra tỉnh bán quấy, liền nghĩ ra mua chiếc mũ.

Mặc dù đi rất chậm, đến được thành phố cũng chỉ chưa đến 6 giờ chiều. Bác ta chưa vội bán hàng, tạt vào quán nước trước đã, móc tiền mua cốc trà

nóng, gặm mấy miếng bánh khô mang từ nhà cho đầy cái bao tử rồi mới đi ra ga xe lửa. Vừa đi vừa ngắm hàng quán, gặp công ty bách hóa liền tạt vào xem có cái mũ nào vừa ý không, qua mấy lần tìm, cuối cùng bác ta cũng chọn được cái mũ ưng ý. Nhưng sực nhớ ra, bác vỗ đít một cái, có mang tiền theo đâu! Vốn là định bán xong hàng xem lời lãi thế nào đã rồi mới mua mũ, không ngờ chưa bán được hàng đã muốn mua mũ ngay; nhưng đợi có tiền thì ngày mai mới mua được mũ mất. Vả lại qua đêm ở thành phố sao được, có người quen nào đâu, từ trước tới nay có bao giờ bác đi qua đêm đâu. Khéo lần này không mua được mũ, đành phải đầu trần chịu rét mất thôi.

Gặp rắc rối, lòng bác buồn buồn, vừa đi vừa thấy lạnh đầu, càng thêm ảo não. Đến được ga xe lửa đã hơn 8 giờ. Còn sớm chán, nhưng đã đến nơi thì phải chọn một nơi, bỏ ba lô xuống, bày hàng ra. Lúc này ở sân ga khá đông người, nhưng Trần Hoán Sinh biết chẳng có ai mua đâu, vì buổi chiều họ đều ăn no đến đây đợi tàu, chẳng ai mua quẩy làm gì, trừ khi có trẻ con thèm ăn thì người lớn mới mua mà thôi. Chỉ khi nào tàu đến, khách lên xuống họ mới mua đông. Bác ta biết 9 giờ 40 và 10 giờ rưỡi mới có tàu đến, lúc ấy quẩy của bác sẽ bán được hết, bởi vì gần nửa đêm hàng quán thu dọn hết, khó mà mua được thức ăn, khách đói tự nhiên là tranh nhau mua quẩy của bác. Nếu 10 giờ bán không hết, thì còn chuyển tàu 11 giờ

và 12 giờ khuya, nhưng quá muộn. Trần Hoán Sinh muốn về sớm một tý, kéo cả đêm không ngủ, lại phải đi cả 30 dặm đường về mệt chết.

Quả nhiên không sai, kinh nghiệm đúng như vậy, sau 10 rưỡi, bác ta đã bán hết hàng. Hành khách xuống tàu ào đến, tay nắm tay mười chọn lấy chọn để, khiến Trần Hoán Sinh tối tăm mặt mày, bán hết đếm tiền, lỗ mất ba hào. Sợ rồi trí đếm nhầm chẳng, bác ta đếm lại vẫn thấy thiếu ba hào. Chắc là có đứa tham lam lấy quấy không trả tiền rồi. Bác ta thở dài buồn bã. Bác cũng hiểu rằng có một số người mua quấy, chỉ muốn ăn mà không chịu móc tiền túi ra nên thường có trò bịp bợm, vì vậy bác ta nhủ mình phải hết sức chú ý, nhưng vì hai tay chọi sao được bốn mắt, hai mắt làm sao nom nổi bốn phía, nên mất vẫn hoàn mất. Thôi đành vậy, dầu sao ba đồng vốn vẫn còn đây.

Bác ta thở dài, định đứng dậy quay về nhà. Nào ai ngờ vừa đứng dậy, hai chân mềm nhũn, đầu gối run lấy bầy, không còn sức lực nữa. Bác ta sợ quá, đúng là ốm rồi? Vừa rồi mới bán hàng, tinh thần căng thẳng, nên chưa thấy, giờ hết hàng rồi mới thấy toàn thân mệt mỏi. Cái họng vốn khàn khàn, nghĩ rằng do rao hàng, do mặc cả, nên khàn giọng, còn bây giờ họng rất như lửa cháy, mũi cũng nóng bừng. Sờ đầu đúng là sốt rồi, một cơn gió lạnh thổi sờn cả da gà rất khó chịu. Không biết làm thế nào, bác ta chỉ muốn kiếm một cốc trà nóng uống cho đỡ khát.

Lúc này hàng quán đã dọn hết rồi, bác muốn đi đến nhà ga kiểm quây nước công cộng may ra thì còn nước trà, bác liền cố lê đi mấy bước nữa. Đến nơi mở vòi, nước nóng thì còn nhưng không tìm được cốc. Hiện nay người ta rất chú trọng đến vệ sinh, hành khách đều tự mang ca cốc theo, nhà ga đỡ phải lo, nên cốc không có sẵn nữa. Trần Hoán Sinh cũng chẳng để ý đến vệ sinh vệ sọt gì, hai tay hứng vòi nước uống sùm sụp. Nước vòi cũng hơi nóng, nhưng bàn tay bác còn nóng hơn, nên vẫn chịu được, uống được mấy ngụm, thấy đã đỡ khát. Nhưng nghĩ đến chuyện trở về nhà, thấy sao muôn ngàn vất vả. Bình thường, 30 dặm bác bước mấy bước là về đến nhà ngay, còn bây giờ thấy nó dài đến 10 vạn 8 ngàn dặm ấy, khó mà đi nổi. Bác ta đành tìm một chỗ ngồi xuống ráng chịu đựng. Cảm thấy cơ thể này của mình là do quên mang tiền mua mũ, nên mới bị nhiễm lạnh mà ốm. Rõ là sai một li đi một dặm, bây giờ lên không được mà ngồi xuống cũng không được, tiến không được mà thoái cũng không xong, ngồi chết dí ở đây thật rõ khổ! Nhỡ ra ốm nặng phải uống thuốc, ở đây không thân thích, thì nguy đến tính mạng chứ chẳng chơi! Nhưng lại nghĩ, ta, Trần Hoán Sinh đường đường là một đấng trượng phu, suốt đời trong sạch, tự vấn lòng không có gì đáng xấu hổ, có chết cũng nhắm mắt được; sống ở trên đời làm ruộng mấy chục năm chỉ được mùa mà chưa hề thất bát bao giờ, thời gian ngày rộng tháng dài, cần gì phải vội! Nghĩ

đến đây Trần Hoán Sinh mặt mày hớn hở, miệng bác ta khô không khóc, cười không thành tiếng, mép kéo lệch về hai bên, lộ ra nụ cười. Tay phải đang vịn vào thành ghế, từ từ nâng lên, như được nghe một khúc nhạc vui rất hay, bác ta vỗ vỗ vào lòng bàn chân phải, thở một hơi nhẹ nhàng, đầu ngã vào thành ghế nằm gục xuống.

3

Vừa tỉnh dậy, trời đã sáng tỏ. Trần Hoán Sinh chân tay mỏi nhừ, đầu vầng không mở được mắt, cổ ngựa ho sù sụ mấy tiếng. Bác mệt mỏi không thêm mở mắt, trở mình một cái, rồi lòng dạ bồn chồn. Bác ta lấy tay sờ khắp người thấy mềm nhũn; vội bò dậy cúi đầu nhìn thì rõ ràng là mình đoán không sai, mình đang nằm ngủ trên cái giường, giát làm bằng dây cây cọ. Trần Hoán Sinh giật mình, vội nằm ngay ngắn, nhắm mắt lại, nghĩ xem tại sao mình lại đến chỗ này. Bác hình như nhớ ra, nhưng sau lại thấy mơ hồ không nhớ được, cứ nằm vắt óc mãi sau mới nhớ được ra vừa rồi có bí thư huyện ủy Ngô và chiếc xe của ông ta. Thế là Trần Hoán Sinh lần ra manh mối.

Thì ra Trần Hoán Sinh thật hên, mắc phải tai nạn, gặp đáng cứu tinh. Bác ta sốt cao, nằm ngủ li bì rất lâu, ngoài cửa phòng chờ tàu có một chiếc xe

zeep, trên xe chở đồng chí bí thư huyện ủy Ngô Sở. Bí thư Ngô định đi tàu hỏa chuyến 12 giờ 15, lên tỉnh để họp hội nghị vào ngày mai. Khi đến ga xe lửa thì mới có 11 giờ 40. Ngô Sở không vội, ông xuống xe đi đi lại lại trong nhà khách chờ tàu, còn anh lái xe thì cứ chờ đợi Ngô sở ra ke rồi mới về, kéo nếu có chuyện gì thì lại tìm không ra người. Vì là ban đêm, phòng chờ khách không đông, Ngô Sở vừa mới đi được nửa vòng, liền phát hiện ra Trần Hoán Sinh đang ngủ. Ngô Sở bất giác bật cười, vù gật vừa rồi ông đã xuống công tác tại đội sản xuất của Trần Hoán Sinh, nên vừa nhìn đã nhận ra liền. trong bụng nghĩ một người trung hậu thật thà hay lam hay làm sao lại ngủ ở đây? Nếu định đi tàu thì lỡ tàu mất. Ngô Sở liền đánh thức bác ta dậy, lay lay bỗng phát hiện ra dưới vế đùi bác ta có cái túi lép kẹp, bụng nghĩ hổng rồi, chắc đồ đạc bị mất cắp hết rồi chăng? Vội lay thật mạnh, bác ta vẫn không tỉnh. Do gần gũi với người nông dân quen rồi, Ngô Sở bèn nghĩ ra cái trò là bóp mũi bác ta; đồng thời sờ trán bác thấy nóng rất cả tay, mới biết là bác ta ốm nặng, vội đỡ bác ta dậy, lúc ấy bác ta mới tỉnh.

Những sự việc này, Trần Hoán Sinh đương nhiên là không nhớ. Bảy giờ nghĩ lại, biết mình sau khi nhìn thấy bí thư Ngô, liền ôm chặt lấy ông. Nghe bí thư Ngô hỏi: "Sao bác lại đến đây?". Bác liền sờ cái ba lô. Bí thư Ngô hỏi: "Anh bị ốm à?" Bác gật đầu. Bí thư Ngô hỏi: "Những đồ đạc trong ba lô đâu?". Bác

chỉ cười. Bấy giờ nói những gì? Có trả lời hay không? Bác đều không nhớ nữa. Chỉ nhớ rằng hình như bí thư Ngô hiểu hết ý tứ của mình, liền cùng đồng chí lái xe dìu bác lên xe. Xe đi một đoạn, đến trạm y tế của một cơ quan nọ, đỗ bác xuống xe, đi vào, thấy một người mặc áo bờ lu, biết ngay là bác sĩ. Người bác sĩ kia khám cho bác xong, đoạn vừa cười vừa nói với bí thư Ngô mấy câu (bị cảm nặng, nhưng không sao), rồi rót cốc nước cho bác uống mấy viên thuốc, lại gói thêm một gói thuốc nữa đút vào túi cho bác, không lấy tiền, giúp bí thư Ngô đưa bác lên xe, và ân cần dặn dò: "Ở đây chúng cháu không có giường, bác đến nhà khách, tìm một nơi yên tĩnh ngủ một giấc là khỏi". Xe lại lăn bánh, bí thư Ngô bảo anh lái xe: "Còn 13 phút nữa, hãy đưa tôi ra ga trước, rồi đưa bác ấy tới nhà khách sau, tìm cho bác ấy một căn phòng đơn, cứ bảo là bạn của tôi".

Trần Hoán Sinh nhớ đến đây, thấy tim mình đập kêu to hơn cả tiếng chuông, nhắm mắt lại một giọt nước mắt lăn ra, ngừng ở đuôi mắt một tích tắc rồi chảy ròng ròng. Ông bí thư này thật là tốt, kính trọng Trần Hoán Sinh, coi mình là bạn, hề thấy ai hoạn nạn liền dân thân, rút dao giúp đỡ, cứu được mạng sống của Trần Hoán Sinh, thật là hiếm có! Bác nghĩ giữa mình và bí thư Ngô Sở thật ra chưa phải là thân tình, chẳng qua chỉ mới quen biết mà thôi. Nếu nói chuyện đi lại riêng tư, thì cả đời chỉ có mỗi một lần. Nhớ mùa gặt năm ngoái, Ngô Sở có đến đội sản

xuất ở ít ngày, một hôm ông bỗng sục vào nhà tui ăn cơm, nghe nói là để tìm hiểu cuộc sống của "người nợ như chúa chổm" đã được cải thiện đến đâu rồi. Ông ta còn mang một cân kẹo chia cho bọn trẻ con. Tính chi lý ra, số kẹo đó chỉ bằng tiền hơn hai bữa cơm, đó chưa thể gọi là thân tình được! Nói đi nói lại thì bí thư Ngô làm quan mà vẫn không quên người dân chúng tui.

Trần Hoán Sinh ngẫm nghĩ một hồi, lòng thấy ám áp, nước mắt cay cay, liền chui vào mép chăn. Đoạn mở mắt ngắm nghía chỗ ở của mình. Thì ra ở đây trong phòng tất cả đều mới tinh, sáng bóng, trần nhà trắng lóa cả mắt, tường bốn bên đều sơn xanh cao hơn đầu người, trên nữa đều sơn trắng, nền nhà lát gỗ véc ni bóng nhoáng, soi gương được. Một chiếc tủ quần áo bằng gỗ đàn tía, năm ngăn, một bàn viết màu vàng côm, hai chiếc ghế rất đặc biệt, to hơn ghế thái sư, ngoài bọc da gì không rõ. Nhìn lên giường, đệm hoa chân mới, mới cả trong lẫn ngoài và cả ruột bông cũng mới. Trần Hoán Sinh bất giác nằm co rúm lại ở trong chăn. bác ta biết người mình (nhất là đôi chân) không được sạch cho lắm, sợ làm bẩn chăn đệm... Sau đó, bác ta khẽ khàng bò dậy, nhẹ nhàng mặc quần áo, không để gây ra một tiếng động nhỏ, như một thằng ăn trộm sợ người ta phát giác tóm đi. Bác tuột khỏi giường, tay ôm giày, cứ chân không định chạy ra, nhưng rồi quay lại ngó đôi ghế bọc da, đi đến gần sờ sờ, nhẹ nhàng ấn ấn, biết là bên trong

có lò xo nhưng không dám ngồi, sợ xẹp làm hỏng ghế. Cuối cùng bác khẽ mở cửa phòng, bước ra khỏi phòng.

Ra đến hành lang bàn chân lạnh cóng, nhìn thấy mọi người đều đi giày, cảm thấy chẳng gì phải ngượng, cũng xỏ giày đi vào. Bụng nghĩ bí thư Ngô đối xử với mình quá tốt, nơi này đâu phải chỗ ở của mình! Từ lâu nghe tiền thuê phòng ở nhà khách rất đắt, mình chẳng có nơi nào để thanh toán cho, gian phòng sang trọng như thế này, không biết giá bao nhiêu, khéo chừng ở một đêm đi tong số tiền định mua mũ thì gay! Bác ta lo lắng bồn chồn, vội đi hỏi cho rõ. Dứt khoát phải đi thôi, phải đi trả tiền phòng cái đã.

Bác ta đi đến chỗ người tiếp tân, thấy một cô gái đang đọc báo, hỏi:

- Đồng chí ơi, thanh toán cho tui!

- Ở phòng số mấy? - Cô gái kia mãi đọc báo nói, không ngẩng đầu nhìn bác.

- Không biết số mấy, tui ở phòng cuối phía đông kia kìa.

Cô gái vội bỏ báo xuống nhìn bác, giọng ngọt ngào, cười nói:

- Bác là người hôm qua bí thư cho xe chở đến phỏng? Bác đã khỏe chưa ạ?

- Không sao, tui muốn về.

- Sao vội thế? Bác với bí thư Ngô là bạn chiến đấu cũ phải không ạ? Bác bây giờ công tác ở đâu? -

Cô gái dịu dàng hỏi bác, đồng thời đưa tấm phiếu đã viết sẵn cho bác. Tiếng cười mới ngọt ngào làm sao! Trần Hoán Sinh ngắm nhìn cô ta, xinh thật!

Nhưng vừa cầm tờ phiếu, cúi xuống nhìn, Trần Hoán Sinh tay như bị bỏng. Bác đọc được mấy chữ này nhưng vẫn không tin. "Bao nhiêu?". Bác thắc mắc quá, khắp người nóng ran lên.

- "Năm nhân dân tệ".

"Một đêm?". Bác toát mồ hôi.

- "Là một đêm năm nhân dân tệ".

Tim Trần Hoán Sinh đập thình thịch như trống làng. "Trời ơi". Bác nghĩ: "Tôi vốn sợ đi tong một chiếc mũ, ai ngờ mất những hai cái".

- Bác vẫn chưa khỏi bệnh, còn đang đổ mồ hôi đấy! - Cô gái kinh ngạc nói.

Chẳng biết mô tê thế nào, Trần Hoán Sinh nói một câu khó nghe: "Tui nửa đêm mới đến mà!".

Cô gái thấy bác là người gần gũi, không cười nữa, lời lẽ cũng không ngọt ngào nữa, cô ta nói như dao chém thót kêu "canh canh".

- Bất kể bác đến lúc nào, giáp ất gì cứ đến 12 giờ trưa hôm nay đều tính một ngày.

Câu nói có giọng khách khí, chứ chưa phải là chế giễu bác, vì cô ta còn nể mặt bí thư Ngô.

Trần Hoán Sinh thấy mặt cô ta lạnh như tiền, biết là mình lỡ lời làm cô ta tức giận, nên chẳng dám mở miệng nữa, chỉ thò tay vào túi móc tiền ra, đoạn đếm

đến ba lần mới đủ 5 nhân dân tệ. Khi đưa tiền cho cô gái, tờ bạc ngoài cùng đã ướt đẫm mồ hôi.

Cô gái đang tiếp tục xem báo, thấy nhiều tiền lẻ, càng chau mày, nhưng cô vẫn nhận, không nói gì.

Trần Hoán Sinh trả một đồng tiền lớn mà cô gái vẫn không vui, trong lòng hơi bức. Vốn định đi ngay, nhưng nhớ ra chiếc ba lô vẫn còn để quên trong phòng ngủ, liền quay lại.

Mở cửa phòng, thấy sàn nhà bóng loáng như gương soi, do dự đứng lại. "Có nên bỏ giày không nhỉ?" Thoắt đổi ý, bức bối nghĩ: "Mất những năm nhân dân tệ kia mà!". Bần mặc, cứ rảo bước đi vào, ngồi chễm chệ lên chiếc ghế "thái sư" có lò xo: "Mặc kệ, ngồi xếp ghế cũng chẳng liên quan gì đến mình, mất những năm tệ kia mà!".

Bác ta thấy túi bụng, lần trong túi xách còn thừa chiếc bánh đã khô, lấy ra cắn một miếng, thấy có phích nước nóng liền rót một cốc ăn cùng với bánh. Quay lại ngó chiếc ghế vừa ngồi thấy ghế vẫn không xếp liền cố ý đứng thẳng người lên rồi thả mông dật xuống đánh rầm một cái... làm ba lần như vậy mà chẳng thấy hỏng, lúc ấy mới tin quá là đồ xịn. Cứ yên tâm ngồi gặm bánh, thấy rất thoải mái. Đầu óc tỉnh táo, hết cả sốt, rõ ràng là nhờ trận toát mồ hôi vừa rồi. Bác ta là người biết điều, lúc này đang hưng phấn nghĩ: "Của đi thay người - năm tệ đó coi như tiền thuốc vậy".

Ăn xong bánh, nghĩ lại thấy tiếc rẻ, xót xa quá, những năm nhân dân tẻ! Tối qua, ở cửa hàng bách hóa chiếc mũ chỉ có hai tẻ ruồi một cái, thế mà ngủ một đêm mất toi hai cái mũ! Đến triệu phú cũng không dám hoang phí thế nữa là mình chỉ là một xã viên nông nghiệp, năm ngoài mỗi công là 7 hào, ngủ một đêm mà phải làm bảy ngày công, cộng thêm một hào nữa mới đủ. Thật là buồn cười! Từ nửa đêm hôm qua đến bây giờ, tổng cộng chỉ có bảy, tám tiếng đồng hồ, gần như là một giờ, phải làm một ngày công, đất chết người! Thật là cái sầy này cái ung. Ai bảo đùa mồm lại chời mồm son! Bây giờ đến nước này, như cô gái kia bảo có thể ở đến 12 giờ trưa, thế thì cứ ngủ đi, ngủ đến 12 giờ hãy đi, mất tiền tội gì mà không hưởng. Đúng, đó là một ý hay.

Trần Hoàn Sinh là loại người biết nhìn xa mà, nghĩ rằng đúng là làm tấp lự, nhưng vừa mới ra mồ hôi, ăn bánh xong, mặt mồm đều bẩn, muốn có một cái khăn mặt để rửa, nhưng không có. Bụng chợt nghĩ ra liền lấy khăn trải gối lau mặt, thế rồi quần áo cứ thế không cần cởi leo lên giường lấy chăn đắp. Lần này chẳng sợ làm bẩn chăn đệm nữa, bỏ ra những năm tẻ cơ mà - cho dù có biến căn phòng này thành chuồng lợn cũng đáng đời!

Nhưng bác nào có ngủ được, bác nhớ đến bí thư Ngô. Con người này tốt thật, rất quan tâm đến mình, nhưng không biết rằng mình là con người không chịu được sự quan tâm cao cấp như thế này. Ông ấy còn

vội lên tàu hỏa, làm sao mà nghĩ cho thấu đáo được! Cái đáng trách là trách mình sao không mua mũ trước để đến nỗi cảm lạnh, không sao nhúc nhích được nên mới gặp phải bí thư Ngô, mới phải ở nhà khách, mới tiêu hết tiền lãi bánh quẩy, ngay tiền vốn cũng cụt mất hơn một tệ... Thế thì, có còn mua mũ nữa hay không? Bác dứt khoát: mua, không mua, còn xúi quẩy nữa!

Nghĩ đến bánh quẩy, thấy bụng lại đói cồn cào. Mẩu bánh khô vừa rồi chẳng thấm vào đâu; tiếc rằng tối qua đắt hàng, quẩy bán hết sạch, giá còn ế mấy túi thì hay biết mấy. Bây giờ hồi hận đã muộn rồi, lại leo lên giường ngủ tiếp, nhưng càng thấy đói, trong người không có tem lương thực, bữa trưa đi ăn ở đâu được! Đến lúc ấy đói quá bước không được, lẽ nào lại phải ngủ lại đây thêm một đêm nữa? Hoảng quá, hai chân đạp tung chăn, bèn xách ba lô mở cửa đi ra ngoài. Nơi này tuy dễ chịu thật, nhưng không thể ở mãi được, tuy còn hai, ba giờ nữa mới phải đi, nhưng thôi đành bỏ.

Bác ra cửa, không biết đi đâu, bèn đi thẳng tới cửa hàng bách hóa, bỏ ít tiền vốn bán quẩy ra mua một chiếc mũ, liền đội lên đầu rồi đi nghênh ngang.

Trên đường nhìn cánh đồng bát ngát, nên đi không thấy mệt lắm. Sắp đến nhà rồi, bỗng nghĩ đến chuyện này đi mất cả chì lẫn chài, vốn lãi đều tiêu hết, lát nữa gặp vợ biết nói làm sao? Thế nào cũng bị quát, phải nghĩ cách đối phó mới được. Nói thế nào

nhỉ? Nói là thua hết. Không được, mình có đánh bạc bao giờ. Nói là ăn hết. Cũng không được, mình có ăn liều lĩnh thế bao giờ. Thì nói là mình bị mất hết. Không được, mình không cẩn thận, vẫn cứ bị mất. Thì cứ nói là mình làm từ thiện cứu tế người ta. Không đúng, từ trước tới giờ mình vẫn được người ta cứu tế giúp đỡ. Hay là nói mình cho gái. Ôi, càng không được, bà ấy đánh ghen thì chết... Làm sao bây giờ?

Trần Hoán Sinh tự hỏi tự trả lời, nghĩ trước nghĩ sau, nghĩ mãi vẫn thấy không ổn. Bỗng trong bụng lóe sáng liên vồ đuôi, sung sướng reo lên: "Có cách rồi!". Bác ta nghĩ chuyển ra tỉnh lần này là cả một lộ trình hấp dẫn. Năm nhân dân tệ tiêu thật đáng đời. Bác có những điều đáng tự hào để kể cho dân làng nghe. Thử hỏi, cán bộ, xã viên, của toàn đại đội có ai được ngồi xe của bí thư nào? Ai được ở trong phòng cao cấp một đêm giá 5 tệ nào? Bác sẽ kể cho mọi người nghe, xem ai còn bảo bác không biết kể chuyện nữa hay không? Xem ai còn dám bảo bác không hiểu đời nữa hay không? Xem ai còn dám khinh thường bác nữa hay không? Hừm! Bác ta mỗi lúc một phần chấn, phút chốc thấy mình cao lớn lên rất nhiều. Người vợ thì bác ta coi thường rồi. Bác đã có cách đối phó, chỉ cần nhắc đến tên bí thư Ngô, nói bí thư Ngô thấy bác tiêu 5 tệ là xứng đáng, không coi thường bác nữa, thế là vợ bác phải phục rồi. Ha ha, khi con người ta đã đắc ý thì chỉ cần 5 nhân dân tệ cũng mua

được sự thỏa mãn về tinh thần, thật là vô được một món hàng rất bổ. Bác khoái trái, sỏi dài bước, bước đi như một trận gió mát thổi đến cửa nhà...

Quả nhiên, từ đấy trở đi, thân phận của Trần Hoán Sinh đã được nâng rất cao, không những người trong làng thích nghe bác kể chuyện, mà cả đến cán bộ trong đại đội sản xuất cũng có thái độ nể nang bác. Và khi lên phố, sau lưng bác có người trở bác nói với mọi người rằng: "Bác ta đã được ngồi xe của bí thư Ngô đấy" hoặc nói: "Bác ta đã được ngủ phòng khách cao cấp một đêm giá năm nhân dân tệ đấy". Nhân viên lo chạy vật liệu của nhà máy nông cụ của công xã một lần gặp bác cũng vỗ vỗ vai bác nói:

- Tôi chưa có vinh dự được ở nhà khách như bác, cũng chưa được bước chân vào gian phòng cao cấp như bác.

Từ đấy, Trần Hoán Sinh dương dương tự đắc, làm việc gì cũng thấy hăng hái hơn trước.

*(Truyện được giải thưởng
"Truyện ngắn hay toàn quốc Trung
Quốc" năm 1980).*

CÂU CHUYỆN VỀ CÁI CƯỜI

PHÙNG KÝ TÀI

VÀI LỜI GIỚI THIỆU

Văn học đương đại Trung Quốc rất đa dạng về phong cách và thể loại. Về tiểu thuyết có tiểu thuyết phản tư (nhìn nhận lại), tiểu thuyết vết thương (nói về vết thương lòng trong cách mạng văn hóa), tiểu thuyết can dự cuộc sống, tiểu thuyết cải cách, tiểu thuyết tâm can (tìm về cội nguồn), tiểu thuyết kỹ thực v.v...

Truyện *"Câu chuyện về cái cười"* giới thiệu dưới đây của nhà văn Phùng Ký Tài thuộc thể loại tiểu thuyết kỹ thực. Kỹ thực là ghi chép đúng sự thật. Tác giả nói: *"Tôi có ý ghi lại sự từng trải của người dân bình thường, bởi vì chỉ có sự chân thật của người dân nhỏ bé dưới đây mới là chân thật ban đầu của cuộc sống. Cứ ghi chép theo lời kể của họ, không hề tô vẽ và hư cấu, tôi chỉ muốn độc giả biết rằng có một số người ở trên thế gian này đã từng thế này hoặc thế kia đi qua "cách mạng văn hóa" đến nay..."*.

Phùng Ký Tài sinh năm 1942 tại Chiết Giang. Ông là nhà văn kiêm họa sĩ, từng đoạt nhiều giải thưởng văn chương của toàn Trung Quốc.

Tôi tin vào cách nói của nhà tâm lý học: Trong "Hi, nộ, ai, lạc", thì cười là nhiều nhất. Buồn bã và giận dữ biểu hiện trên nét mặt thì chỉ có mấy bộ dạng mà thôi, còn các kiểu cười thì nhiều vô kể. Anh cứ nhắm mắt lại ngẫm nghĩ về các kiểu cười mà xem, phong phú lắm! Ví dụ cả cười, cười mỉm, cười ngốc nghếch, cười điên dại, cười ruồi, cười nhếch mép, cười nhạt, cười lạnh lùng, cười phá, cười đau khổ, cười giả vờ, cười châm biếm, cười nịnh, cười gian, cười dâm, cười khinh miệt, cười ngượng ngùng, cười bất đắc dĩ... Vâng, lại còn kiểu cười da cười mà thật không cười... chưa hết, cười ra nước mắt, dở khóc dở cười, cười mà như không cười!

Con người biết cười và có nhiều kiểu cười, nhưng anh rể tôi lại không biết cười. Rõ là người quái dị, anh ấy không biết cười!

Người đầu tiên phát hiện, đó là thiên tài. Chị tôi tuyệt nhiên không phải là thiên tài. Chị tôi là giáo viên dạy toán, chị chỉ hứng thú, nhạy cảm với con số mà thôi, còn đối với con người thì chị quá hồ đồ, nếu không thì sao mãi hai sáu, hai bảy tuổi mới biết yêu. Người đầu tiên phát hiện ra anh rể tôi không biết cười là Tiểu Ngụy, cán bộ chính trị của trường chị tôi. Khi hấn bảo cho chị hồ đồ của tôi biết cái phát hiện thiên tài ấy, chị tôi cãi lại:

"Cậu chỉ gặp anh ấy có một lần ở nhà tôi, còn tôi quen biết anh ấy gần một năm rồi, sao mà lại không biết? Nói anh ấy quá hiền, không hay nói thì đúng.

Còn nói anh ấy không biết cười thì là nói bậy! Ai lại không biết cười bao giờ!".

Bấy giờ chị tôi đang yêu anh đến phát điên phát dại, hàng ngày cứ tan tầm là hai người lại quấn quýt bên nhau. Người dạy toán lý hóa, người tư duy lý luận, hễ sa vào lưới tình thì hồn siêu phách lạc, đắm đuối hơn chúng ta rất nhiều. Mối tình đầu là giai đoạn duy nhất của đời người làm cho tâm hồn ta xao xuyến, gây cho ta một ảo giác kỳ lạ. Lời nói của Tiểu Ngụy như một bàn tay đánh thức chị tôi từ trong ảo giác tỉnh dậy. Chị suy nghĩ nghiêm túc mà vẫn không tưởng tượng được cái kiểu cười của anh ấy ra làm sao. Chị rấp tâm thủ xem người yêu của mình có biết cười hay không. May quá hôm ấy là ngày sinh nhật của anh, chị chạy đến cửa hiệu mua một con lợn đất rất ngộ nghĩnh, trên mõng nó có một cái còi, bóp một cái là kêu toe toe. Chị lấy giấy màu bọc lại, giấu vào trong túi áo, ngay đêm ấy hẹn gặp nhau ở trước cửa vườn hoa Hải Thiên. Chị dẫn anh ấy đến dưới ngọn đèn đường để nhìn cho rõ mặt anh. Chị nói: "Em tặng anh một món quà đặc biệt". Nói rồi chị vui sướng nhìn anh chằm chằm, bụng nghĩ anh ấy sẽ lộ ra vẻ vui sướng hoặc mỉm cười háo hức. Nhưng anh hỏi lại:

- Em định tặng anh món quà quý gì đấy?

Quả đúng là anh ấy nói vậy. Lần đầu tiên chị tôi phát hiện ra da mặt của cái lão này như mặt sông đóng băng, không nhếch mép cười bao giờ.

Chị tôi sa sầm nét mặt, lấy gói quà từ trong túi ra, cố làm ra vẻ vui vẻ nói:

- Cho anh đây, mở ra mà xem!

Nếu như thằng cha này nhìn thấy con lợn đất mà cũng không cười thì là hết! Thế là số phận của chị tôi phải gắn với cái bộ mặt không biết rung cảm rồi!

Sau này chị tôi kể lại với tôi rằng, chị hồi hộp quá, tim đập thình thịch, dường như cái gói mà anh ấy sẽ mở là quả lựu đạn hẹn giờ. Điều khó mà tưởng tượng nổi đã xảy ra: Thằng cha ấy mở gói giấy màu sặc sỡ, như bóc một phong thư của một người xa lạ gửi đến vậy. Thấy con lợn đất béo ị, anh ta bóp còi, kêu toè một tiếng, bất cứ ai cũng phải bật cười, thế mà anh ta chỉ tỉnh bơ: "Hi hi, ngộ thật, ngộ thật". Cái bộ mặt lạnh lùng kia như hai cánh cửa đóng chặt, gõ cũng không động, trên cánh cửa còn có chiếc khóa, còn dán nhãn niêm phong, thật là đúng cách thể hiện tình cảm của một người tàn tật!

Chị tôi chạy về nhà khóc rưng rức.

Anh rể tôi rõ là... Thôi không nói nữa. Anh là đứa con mồ côi. Thế giới của con côi là một mảnh ruộng hoang. Khi vào đại học thì vừa đúng phong trào "trăm nhà đua tiếng" năm 1957. Nghe nói anh ấy vương chút gì đó, nhưng lúc bấy giờ chính trị quyết định tất cả, có cô gái nào dám dính dáng đến anh nữa - mảnh ruộng ấy đã bị chua mặn rồi.

Nếu thành phần xuất thân không có vấn đề thì làm sao lại bị phân phối đến công ty mậu dịch ngoại

thương công tác. Anh đến trường chị tôi phụ đạo tiếng Anh, vô tình gặp chị tôi, chỉ một thời gian thôi hai người bắt đầu yêu nhau. Tình yêu như hạt giống gieo vào mảnh đất chưa mặn khô cằn, nên anh vô cùng sung sướng cảm kích. Tình cảm của anh đối với chị tôi bao hàm lòng biết ơn, vì vậy chị được anh yêu quý, quan tâm, săn sóc bội phần.

Sau khi chị tôi phát hiện ra anh ấy không biết cười, chị đã định chia tay với anh, nhưng mấy lần hạ quyết tâm, chưa được ba ngày đã đứng ngồi không yên, như có quỷ thần sai khiến lại gọi điện cho anh, hẹn gặp anh. Khi hai người thể bồi không xa nhau nữa, thì tình yêu chân chính đã nở hoa.

Tôi khéo léo hỏi nhỏ anh: "Sao tôi thấy anh ít cười thế?".

Không ngờ anh mở to đôi mắt ngạc nhiên không cười mà chỉ nói: "Hi, hi, chú hỏi thú vị thật!".

Năm 1968, khi nổ ra cách mạng văn hóa, các đơn vị chẳng đều phải tiến hành "nhớ lại", "bãi bỏ" và "kiểm soát" đấy ư? "Nhớ lại" là nhớ lại những việc kỳ quái, tức là phát động mọi người nhớ lại hàng ngày đã gặp những người, những việc đáng nghi ngờ, vạch trần ra, nắm cho được đầu mối, "vạch trần phần tử phản cách mạng đang giấu mặt". Ở xưởng sản xuất hồ dán, có một công nhân già gặp ai cũng chào, quen giờ bèn tay nghiêng bèn trán, giống tư thế của sly quan cũ khi chào nhau, thế là bị người ta "nhớ lại", qua điều tra của tổ chuyên án, bị quy là sĩ quan của

nguy quyền Mãn Châu giấu mặt. Sự việc này là một kinh nghiệm quý được phổ biến toàn thành phố, nhất là thời làm phấn chấn tinh thần của mọi người. Nhớ lại sự việc kỳ quái, dấy lên cao trào, mọi người chỉ mong làm sao nhớ ra được có một quả trái phá nằm ẩn dưới gầm giường của mình. Bỗng một hôm, đơn vị của anh rỏ tôi có người dân báo chữ to với tiêu đề là "Vì sao từ trước đến nay anh ta không cười?". Tai họa giáng xuống đầu rồi!

Tờ báo chữ to ấy có sức mạnh như món hàng xuất khẩu trị giá hàng vạn đôla làm chấn động cả công ty. Hơn hai trăm người của công ty lục tìm trong ký ức những ấn tượng mà anh rỏ tôi để lại trong họ, quả nhiên, chưa ai thấy anh cười bao giờ. Vấn đề trở nên rắc rối. Tổ chuyên án bí mật đi điều tra bạn bè, hàng xóm của anh ấy, cũng không ai chứng minh được anh ấy đã có cười. Sau đó tổ chuyên án tìm tôi, tôi nói: "Tôi cũng không thấy anh ấy cười bao giờ, ở nhà anh ấy cũng không thấy cười, có lẽ anh ấy không biết cười!". Người của tổ chuyên án nói: "Anh đừng có bao che cho anh ta, chỉ có người chết mới không biết cười. Không phải là anh ta không biết cười. Ở đây có nguyên nhân chính trị!".

Tổ chuyên án lấy những lời phát biểu hữu khuynh trong bản án của anh hồi 1957 làm căn cứ, quả quyết rằng nguyên nhân làm cho anh ta không biết cười vì anh ta căm thù xã hội mới đến tận xương tủy! Nhưng phải có chứng cứ hiện thực thì mới quy

kết anh ta là phần tử phản cách mạng được. Nhưng qua công tác và lời phát biểu hàng ngày của anh, tìm không ra vấn đề gì mới, xem ra đây là loại "giấu mặt rất kín", liền coi anh là đối tượng nguy hiểm tạm giam ở đơn vị, bức anh phải kiểm điểm tư tưởng và khám nhà anh. Những thư từ cá nhân, những cuốn sổ ghi chép của anh, đến cả giáo án về toán học của chị tôi cũng bị kiểm tra hết. Nhưng tất cả những giấy tờ của anh, ngoài ghi chép sự việc, bàn về sự việc ra, không có một lời nào nói đến tình cảm, thậm chí về thời tiết cũng không có. Cuối cùng phải dùng áp lực ép anh phải nói. Nhưng anh vẫn không nhận là mình không biết cười. Họ bảo anh ta cười, anh vẫn như xưa chỉ nhếch mép "hi, hi" hai tiếng, đấy không thể bảo là tiếng cười được! Đến khi ra cuộc họp đấu tố, bảo anh cười, anh vẫn thế. Anh không cười, nhưng lại làm cho người ta buồn cười, biến thành một màn hài kịch. Xem chừng không làm sao được, trong tổ chuyên án có mấy tay lấu cá, nghĩ ra một cách cực hay. Chúng hỏi anh: "Tình cảm của anh đối với Đảng và Mao Chủ tịch thế nào?". Anh nói, từ nhỏ anh là đứa trẻ mồ côi. Đảng đã nuôi anh khôn lớn, từ tiểu học đến đại học anh đều được tiền trợ cấp, nên tất nhiên rất yêu quý Đảng và Mao Chủ tịch. Mấy tên lấu cá bèn chỉ bức ảnh Mao Chủ tịch treo trên tường, nói:

- Anh nên cười với Người hay nên khóc?
- Tất nhiên là nên cười.

- Vậy anh cười đi! Để chúng tôi xem xem anh cười thật hay giả vờ!

Anh rẽ tôi nhìn lên ảnh Mao Chủ tịch mà cười, nhưng anh không biết cười như thế nào. Nghe nói anh nhếch mép, nhăn răng ra, trông vừa đau khổ vừa như dọa người. Bọn người trong tổ chuyên án bèn quát:

- Đối với lãnh tụ vĩ đại, anh lại như thế à? Đấy mà là cười à? Là khóc! Là căm thù tận xương tủy! Tội đã rành rành. Phản cách mạng hiện hành. Thế là những cuộc đấu tố phê phán được đẩy lên cao trào. Mọi người phấn nộ hùng hục như muốn ăn thịt anh.

Trong hơn một năm, gia đình chị tôi thành gia đình phản cách mạng. Đơn vị anh rẽ tôi còn cho người đến trường chị tôi, buộc chị phải tố cáo chồng. Mặc dù trường của chị tôi đối xử với chị vẫn tốt, và còn bảo vệ chị nữa, nhưng chị cũng nếm đủ mùi khinh rẻ lạnh nhạt của người đời, suốt ngày ủ rũ, về nhà làm cơm mà cứ đần đờ như người mất hồn. Một lần tôi đến thăm chị. Thằng con trai chị hỏi chị: "Vì sao ba con lại không cười hở mẹ?". "Bóp". Chị bỗng tát nó một cái. Nhưng sau đó hai mẹ con đều khóc. Đây là lần đầu tiên chị đánh đứa con trai thân yêu của mình.

Mãi đến khi có chính sách sửa sai, cái án của anh rẽ tôi thật khó xử. Người viết hồ sơ nói, chỉ cần cứ vào thái độ đối với Mao Chủ tịch thì làm sao quy kết anh ta là phản cách mạng để báo cáo lên trên?

Không thể bắt anh ta biểu diễn rồi lại đưa vào hồ sơ được, đó chẳng phải là tẩm ảnh giết người sao? Năm năm sau, cấp trên cử một đội công tác đặc biệt đến giúp công ty anh để thực thi chính sách sửa sai. Tổ chuyên án liền đẩy cái án khó xử của anh rể tôi sang cho đội công tác giải quyết.

Công nhân có biện pháp hơn cán bộ, họ tìm ra cách giải quyết có hiệu lực. Họ gọi anh rể tôi vào, vừa đến cửa họ bảo anh cởi quần áo, cho đến khi chỉ còn cái xi-líp, anh rể tôi hoảng quá. Họ bảo anh rể tôi giơ hai tay lên như kiểu đầu hàng, sau đó dùng còng chổi ngoáy vào nách vào cổ và gan bàn chân, anh rể tôi chỉ nhếch mép phát ra tiếng "Hi, hi" chân tay khua khoáng loạn xạ, kêu lên: "Thôi, thôi, buồn chết đi được, buồn quá...". Nhưng vẫn không cười. Nhân viên đội công tác rút còng chổi đi nói: "Tổ chuyên án làm sao thế nhỉ? Người này có cười bao giờ, căn bản là anh ta không biết cười".

Qua giám định, tội chứng bị phủ định, anh rể tôi được khôi phục danh dự. Do không thể phủ định được "thành tích" của giai đoạn đấu tố lần trước, nên kết luận là: "Mọi sự việc đều có nguyên nhân chưa tìm ra chứng cứ, xử lý theo hình thức mâu thuẫn nhân dân". Thế là anh rể tôi trở thành đối tượng chú ý của những người hiếu kỳ ở trong công ty. Người không biết cười lại trở thành trò cười trong thiên hạ. Anh vẫn không động tĩnh gì, nhưng tâm thần lại càng trở nên nhạy cảm, lúc nào cũng như thấy có người cầm

kim châm mình, nên bộ mặt càng trở nên vô cảm, có lúc trông như tảng băng vậy. Một hôm anh nói với chị tôi:

- Em có thể dạy anh cười được không?

Chị tôi rót nước mắt nói với chồng:

- Anh cứ sống như trước, em thích...

Từ đó, bản thân chị tôi cũng rất ít cười. Có lẽ chị cố ghìm nén tiếng cười của mình. Sợ anh rẽ tôi thêm tự ti.

Từ khi "Cách mạng văn hóa" bị lịch sử phủ định, cuộc sống có một sự giải thích mới, kể cả chuyện không cười của anh rẽ tôi.

Năng lực của những người lãnh đạo xưa kia biểu hiện ở chỗ tóm tắt được bao nhiêu người, bây giờ đổi thành có thể kiếm được nhiều tiền. Bí thư kiêm giám đốc công ty mậu dịch ngoại thương còn thành lập một "công ty con" chuyên đối ngoại, và chuyên nhập khẩu, xuất khẩu, liên doanh và kêu gọi nước ngoài đầu tư. Công ty con này cần một người cầm cờ có năng lực. Những người được tín nhiệm trước đây đều hết thời rồi. Những người dùng được quá ít, thế là họ nhớ đến anh rẽ tôi. Một là: Anh ấy tinh thông nghiệp vụ, hai là anh ấy ngoại ngữ nói lầu lầu, giao dịch với nhà buôn nước ngoài thì rất hợp.

Anh rẽ tôi được tín nhiệm, chưa đến một năm, nào ai ngờ anh ấy làm cho công ty mở mặt mở mày, thì ra trong ngoại thương buôn bán không cần cười mà cần bản lĩnh. Ở đây không cần biết anh có cười

hay không cười, anh biết làm ăn là được. Chỉ mấy năm thôi, anh rể tôi đã nghiễm nhiên trở thành một ông chủ lớn. Ngoại hối của công ty con gấp hai lần ngoại hối của cả công ty. Tên tuổi của anh rể tôi thường xuyên xuất hiện trên trang nhất của báo, được bầu là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, hàng ngày ra vào khách sạn hào hoa và biệt thự sang trọng của các vị lãnh đạo thành phố. Và cũng thường xuất ngoại làm ăn. Mọi người trong công ty gặp anh đều gật đầu cười chào anh. Bởi vì ai cũng muốn gửi anh ra nước ngoài mua ít đồ ngoại, và càng vì anh là giám đốc lớn có tiền, có quyền. Người lãnh đạo không thể lúc nào cũng cười, càng không cười cấp dưới lại chọc cho anh cười. Anh như thượng đế sống giữa trần gian, nhưng e rằng đến cả thượng đế cũng không biết con người này vì sao mà một chốc đã trở nên hiển hách đến thế!

Dưới đây xin kể một chuyện hoang đường vừa xảy ra tối qua.

Tối qua anh cùng chị tôi và cháu ngoại tôi ngồi xem ti vi ở phòng khách. Trên màn hình 24 inch có hai anh hề đang làm trò. Họ biểu diễn cũng bình thường, chả có gì đáng cười. Nhưng bỗng nhiên anh rể tôi "ùng ục" trong cổ họng, như gà mái trước khi đẻ bị cái gì làm kinh động. Sau đó "ùng ục" liên hồi, như có cái gì mắc trong họng anh ấy, rất khó chịu. Thằng cháu ngoại ngốc nghếch của tôi bèn reo lên:

- Trông kìa bố rất giống con cặc cặc!

Lời nói của thằng bé như ngòi nổ. Anh rỏ tôi như núi lửa đã tắt lâu ngày, bỗng như nổ tung ra, cười sảng sặc. Anh đã biết cười! Và không phải gượng gạo giả dối như trước đây mà thực sự là cười thật! Anh rỏ tôi nói, bấy giờ mắt mũi tai... trên mặt anh như hoa đang nở, tất cả các cánh hoa đều hài hòa nở cả ra... thật không thể ngờ được. Nhưng tiếng cười chân thật lại làm cho chị tôi sợ hãi, cho là anh phát điên. Hỏi vì sao, anh tôi chỉ xua tay, cười ngặt nghẽo không trả lời được và cứ nhìn lên tí vi thấy hai anh hề thì lại càng cười to, cười ôm lấy bụng, chảy cả nước mắt nước mũi. Chị tôi đỡ anh lên giường, gọi điện cho tôi gấp, tôi vội đến, thấy anh trùm kín chăn cười sảng sặc, toàn thân rung lên khiến chiếc giường lắc lư kêu cọt kẹt như người bị sốt rét. Tôi lột chăn ra, đúng là vẫn đang cười nhưng gối đầm đìa nước mắt. Tôi hỏi anh:

- Anh làm sao thế? Khó chịu à?

Anh rỏ tôi vừa cười vừa nói với tôi:

- Tôi không dừng lại được.

Tôi cho anh uống hai viên thuốc an thần mới thôi cười và ngủ thiếp đi. Sáng hôm nay chị tôi kể cho tôi nghe một kỳ tích: Trên mặt anh rỏ tôi xuất hiện nụ cười rất tự nhiên. Kỳ lạ hay không kỳ lạ, quả là không thể tưởng tượng được.

(Rút từ cuốn "Mười năm của một
trăm người" Nxb Văn nghệ

Giảng Tô 1991)

THỊ TRẤN NÁO NHIỆT CỦA XỨ TUYẾT

LƯU TRIỆU LÂM

1

Thị trấn Náo Nhiệt có loạn, loạn chưa từng có trong lịch sử, ai nghe thấy cũng phải rùng mình.

Đêm bão tuyết lớn, quân đồn trú biên phòng bỗng chạy trốn mất một phần mười, và cư dân ở đó bỗng tăng lên năm mươi phần trăm. Khi xảy ra hai sự kiện lớn này, chủ tịch thị trấn ở xa ngoài nghìn dặm không biết một tí gì, nhưng Đỗ Lâm, thủ trưởng cao nhất của quân đồn trú thì phát hoảng. Tựa như thị trấn Náo Nhiệt sụt lở một góc trời, ông chóng đờ sao nổi, cần phải báo cáo ngay lên cấp trên. Nhưng không biết gió to hay kẻ nào phá hoại, đường dây điện thoại bị đứt. Đỗ Lâm suy nghĩ đến nửa tiếng đồng hồ, cuối cùng quyết định dẫn một người lính cũ tháo vát, xuất phát ngay đêm ấy, tự đi báo cáo lãnh đạo.

Hai chiếc đèn bão chao đi chao lại như chiếc đèn treo ở lái chiếc thuyền con trôi trên mặt biển đêm, từ thị trấn đi ra. Ánh đèn lạnh lùng soi đường

cho một con chó đi trước và hai người đi sau. Con chó màu đen, con người màu xanh, ngọn đèn màu vàng, tuyết dưới ánh đèn màu trắng... Những nơi ánh đèn không chiếu tới, núi sông, ruộng đồng, trong nước, ngoài nước đều thành một khối, thế giới biến thành một xứ tuyết màu đen không biên giới, không tường, không đường, đường đi bây giờ đều chìm sâu trong tuyết và thảo nguyên tuyết thực sự đã trở thành một hồ tuyết lớn.

Con chó và hai người theo đội hình tam giác bước đi trong hồ tuyết, gió to, mỗi bước thụt một bước đến đầu gối và hố vết chân sâu hoắm bị gió to như một cái chổi lấp bằng ngay.

Đỗ Lâm vừa lo lắng vừa sốt ruột nghĩ liên miên: Lính nhà nòi mà lại để xảy ra chuyện ở thị trấn Náo Nhiệt.

2

Thị trấn Náo Nhiệt, ôi, nói thế nào cho phải đây? Đứng về vị trí địa lý mà nói, thị trấn được mặt trời chiếu rọi trước tiên, tự hào mà nói, có thể gọi nó là thị trấn thứ nhất ở phía đông của tổ quốc - quá phía đông kia là đất nước ngoài. Thị trấn nông thôn của họ cách rất xa nước ta, nơi gần nhất cũng đến bốn mươi lăm dặm đường.

Đứng về phong cảnh mà nói, thị trấn Náo Nhiệt xứng đáng là thị trấn đẹp nhất của cả nước. Đó không phải nói khoác, có thị trấn nào ra khỏi cửa là sông - con sông Đại Giang chung của hai nước? Giống cá khuê⁽¹⁾ là vật hiếm của thế giới, mà mùa thu, một mẻ lưới có thể bắt được mười mấy con, còn các giống cá khác khỏi phải nói. Mùa hè, cầm hai cái cọc ở chỗ dòng xoáy, chưa đến nửa ngày, bảo đảm là sẽ kẹp được một con.

Về mặt tỷ lệ giữa quân và dân mà nói, thị trấn Náo Nhiệt là thị trấn có tỷ lệ cao nhất về số quân đồn trú. Toàn thị trấn bình quân mỗi người dân có năm người lính bảo vệ. Thị trấn ở quân cảng Lữ Thuần cũng không có được tỷ lệ cao ấy.

Nếu về mặt dân số mà nói, thị trấn Náo Nhiệt xem chừng là thị trấn thưa thớt nhất toàn thế giới. Mỗi năm trừ khi đội ngư nghiệp của công ty thủy sản và công nhân của xưởng chế biến cá đến thị trấn bắt cá và làm cá hộp, náo nhiệt một hồi, còn thì cái tên "Náo Nhiệt" chỉ là một cái tên rỗng. Không đường sắt, không đường bộ, mùa hè đi thuyền, mùa đông đi xe trượt tuyết, rất ít người đi, cũng rất ít người đến. Có ti vi cũng vô ích, hễ bật ra là của nước ngoài, xem không hiểu. Quan hệ quân dân rất mật thiết nhưng đơn điệu. Thị trấn Náo Nhiệt, phong cảnh diễm lệ nhưng không náo nhiệt.

1. Giống cá dài 1 thước, vây nhỏ.

Nói rõ hơn một chút nhé, chức vụ của Đỗ Lâm, thủ trưởng cao nhất của quân đồn trú thị trấn Náo Nhiệt chỉ là tiểu đội trưởng, có lẽ không ai có thể ngờ được là toàn trấn ngoài mười người lính ra, kể cả Đỗ Lâm trong đó, chỉ có một nhà dân, hai nhân khẩu, do đấy không những hai tiếng "Náo Nhiệt" là rỗng tuếch, ngay đến chữ "trấn" cũng là chuyện trò đùa. Cái gọi là "trưởng trấn" chẳng qua là do các chiến sĩ thấy vắng vẻ quá, mới gọi đùa anh chàng Trương Vinh Khánh, chủ nhà duy nhất của đảo mà thôi. Bảo là quân đồn trú bỏ trốn mất một phần mười, thực ra chỉ là anh tân binh tên là Ngư Bôn vừa mới nhập ngũ chưa được một năm bỗng nhiên mất tích, sự kiện nói trên của thị trấn Náo Nhiệt là do anh ta tạo ra.

3

Gió lớn như chiếc chổi lớn không ngừng quét vào các hố chân của Đỗ Lâm, người lính cũ và con chó mực to. Đội hình tam giác vẫn cứ bước đi một cách khó nhọc.

- Đồng chí chiến sĩ, đồng chí nói xem, Ngư Bôn ngoài chuyện đem cả súng đi, còn có thể đem cái gì đi nữa.

- Thủ trưởng chẳng bảo anh ta ăn cắp thuốc lá, nhân sâm và rượu Long Tuyên của thủ trưởng là gì?

- Tôi nói hán ta có thể cuỗm cả bản đồ ấy chứ! Đầu óc hán tinh ranh hơn mọi người, ngoài chuyện ăn cắp thuốc lá, nhân sâm của tôi, chắc còn cuỗm cả bản đồ nữa.

- Chính trị viên chẳng đã biểu dương hán nghĩ sâu hiểu rộng là gì!

- Thì tôi biết tổng rồi. Đầu óc, càng mở mang, càng biết nhiều thì càng không vững vàng.

Anh lính cũ không nói được nữa, nói làm sao được, sự thực sẽ thắng hùng biện...

Cuối tháng 11 năm 1980, hôm Ngưu Bôn được phái ra đảo, là ngày tuyết rơi nhiều. Một mình đứng trên vọng gác nhìn xuống, anh đem một quyển sách ra, mặt hướng về bãi tuyết mênh mông cất tiếng hát "phong cảnh - bắc quốc - đẹp í - a".

Đỗ Lâm đứng trên vọng gác cao hơn, nhìn qua kính viễn vọng thấy một lính mới, anh vội vàng tụt xuống hỏi: "Anh thích hát bội à?".

- Thích gì, lời hát rất hợp với cảnh sắc trước mặt thì hát chơi thôi.

Chú lính mới người tâm thước, đôi mắt sáng long lanh, coi như không có chuyện gì, lại lật giở trang sách cầm trong tay, anh ta đối chiếu cảnh tuyết trước mặt xem có giống như trong sách miêu tả hay không.

- Trong tay cầm quyển gì đấy?

- "Xứ Tuyết".

- "Xứ Tuyết"? Phải, nên yêu mến xứ tuyết của chúng ta! Nhà văn quân đội viết đấy chứ.

Kaoabata người Nhật Bản viết, được giải thưởng Nobel.

Một thằng nhãi tân binh! Ngang bướng thế này, không ra oai sau này khó trị được! Đỗ Lâm uốn ngực: "Thôi, thôi, từ nay trở đi không được xem những sách vớ vẩn nữa. Tên là gì?".

- Ngưu Bôn - Đặc sệt giọng Hải Lệ, Liêu Nam, chữ "Bôn" nghe hơi giống chữ "Đần"⁽¹⁾.

- Ngưu Bát - Bụng nghĩ thằng nhỏ lanh lợi thế mà đặt tên là Bát đần độn? Nếu quả là đần độn lại dễ bảo. Nhưng xem cái ánh mắt nó thì không phải là thằng dễ dạy.

- Không phải là Bát mà là "Bôn". Ba chữ Ngưu chồng lên nhau. - Anh ta dùng tay viết lên tuyết chữ "Bôn".

Họ "Ngưu" (trâu) đã ghê gớm rồi, bây giờ lại thêm ba con trâu nữa! Tân binh có bốn con trâu này gây một ấn tượng không tốt đối với Đỗ Lâm. "Đừng có cao hứng lên hát bậy. Đây không phải hát trong nhà, trước mặt là người ngoại quốc", Đỗ Lâm nói rất nghiêm túc.

- Nhà tôi ở đó cũng có người ngoại quốc, họ vẫn nghe tôi hát.

1. Chữ "Bôn" (chạy nhanh) phát âm giống chữ "bát" (đần độn) (ND).

- Này! - Đỗ Lâm chưa bao giờ chịu gọi cái chữ "Ngưu" ra một cách dễ dãi. - Nhà ở đâu?

- Đại Liên, bên cạnh cầu lạc bộ hải quân, đến đó chưa?

- Tôi là lính, đến đó làm gì?

- Đi cho biết, người ngoại quốc hoạt bát lắm!

- Phải. bộ đội cần nghiêm túc, giữ kỷ luật. Bố làm gì?

- Mất rồi.

Đỗ Lâm nghĩ, chẳng trách thiếu giáo dục. "Thế bố trước làm gì?"

- Dạy văn học nước ngoài, 1957 thành phái hữu⁽¹⁾, chết trong cách mạng văn hóa.

- Còn mẹ?

- Còn.

- Tôi hỏi mẹ anh làm gì?

- Làm công nhân ở bến cảng.

- Công nhân là tốt. Mẹ anh có dặn gì anh không?

- Dặn tôi phải làm cho tốt, tranh thủ làm cán bộ. Tôi không thích làm cán bộ. Nghe nói ở đây lính cũng phải học tiếng nước ngoài ở đối diện với ta, nên tôi đến đây, định bụng giải ngũ sẽ thi vào học viện Ngoại ngữ.

- Động cơ nhập ngũ phải đúng đắn, chỉ nghĩ đến giải ngũ là không được!

1. Những năm 50, một số trí thức chống lại đường lối nhảy vọt bị quy kết là phái hữu (ND).

- Nghe nói muốn làm cán bộ đều phải tốt nghiệp ở học viện quân sự, còn lại không muốn giải ngũ cũng phải giải ngũ.

- Trong thời gian làm lính phải nghĩ làm thế nào hoàn thành nhiệm vụ. Anh dám bộc lộ tư tưởng với lãnh đạo, thế là tốt. Cần phải làm cho tốt, chưa được để bạt làm cán bộ thì nên tranh thủ giải quyết vấn đề tổ chức⁽¹⁾. Đi đi!

Ngư Bôn mới đi được mấy bước phát hiện ở trước ngôi nhà nhỏ cách góc về phía tây hai trăm mét có một người què. Đây là người dân duy nhất Ngư Bôn nhìn thấy ở trên đảo, thấy là lạ, liền đến bắt chuyện: "Anh nhà ơi, anh họ gì?".

- Tôi họ Trương, Trương Vinh Khánh. Những người trong góc tôi đều quen cả, chú mới về hả?

Ngư Bôn không khách sáo, mới nói chuyện được mấy câu đã sấn vào nhà. Vào trong nhà nhìn thấy cái tivi, tiện tay bật luôn. Anh Trương hơi khó chịu, nói: "Tiếng nước ngoài, nghe không hiểu đâu!". May mà Ngư Bôn đã tự học đúng tiếng nước đó nên lôm bôm cũng hiểu được đôi chút. Vì đang phát một phim truyện, anh xem, nhận ra là cải biên từ một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng. Cuốn tiểu thuyết này chú ta xem ở nhà rồi, liền vừa dịch vừa giảng giải cho anh Trương "Truyện này hay lắm, thật tuyệt!".

1. Ý nói tranh thủ rèn luyện để gia nhập Đảng (ND).

Anh Trương từ khi mua tivi đến nay, chỉ xem các tiết mục không cần ngôn ngữ như thể dục, xiếc, v.v... bây giờ thấy một người mới đến có thể xem hiểu được phim nước ngoài liền nhìn anh ta với con mắt khác, vội đi đun nước, rang hạt hoa quỳ, bảo Ngưu Bôn vừa ăn vừa uống vừa nói chuyện. Phim chiếu đến cảnh yêu đương, Ngưu Bôn bỗng nhìn trong nhìn ngoài, hỏi anh Trương "Chị nhà đâu?".

Câu hỏi đụng đến nỗi đau, anh Trương ngượng ngịu cười đau khổ: "Ồ, chỉ có một mình tôi".

- Sao mãi không tìm?

- Không phải không tìm, mà là khó tìm.

Anh Trương vỗ vỗ cái chân mình. Mười tuổi mồ côi cha mẹ, đến tuổi lấy vợ thì vừa gặp cách mạng văn hóa, con phú nông và cái chân què là hai điều bất lợi, nên anh mãi chẳng kiếm được vợ. Ba mươi hai tuổi vẫn cứ sống độc thân, tứ cố vô thân, sau khi sửa sai, anh mới được Công ty thủy sản thuê coi nhà cho đội đánh cá và nhà của xưởng gia công làm cá hộp, nên đóng đô lâu dài trên đảo. Anh Trương người hiền lành, lại thêm cái chân què, nên các chiến sĩ rất thương anh, hễ việc gì mà anh què không làm được họ đều giúp. Chưa bao giờ anh được ưu ái như thế. Cứ cảm thấy không làm sao trả ơn được, nên hễ rỗi rãi là đi giúp tiểu đội làm cá và đặc biệt mua cái tivi mời các chiến sĩ đến xem. Mọi việc của anh, tiểu đội quân thường trú đều đáp ứng, còn chuyện tìm người yêu, anh phải dùng cảm lắm mới nói được với Đỗ

Lâm: "Đừng... đừng cười, tôi có một việc khó nói... muốn... nhờ đồng chí giúp đỡ, việc này phải nhờ các đồng chí!". Đỗ Lâm đồng ý, nhưng đã nửa năm rồi anh ta chẳng nói gì đến nữa, và anh Trương cũng ngại không hỏi.

Trên màn ảnh nhỏ, nhân vật chính đang tiễn vợ chưa cưới ra khỏi làng:

- Cuộc sống thật bất công đối với con người. Ngưu Bôn biểu lộ sự đồng tình với anh Trương. - Uống nước ăn hạt hoa quỳ đi, ăn... - Anh Trương rất cảm kích.

Không lâu, anh Trương đóng cương ngựa kéo xe trượt tuyết đến tìm Đỗ Lâm: "Tiểu đội trưởng Đỗ ạ, mấy hôm tới các đồng chí thay tôi trông nhà giúp hộ, tôi lên huyện, đi xem mặt".

- Xem mặt ai?

- Một chị góa chồng, đã đứng tuổi.

- Chuyện đó... sao tôi không biết gì, ai giới thiệu?

- Chú Ngưu, chỗ bà ngoại chú ta, chú quen, nói sẽ hỏi giùm. Tôi tưởng nói chơi, nào ngờ chú ta làm thật.

- Một thằng tân binh, bậy... - Nhớ ra mình đang đứng trước mặt anh Trương. Đỗ Lâm kìm lại không nói tiếp nữa. Một tân binh, chưa đến hai mươi, bản thân còn chưa có người yêu mà lại dám bí mật làm mối cho anh què! To gan thật! Bậy!

Ở bên này, Đỗ Lâm phê phán Ngưu Bôn làm bậy, ở bên kia anh Trương đã xem mặt xong, và đăng

ký kết hôn ngay ở trên huyện, hai người dẫn nhau về cảm ơn Đỗ Lâm và Ngưu Bôn. Ngày cưới hôm ấy, anh Trương mời Đỗ Lâm dẫn toàn tiểu đội đến dự vui vẻ. Việc cưới xin này, Đỗ Lâm tán thành hay không tán thành, anh ta vẫn dẫn toàn tiểu đội tới dự. Trước khi nổ ra khởi nghĩa Công xã Pari, Mác còn chưa tán thành, nhưng cuộc khởi nghĩa nổ ra rồi ông vẫn chẳng ủng hộ là gì? Lễ cưới làm cho Đỗ Lâm tức giận, Ngưu Bôn ra biểu diễn trước tiên. Thật chẳng ra cái gì, Ngưu Bôn lại nhảy cùng với Trương què. Một anh què trong cách mạng văn hóa nhảy điệu "chữ trung"⁽¹⁾ với tập thể còn bị nghi ngờ động cơ này nọ, bây giờ được Ngưu Bôn lôi ra nhảy, khiến mọi người cười chảy cả nước mắt. Ngưu Bôn còn bắt cô dâu biểu diễn văn nghệ, Đỗ Lâm tức quá định kéo toàn tiểu đội bỏ về, nhưng may có một phó chuyên viên văn phòng đi thị sát rẽ vào. Anh bước vào chúc: - Đảo ta từ xưa đến nay chưa hề có cô dâu, đây là bộ đội giúp chúng ta xây dựng thị trấn!

Mặc dù vẫn còn tức, nhưng Đỗ Lâm vẫn không quên xin phó chuyên viên đặt cho thị trấn cái tên (trước đây không có tên, trên bản đồ chỉ đánh dấu có một trạm gác). Phó chuyên viên hỏi Đỗ Lâm ở đây thiếu cái gì nhất, Đỗ Lâm nói đi nói lại không thiếu cái gì, tất cả đều tốt đẹp. Ngưu Bôn nhảy toát mồ

1. Điệu múa ca ngợi và tỏ lòng trung thành với chủ tịch Mao (ND).

hỏi, nói chen vào: "Sao lại không thiếu? Ở đây buồn tẻ quá, thiếu náo nhiệt!".

- Hay, gọi là thị trấn "Náo Nhiệt", chúc thị trấn Náo Nhiệt sớm náo nhiệt lên!

4

Con chó mực bỗng phát hiện ra vật gì, nhảy căng lên, chạy vút vào màn đêm nơi ánh đèn không rọi đến. Đội hình tam giác thay đổi thành hàng ngang. Đèn của Đỗ Lâm rơi xuống tuyết; trong nháy mắt anh đã lên quy lát sủng, và đồng thời ra lệnh cho người lính cũ mau mau lấy mũ che đèn lại.

Con mực quay lại theo sau là một chú lửa xám.

Đỗ Lâm bảo lính cũ đừng che đèn nữa và tự khóa chốt an toàn súng. Chú lửa mà con mực dẫn đến là trên đại đội phái xuống. Chú lửa này trung thực, nhớ đường, ban đêm, ban ngày, trời mưa tuyết, đi đường không bao giờ lạc, không cần ai quản. Từ văn phòng đại đội đến bất giác vừa đi vừa về chín mươi dặm⁽¹⁾, nói chung không có gì bí mật thì cho lửa đem đi. Đêm nay điện thoại hỏng đành phải phiên đến chú lửa cần mẫn này. Đỗ Lâm móc từ trong túi treo ở cổ lửa ra một tờ giấy, đến gần đèn bão nhìn rõ là chính trị viên gửi cho anh:

1. Một dặm Trung Quốc bằng nửa kilômét.

- "Trương Vinh Khánh đã về, anh ta nhớ vợ, nóng lòng muốn về thị trấn Náo Nhiệt. Trên đại đội đang bận huấn luyện sát hạch, kiếm không ra người đưa anh ta, sớm mai phải hai người đến đón. Tiện đường kiểm tra luôn đường dây điện thoại.

- A di đà Phật, "trưởng trấn" về rồi, sao không về sớm một ngày! - Đỗ Lâm quay đầu lừa về phía đại đội
- Loạn lớn thế này, còn đợi đến mai mới xuất phát thì còn gì?

Anh dẫn đội tiếp tục đi nhanh về phía đại đội.

Vợ anh Trương què là một cô câm, nhưng thông minh, hoạt bát, không xấu, hai đuôi sam tết rất gọn, thích làm hiệu cho người ta cười nói. Chị đến, Ngưu Bôn và các chiến sĩ thấy vui nhộn hẳn lên, "trưởng trấn" Trương què không phải nói. Chỉ có Đỗ Lâm là buồn, cảm thấy sắp phát sinh chuyện gì. Có lần anh ta thấy Ngưu Bôn đến nhà anh Trương nửa tiếng rồi mà chưa về, bỗng lao đến, thì bắt gặp Ngưu Bôn và người đàn bà câm đứng đối diện với nhau, hai mặt như sít lại làm một.

- Bỏ củi dầm vào mắt, thổi hộ em với, tiểu đội trưởng! Ngưu Bôn mắt đỏ ngầu.

Trong cuộc họp toàn tiểu đội hôm ấy, Đỗ Lâm nói:

- Trước đây, chúng ta ở đây, ba điều kỷ luật, tám điều chú ý chỉ chú trọng điều thứ bảy, nhưng bây giờ điều thứ tám cũng phải chú ý! Một người câm, - nói gì cũng chỉ chỉ trỏ trỏ đến nửa ngày cũng chưa rõ, chớ có gây chuyện hiểu lầm.

Đây chủ yếu là nói Ngưu Bôn. Một thằng tân binh nhãi ranh, con mắt đã gian, phát triển mãi rồi không biết sẽ xảy ra chuyện gì!

Nghe tiểu đội trưởng nói nghiêm túc thế, mọi người không dám đến nhà anh Trương giúp việc nữa. May cô gái câm, việc nặng việc nhẹ đều làm được tất, không ai giúp đỡ cũng vẫn xong. Năm sáu tháng sau thì không thể nữa rồi, cô câm có mang, gánh nước bổ củi là rất khó khăn. Đỗ Lâm đành phải giải thích lại câu nói của mình:

- Chú ý thì vẫn chú ý, công việc thì vẫn cứ phải giúp. Nhưng đừng đi một mình, nên rủ bạn cùng đi!

Ngưu Bôn đi cũng xin phép, cũng đi đôi, nhưng mỗi lần làm xong việc thì một mình ở lại thêm một lúc, chú ta nói là để xem tivi, học ngoại ngữ.

- Có người chạy đi ăn lẻ, đó không phải là hiện tượng tốt! - Trong cuộc họp tiểu đội, Đỗ Lâm đánh tiếng thế, nên Ngưu Bôn đã lâu rồi không dám đến nhà cô câm nữa. Một buổi tối thứ bảy chú ta lên đi thăm: "Anh Trương à, cái chân của anh có thể chữa được!". Chú giở trang báo cho anh Trương xem: "Bệnh viện chữa chân ngay bên cạnh nhà em".

Tin này còn vui hơn cả lấy vợ, anh Trương giữ Ngưu Bôn lại không cho đi: "Ngồi đây cái đã, anh bảo cô ấy xào đĩa thức ăn nhắm rượu, chúng mình bàn bạc, bàn bạc!".

Sau khi biết chân què có thể chữa được, cô câm còn vui hơn cả anh chàng Trương kia, cô ta "oa oa"

bảo anh Trương cứ đi mà chữa. Anh Trương còn hơi ngại:

- Tôi đi thì cô ấy ở nhà làm sao? Sáu bảy tháng rồi!

- Đi thì đi sớm đi. Công việc ở nhà chúng em trông giúp, nhưng anh phải nói với tiểu đội trưởng, chớ có nói là em liên hệ cho anh.

Rượu chưa uống xong, Đỗ Lâm đến tìm Ngưu Bôn:

- Đi không xin phép, về học tập!

Khi rời nhà anh Trương, Đỗ Lâm lại nghiêm khắc nói mấy câu:

- Tân binh mà không ra cái gì cả, hết ăn lại uống, la cà lung tung, tác phong thế à? Trong cuộc họp tôi đã nói rồi. Về kiểm điểm!

Ngưu Bôn gật đầu dạ dạ, thú nhận sai lầm chưa bao giờ tỏ ra thành thật như lần này, vì thế Đỗ Lâm sung sướng đến hai ngày. Khi Trương què cầm lá thư của Ngưu Bôn viết cho người nhà, và tám bản đồ giao thông vẽ rất rõ ràng đến gặp Đỗ Lâm thì nét mặt Đỗ Lâm sa sầm, anh ta biết rõ Ngưu Bôn đến uống rượu ở nhà Trương què là để làm gì, anh ta không tin chân què có thể chữa được và nghi ngờ cả động cơ của Ngưu Bôn. Nhưng vì Trương què rất kiên quyết đi, anh ta đành phải dặn Trương què: Chữa khỏi hay không đều nên mau mau trở về.

Đội hình tam giác giờ biến thành hình thoi, chỏ đi trước, người đi giữa, lửa đi sau, ánh đèn yếu ớt, vì đèn của Đỗ Lâm khi rơi xuống tuyết bị vỡ mất bóng, không sao thấp được nữa. Anh ta dứt khoát vút đèn đi, nhắm mắt theo chú lửa.

Trương què đi rồi, trừ tiểu đội trưởng và tiểu đội phó ra, Đỗ Lâm biên chế tám người còn lại thành bốn tổ, mỗi tổ một ngày thay nhau đến giúp cô cầm, mỗi khi có việc, cô cầm thường trực tiếp đi tìm Ngưu Bôn... Một lần gần nhất, Đỗ Lâm nhìn thấy cô cầm đưa cho Ngưu Bôn một tờ giấy, Ngưu Bôn lẳng lặng không nói gì, nhét tờ giấy vào túi. Nhân lúc Ngưu Bôn cởi áo bông vắt ở giường ra nhà ngoài rửa mặt, Đỗ Lâm móc tờ giấy kia ra xem bỗng nổi khùng lên. Giấy vẽ ba bức hoạ: bức thứ nhất vẽ cô cầm đang tương tư, trên đầu có vòng tròn như khói thuốc, trong vòng tròn vẽ mặt chồng cô; bức thứ hai vẽ tờ Mười đồng; bức thứ ba vẽ đôi vú bầu to. Cuộc họp tiểu đội tối hôm ấy, Đỗ Lâm điểm đến tên Ngưu Bôn: "Từ mai trở đi, Ngưu Bôn không được đến nhà anh Trương nữa, tổ giúp việc cô cầm bây giờ rút lại còn ba tổ, bắt kể là ai, không được một mình tiếp xúc với cô ta".

- Tại sao chỉ một mình tôi không được phép? -
Ngưu Bôn chất vấn tại chỗ.

- Sở xảy ra chuyện.

- Xảy chuyện gì?

- Tự anh biết!

- Tôi không biết!

- Vờ không biết!

- Đổ... - Ngưu Bôn suýt gọi thẳng tên Đỗ Lâm ra
- tiểu đội trưởng, đồng chí nói lại câu cuối cùng xem
nào!

- Nói lại thì làm cái gì? - Đỗ Lâm không thêm nói
lại, để Ngưu Bôn nó chỉ huy à? - Không phải lên mặt
dâu nhé, bọn trốn ra nước ngoài tinh ranh lắm, ấy
thế mà không che được mắt đây đâu, con rài bay
qua đây còn biết được cái nữa là! Tự tay đây bắt được
một tên, được thưởng công nhì, đề bạt làm cán bộ.
Nếu không, làm sao đủ tư cách nói chuyện với mày?

- Đổ trúng thối! - Ngưu Bôn giận lắm xắn tay áo
lên. Các chiến sĩ liền can anh lại.

- Đây không cãi nhau với mày, rồi mày sẽ phải
hối hận.

Ngưu Bôn không cãi nhau, cánh mũi phập
phồng, môi mím chặt, làm cho Đỗ Lâm phải sợ, và
nhân đó anh ta kết thúc buổi họp tiểu đội.

Gió tuyết gào thét ào ào. Đỗ Lâm và Ngưu Bôn
đều không ngủ được. Đêm khuya, Đỗ Lâm vừa mới
chợp mắt, người lính trực ban hoảng hốt chạy vào.

- Tiểu đội trưởng, cô cầm bằng gào lên, rồi im bắt...

Đỗ Lâm giật mình toát mồ hôi, dặn dò người lính trực ban quay về bất giác, rồi vội vàng bảo một người lính cũ đi cùng mình đến nhà cô cầm.

Đèn nhà cô cầm vẫn sáng. Đỗ Lâm gõ cửa, nhưng không có ai thưa. Anh ta không dám xông xộc vào nhà phụ nữ, dùng còng cỏ đâm thủng một lỗ cửa sổ bằng giấy, nhìn vào, một luồng khí lạnh bốc ra: người đàn bà cầm để non rồi, mẹ con vẫn còn liên với nhau không biết sống hay chết.

Đỗ Lâm không dám nhìn nữa, việc này khó khăn hơn việc anh bắt kẻ vượt biên rất nhiều. Anh ta đứng ngoài cửa sổ, xoa tay, quay đi quay lại, đợi người lính cũ vào đắp chặn cho hai mẹ con đã rồi mới vào. Anh hồi hộp như đi bất giác điệp, tim đập thành thịch sò vào ngực người đàn bà cầm như chạm phải điện vội rút tay lại: "Còn sống". Anh không biết làm gì, thấy nhà lạnh lẽo, liền đi nhóm lò. Trong nhà ám hắt, đứa hài nhi khóc oe oe, người mẹ còn nối với đứa con cũng tỉnh dậy.

Người đàn bà cầm tóc rối, mặt bần, người đang nhớ bần, nét mặt đau khổ, nhìn thấy hai người lính chân tay lóng ngóng, chị cuống lên vội đuổi họ ra, tự mình làm lấy công việc của mình rất nhanh. Đứa trẻ khóc ra rả, người đàn bà cầm nhìn Đỗ Lâm ở gian ngoài chỉ chỉ trỏ vờ, vờ ngực lác đầu, há miệng trợn mắt, be lên một lúc rồi làm động tác tắt thở. Đỗ Lâm

không hiểu hết được tất cả các ý nghĩa các động tác, chỉ đoán là đứa bé cần ăn sữa, không mau đi kiếm sữa nó sẽ chết. Anh cử người lính cũ đến gặp anh nuôi bảo nấu cái gì cho đứa bé ăn. Anh nuôi nghĩ mãi, nấu bát cháo hồ loãng. Bê đến cho ăn thử, đứa bé không ăn mà vẫn cứ khóc. Người đàn bà cầm lại be be, kêu lên..

Ở xa thôn xóm, đêm gió tuyết to thế này tìm đâu ra sữa. Trong lúc cấp bách, Đỗ Lâm bỗng nghĩ đến hộp sữa của gia đình gửi cho Ngưu Bôn, may ra còn một ít, nhưng lại nghĩ mình đã phê bình chuyện đó là cách sống của giai cấp tư sản, hồi tối trong cuộc họp tiểu đội suýt nữa đánh nhau, sợ Ngưu Bôn còn giận, nên bảo chiến sĩ Lý về hỏi.

Chiến sĩ Lý về tìm, không thấy Ngưu Bôn đâu. Hỏi khắp tiểu đội, không ai biết anh ta đi đâu. Nhà xí, bột gác, chòi viễn vọng tìm khắp, đều không thấy.

- Ngưu... Bôn! Chiến sĩ Lý đứng trong sân, gọi, tiếng gọi bị gió tuyết nuốt mất.

- Ngưu... Bôn! - Đỗ Lâm bảo cả tiểu đội đồng thanh gọi, vẫn không có hồi âm.

Một dự cảm chẳng lành đến với Đỗ Lâm, anh dẫn toàn tiểu đội lao trong gió tuyết thét gào, đi tìm Ngưu Bôn khắp nơi, cuối cùng phát hiện dấu chân người đi về phía bờ sông Địa Giang, nhưng tìm mãi thì mất hút vì tuyết đã phủ kín cả rồi. Đêm bão, đèn pin soi mãi cũng chẳng thấy dấu chân đâu nữa. Đông, nam, tây, bắc, trên trời, dưới đất, tuyết bay

mù mịt, không phân rõ đường biên giới hai nước. Họ phán đoán họ đã tới đường ranh giới giữa sông, thậm chí vượt quá một tí. Như thế là Ngưu Bôn đã chạy sang thị trấn nước ngoài! Không thể lạc đường, hấn trốn?

Đỗ Lâm cuống quýt dẫn toàn tiểu đội trở về trạm gác kiểm tra đồ đạc, không thấy súng đạn của Ngưu Bôn; gian vũ khí cũng bị lục tung, Đỗ Lâm phát hiện ra một cây thuốc lá nhân sâm và chai rượu Long Tuyên để trong ba lô của mình bị mất.

"Ngưu Bôn trốn ra nước ngoài!". Đỗ Lâm bình thường lão luyện từng trải như một chính ủy, bây giờ bỗng như sét đánh ngang tai, tê tái cả người.

6

Đội hình tam giác biến thành đội hình hàng dọc. Đền bão treo ở cổ con lừa, người lính cũ nắm đuôi lừa. Đỗ Lâm đi đằng sau người lính cũ, con chó vẫn đi trước dẫn đường.

Nửa đêm về sáng Đỗ Lâm thật không ngờ, anh như ở trạng thái vô ngã, nhưng lại ý thức về sự hối hận, anh cảm thấy đó là sự trừng phạt đích đáng đối với mình. Nếu như lúc đầu anh quản chặt Ngưu Bôn, không chút nương nhẹ, thì trên đảo làm gì có câm, làm gì có thị trấn Náo Nhiệt và bây giờ thì quá "náo

nhật" rồi. Quy trách nhiệm, ngoài nguyên nhân do Ngưu Bôn gây ra, chẳng phải đều do mình dung túng đi hòa vi quý và phê bình không nghiêm khắc là gì? Rồi đây, đội điều tra hỗn hợp giữa đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn và phân khu sẽ đến trạm gác, điều tra nguyên nhân, rút kinh nghiệm, ra thông cáo thì gay go to, nhưng nguyên nhân là tại đâu?

Còn mãi suy nghĩ không để ý, Đỗ Lâm thụt ngay xuống hố, tuyết ngập đến ngực. Anh lấy làm lạ, có chó, có lửa ở đằng trước, chiến sĩ Lý đi cũng chẳng làm sao thế mà mình lại tụt xuống hố tuyết? Nhìn kỹ thì thấy mình đi chệch ra nửa bước. Chiến sĩ Lý kéo anh ra khỏi hố tuyết, anh bỗng thấy bờ dễ dàng hơn là đi. Tuyết kệ tuyết, cứ bò cho nhanh, anh bò theo sau... Nguyên do là tại sao nhỉ?

Mùa hè năm nay người yêu của Đỗ Lâm từ nơi xa xôi ngàn dặm đến trạm gác thăm anh. Sợ ảnh hưởng không tốt, ở được hai hôm, Đỗ Lâm bảo người yêu về. Khi đi anh ta không đi tiễn. Ngưu Bôn phải thay anh đi tiễn hơn mười dặm đường. Sau khi cô bạn gái về rồi, thì Ngưu Bôn nhận được một phong thư, nét chữ rất giống nét chữ của người yêu Đỗ Lâm. Đỗ Lâm thấy lá thư này có vấn đề, bèn bóc trộm ra xem. Đọc, thì ra thư của một người bạn trai của Ngưu Bôn, trong thư nói "Chưa mua được "Thánh kinh", mình có một đồng chí có bố làm ở phòng tư liệu, bao giờ đồng chí ấy mượn được sẽ gửi cho". Tuy không phát hiện được Ngưu Bôn có tình ý

với người yêu của mình, nhưng nhờ người mượn "Thánh kinh" là nguy lắm rồi. Anh ta đi tìm Ngưu Bôn hỏi: "Sao đồng chí lại mượn Thánh kinh?"

- Tôi... Sao anh lại biết tôi cần mượn "Thánh kinh"?

- Giấy trắng mực đen, trong thư, chẳng viết là gì?

- Xem trộm thư là phạm pháp!

- Hãy nói vấn đề "Thánh kinh" đã.

- Tôi không nói, tôi sẽ đi báo cáo chính trị viên.

- Được, đồng chí báo cáo tôi đỡ phải đi.

Không ngờ, chính trị viên lại nói với Đỗ Lâm rằng Ngưu Bôn tư tưởng đổi mới, hiểu biết khá rộng như thế là tốt, đề nghị cho anh ta làm cán bộ phụ trách học tập lý luận của tiểu đội. "Phép vua thua lệ làng", chính trị viên đi rồi, Đỗ Lâm đâu có thực hiện.

Đèn bão trên cổ chú lừa cạn dầu, rồi tắt. Bốn bề đen kịt, đoàn Đỗ Lâm như bơi chậm chạp trong đáy biển mực đen.

7

Sáng sớm hôm sau. Một tin như sét đánh chấn động toàn đại đội, toàn thôn. Trương Vinh Khánh chân còn chưa tháo bỏ kẹp, đã chống gậy vừa quay quay vừa giậm chân, anh ta hồi hận là mình không nên hăng hái đi chữa cái chân chết tiệt này.

Anh ta còn giận mình không hiểu cái gì, không biết mua cái gì cần cho đứa trẻ, - tức là không mua sữa bột. Đại đội bộ đóng ở bản Hách Triết, ở đây nhà nào cũng đánh cá nên không nuôi bò sữa. Đại đội vừa động viên được một phụ nữ dân tộc Hách Triết có con vừa đầy tháng đến thị trấn Náo Nhiệt cho trẻ sơ sinh bú. Chính trị viên sợ lên thị trấn Náo Nhiệt nhỡ xảy ra chuyện gì, bèn đem theo y tá, ngồi xe trượt tuyết đi ngay. Còn trên xe trượt tuyết do hai con ngựa bách kéo có Đỗ Lâm, chiến sĩ Lý, Trương Vinh Khánh và người phụ nữ dân tộc Hách Triết. Con chó mực to lúc chạy trước lúc chạy sau.

Cao nguyên tuyết ánh lên ánh bạc lung linh, trái đất sáng hơn cả mặt trời khiến người ngồi trên xe trượt tuyết chói mắt, lông mày và mũi da tràm tai tuyết bám óng ánh. Bầu trời như tấm kính quét đầy tuyết trong sáng, xanh lam, không gợn một bóng mây, những hạt tuyết nhỏ nhỏ trong bầu trời dưới ánh mặt trời lấp lánh như bột bạc.

Ngựa kéo xe tuyết đi theo ven sông. Tuyết mới xuống đêm qua chưa kết rần, nên mặc dù người chiến sĩ đánh xe luôn ra roi quất ngựa, nhưng vẫn không sao đi được nhanh. Người ngồi trên xe đều im lặng không nói, mỗi người suy ngẫm theo dòng tâm tư riêng của mình.

Người có tâm tình phức tạp nhất là Trương Vinh Khánh. Trước mắt anh, chốc lại hiện ra Ngưu Bồn

đang giúp người vợ cầm, chỗ lại thấy người vợ cầm ôm con đang khóc: lòng anh rộn lên nỗi nhớ Ngưu Bôn. Rồi lại thấy khó hiểu và oán giận đối với anh ta; đồng thời lại thấy hối hận, hối hận vô cùng.

Chiến sĩ Lý rất buồn, anh có cảm tình với Ngưu Bôn, thậm chí thích là đằng khác. Anh nhớ đêm 15 tháng 5 cùng Ngưu Bôn thả đèn giấy ở bờ sông - đó là phong tục của người Hách Triết, họ thả đèn giấy xuống sông cho trôi đi rất xa, rất xa để soi rõ thủy bộ dưới sông cho cá quý ma kha và những cá như cá chép, cá diều, cá ngao... biết đường bơi đến để cho họ bắt. Đèn của Ngưu Bôn làm bằng lọ mực, trong đó đầy dầu hỏa, đặt trên một tấm gỗ nhẹ, chao đèn hình ngôi sao năm cánh bởi bằng giấy. Đèn sao năm cánh đỏ chót trôi theo dòng sông đen nhờ nhờ. Ngưu Bôn nói ngọn đèn thay mặt anh đi xem phong cảnh trên sông và chào hỏi trẻ già, trai gái cùng cỏ cây sông núi ven bờ. Chiến sĩ Lý cười anh ta lãng mạn, và nhặt viên đá mỏng ném thia lia trên mặt nước. Hòn đá chìm. Ngưu Bôn chạy vút đi, lòng chiến sĩ Lý băng khuâng như mất cái gì, lại vừa có cảm giác nghi hoặc khó hiểu.

Người phụ nữ Hách Triết đi cho con chị cầm bú chưa lên phố huyện bao giờ, cô tưởng tượng ra giọng nói, nét mặt, cử chỉ của cô cầm. Chị liếc nhìn gương mặt chất phác của Trương Vinh Khánh, nghĩ rằng cô

câm chắc là đẹp lắm. Nếu không tại sao anh lính bỏ trốn lại cứ thích giúp đỡ cô ta?

Trải qua một đêm bão tuyết rét buốt, đầu óc Đỗ Lâm trở nên mệt mỏi, tê dại như thân thể của anh vậy, không còn muốn hoạt động nữa. Điều lo nhất bây giờ là đứa trẻ liệu có còn sống không? Mãi xế chiều, xe trượt tuyết mới vào tới thị trấn Náo Nhiệt. Hai luồng khói trắng từ trạm gác ngói đỏ và nhà tường đất của cô câm bốc lên. Tiếng kèn ácmonica phát ta từ trạm gác quện lấy hòn đảo nhỏ im lặng.

- Còn đàn với hát, rồi rãi lắm hả? Hãy đến nhà anh Trương trước. - Đỗ Lâm đứng dậy dẫn chiếc xe trượt tuyết về nhà Trương Vinh Khánh.

Trương Vinh Khánh không nhường khách, vội lao vào trong nhà, những người còn lại cũng vội vào theo.

Cảnh tượng trong nhà hoàn toàn khác với sự tưởng tượng của người ở trên xe: y tá đang dọn đồ đạc, chính trị viên đang làm cơm, cô câm ngồi trên giường soi gương chải đầu, đứa bé đang ngủ ngon lành dưới ánh mặt trời chiếu xiên vào, chiếc miệng xinh xinh luôn luôn tóm tép, bên gối có một bình sữa tươi, trên bậc cửa sổ có một chiếc chậu to cũng đầy sữa. Mọi người trong nhà ngó ra.

Trước tiên, cô câm giơ tay làm hiệu với chồng.

Trương Vinh Khánh phủ phục bên giường ngắm mặt đứa con.

Người đàn bà Hách Triết, liếc nhìn mãi cô câm.

Đỗ Lâm thì dán mắt vào bình sữa.

Con chó mực vẫy đuôi chạy đi chạy lại trong nhà.

Chính trị viên từ nhà ngoài bùng nước sôi vào, anh như người chủ tiếp đón chủ nhà và khách mới đến.

- Sao thế, đồng chí chính trị viên? - Đỗ Lâm hỏi.

- Hỏi Ngưu Bôn nói cho nghe.

- Ngưu Bôn? Nó ở đâu?

- Đang nghỉ trong tiểu đội.

- Thế... nó không...?

- Cứ đi hỏi sẽ biết! -

Đỗ Lâm chạy về chỗ tiểu đội ở, thấy Ngưu Bôn ngã người ngồi trên giường thổi ácônica. - "Về rồi hả, tiểu đội trưởng?" - Ngưu Bôn sáng mắt lên, ngồi thẳng lại, nhìn Đỗ Lâm đầy thiện ý.

- Anh... anh đi đâu?

- Chạy sang bên kia, sợ anh không đồng ý, nên em không xin phép.

- Anh đi ăn cấp sữa của người ta?

- Không phải ăn cấp, mà là đổi.

- Bậy!

- Thật mà, ở bên ấy nhà nào cũng nuôi bò sữa, đứng ở trên chòi gác chúng em thấy rất rõ, mà cũng không có lính biên phòng. Em mò sang, chui vào chuồng bò của một nhà, làm ngay hai phích với hai bi đông sữa. Khi đi, để lại thuốc lá, nhân sâm và rượu cho họ, sau này em sẽ trả anh tiền.

- Tiền là chuyện nhỏ. Làm mất mặt người Trung Quốc.

- Sao lại mất mặt, thuốc và rượu những hơn hai mươi đồng; hơn mười cân sữa độ ba bốn đồng chút mấy, họ bán đâu được cái giá ấy?

- Chính sách biên giới, không hiểu à?

- Hiểu chứ. Nhà nước chẳng mở cửa biên giới cho buôn bán là gì? Vả lại, không thể cứ nhìn dân thị trấn Náo Nhiệt đói mãi được. Cho nên em mới đi, xảy ra chuyện gì một mình em chịu tất.

- Chỉ tổ làm cho quốc tế người ta cười cho! Súng của anh đâu?

- Lúc đi phát hiện ra vẫn còn đeo súng trên lưng, em cõ ra giấu vào gian nhà kho của chị câm.

- Kiểm điểm đi, chờ kỷ luật!

- Vâng. Đồng chí tiểu đội trưởng có nhìn thấy tờ giấy chị câm vẽ không?

Đỗ Lâm móc từ trong túi ra một trang giấy đã nhàu nát.

- Thấy chưa, đây là lá thư chị câm nhờ em gửi cho chồng. Lại còn vẽ nữa chứ!

- Vẽ, vẽ cái gì? Anh Trương cùng vẽ với chúng tôi rồi.

8

Mấy hôm sau, phòng chính trị trung đoàn cử một cán bộ về, nói là phòng kiểm tra quân sự đã điều

tra, nghiên cứu, quyết định miễn tố Ngưu Bôn. Phân khu quân đoàn ra chỉ thị cần phải cho Ngưu Bôn học bổ sung pháp chế và chính sách biên phòng, giao cho phòng chính trị trực tiếp tiến hành. Địa điểm ở nông trường trung đoàn, Ngưu Bôn vừa lao động vừa học tập.

Hôm Ngưu Bôn đi, toàn tiểu đội đi tiễn. Chị cảm vừa sinh nở không sợ nắng gió cũng cùng chồng ra tiễn. Anh Trương còn cho Ngưu một lọ mắm cá ma kha. Ngưu Bôn không nhận "Bây giờ anh và vợ anh đang cần tắm bổ, để mà dùng!".

Đỗ Lâm đưa cho Ngưu Bôn một quyển sổ: "Cầm lấy mà dùng. Ba tháng này cố mà cải tạo tư tưởng, không đạt đừng trở về!

Ngưu Bôn cầm quyển sổ: "Cảm ơn tiểu đội trưởng. Đoạn đây mọi người về đừng đi tiễn nữa: "Về nhà đi, rét lắm!".

Ngưu Bôn bước lên xe trượt tuyết của cán bộ trung đoàn.

Vừa đi đến bờ sông, anh ta quay lại chào, nói thật to:

- "Này, bí mật, đừng cho mẹ tôi biết nhé!".

Tiếng nói vang trong bầu trời của xứ tuyết:

- "Đừng.. cho... mẹ tôi.. biết nhé...".

Theo Tân Hoa Văn trích 4 - 1984

(Giải thưởng truyện ngắn 1983)

VỢ GIÀ CHỒNG TRẺ

TÔN HỖ THẦN

Xóm Núi xuất hiện một bà lão ăn mày, tóc bà lão rối như tơ vò, quần áo rách rưới, trông chừng bảy mươi tuổi.

Người trong thôn thương hại, người thì cho bà bát cơm, người thì cho lẻ gạo, cũng có người ném cho bà vài hào lẻ. Trời tối rồi, bà lão mệt quá không đi được nữa, định ngủ lại trong thôn, nhưng lại nghĩ mình rách rưới bẩn thỉu thế này ai người ta chứa? Bà lão đành đi tìm một nhà cán bộ thôn, xin ngủ lại một đêm xem có được không. Trưởng thôn tên là Trần Bảo Sơn, ông là người tốt bụng nhưng ít học. Thấy bà lão đáng thương, ông trở xuống căn nhà phía xa ở dưới, nói: "Bà lão ơi, bà trú tạm ở xuống làm đậu phụ nhá. Tôi sẽ bảo người làm tối về nhà họ ngủ cũng được". Trần Bảo Sơn nói xong liền bàn bạc với anh thợ làm đậu phụ, rồi bê khay đậu phụ đi về nhà. Anh thợ làm đậu phụ tên là Mã Thành Lâm, hai mươi bảy tuổi, cao to, mặt mày rạng rỡ. Anh ta trông cũng chả đến nỗi nào, thế mà không sao kiếm được vợ. Bố anh trước đây bị bệnh lao phổi, chạy chữa khắp nơi, tốn

rất nhiều tiền mà bệnh vẫn không khỏi, cuối cùng phải chết. Trong nhà còn lại hai mẹ con, trông nhờ vào Mã Thanh Lâm làm đậu phụ thuê để kiếm sống. Mã Thanh Lâm sống có đạo lý, hay thương người. Anh thấy bà lão tội nghiệp liền đồng ý để bà ở lại trong nhà làm đậu phụ, và lấy hai tấm đậu phụ của nhà mình biếu bà lão, lại còn về nhà xối cho bà lão bát cơm. Bà lão gật đầu nói:

- Cảm ơn chú! Phiền chú gánh cho già gánh nước, chốc nữa già tắm rửa một chút, kéo làm bản chần chiếu của chú...

Mã Thanh Lâm nghe xong liền đi gánh nước, dọn dẹp xong rồi về nhà mình.

Hôm sau, trời vừa sáng, Mã Thanh Lâm đến đeo tạp dề chuẩn bị xay đậu, vừa tới, thấy đậu đã xay xong rồi, bà lão đang rửa máy xay. Anh ngạc nhiên hỏi:

- Bà ơi, bà xay đậu đấy ư?

- Ủ, có tuổi rồi ngủ ít, tỉnh dậy, chẳng biết làm gì, liền đi xay đậu. Xay bằng máy, không cần người đẩy, chỉ cần coi tra đậu vào, đổ thêm nước là xong.

Mã Thanh Lâm ngượng ngùng nói:

- Cảm ơn bà, để bà già thế này phải xay đậu, cháu thật không phải. Bà mau vào nhà nghỉ đi! Đợi lát nữa cháu về nhà lấy cơm cho bà ăn.

Bà lão nhìn Mã Thanh Lâm, gật đầu, nói:

- Cảm ơn chú! - Bà lão quay vào nhà trong.

Mã Thanh Lâm bán xong đậu phụ, cứ định ninh rằng bà lão ăn cơm xong sẽ đi. Nhưng đợi gần đến trưa, chẳng thấy động tĩnh gì, mở miệng giục thì ngại, không giục thì bà ta không đi, biết làm sao bây giờ. Nghĩ mãi thấy nên giục là hơn. Anh liền nói với bà lão:

- Bà ơi, bà chuẩn bị đi phải không? Cháu có tí việc phải đi, phải khóa cửa đây.

Bà lão thở dài, hắng giọng nói:

- Chú ơi, không phải già cứ ở lì đây mãi không đi, mà chỉ vì mấy hôm nay bị ốm, chân tay cứ nhũn ra không muốn nhúc nhích, xin chú làm phúc cho già ở lại mấy ngày nữa, đợi khỏe một chút, già nhất định sẽ đi.

Mã Thanh Lâm nghe xong đắn đo mãi, đoạn nghĩ người già yếu lại suốt năm phải ăn nhờ ai mà chả có bệnh, vả lại đang yếu thế này đi ăn xin sao được, thôi thì để bà ta ở thêm mấy hôm cũng được.

Mã Thanh Lâm về nhà bàn với mẹ, bà mẹ nói: "Con ơi, nhớ là nên làm điều tốt hơn là làm điều xấu. Bà lão bị bệnh, lại tuổi cao, con nên hầu hạ bà ấy mấy hôm cũng được". Mã Thanh Lâm là đứa con có hiếu, râm rắp nghe theo lời mẹ dặn.

Thế là hằng ngày anh đem cơm, thức ăn đến cho bà lão ăn, bỏ tiền ra mua thuốc cho bà lão uống, tối đến trước khi về nhà, nhóm lửa đốt nóng giường cho bà nằm. Quay đi quay lại đã 20 hôm rồi, mà bà lão vẫn không nói bệnh đã đỡ chưa, cũng không thấy có

ý định sẽ đi. Lại qua mấy hôm nữa, bà lão bỗng lên tiếng:

- Chú ơi, chú đối xử với tôi tốt quá. Từ trước đến giờ tôi chưa được ai đối xử tử tế thế này. Nay gặp được chú là người tốt bụng, tôi chẳng biết lấy gì báo đáp ân tình của chú, chỉ biết lấy thân mình ra báo đáp, xin được làm vợ chú thì tôi vô cùng toại nguyện. Chú đồng ý thì nói đồng ý, không đồng ý thì cũng nói cho...

Mã Thanh Lâm nghe mà phát hoảng lên, đầu óc mụ mị cứ ngớ ra, lắp ba lắp bắp nói:

- Cái đó, cái đó, không được đâu! Tuổi tác giữa bà và tôi quá chênh lệch, không thể lấy nhau được, cho dù nhà tôi quá nghèo, suốt đời chẳng lấy được vợ cũng không thể lấy bà được.

- Chú ạ, tôi cũng biết tôi già cả như thế này, gỗ mục sao xứng với hoa tươi được. Nhưng kết hôn xong tôi có thể làm cho chú sống hạnh phúc, nếu chú không đồng ý thì tôi sẽ tự vẫn trước mặt chú cho mà xem!

Mã Thanh Lâm thấy sự việc rắc rối quá, nếu bà ta tự tử thật thì phiền phức to, xem ra bà ta nói là làm vậy. Anh không biết làm thế nào đành gật đầu bừa.

Về nhà anh nói với mẹ, bà mẹ đồng ý sao được, bà nghi hoặc hỏi: "Con đồng ý lấy bà ấy rồi à? Có phải con bày bạ với bà ta rồi hã? Bà ấy hơn mẹ

những hai tuổi, chẳng khác gì anh lấy chiếc quan tài về làm vợ?

- Mẹ, người ngoài không hiểu con đã đành, chứ mẹ mà cũng không tin con ư? Con chỉ thương bà ấy già thế mà chẳng có ai nương tựa phải đi ăn xin, con để bà ấy ở lại làm bạn với mẹ cho vui - Người con nói.

- Đồng tình cũng được, thương hại cũng được, nhưng anh không được lấy bà ta làm vợ, anh phải tính toán sau này còn lấy vợ chứ! - Người mẹ nói.

- Mẹ, mẹ toàn nói mơ, nhà ta nghèo anh thêm lấy? Con sẽ phụng dưỡng mẹ suốt đời, con không nghĩ đến điều gì khác nữa - Người con nói.

- Con ơi, con cũng lớn rồi không còn nhỏ tuổi nữa, con tự lo liệu lấy được rồi. Mẹ cũng chẳng can thiệp vào việc của con nữa, có điều phải suy nghĩ cho chín chắn.

Mã Thanh Lâm nghe mẹ nói thế, tự mình quyết định "đại sự" của mình. Anh trở về xưởng làm đậu phụ, nói lại với bà lão, bà lão vui vẻ nói: "Đã thế thì chúng ta đến nhà thôn trưởng xin cái giấy giới thiệu để đi đăng ký, làm càng sớm càng tốt". Nghe đến chuyện đến thôn trưởng xin giấy giới thiệu, Mã Thanh Lâm đã thấy ón, ông ấy có cho không? Thôi thì cứ thử, không được, ta nhờ người khác vậy. Nào ngờ, vừa ngỏ ý, thôn trưởng ủng hộ liền.

Số là ông thôn trưởng có cô con gái tên là Trần Tiểu Hương, xinh đẹp nhất vùng. Từ lâu cô đã yêu Mã Thanh Lâm, và định chung sống suốt đời với anh,

nhưng cả bố lẫn mẹ cô đều không đồng ý, họ chê nhà Mã nghèo, nên đã rẽ duyên đôi lứa. Tiểu Hương thế, ngoài Mã Lâm ra quyết không lấy ai nữa. Mã Thanh Lâm hết hy vọng, mặc dù cô con gái yêu mình, nhưng bố mẹ cô ta không đồng ý thì cũng vô ích. Ông trưởng thôn được tin Mã Thanh Lâm sẽ kết hôn cùng bà ăn xin, tất nhiên là hết sức ủng hộ, một là để Mã từ nay đừng tơ tưởng đến con gái mình nữa, hai là làm cho con gái từ bỏ ý định lấy Mã đi. Và ông ta còn hứa cho Mã vay 500 nhân dân tệ để làm lễ cưới. Tin đó lan ra, khiến cả thôn phải bàn tán. Người thì nói Mã Thanh Lâm nghèo quá, đành phải lấy một bà lão ăn mày làm vợ. Người thì nói, thường ngày thấy Mã Thanh Lâm rất đúng đắn, không ngờ lại đổ đốn thế. Dư luận rất nhiều, mỗi người một ý.

Tin đó đến tai Tiểu Hương, cô lo lắng đến khóc òa lên, vội đi tìm Mã Thanh Lâm, nhưng muộn mất rồi, họ đã đi đăng ký trước đó một lúc lâu. Đang tính toán thì cô gặp bố, ông lôi cổ Tiểu Hương về nhà giao cho mẹ cô và con dâu coi giữ, đợi Mã Thanh Lâm đăng ký xong, coi như sự đã rồi. Mã Thanh Lâm và bà già đến ủy ban xã, tìm gặp Lão Khổng, người phụ trách đăng ký kết hôn. Lão Khổng lắc đầu quây quây, nói: "Không được, không được! Tuổi tác các người quá chênh lệch". Bà già sa sầm nét mặt, nói: "Lẽ nào chúng tôi chưa đến tuổi đăng ký?". "Không, không! Tôi nói tuổi tác của các người so le quá lớn". "Thưa ông trưởng phòng, ông nói thế sai rồi. Luật

hôn nhân của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có điều ấy". Lão Khổng bị bà già cật vấn, cậm tịt không nói được lời nào, một lúc sau mới nói: "Hôm nay hai ông bà cứ về suy nghĩ thêm, tôi sẽ bàn với lãnh đạo, ngày mai sẽ trả lời!". Bà già nói: "Được, vậy ngày mai chúng tôi lại đến. Nhưng tôi già thế này, không thể cứ đi lại mãi được. Đồng ý hay không đồng ý, nói cho rõ để tôi còn định liệu". Nói rồi bà già kéo Mã Thanh Lâm về.

Hai người về đến xưởng đậu phụ, bà già vỗ đùi nói: "Hôm nay mình làm cái việc quá ngớ ngẩn, may mà chúng ta chưa đăng ký được. Nếu như được đăng ký chính thức, thì anh vẫn chưa biết tên tôi là gì, người ở đâu. Chẳng phải là giấu đầu hở đuôi còn gì?". Mã Thanh Lâm nghe bà lão nói thấy phải, bà bảo nghĩ chu đáo thật. Đoạn bà lão lấy từ trong túi áo ra cuốn sổ hộ khẩu, đưa cho Mã Thanh Lâm. Thì ra bà già là một bà giáo tiểu học đã về hưu ở một thành phố thuộc tỉnh Hắc Long Giang, tên là Vương Thục Mai, năm nay sáu mươi bảy tuổi. Mã Thanh Lâm xem xong sổ hộ khẩu, nghĩ bụng, chả trách nào bà già ăn nói khác với người bình thường, bà là một người trí thức kia đấy.

Hôm sau, Mã Thanh Lâm và Vương Thục Mai lại lên xã đăng ký kết hôn. Không ngờ, trưởng phòng Khổng rất chủ động, nhiệt tình tiếp họ, làm thủ tục đăng ký kết hôn rất suôn sẻ, thuận lợi và nói với Mã Thanh Lâm:

- Việc hôn thú của ông bà, thôn trưởng không có ý kiến gì, ông ấy còn gửi thư đến xin ủy ban chiếu cố, tạo thuận lợi cho ông bà.

Trưởng phòng họ Khổng tỏ thái độ nhiệt tình, nhưng trong bụng lại mang ý châm biếm. Bà già nghe vậy nghĩ bụng, không cần biết anh có ý gì, chỉ cần đăng ký được là xong. Trên đường về nhà, bà già nói với Mã Thanh Lâm rằng: "Đăng ký được rồi, chúng ta nên tổ chức cưới sớm. Ngày kia là chủ nhật, là ngày cưới rất tốt. Anh về, đến lấy 500 nhân dân tệ mà thôn trưởng hứa cho vay, ra chợ mua kẹo bánh, thuốc lá, pháo, hạt dưa... còn tôi thì dọn dẹp gian nhà làm đậu phụ, chúng mình tạm thời làm lễ kết hôn ở đó, sau này có điều kiện hẵng hay".

Chả mấy chốc đã đến ngày chủ nhật. Một già một trẻ làm lễ kết hôn, thôn trưởng làm chủ hôn, bạn bè, thân thích, láng giềng của Mã Thanh Lâm đều đến dự, ăn kẹo, hút thuốc rất rôm rả. Cô dâu chú rể đang vái trời đất, bỗng có một người con gái kéo bà già ra nói: "Các người không thể vái trời đất được, chú rể là của tôi, tôi và chú rể sẽ vái trời đất".

Mọi người quay lại nhìn thì ra là Trần Tiểu Hương, họ vô cùng kinh ngạc, chuyện này lỗi thôi to. Thật không ngờ, bà lão rất bình tĩnh, không hề hoang mang, bà chậm rãi nói với Tiểu Hương:

- Cô gái ơi, mong cô đừng có làm ầm ĩ lên. Nếu có giấy đăng ký kết hôn, tôi xin nhường cô ngay. Còn

không, thì cô làm như vậy là sai lầm đấy. Tôi và chồng tôi kết hôn có chính quyền cho phép, có pháp luật Nhà nước bảo vệ, không ai cướp chồng tôi được, mà cướp cũng không xong đâu. Hãy nghe lời già nói, về đi, đừng làm thế người ta cười cho.

Trần Tiểu Hương còn định cãi, thì bị mọi người vừa khuyên vừa lôi về nhà. Hôn lễ xong, khách đã ra về, hai người bày rượu thức nhắm ra, cùng nhau uống rượu. Ăn uống xong, trời cũng vừa tối. Bà già nói: "Thanh Lâm à, trời tối rồi, vất vả suốt cả ngày, mau về nhà mà nghỉ, kéo mẹ ở nhà lại mong! Tôi dọn dẹp xong xuôi cũng đi ngủ đây".

Mã Thanh Lâm lòng rối như tơ vò, mình làm sao thế nhỉ? Bản thân không hiểu nổi mình sao lại làm thế, trong bụng nghi nghi hoặc hoặc, sau đó đi về nhà. Về đến nhà, bà mẹ hỏi:

- Thanh Lâm, đêm tân hôn sao không ngủ cùng vợ, mà lại về là làm sao?

- Mẹ, trước khi kết hôn, chúng con đã quy ước chỉ kết hôn mà không ngủ chung với nhau.

Bà mẹ thấy con đang buồn, không hỏi nữa, Mã Thanh Lâm nằm trên giường trần trọc không sao ngủ được. Vừa thiếp đi, tỉnh dậy, mặt trời đã mọc bằng con sào. Anh vội mặc quần áo chạy đến xưởng nhà làm đậu phụ. Vừa vào nhà, bỗng vô cùng kinh ngạc, bà già nằm thẳng đơ trên giường, mặt mày tái nhợt, tứ chi đều lạnh cứng, xem ra chết đã lâu rồi, cạnh giường có một bát thuốc độc, tờ di chúc và một

sổ tiết kiệm. Mã Thanh Lâm sợ quá, chuyện này hệ trọng đây, sẽ phải ra tòa vì liên quan đến tính mạng con người. Anh nghĩ mãi, vội đi báo trưởng thôn, trưởng thôn không dám giải quyết việc này, vội báo lên xã, xã gọi điện thoại cho công an huyện. Vào khoảng hơn 10 giờ sáng, tất cả đều đến hiện trường, qua khám nghiệm, kết luận là bà già tự sát. Mọi người vẫn không hiểu, bà già đã tìm được chỗ dựa rồi mà còn tự vẫn là tại làm sao? Lấy lá thư di chúc ra đọc, mọi người có mặt đều rõ hết cả.

Thì ra, vợ chồng bà già trong "Đại cách mạng văn hóa" bị hại, chồng chết sớm, bà một mình vất vả nuôi hai đứa con, một trai một gái, khôn lớn. Ai ngờ cả hai đứa đều bất hiếu, xử tệ với mẹ. Cuối cùng chẳng ai chịu nuôi dưỡng bà, bà bèn giận dữ bỏ nhà ra đi, giữa đường gặp Thanh Lâm nhiệt tình giúp đỡ. Bà cảm thấy người đứng nước lã như Thanh Lâm mà lại tốt bụng gấp mấy lần con cái bà, thật là người tốt hiếm có. Bà quyết định trả ơn Thanh Lâm bằng cách đem số tiền được đền bù bị hại trong "Đại cách mạng văn hóa" cùng số tiền lương tích góp bao nhiêu năm cả thấy 18.000 nhân dân tệ và bốn gian nhà của mình biếu cho chồng là Mã Thanh Lâm. Còn tiền chi phí tang lễ, con cái phải tự lo liệu. Và bà nghĩ, mình đã đến tuổi xế chiều, không thể làm lỡ tuổi xuân của Mã Thanh Lâm, nên đã tự sát. Công an huyện cảm động trước việc làm của bà Vương Thục Mai, bèn liên hệ với Tòa án tỉnh Hắc Long Giang cho gọi con trai,

con gái của bà Mai đến giải quyết. Con trai bà Mai là Trương Giai, con gái tên là Trương Lệ, cả hai đều theo di chúc của mẹ, phục tùng cách giải quyết của Tòa án. Nhục nhã, hối hận, đau khổ làm cho cả hai anh em họ đều khóc nức nở.

Mã Thanh Lâm sau khi biết rõ sự thật lòng anh xót xa, không muốn nhận bất cứ cái gì. Còn Trương Giai và Trương Lệ quyết làm theo di chúc của mẹ. Được mọi người góp ý, nhà cửa vẫn thuộc về Trương Giai, Trương Lệ, còn tiền thì thuộc về Mã Thanh Lâm, chi phí an táng do Mã Thanh Lâm đảm nhiệm.

Mọi việc đã giải quyết xong xuôi. Nhưng mọi người lại nghĩ đến một việc khác: Trần Tiểu Hương và Mã Thanh Lâm từ nhỏ đã chơi với nhau thân thiết, đúng là một đôi trời xe duyên, sau được hàng xóm láng giềng vun vào, cuối cùng hai người kết duyên vợ chồng.

CHIẾC GHẾ TRE NHỎ CỦA BÀ LÃO

ỨC LONG

Bà từ nhà quê ra đến ở nhà chúng tôi đã hơn ba năm rồi. Khi đi bà mang theo một tay nải và một chiếc ghế tre.

Bà rất chăm chỉ, luôn luôn thấy bà bận rộn ở trong bếp. Bà đặc biệt rất thích ngồi làm việc trên chiếc ghế tre. Không biết bà đã ngồi chiếc ghế này bao lâu rồi, ghế nhẵn bóng sáng loáng, ngồi lên rất mát, màu ghế như màu hạt vải, tựa hồ quang dầu rất đẹp. Một đêm, trước khi đi ngủ, bà cài cửa phòng, làm gì ở trong đó khiến chiếc ghế tre nhỏ kêu cọt két, còn bà thì thầm như nói chuyện với chiếc ghế.

Mẹ tôi chê chiếc ghế của bà quá quê, bèn mua cho bà chiếc ghế nhỏ bằng chất dẻo rất đẹp. Nhưng bà không thích ngồi, bà bảo quen ngồi ghế tre rồi.

Tôi cũng thích ngồi chiếc ghế tre nhỏ của bà, lúc bà không để ý, bê chiếc ghế tre nhỏ vào phòng để ngồi. Bà phát hiện ra, đuổi đến tận phòng. Bà giận dữ, sắc mặt trông mới dữ làm sao. Bình thường bà lúc nào cũng tươi cười, hiền như Bồ Tát ở trong chùa. Bà vô lấy chiếc ghế tre nhỏ mang đi, làm tôi rất buồn. Thì ra bà là người tính khí hẹp hòi.

Nhà trường thường tổ chức cho chúng tôi đi chơi, các bạn học thường có tiền trong túi, đứa thì mua nước ngọt Côca Côla, đứa mua kẹo, đứa mua nho khô. Tôi xin tiền mẹ, mẹ không cho. Mẹ bảo trẻ con không nên có thói tiêu tiền bừa bãi. Tôi đành phải đeo cái bì đông nhựa đựng nước sôi đi. Bấy giờ, bà liền nhẹ nhàng dúm cho tôi ít tiền, khi thì năm hào, khi thì một đồng. Đó là bí mật giữa tôi và bà.

Chỉ có tết mẹ tôi mới cho tiền, gọi là tiền mừng tuổi. Bà cũng cho tôi một phong bao đỏ, nhiều hơn tiền mẹ cho. Thật ra bà rất rộng rãi, trước kia tôi trách oan bà.

Bà và tôi thành đôi bạn rất thân, hễ tôi làm xong bài là đi tìm bà. Trong nhà thường chỉ có hai chúng tôi, chúng tôi nói với nhau rất nhiều, rất nhiều chuyện. Bà nói con bà đôi xử tệ bạc với bà, bà chỉ biết dựa vào sức mình, bà cần phải kiếm nhiều tiền, nếu không sau này không làm được nữa thì khốn khổ.

Dưới nhà chúng tôi thường có người mua giấy báo cũ và vỏ chai đi qua, mẹ bảo bà mang báo cũ, tạp chí cũ đi bán.

Bố tôi mất một tờ tranh chữ⁽¹⁾ tìm khắp nơi trong nhà, hỏi bà có thấy đâu không, ông còn dùng tay khoa khoa trong không trung. Bà nói có thể lẫn vào báo cũ bán đi rồi. Bố bỗng chốc giận dữ biến sắc mặt. Mẹ nói là mẹ bảo bà đem bán sách báo cũ, bà không

1. Chữ Trung Quốc là chữ tượng hình rất đẹp, có người chuyên viết chữ để bán (ND).

biết chứ, không nên trách bà. Bà hỏi cẩn thận xem tờ tranh chữ kia có đáng tiền không? "Vật quý vô giá", bố nói, "của một người bạn cho". Bà không tin là tờ tranh chữ lại đáng tiền đến thế. Bà nói, cái mà người ta cho thì đâu có đáng giá, tôi sẽ mua một tờ đền cho bố cậu.

Từ đấy trở đi, bà không bán đồ cũ của nhà nữa. Bà thường ra bãi ở đồng rác kiếm những vật có thể bán được tiền mang về, giấy uớt thì đem phơi, rửa sạch các chai thủy tinh, các chai nước chanh, đợi người đến mua bán cho họ lấy tiền tích lại.

Bà già đi chợ mua thức ăn, thấy có mấy cửa hàng bán tranh chữ, bên cạnh còn treo lủng lẳng nhiều tờ tranh chữ, có câu đối, có những tờ giấy chúc thọ viết chữ to... Bà đi tới hỏi, ông bán cho tờ tranh chữ kia nhé. Bà mua làm gì? Người bán tranh hỏi, ở đây có đủ loại, bà xem đi đã, muốn mua loại nào. Bà nghĩ ngợi nói, cần cái tờ mà người có học hay treo ở trong nhà ấy. Thế thì viết cho bà một bài thơ nhé, người bán tranh chữ nói. Bà già gật đầu.

Cửa hàng bán tranh chữ mở giấy, kéo giá ra viết, quầy bán bỗng xúm động xúm đở rất nhiều người, dường như xem biểu diễn xiếc. Bà rất hài lòng, không ngừng nhìn tới cười, tựa như nói, tôi nói sẽ đền bố cậu một tờ tranh chữ, tôi không lừa cậu đâu.

Người viết chữ viết rất thảo, tôi không đọc được một chữ nào, bà cũng không đọc được.

Người viết chữ viết xong, tự ngắm nghía một lát, rồi lắc lư cái đầu, đọc to lên.

Tốt. Bà chỉ nói một tiếng tốt. "Tờ này lấy bà 30 đồng thôi". Người viết chữ nói. Những người đứng xem bàn tán xôn xao, nói bức này mà những 30 đồng, rõ ràng là đắt. Bà lão nhìn họ, không nói gì, từ trong túi áo trong móc ra một túi vải nhỏ, giở hết lớp này đến lớp khác, cẩn thận đếm 30 đồng đưa cho người viết chữ, cầm lấy bức tranh, sung sướng trở về nhà. Tôi chạy gấp lăm mới theo kịp bà.

Ăn cơm tôi xong, bố tôi ngồi ở phòng khách vừa uống trà vừa xem tivi, bà lão trịnh trọng trao bức tranh kia vào tận tay bố, hai mắt chăm chăm nhìn bố mở bức tranh. Bố nhìn bức tranh lắc đầu. Ông nói, chữ viết như thế này treo trong nhà thế nào được, ở đâu ra bức tranh chữ này. Bà lão ảm ức nói, bỏ ra 30 đồng mới mua được đấy, bữa trước đánh mất tờ tranh của ông... Bố nói, người viết chữ đầu phố làm sao mà so được với nhà thư pháp⁽¹⁾ cơ chứ, bức tranh chữ của ông bạn tôi kia cũng chẳng đáng 30 đồng đâu. Đây, có ai trách bà đâu, hà tất bà phải làm như thế. Mẹ cũng nói mất tờ tranh ấy không phải là tại bà, hà tất bà phải bận tâm cơ chứ.

Bà lão lặng lẽ cầm bức tranh chữ kia, cẩn thận gấp lại, cất đi. Suốt mấy ngày liền bà không nói một tiếng.

1. Người viết chữ Trung Quốc chuyên nghiệp (ND).

Nhân lúc bố mẹ đi vắng, bà lão khê hỏi tôi: Nơi nào bán tranh chữ đáng tiền như bố cậu nói? Thì ra bà lão vẫn nghĩ đến bức tranh chữ kia. Tôi nghĩ ngợi rồi nói, khi bố cháu dẫn cháu đi xem triển lãm, cháu nhìn thấy rất nhiều tranh ảnh và tranh chữ. Bà lão bảo tôi dẫn bà đi và còn dặn tôi không được nói với bố mẹ.

Sáng chủ nhật, bà làm cơm rất sớm, đợi cả nhà ăn xong, thu dọn xong xuôi, bà nói dẫn tôi ra ngoài phố chơi. Chúng tôi cùng đi đến nhà triển lãm. Nhà triển lãm có rất nhiều tranh ảnh và tranh chữ, trong tủ kính còn có các bức phù điêu và đồ cổ.

Bà lão không xem cái gì cả, bà chỉ đi đi lại lại trước mấy tấm tranh chữ. Bà không biết chữ, bằng giá tiền bà cũng không đọc được. bà luôn miệng hỏi tôi bức này bao nhiêu tiền, bức kia bao nhiêu tiền. Những bức tranh chữ ấy đều rất đắt, rẻ nhất cũng phải 300 đồng, đắt nhất cũng phải 600 đồng⁽¹⁾. Bà nói, không ngờ bức tranh chữ lại đắt thế, một bức bằng mấy nghìn cân thóc, chẳng trách bố cậu xót xa là phải. Bà đi đi lại lại trước những tấm tranh chữ ấy, dường như đang đắn đo. Sau cùng bà chỉ tấm tranh chữ giá 600 đồng hỏi cô nhân viên nhà triển lãm, có bớt được không. Cô nhân viên nói, nếu bà muốn mua thật thì có thể bớt được 100 đồng. Bà lão vẫn chưa yên tâm, lại hỏi: Chữ này có phải là của nhà thư pháp viết không? Cô nhân viên cười, nói tất

1. Một đôla Mỹ ăn khoảng 6 đồng tiền Trung Quốc (ND).

nhiên là của nhà thư pháp viết rồi, lại là của nhà thư pháp rất nổi tiếng cơ đấy, chữ viết của ông ở nước ngoài bán rất đắt. Bà lão suy nghĩ một lúc, rồi nó với cô nhân viên nhà triển lãm rằng, tôi mua bức tranh này, bây giờ về nhà lấy tiền, đừng bán cho người khác.

Bà lão rất vui sướng, như bắt được vàng, vừa đi vừa nói với tôi, bức tranh này nhất định là bố cậu thích lắm.

Bà về đến nhà, liền đi tìm chiếc ghế tre nhỏ của bà. Kni chúng tôi đi phố, bà mang chiếc ghế nhỏ vào trong phòng bà, đặt cẩn thận vào nơi mà hàng ngày không ai động đến đồ vật của bà. Nhưng bây giờ không thấy chiếc ghế ấy nữa, tìm đâu cũng không thấy, bà hoảng hốt đổ cả mồ hôi. Nguyên là bố mẹ tôi, nhân dịp chúng tôi vắng nhà, ở nhà làm vệ sinh, đem chiếc ghế tre nhỏ của bà và rác rưởi ném đi. Bà lão nghe nói chiếc ghế tre nhỏ của mình đã ném đi rồi, mặt bà tái mét, chạy vội chạy vàng từ trên gác xuống đất.

Bà lão lao đến hố rác, như người điên, bà bối loạn cả lên, không hề sợ bẩn sợ thối. Tôi cũng xuống gác giúp bà tìm. Nhưng chiếc ghế tre nhỏ của bà tìm không thấy, nhất định là có người tiện tay lấy mất rồi.

"Mồ hôi, nước mắt cả đời tôi đấy!". Bà kêu lên một tiếng, ngồi bất động bên hố rác, mặt nghệt ra, trong phút chốc thay đổi hẳn, như biến thành một người khác, nước mắt trào ra trên mặt, chảy xuống.

Bà lão khóc thật rồi, có điều là bà khóc không thành tiếng. Tôi không biết an ủi bà thế nào. Tôi ngồi sát cạnh bà, lấy bàn tay rất bẩn lau nước mắt cho bà. Bà ngồi lặng lẽ như khúc gỗ, rồi bỗng nhiên ôm chặt tôi vào lòng.

Hố rác bốc lên mùi thối, chúng tôi ngồi ở đó rất lâu. Bà lão thở dài thườn thượt, rồi từ từ đứng lên, lê từng bước một về nhà.

Mẹ tôi thấy bà như thế, giật nảy mình, vội vàng khuyên bà, nói: chiếc ghế tre cũ kỹ, mất thì thôi, tiếc làm gì. Nếu như bà vẫn thích chiếc ghế tre nhỏ như thế, sau này sẽ mua cho bà một chiếc khác.

Từ đấy trở đi, bà lão không còn nhắc đến chuyện mua cho bố tôi bức tranh chữ nữa, cũng không còn nhẹ nhàng giúi cho tôi tiền nữa. Từ sáng đến tối bà như người mất hồn, làm lụng cũng trễ nải, được chẳng hay chớ. Mẹ không chịu được nữa, trách cứ bà mấy câu, bà dường như không nghe thấy, không có phản ứng gì.

Chẳng bao lâu, bà lão trở về quê. Bà đi rồi, về sau không trở lại nữa. Tôi cứ nhớ bà hoài. Tôi nghĩ, đợi sau này tôi lớn, tôi sẽ kiếm tiền, tôi nhất định mua một chiếc ghế tre nhỏ biếu bà.

KHUÔN MẶT XINH ĐẸP Ở TRONG CỬA XE HỎA

LÃO KHAI

Đây là câu chuyện trong mùa đông.

Câu chuyện xảy ra như thế này: Xe hỏa vào ga, từ từ, muốn dừng lại ở một ga xép không biết tên trong vùng trung nguyên, dường như bị màn đêm dày đặc che khuất. Bấy giờ, chàng ngồi trong toa tàu không khí ngột thở, những người chung quanh đều ngủ gà ngủ gật, khuôn mặt mệt mỏi biểu lộ tâm trạng mơ hồ xa xăm, như đang bay trong ảo mộng. Chàng mở cúc áo bọc da, thở dài, vò tắt điều thuốc đang hút dở còn già nửa điếu. Sau đó, nhìn ra ngoài cửa sổ với tâm trạng hơi do dự.

Trên sân ga vắng tanh, một ngọn đèn cao áp chiếu lên thêm ga hẹp lảng xi măng, trông như một vật tuyết trắng. Một nhân viên nhà ga, tuổi trạc tứ tuần, mặc áo công nhân đường sắt, xách đèn đỏ, đi lắc lư như người say rượu, miệng hát nghêu ngao. Tiếng bánh xe và đường ray cọ sát vang lên lạnh

canh rồi "két" một tiếng thật dài vang xa... Vừa lúc ấy một đoàn tàu từ hướng khác lặng lẽ đi vào ga.

Người chàng lắc lư, lắc lư, xe hỏa khởi động chuyển bánh. Chính vừa lúc ấy, chàng vô tình phát hiện ra một khuôn mặt xinh đẹp ở trong cửa sổ đối diện. Đó là khuôn mặt như thế nào nhỉ? Một khuôn mặt thiếu nữ khá đẹp trong ánh sáng mờ mờ, một khuôn mặt khiến trái tim người ta nhoi nhoi đau, một khuôn mặt mơ màng mà trong mộng, chàng từng nghìn lần thương nhớ. Phía sau cửa kính phủ một làn hơi trắng, khuôn mặt nàng toát ra một ánh sáng màu bạch kim, con ngươi như đôi hạt nhân, tròn mắt sâu như bóng đêm khuya, nét mặt như có chút u sầu, dường như muốn giữ một cự ly với thế giới phía trước bằng cái mặt kính mỏng manh dễ vỡ, cách biệt với thế giới bên ngoài. Trong mùa đông cô tịch, tất cả những cái ấy khiến người ta rung động tâm can.

Và tất cả những cái ấy lặng lẽ diễn ra trong đêm đông cô tịch...

Vừa đúng lúc ấy, nàng bỗng quay lại nhìn thẳng vào mắt chàng. Tim chàng nóng lên run rẩy, rõ ràng là nàng ngạc nhiên và há miệng ra.

Xe hỏa chạy mỗi lúc một nhanh... Mặt nàng bị kéo dài ra, mờ đi, mang theo ánh sáng loang loáng cuối cùng. Từ đó về sau, để lại cho chàng vị đắng trong cuộc hành trình còn lại, và gợi lên nỗi buồn

dằng dặc của cõi đời. Tim chàng, một trái cây đã chín, bị chuyện quá vãng nhỏ bé từ trong ký ức bay ra, gặm đau từng chút một. Chàng một mình uống nổi cô tịch chảy ra từ đêm khuya hôm ấy. Chàng biết, có lẽ một ngày nào đó trong tương lai, họ sẽ gặp nhau ở một thành phố xa lạ, ở một phố lớn rực rỡ ánh dương, ngoài đầu nhìn nhau mà cả hai không cảm thấy giật mình; cả hai đều suy đoán mà chẳng hề dừng lại. Hoặc có thể chẳng hề ngoài đầu lại, miệng mỉm cười và vĩnh viễn đi qua. Hoặc, bấy giờ trong tay nàng dắt một cậu con trai kháu khỉnh tóc đen xoăn tít, mặt ánh lên niềm hạnh phúc chao đảo bất định hoặc bất đắc dĩ. Chàng cũng vui sướng rạo rực, trong lòng thầm cầu chúc cho nàng hạnh phúc, họ đã từng có chung giấc mộng cùng ngày giờ, cùng năm tháng. Cả hai lòng hiểu lòng mà không nói ra. Trên con đường của nhân sinh, chàng đã để lỡ một cơ hội đẹp đẽ, nhưng qua sự lỡ lầm ấy chàng lại trải nghiệm được cái đẹp khác. Sự vật đẹp đẽ không cần bộc bạch. Bởi vì chàng tin họ có thể gặp nhau, và ở một ga xép khác của đời người, vẫn còn có muôn vàn những khuôn mặt thiếu nữ đáng yêu khác.

Lẽ nào thế giới chẳng phải là một đoàn tàu hỏa? Khi nó chạy không ngừng, không dừng lại ở đâu, trong nó chứa đầy những cơ hội đẹp đẽ và sự lỡ làng đẹp đẽ. Nó leng keng chạy đi chạy lại bên người chàng, có lẽ chàng giơ tay ra là có thể bắt được,

nhưng khi nắm được rồi mới phát hiện ra trong tay chỉ là không khí và mười cái móng tay.

Từ đó trở đi, khuôn mặt xinh đẹp kia như một ngọn đèn hồng, in trước khung cửa sổ của chàng, treo cao trên trái tim chàng, khiến chàng mỗi khi đau khổ buồn bực liền nghĩ tới bao sự dịu dàng và nghi hoặc.

Nhưng cuối cùng chàng vẫn không gọi ra được cái tên của ga xép kia.

TRẺ CON GỌI MỞ CHO TÔI

TRƯỜNG HIẾU PHONG

(Đài Loan)

VỀ NHÀ

Có một lần, chồng tôi đưa một đoàn hợp xướng đi biểu diễn vòng quanh đảo, các con tôi, thằng Thi Thi tám tuổi, con Thanh Thanh năm tuổi vừa nghỉ hè, cũng đi cùng.

Biểu diễn được một tuần thì một buổi tối trước khi trở về, chồng tôi hỏi con gái:

- Con thích về nhà hay đi nữa?

Thanh Thanh trả lời không chút do dự:

- Tất nhiên là con thích về nhà.

- Ừ - Ông bố cố tình trêu con gái - Thế lần sau không cho con đi theo nữa.

- Ba - Nó nói - Không mang con đi theo thì làm sao có thể về nhà được?

Tiến trình của đời người đại khái là như thế này: Nếu không có nghi ngờ lớn, thì làm sao có thể hiểu được thấu triệt? Nếu không có vết đau dữ dội thì cũng không có sự lạnh lặn hoàn toàn. Người cứ khư khư đứng giữ lấy một góc, thì sẽ không thể biết thế nào là về nhà.

NGHỊCH CẢNH

Bé Thanh Thanh bị ngã, nhưng nó không khóc, mãi hai ngày sau, không giờ được tay trái lên thì nó mới phát hiện ra xương bả vai bị thương, vừa đau vừa vướng, còn lâu mới có thể khỏi được.

Tôi rất lo, nhưng bé Thanh Thanh lại có được một thu hoạch bất ngờ.

- Mẹ ơi, bây giờ con biết bên nào là bên trái rồi cơ!

Nó còn bé quá, mãi vẫn chưa biết bên nào là phải là trái, bây giờ nó mới biết, bên đau chính là bên trái.

Người ta thường nói: "Khi Thượng đế đóng tất cả các cửa lớn, Người sẽ để cho anh một cánh cửa sổ. Chúng ta vẫn thường không chịu, cứ khóc, đập vào cánh cửa đã đóng, mà quên mất chiếc cửa sổ nhỏ mở hướng ra gió mát trắng trong..

YÊU

Tôi ngồi trước bàn mài mê làm việc. Bé Thanh Thanh ngồi dưới chân tôi chơi đồ chơi. Bỗng nó nắm lấy ngón chân tôi sung sướng ngẩng lên nói:

- Má ơi, con yêu chân má.
- Ủa cái gì?
- Má ơi, con yêu chân của má.

Tôi ngạc nhiên ngừng lại. Từng có người yêu đôi má hồng mười bảy tuổi của tôi; từng có người khen giọng nói dịu dàng nhẹ nhàng của tôi, và càng có nhiều người tỏ ra thích đọc sách của tôi. Nhưng có ai yêu tôi hơn nắm lấy ngón chân tôi? Nó yêu chân tôi - chỉ vì cái chân là một phần của người tôi. Nó yêu cái mà không những người khác, thậm chí đến cả tôi cũng chưa từng nghĩ phải yêu.

THẮNG

Bé Thi Thi rất thích viết chữ bằng bút lông, mặc dù thư pháp của nó chẳng đẹp chút nào và tồi tệ nhất là nếu không phải giọt mực đen làm bẩn góc

trên phía trái tờ giấy thì cũng là tay bên làm hồng góc dưới phía phải tờ giấy.

Một lần, có một ông thầy, thấy nó đang tập viết liền nói: "Ôi đẹp thật, em tiến bộ lắm, chẳng bao lâu em sẽ thắng các bạn trong lớp!".

Tôi thầm nghĩ trong bụng là nó viết không đẹp, nếu nói ra, Thi Thi lập tức sẽ cãi lại liền. Quả nhiên, nó không chịu, nói:

- Con không cần thắng ai cả!

- Thế con tập viết chữ để làm gì?

- Con tập viết cho đẹp, tự con nhìn thấy thích là đủ, chứ không cần hơn ai cả!

Tinh thần cạnh tranh có lẽ có thể thúc đẩy một người nào đó trở thành một nhà kinh doanh hoặc nhà nghệ thuật tài danh, nhưng nỗ lực làm một việc tốt, không vì để đê bẹp một người nào thì tự mình sẽ thấy lòng thanh thản. Ngay thơ không có bụng cạnh tranh khiến con người phút chốc cảm thấy trời biển bao la mà sinh ra vui sướng thỏa mãn.

QUAN NIỆM VỀ GIÁ TRỊ

Chúng tôi sắp đi du lịch, bé Thanh Thanh nhét tất cả búp bê lớn nhỏ, mới cũ vào trong một cái túi du lịch.

- Không được - tôi nói - chỉ mang theo thứ nào con thích nhất thôi. Con thích nhất con nào?

Nó nhìn tất cả những con búp bê một lượt, từ con đẹp, con đắt tiền, con cũ kỹ rách nát, cho đến cả những con mà các bạn nó chơi chán vứt đi, rồi bỗng tuyên bố:

- Con thích tất cả!

- Thế nào? Con không thể thích tất cả được - Tôi kiên nhẫn nói - Thế con thích con nào nhất nào?

- Con thích tất cả - Nó nói dứt khoát.

Đẹp xấu và giá trị là những thứ ở trong thế giới của người lớn. Đối với một bé gái thì lòng yêu mến có thể là vô bờ bến, chứ không phân biệt đẹp xấu, quý giá, tầm thường.

Cuối cùng tôi cho phép nó mang tất cả những con búp bê yêu thích của nó đi.

(Hải ngoại tình vân 1993)

MƯỜI TÁM GÓI THUỐC CHUỘT

(Chuyện vật ở phố Trần Châu)

TRẦN NGHI KHIẾT

Hai bên đường Ma Thạch bóng loáng, rộng chưa đầy 3,5 mét, dài chưa đến 3,5 km mà có tới một nghìn ngôi nhà san sát nhau, rải dọc đường, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp và trường học đều có cả. Đó là phố Trần Châu của chúng tôi.

Một đầu phố Trần Châu nối với phố Thăng Bình, còn đầu kia nằm ghéch bên sông Liễu Diệp. Con sông Liễu Diệp là chi nhánh của sông Đông Giang, đôi bờ cây cối, tre pheo xanh rì, dòng nước trong vắt, làm tăng vẻ đẹp của phố Trần Châu. Hằng ngày, mỗi sớm, các bà, các chị kéo nhau ra bờ sông gánh nước, rửa rau, giặt quần áo. Chỉ một lúc mà ngập màu xanh, màu đỏ, ồn ào, tấp nập, nhộn nhịp như chợ rau ở phố Thăng Bình vậy. Nếu nói nơi đây là "trung tâm phát tin" của phố Trần Châu thì cũng không ngoa một chút nào.

Đã là "trung tâm phát tin" thì hẳn phải có mấy người phát tin nhanh, nhạy đặc biệt. Thím Bạch Lan Hoa to béo là người trội hơn cả, tin tức của thím phát ra thường hấp dẫn dân phố Trần Châu, hơn cả tin đăng trên đầu trang báo. Sáng nay, mây mù mênh

mang còn phủ kín mặt sông Liễu Diệp, trên bậc đá bờ sông vừa xuất hiện mấy bóng người thấp thoáng, thì Bạch Lan Hoa đã cao giọng phát tin:

- Này! Các chị có biết không? A Vương giàu sụ tự tử rồi đấy nhé!

Câu ấy vừa nói ra, tất cả đều ngạc nhiên. Hả, chuyện đó là như thế nào nhỉ? Tiền nhiều lại sinh hư? Thất cổ hay đâm đầu xuống sông?

- Uống thuốc độc! Uống mười tám gói thuốc chuột!

- Cái lão A Vương thật là... Muốn chết thì có khó gì cơ chứ? Việc gì mà lại đi uống thuốc chuột.

Thuốc chuột là xyanua pôôtátxi-um hay là Clorua kêm? Các bà, các chị chịu thôi, họ chỉ biết uống vào là lăn quay ra đất, đứt ruột, thủng dạ dày. Trước đây, ở phố Trần Châu có mấy bà già uống năm gói thuốc chuột, phát hiện được, ra sức cứu chữa, rửa ruột, rửa dạ dày, mà vẫn chịu, chỉ nháy mắt là toi mạng. Đằng này A Vương uống những mười tám gói, còn sống làm sao được!

A Vương là người nổi tiếng ở phố Trần Châu, năm nay bốn mươi tám tuổi, mắt to, mũi bạnh, miệng rộng. Trông cũng không xấu lắm, nhưng đến giờ vẫn sống độc thân. Xưa kia, anh ta không kiếm được vợ là vì quá nghèo, nghèo đến nỗi chiếc ván giường cũng bán tuốt, thì còn cô nào dám bước vào cửa nhà chứ? Bây giờ, không kiếm được vợ, lại là vì nhiều tiền, cao giá, anh ta không thèm để ý đến các bà quá phụ. Còn cô Hoàng Hoa mà anh ta thích thì

chẳng chịu lấy cái gã đàn ông thô tháo, đáng tuổi bố cô. Chỉ có mấy năm thôi mà A Vượng từ một anh chàng nghèo kiệt xác trở thành triệu phú, là nhờ tài cán gì? Điều này thím béo trong bụng có biết, vì thím là hàng xóm của anh ta mà.

Nói thật thà, A Vượng miệng rộng, chẳng có tài cán gì, mà chỉ có tính ma mãnh thôi. Mấy năm rày, thị trường rất sôi nổi, đầu óc của A Vượng cũng hoạt bát hẳn lên. Anh ta thấy trên thị trường, sữa bột và mì chính bán rất chạy, thế là liền xoay ra buôn bán sữa bột và mì chính. Anh ta không phải trực tiếp buôn bán, mà là bắt tay vào tự sản xuất. Sản xuất như thế nào? Nói ra thì rất đơn giản: đi chợ mua sữa bột, mì chính do quốc doanh sản xuất, đem về nhà, đóng cửa lại, tháo gỡ tuồn đường kính và muối tinh vào từng gói một, rồi lại đóng gói lại. Không biết A Vượng kiếm đâu ra những thứ bao bì đẹp đến thế, sau khi đóng gói lại, mẫu mã, mác nhãn trông còn bóng lộn hơn chính phẩm! Chỉ có điều bên trong là không tốt thôi. Nếu mua về 100 gói, thì xuất ra 400 - 500 gói. Đường kính mỗi cân (bằng 0,5 kg - ND) là bảy hào, sữa bột mỗi cân là ba đồng, còn mì chính, một đồng mua được một nhúm, mà muối tinh thì một đồng có thể mua được một gói lớn, ta thử tính xem, A Vượng kiếm được bao nhiêu lãi?

Đương nhiên, đừng nên lo cho anh ta không bán được. A Vượng tính toán giỏi lắm! Bán bằng cách nào? Rất đơn giản. Tìm mấy ông nhân viên của hàng quốc doanh, bí mật bàn với họ, nếu họ mua một lô

hàng của anh ta, thì anh ta trả cho họ mấy phần trăm hoa hồng. Giá sữa càng cao, thì hỏa hồng càng lớn. Vả lại, số tiền hảo hồng này được trả bằng tiền mặt, không phải ký nhận, không lấy chứng từ, sau này, không nhận mình có lấy cũng chẳng sao. Thế là những "sản phẩm" do A Vượng "chế tạo" không ngừng bày ra phố Trân Châu, được đảng hoàng bày bán trong tủ kính của hàng quốc doanh. Về sau, bản lĩnh của A Vượng lại cao hơn một mức, "chế tạo" cả nhân sâm giả, thiên ma giả, ngư hoàng giả... Thế là A Vượng miệng rộng, xưa kia phải bán cả giường nằm, chẳng mấy chốc trở nên giàu sụ ở phố Trân Châu. Ngôi nhà tây ba tầng mới xây của anh ta là ngôi nhà đẹp nhất, nhì trong phố.

A Vượng phát tài, nhưng không keo kiệt, khác bạc đối với láng giềng hàng phố! Bình thường anh ta tươi cười, niềm nở với mọi người, nhà ai gặp nạn, anh ta hết lòng giúp đỡ. Ngày tết Nguyên đán bất kể trẻ con nhà ai, hễ vào nhà gọi anh ta hai tiếng "chú Vượng", là dứt khoát được nhận một phong bì hai đồng tiền mừng tuổi. Ngày Tết Nguyên tiêu, phố Trân Châu mời về một đội múa sư tử, múa từ đầu phố đến cuối phố, đến chúc Tết từng nhà, tiền thuê đều do A Vượng bao tất. Do đấy, những nhà chung quanh cũng không ít người thấy anh ta bốc nhanh mà ghen tị, nhưng căm tức anh ta thì lại không nhiều, trái lại, có một số người vẫn thích đến nhà anh ta, lo việc "trăm năm" cho anh ta.

Ở ven sông, các bà, các cô vừa giặt vừa bàn tán xì xào. Chuyện trò đến nửa ngày, vẫn không rõ vì sao A Vương lại tự tử.

Thật ra, trong đám người đó, có một người biết rất rõ việc này. Cô là Lựu Hoa, cháu họ của A Vương. Lựu Hoa là người nông thôn, không ở phố Trân Châu, gần đây được A Vương mời lên làm công nhật. May mà mọi người không quen cô ta, nếu không, đã vây lấy hỏi dồn, khiến cô phải lúng túng ngay. Lựu Hoa nhớ rõ là, sáng qua, có bảy tám ông cán bộ đến nhà A Vương, nghe nói họ là người của cục công thương, của sở quản lý hộ khẩu. Trong đó có một anh thanh niên, tự xưng là nhân viên nghiệp vụ, đến nhà lần này bàn chuyện bán buôn, cầm mấy gói hàng mẫu đi, thực ra là đến thăm dò! Sự đã rồi, chống chế cũng vô ích, cho nên A Vương khai ra hết. Bọn người kia tịch biên gia sản, ra lệnh cho A Vương không được ra khỏi nhà, đợi xử lý. Sau đó họ có mang đi cả dụng cụ làm hàng giả, thuốc giả và một số bán thành phẩm.

Buổi chiều, A Vương sốt ruột sốt gan chẳng khác gì kiến bò trong chảo, đứng ngồi không yên, lên gác xuống gác, đi đi lại lại không ngừng. Nghe nói, bất kể thế nào cũng không thoát nổi, nhẹ cũng phải tịch thu tài sản, nặng thì bị bắt ngồi tù, A Vương sợ toát mồ hôi, mặt tái xanh tái xám. Bốn giờ chiều, A Vương dẫn Lựu Hoa ra phố mua thức ăn, và bảo cô nhất định phải mua một chai rượu Mao Đài và bao thuốc

lá Song Hỉ vỏ đỏ. Lúc ăn cơm tối, A Vương một mình than vãn thở dài, ngồi rót rượu uống một mình. Bỗng "choang" một tiếng, Lựu Hoa giật mình, nhìn kỹ thấy chai rượu Mao Đài còn đầy nguyên bị A Vương đập vỡ toang, sau đó, anh ta như phát điên xé tan bao thuốc Song Hỉ vỏ đỏ, miệng chửi tục liên hồi, Lựu Hoa nghe một lúc mới rõ, thì ra chai rượu Mao Đài và bao thuốc lá Song Hỉ vỏ đỏ đều là hàng rởm. Sau bữa tối không lâu, A Vương liền uống thuốc chuột.

Nghĩ đến đây, Lựu Hoa thở dài, chiếc chày đập vải trong tay không sao nhấc nổi nữa. Cô thương ông chú họ của mình trước khi chết định khoai lạc một phen, uống rượu Mao Đài, hút thuốc lá hảo hạng thế mà cuối cùng cũng không được toại nguyện. Cái đồ hàng rởm chết tiệt!

Chiều tối, các bà, các cô ven sông lại truyền đi một tin quan trọng: A Vương không chết! Anh ta nằm bệnh viện sáu tiếng đồng hồ, đi ngoài mấy lần, nôn ọe mấy bận, bây giờ đã khỏi, hoàn toàn vô sự!

Một bà lớn có tuổi nghĩ mãi không sao hiểu nổi. "Ái chà, uống mười tám gói thuốc chuột mà vẫn không chết! Thật là chuyện lạ, chuyện lạ".

Thím Bạch Lan béo mập lớn tiếng vạch ra điều bí ẩn đó: "Thuốc chuột mà anh ta mua phải là thứ thuốc chuột rởm!"*

* Trong nguyên tác, nhan đề truyện ngắn này là: *Bên bàn giặt của các bà, các cô* (ND).

MỤC LỤC

* Lời dịch giả		5
* Lời giới thiệu <i>Cao lương đỏ</i>		7
1. Cao lương đỏ	MAC NGÔN	13
2. Thẩm viên	MAC NGÔN	114
3. Mắt đêm	VƯƠNG MÔNG	162
4. Dải cánh diều	VƯƠNG MÔNG	178
5. Trần Hoán Sinh ra tỉnh	CAO HIỂU THANH	214
6. Câu chuyện về cái cười	PHÙNG KỶ TÀI	223
7. Thị trấn Náo Nhiệt của xứ tuyết	LIU TRIỆU LÂM	245
8. Vợ già chồng trẻ	TÔN HỖ THÂN	273
9. Chiếc ghế tre của bà lão	ỨC LONG	284
10. Khuôn mặt xinh đẹp ở trong cửa xe hỏa	LÃO KHAI	291
11. Trẻ con gọi mở cho tôi	TRƯƠNG HIỂU PHONG	295
12. Mười tám gói thuốc chuột	TRẦN NGHI KHIẾT	300

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN THỊ LÊ - NG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 8294684 - 8294685
Fax: 04 8294781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
290/20 NAM KỲ KHỞI NGHĨA
Điện thoại: 8469858 - 8445481

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: **ĐO THỊ THANH TÂM**
Trình bày: **VĨNH GIANG**
Bìa: **THU HÀ**
Sức bản in: **KIM CHI & THẠCH TOÀN**

In 1000°, khổ 13X19 cm. Tại 34A Nguyễn Khoái - Công ty cổ phần in 15.
Giấy chấp nhận KHXB số 48/82 - CXB/VH cấp ngày 15/01/2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/ 2004

MẠC NGÔN - VƯƠNG MÔNG - LÃO KHAI...

CAO LƯƠNG ĐỎ

và
những truyện khác

Tuyển tập truyện vừa, truyện ngắn Trung Quốc

Giá: 30.000đ